KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử)
NGHIÊM ĐÌNH VỲ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử)
NGUYỄN THỊ CÔI – VŨ VĂN QUÂN (đồng Chủ biên phần Lịch sử)
PHẠM ĐỨC ANH – PHẠM THỊ THANH HUYỀN – ĐẶNG HỒNG SƠN
ĐÀO NGỌC HÙNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN ĐÌNH GIANG – PHẠM THỊ THU PHƯƠNG (đồng Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN THỊ THU HIỀN – ĐẶNG THỊ HUỆ – PHÍ CÔNG VIỆT

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

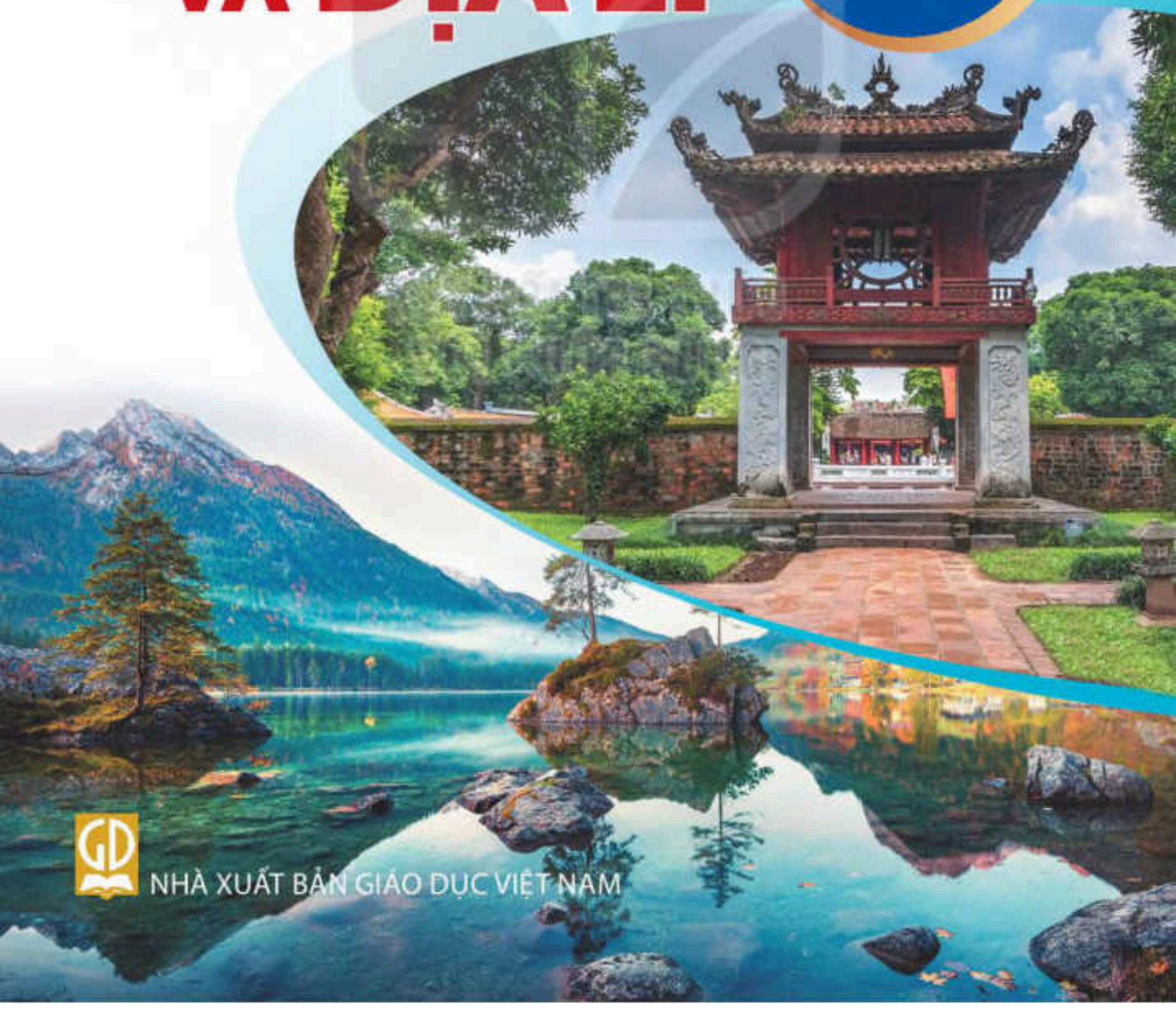

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử)
NGHIÊM ĐÌNH VỲ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử)
NGUYỄN THỊ CÔI – VŨ VĂN QUÂN (đồng Chủ biên phần Lịch sử)
PHẠM ĐỨC ANH – PHẠM THỊ THANH HUYỀN – ĐẶNG HỒNG SƠN

ĐÀO NGỌC HÙNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN ĐÌNH GIANG – PHẠM THỊ THU PHƯƠNG (đồng Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN THỊ THU HIỀN – ĐẶNG THỊ HUỆ – PHÍ CÔNG VIỆT

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Tiếp nối những nội dung về lịch sử và địa lí ở lớp 6, cuốn sách giáo khoa ***Lịch sử và Địa lí 7*** sẽ cùng em tiếp tục tìm hiểu về những vấn đề nổi bật của lịch sử thế giới và Việt Nam đến khoảng thế kỉ XVI, cũng như những vấn đề của địa lí các châu lục trên thế giới. Hơn nữa, từ lớp 7 đến cuối cấp Trung học cơ sở, để giúp các em có thêm những trải nghiệm mang tính tích hợp, liên môn, trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí còn thiết kế một số chủ đề chung, phù hợp với nội dung chương trình của từng lớp.

Nhiều vấn đề mới được đặt ra như: Các vương quốc phong kiến ở phương Đông và phương Tây đã mở mang lãnh thổ và xây dựng nên những nền văn hoá phong phú, rực rỡ ra sao? Việc khám phá những đại dương, tuyến đường hàng hải mới, chinh phục những vùng đất mới như thế nào? "Hào khí Đông A" được hun đúc và kế thừa qua các triều đại ra sao mà khiến cho vó ngựa quân xâm lược cũng phải bao phen chùn bước?... Nội dung phần Lịch sử sẽ giúp em giải đáp những câu hỏi đó.

Phần Địa lí ở lớp 7, sẽ cùng em khám phá các châu lục trên thế giới như: châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực. Mỗi châu lục sẽ đề cập những đặc điểm tự nhiên cơ bản và một vài nét khái quát, đặc trưng nhất về dân cư, phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các châu lục. Qua những bài học, em sẽ tiếp tục hình thành, phát triển các năng lực địa lí. Đồng thời, bồi dưỡng cho em tình yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ thiên nhiên, tinh thần chung sống hoà đồng, tôn trọng sự khác biệt về văn hoá của người dân các châu lục, khu vực khác trên thế giới.

Chúc các em luôn hứng thú và say mê học tập!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

MỤC	NỘI DUNG	TRANG
	Lời nói đầu	2
	Hướng dẫn sử dụng sách	5
PHẦN LỊCH SỬ		7
Chương 1. Tây Âu từ thế kỉ V đến nửa đầu thế kỉ XVI		8
Bài 1	Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu	9
Bài 2	Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu	14
Bài 3	Phong trào Văn hoá Phục hưng và Cải cách tôn giáo	18
Chương 2. Trung Quốc và Ấn Độ thời trung đại		23
Bài 4	Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX	24
Bài 5	Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX	29
Chương 3. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI		34
Bài 6	Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI	35
Bài 7	Vương quốc Lào	39
Bài 8	Vương quốc Cam-pu-chia	42

MỤC	NỘI DUNG	TRANG
Chương 4. Đất nước dưới thời các vương triều Ngô – Đinh – Tiền Lê (939 – 1009)		44
Bài 9	Đất nước buổi đầu độc lập (939 – 967)	45
Bài 10	Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 – 1009)	48
Chương 5. Đại Việt thời Lý – Trần – Hồ (1009 – 1407)		51
Bài 11	Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 – 1225)	52
Bài 12	Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 – 1077)	58
Bài 13	Đại Việt thời Trần (1226 – 1400)	62
Bài 14	Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên	68
Bài 15	Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 – 1407)	74
Chương 6. Khởi nghĩa Lam Sơn và Đại Việt thời Lê sơ (1418 – 1527)		77
Bài 16	Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)	78
Bài 17	Đại Việt thời Lê sơ (1428 – 1527)	83

MỤC	NỘI DUNG	TRANG
Chương 7. Vùng đất phía Nam Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI		89
Bài 18	Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	90
PHẦN ĐỊA LÍ		95
Chương 1. Châu Âu		96
Bài 1	Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Âu	96
Bài 2	Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu	101
Bài 3	Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu	104
Bài 4	Liên minh châu Âu	107
Chương 2. Châu Á		109
Bài 5	Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Á	109
Bài 6	Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á	115
Bài 7	Bản đồ chính trị châu Á, các khu vực của châu Á	118
Bài 8	Thực hành: Tìm hiểu về các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á	126
Chương 3. Châu Phi		127
Bài 9	Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Phi	127
Bài 10	Đặc điểm dân cư, xã hội châu Phi	133

MỤC	NỘI DUNG	TRANG
Bài 11	Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Phi	135
Bài 12	Thực hành: Tìm hiểu khái quát Cộng hoà Nam Phi	138
Chương 4. Châu Mỹ		139
Bài 13	Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ. Sự phát kiến ra châu Mỹ	139
Bài 14	Đặc điểm tự nhiên Bắc Mỹ	142
Bài 15	Đặc điểm dân cư, xã hội, phương thức khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ	145
Bài 16	Đặc điểm tự nhiên Trung và Nam Mỹ	149
Bài 17	Đặc điểm dân cư, xã hội Trung và Nam Mỹ, khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn	152
Chương 5. Châu Đại Dương và châu Nam Cực		156
Bài 18	Châu Đại Dương	156
Bài 19	Châu Nam Cực	162
Chủ đề chung 1. Các cuộc đại phát kiến địa lí		166
Chủ đề chung 2. Đô thị: Lịch sử và hiện tại		170
Giải thích thuật ngữ		175
Bảng phiên âm		179

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

CHƯƠNG 3

ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Trang mở đầu chương: Giới thiệu khái quát nội dung của chương với những hình ảnh có tính gợi mở, định hướng nhận thức.

Mở đầu: Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều học sinh đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú đối với bài mới.

Bài 7 BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ CHÂU Á. CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á

Bản đồ chính trị châu Á

CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á

Khu vực	Các quốc gia và vùng lãnh thổ
Bắc Á	Cảng vùng Tây Xi-bia, Trung Xi-bia, Đông Xi-bia của Nga
Trung Á	Ca-dắc-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan, Cư-rơ-gư-xtan
Tây Nam Á	A-rập Xê-ut, I-rắc, Ca-ta, Các Tiểu vương quốc A-rập thống nhất (UAE), Ba-ranh, Cô-oét, Ô-man, Yê-men, Xi-ri, Li-băng, Giô-đa-ni, Pa-le-xtin, I-xra-en, Thổ Nhĩ Kì, Ar-mê-ni-a, A-dec-bai-gan, Gru-di-a
Nam Á	Ấn Độ, Pa-ki-xtan, Áp-ga-ni-xtan, Nê-pan, Bu-tan, Băng-la-đét, Xri Lan-ca, Man-đi-vơ, I-ran
Đông Á	Mông Cổ, Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản
Đông Nam Á	Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Bru-nây, Đông Ti-mo

Mục tiêu bài học: Nhấn mạnh những yêu cầu học sinh cần đạt được sau khi học xong bài học.

Hình thành kiến thức mới: Với các nội dung (kênh hình, kênh chữ, hệ thống câu hỏi) thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, khám phá kiến thức mới.

Tư liệu:
Được trích dẫn từ các nguồn tư liệu khác nhau. Là cơ sở để tổ chức các hoạt động tự nhận thức bài học cho học sinh.

Vào thế kỉ XV, Ma-lắc-ca có lẽ là nơi duy nhất trên thế giới mà người ta mua rất dễ dàng hàng hoá Trung Quốc (đồ sứ, tơ lụa, gương), Ấn Độ (ngọc trai, vải bông mịn), Gia-va và Xu-ma-tra (thóc lúa, gia vị, vàng, trầu bò,...), Tây Á và châu Âu (hàng len), Đông Nam Á lục địa (gỗ trầm, gỗ đàn hương, đồ quý, hồ tiêu, hương liệu...

(Theo Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, 2008, tr 145)

1. Khai thác hình 2 và thông tin trong mục, trình bày sự được sự hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.
2. Từ tư liệu trên, em có nhận xét gì về hoạt động kinh tế của Vương quốc Ma-lắc-ca?

Eo biển Ma-lắc-ca nằm giữa In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po, nối Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Ngày nay, đây là eo biển nhộn nhịp, chiếm khoảng 30% giao dịch thương mại thế giới hàng năm. Nhiều nền kinh tế lớn như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc... phụ thuộc rất lớn vào hoạt động thương mại thông qua eo biển này.

Tuyến phụ:
Thông tin hỗ trợ, bổ sung hoặc có tính liên môn nhằm làm rõ hơn nội dung chính.

2 Những thành tựu văn hoá tiêu biểu

a) Tín ngưỡng – tôn giáo

Từ thế kỉ XII, dòng Phật giáo tiểu thừa được truyền bá và phổ biến ở Đông Nam Á như ở Lan Xang, Cam-pu-chia, các vương quốc của người Thái, người Miến Điện thuộc Thái Lan, Mi-an-ma ngày nay,... Nhiều ngôi chùa mới được xây dựng, không chỉ là nơi thờ phụng mà còn trở thành những trung tâm văn hoá thời bấy giờ.

Hình 3. Công viên lịch sử Su-khô-thay – trung tâm Phật giáo lớn nhất Thái Lan thế kỉ XIV

Hồi giáo cũng theo chân các thương nhân Ả Rập, Ấn Độ du nhập vào Đông Nam Á vào thế kỉ XII – XIII. Đến những thế kỉ sau đó, hàng loạt tiểu quốc Hồi giáo ra đời và Hồi giáo trở thành quốc giáo.

b) Chữ viết – văn học

Đầu thế kỉ XIII, chữ Thái được hình thành dựa trên hệ thống chữ Phạn của người Ấn; khoảng thế kỉ XIV, chữ Lào ra đời. Trên cơ sở cải tiến chữ Hán (Trung Quốc), người Việt đã tạo ra chữ Nôm,...

17

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập:
Là các câu hỏi, bài tập để thực hành, củng cố, hệ thống hoá, khắc sâu kiến thức, rèn luyện các kĩ năng gắn với kiến thức vừa học.

Vận dụng:
Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

Luyện tập – Vận dụng

1. Em hãy lập và hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây.

Nội dung	Lãnh địa phong kiến	Thành thị trung đại
Thời gian xuất hiện		
Hoạt động kinh tế chủ yếu		
Thành phần cư dân chủ yếu		

2. "Thành thị giống như những bông hoa rực rỡ nhất của châu Âu thời trung đại". Em hãy tìm những dẫn chứng trong bài học để chứng minh cho ý kiến trên.
3. Tìm hiểu và cho biết một số dấu ấn tiêu biểu của thành thị trung đại (các thành phố cổ, trường đại học,...) còn được bảo tồn, gìn giữ và phát triển đến ngày nay.

Phần
LỊCH SỬ

CHƯƠNG 1

TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Phát kiến địa lí thời trung đại

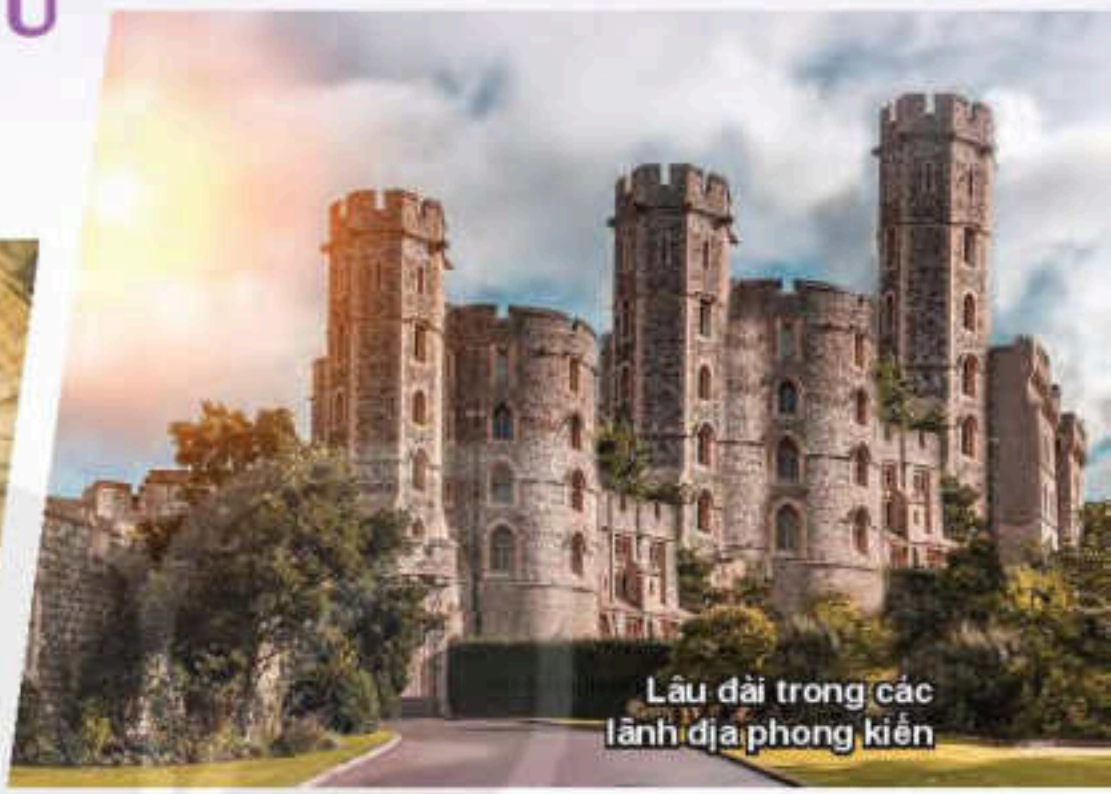

Lâu đài trong các lãnh địa phong kiến

Sự kiện kinh thành Rô-ma bị thất thủ vào năm 476 được coi là mốc đánh dấu sự sụp đổ của đế quốc La Mã. Trên phần lãnh thổ đó, nhiều quốc gia mới ra đời, đặt nền tảng cho sự hình thành xã hội phong kiến châu Âu. Những lâu đài kiên cố mọc lên, rồi đến các thành thị cùng với tầng lớp thị dân xuất hiện, ánh sáng của thời kì Văn hoá Phục hưng xua đi bóng tối của "đêm trường trung cổ", những khám phá hàng hải mở ra chân trời tri thức mới cho con người,... đó là những biến đổi chính của lịch sử Tây Âu từ thế kỉ V đến nửa đầu thế kỉ XVI.

Trong chương này, em sẽ tìm hiểu về:

- Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu.
- Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.
- Phong trào Văn hoá Phục hưng và Cải cách tôn giáo.

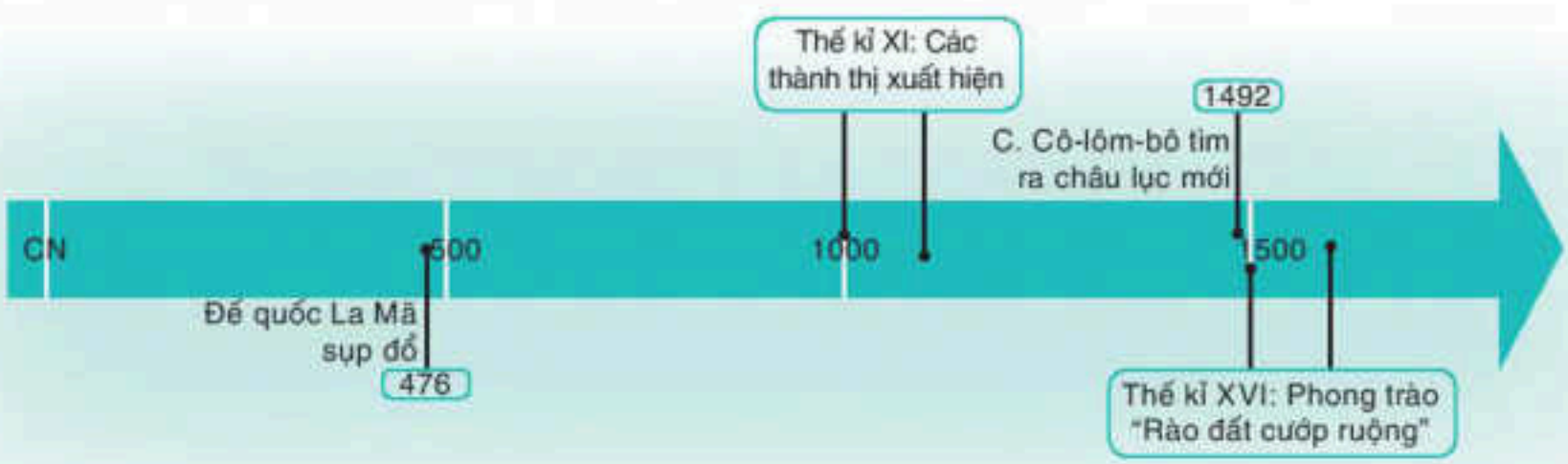

Bài 1

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.
- Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.
- Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo.
- Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.

Trên lãnh thổ nhiều nước châu Âu ngày nay đã xây dựng tượng đài để tưởng niệm vị Hoàng đế Sác-lơ-ma-nhơ. Ông đã có công lao gì mà được tôn vinh như thế? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về vị hoàng đế này cũng như về sự hình thành và phát triển của chế độ phong kiến Tây Âu từ thế kỉ V đến thế kỉ XVI.

Hình 1. Tượng Hoàng đế Sác-lơ-ma-nhơ (742 – 814) ở thành phố Hăm-buốc (Đức)

1 Quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu

Từ thế kỉ III, đế quốc La Mã lâm vào tình trạng khủng hoảng. Các cuộc đấu tranh của nô lệ dẫn đến tình trạng sản xuất sút kém, xã hội ngày càng rối ren. Đến nửa cuối thế kỉ V, các bộ tộc người Giéc-man từ phương Bắc tràn xuống xâm chiếm lãnh thổ, đưa đến sự diệt vong của đế quốc La Mã (476). Chế độ phong kiến từng bước được hình thành ở Tây Âu.

Khi tràn vào lãnh thổ La Mã, người Giéc-man đã thủ tiêu bộ máy nhà nước của chủ nô La Mã, thành lập nhiều vương quốc mới như: Vương quốc của người Ăng-glô Xắc-xông, Vương quốc Phơ-răng, Vương quốc Tây Gốt, Vương quốc Đông Gốt,... Trong đó, Vương quốc Phơ-răng thông qua các cuộc chiến tranh chinh phục của Hoàng đế Sác-lơ-ma-nhơ đã trở thành một đế quốc rộng lớn, tồn tại lâu dài và giữ vai trò quan trọng trong lịch sử Tây Âu thời kì này.

Quá trình phong kiến hoá diễn ra mạnh mẽ và sâu sắc ở Vương quốc Phơ-răng với sự hình thành của các giai cấp mới – lãnh chúa phong kiến và nông nô.

Em có biết?

Các tộc người Giéc-man có nguồn gốc từ Bắc Âu, đến sinh sống ở ngoài cương giới của đế quốc La Mã, thường liên minh với nhau để xâm chiếm đất đai của người La Mã. Trước thế kỉ V, họ đang trong thời kì xã hội nguyên thuỷ nên người La Mã gọi họ là "man tộc".

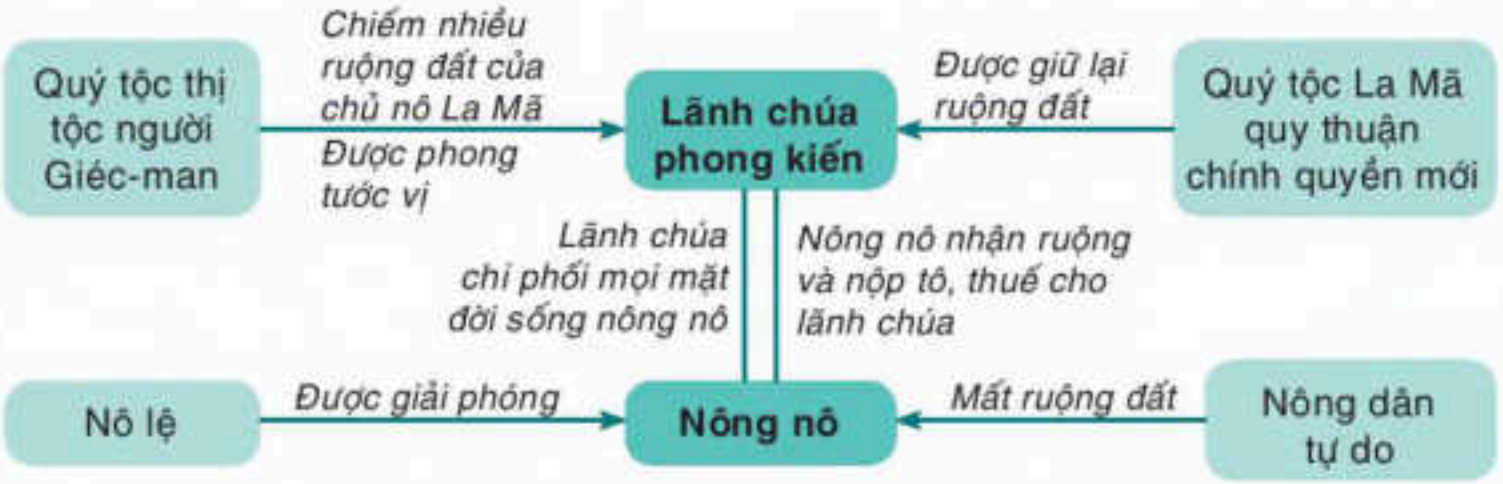

Hình 2. Sơ đồ về sự hình thành các giai cấp chính trong xã hội phong kiến ở Vương quốc Phơ-răng

Sau khi Sác-lơ-ma-nhơ mất, Vương quốc Phơ-răng bị phân chia thành ba vương quốc (về sau trở thành các nước Pháp, Đức và I-ta-li-a) mà chế độ phong kiến hoàn toàn ngự trị ở đây.

? 1. Quan sát hình 2, em hãy cho biết lãnh chúa phong kiến và nông nô được hình thành từ những tầng lớp nào.

2. Trình bày những nét chính về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.

2 Lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến ở Tây Âu

Đến thế kỉ IX, những vùng đất đai rộng lớn nhanh chóng bị các quý tộc biến thành khu đất riêng của mình, gọi là lãnh địa phong kiến và họ trở thành lãnh chúa. Mỗi lãnh chúa như "ông vua" cai quản lãnh địa của mình. Đây là đơn vị chính trị và kinh tế cơ bản ở Tây Âu thời kì này.

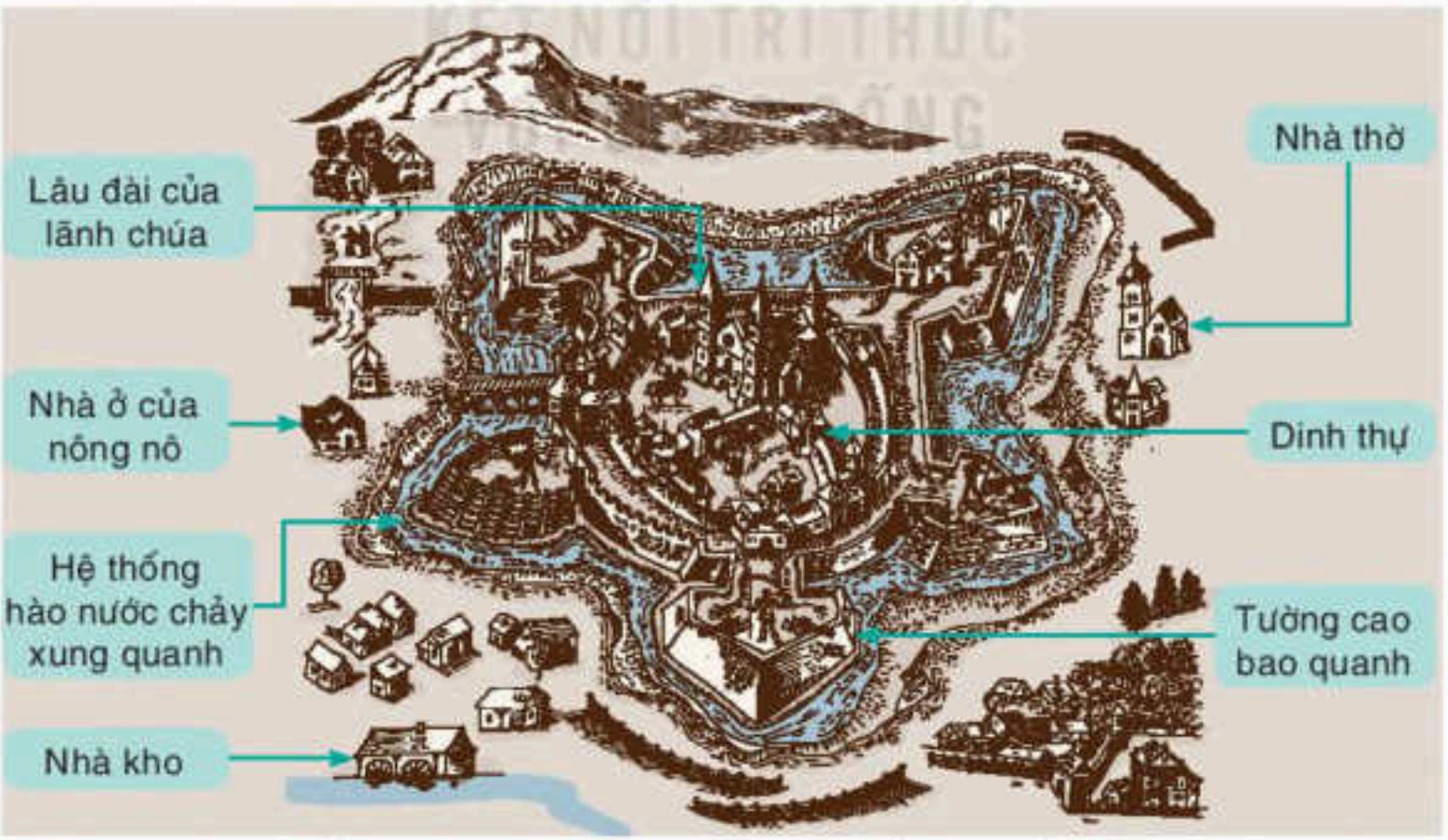

Hình 3. Khu đất của lãnh chúa trong lãnh địa phong kiến ở Tây Âu (tranh minh hoạ)

Lãnh địa là một khu đất rộng lớn bao gồm đất của lãnh chúa và đất khẩu phần.

Đất khẩu phần ở xung quanh lâu đài được lãnh chúa giao cho nông nô cày cấy và thu tô, thuế. Lãnh chúa lập ra quân đội, luật pháp, toà án, chế độ thuế khoá, tiền tệ và hệ thống đo lường riêng..., Thậm chí, nhà vua cũng không được can thiệp vào lãnh địa của lãnh chúa (gọi là quyền "miễn trừ").

Kinh tế lãnh địa mang tính chất tự cấp tự túc, trong đó nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo. Nông nô tự sản xuất ra lương thực, thực phẩm và mọi thứ đồ dùng để phục vụ nhu cầu trong lãnh địa. Chỉ những thứ không sản xuất được mới phải mua từ bên ngoài: sắt, muối và một số hàng xa xỉ (lụa, hương liệu,... từ các nước phương Đông).

Trong xã hội phong kiến, lãnh chúa sống bằng việc bóc lột sức lao động của nông nô. Nông nô là lực lượng sản xuất chính, nhận ruộng đất của lãnh chúa để cày cấy, phải nộp tô và nhiều loại thuế khác cho lãnh chúa như: thuế cưới xin, thuế ma chay,...

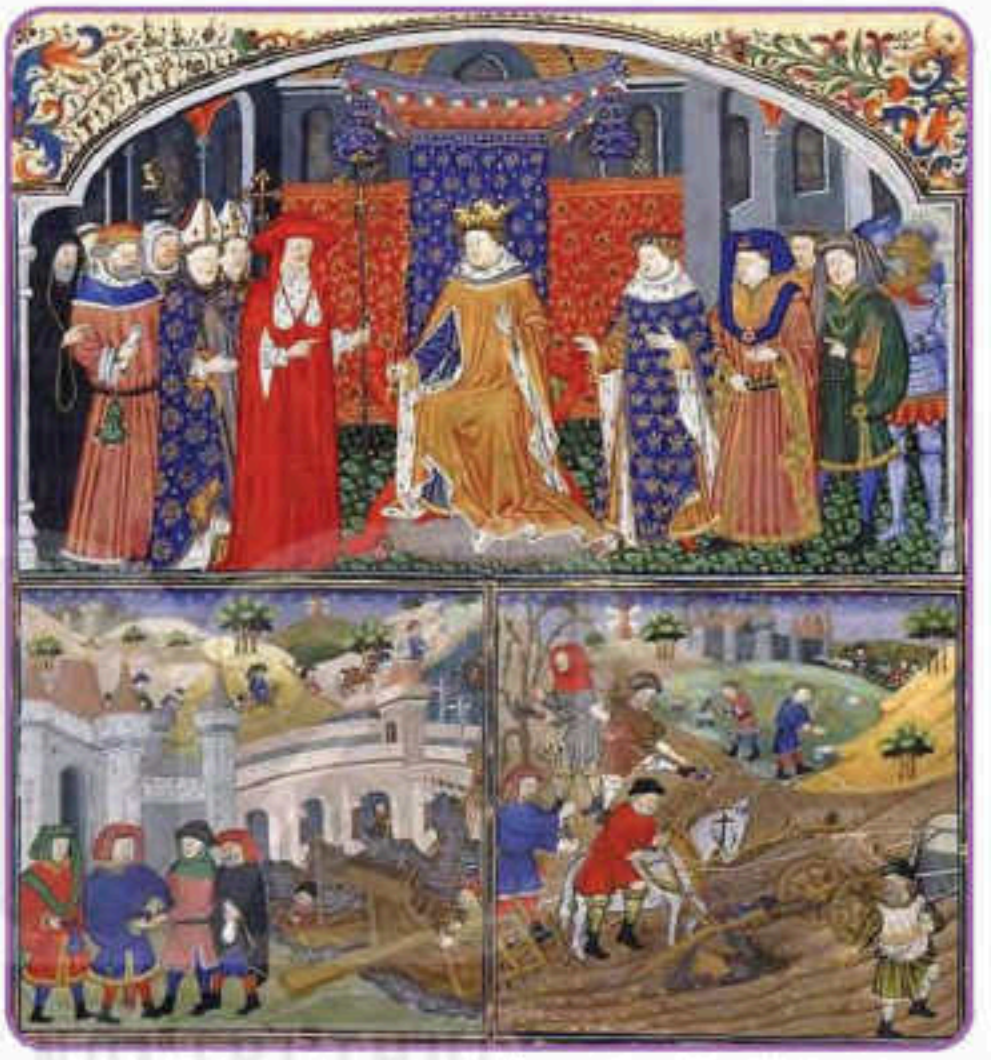

Hình 4. Tranh vẽ mô tả đời sống nông nô và lãnh chúa trong lãnh địa phong kiến

? 1. Quan sát hình 3 và đọc thông tin trong mục, em hãy trình bày đặc điểm của lãnh địa phong kiến ở Tây Âu.

2. Khai thác sơ đồ hình 2 và thông tin trong mục, hãy trình bày mối quan hệ giữa lãnh chúa và nông nô trong xã hội phong kiến.

3 Sự ra đời của Thiên Chúa giáo

Thiên Chúa giáo ra đời vào đầu Công nguyên ở vùng Giê-ru-sa-lem (thuộc Pa-le-xtin ngày nay). Ban đầu, đó là tôn giáo của những người nghèo khổ, bị áp bức, nhưng về sau đã trở thành công cụ cai trị về mặt tinh thần của giai cấp thống trị. Đến thế kỉ IV, Thiên Chúa giáo được công nhận là quốc giáo của đế quốc La Mã.

Hình 5. Chúa Giê-su – người sáng lập ra Thiên Chúa giáo

Thời phong kiến, Giáo hội Thiên Chúa có thế lực rất lớn ở Tây Âu, cả về chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng.

? Hãy trình bày sự ra đời của Thiên Chúa giáo.

4 Sự xuất hiện và vai trò của thành thị trung đại

Hình 6. Thành phố Phi-ren-xê (I-ta-li-a) hình thành từ thời trung đại

Từ cuối thế kỉ XI, thủ công nghiệp phát triển, hàng hoá sản xuất ra ngày càng nhiều đã thúc đẩy nhu cầu trao đổi. Một số thợ thủ công tìm cách bỏ trốn khỏi lãnh địa hoặc dùng tiền chuộc lại thân phận tự do. Họ đến những nơi có đông người qua lại để lập các xưởng sản xuất và bán hàng hoá. Từ đó, các thị trấn xuất hiện, sau trở thành thành phố, gọi là thành thị trung đại. Ngoài ra còn có những thành thị do các lãnh chúa lập ra hoặc được phục hồi từ những thành thị cổ đại. Cư dân sống trong các thành thị chủ yếu là thương nhân và thợ thủ công.

Sự ra đời của các thành thị trung đại có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của xã hội phong kiến ở châu Âu. C. Mác nhận xét: Thành thị giống như những bông hoa rực rỡ nhất của châu Âu thời trung đại.

Vai trò của thành thị trung đại

- Phá vỡ nền kinh tế tự nhiên của các lãnh địa.
- Tạo điều kiện cho sự hình thành và phát triển của kinh tế hàng hoá.
- Góp phần xoá bỏ chế độ phong kiến phân quyền, xây dựng chế độ phong kiến tập quyền.
- Đưa đến sự xuất hiện của tầng lớp thị dân.
- Tạo cơ sở để xây dựng nền văn hoá mới, nhiều trường đại học được thành lập.
- Mang lại không khí tự do, cởi mở.

▲ Hình 7. Một góc Trường Đại học Bô-lô-na (I-ta-li-a) – một trong những trường đại học nổi tiếng được thành lập từ thời trung đại

Em có biết?

Ra đời năm 1088, Trường Đại học Bô-lô-na là trường đại học lâu đời nhất trên thế giới. Nhiệm vụ ban đầu của ngôi trường này là dạy Kinh thánh và luật pháp. Sau đó, Bô-lô-na trở thành trung tâm về giáo dục cao học của I-ta-li-a nói riêng và châu Âu nói chung. Đến nay, ngôi trường này đã thu hút hàng trăm nghìn sinh viên từ nhiều nơi trên thế giới đến học tập.

? 1. Thành thị trung đại ra đời thế nào?

2. Em hãy phân tích vai trò của các thành thị đối với châu Âu thời trung đại.

Luyện tập – Vận dụng

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Em hãy lập và hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây.

Nội dung	Lãnh địa phong kiến	Thành thị trung đại
Thời gian xuất hiện		
Hoạt động kinh tế chủ yếu		
Thành phần cư dân chủ yếu		

2. "Thành thị giống như những bông hoa rực rỡ nhất của châu Âu thời trung đại". Em hãy tìm những dẫn chứng trong bài học để chứng minh cho ý kiến trên.

3. Tìm hiểu và cho biết một số dấu ấn tiêu biểu của thành thị trung đại (các thành phố cổ, trường đại học,...) còn được bảo tồn, gìn giữ và phát triển đến ngày nay.

Bài 2

CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ VÀ SỰ HÌNH THÀNH QUAN HỆ SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở TÂY ÂU

▶ ***Học xong bài này, em sẽ:***

- Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới.
- Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.
- Trình bày được sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.
- Xác định được những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu.

Em đã biết, từ thời xa xưa người Trung Quốc đã phát minh ra kim chỉ nam để xác định phương hướng. Từ đó, người châu Âu đã kế thừa để chế tạo ra la bàn. Theo em, người châu Âu sử dụng la bàn để làm gì? Em đã từng nghe nhắc đến những cái tên như C. Cô-lôm-bô, Ph. Ma-gien-lăng,...? Hãy chia sẻ những điều em biết về những nhân vật lịch sử này cũng như những sự kiện liên quan đến họ.

1 Các cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới

a) Sơ lược về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn

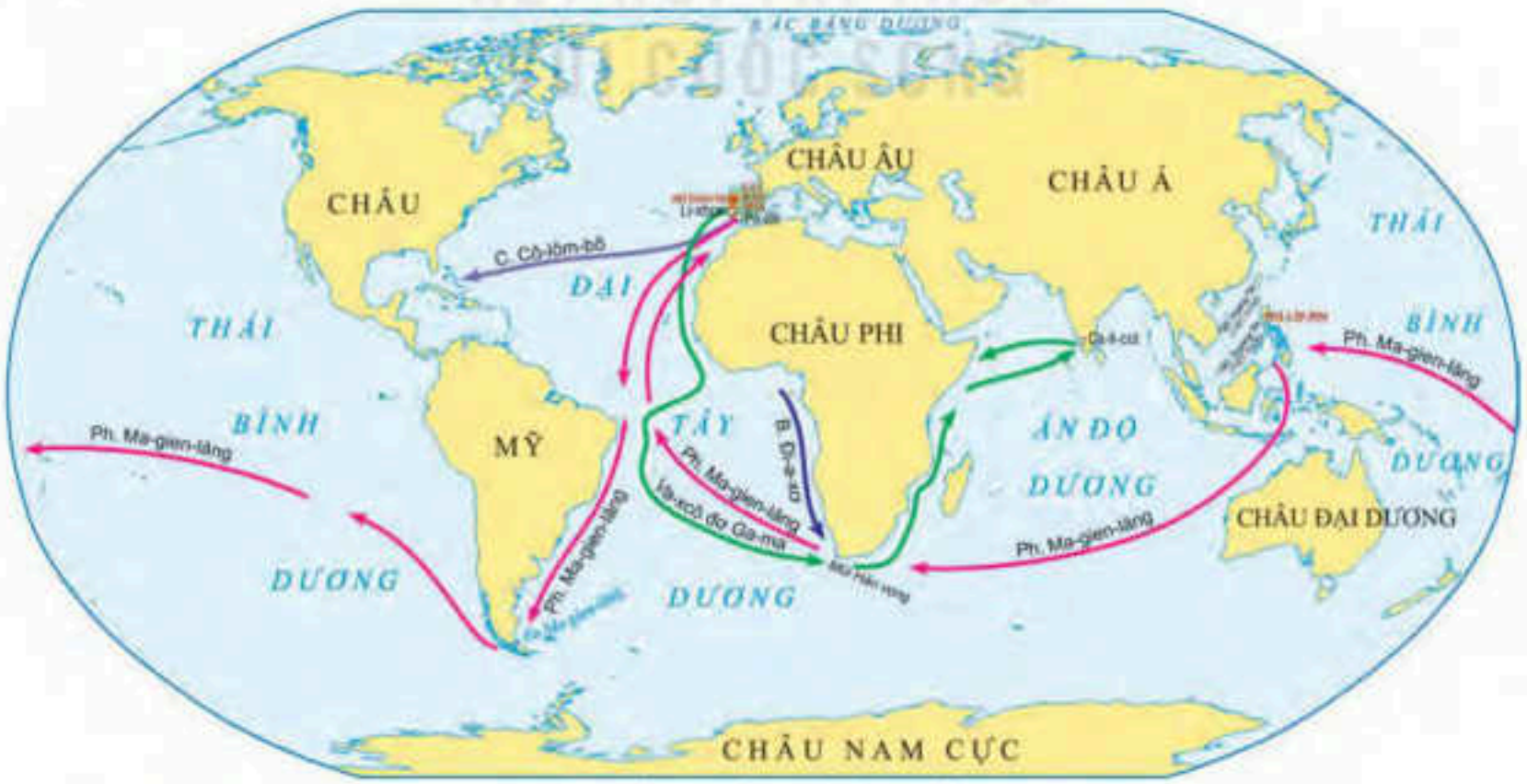

Hình 1. Lược đồ một số cuộc phát kiến địa lí lớn

Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha là những nước tiên phong trong các cuộc thám hiểm bằng đường biển.

Năm 1487, B. Đi-a-xơ – hiệp sĩ hoàng gia Bồ Đào Nha, đã dẫn đầu đoàn thám hiểm đến được mũi cực Nam châu Phi – mũi Hảo Vọng.

Năm 1492, C. Cô-lôm-bô cùng đoàn thuỷ thủ từ Tây Ban Nha đi về phía tây, vượt qua Đại Tây Dương và đã tìm ra vùng đất mới – châu Mỹ.

Năm 1497, đoàn thám hiểm của V. Ga-ma gồm 4 chiếc tàu với 160 thuỷ thủ rời cảng Li-xbon (Bồ Đào Nha), cũng vòng qua điểm cực Nam châu Phi và cập bến Ca-li-cút ở phía tây nam Ấn Độ (1498). Ước mơ phát hiện tuyến đường biển sang Ấn Độ đã được thực hiện.

Em có biết?

Trên đường đi, đoàn thám hiểm của B. Đi-a-xơ bị gặp bão. Cơn bão đã thổi bật họ xuống phía nam và bất ngờ đi tới mũi cực Nam châu Phi. Vì vậy, lúc đầu ông đặt tên cho vùng đất này là mũi Bão Táp, sau này lại được đổi thành mũi Hảo Vọng.

Hình 2. Đài tưởng niệm những nhà phát kiến địa lí Bồ Đào Nha ở thành phố Li-xbon

Năm 1519, Ph. Ma-gien-lăng và đoàn thám hiểm từ Tây Ban Nha, đi về phía tây, hoàn thành chuyến đi vòng quanh thế giới năm 1522.

? 1. Dựa vào hình 1 và thông tin trong mục, hãy giới thiệu nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới.

2. Theo em, cuộc phát kiến địa lí nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Kết nối với văn hoá

Ở Mỹ hiện nay có ngày lễ trọng đại là *Columbus Day* diễn ra vào thứ Hai của tuần thứ 2 tháng 10 để tưởng nhớ đến C. Cô-lôm-bô – người đã có công lao tìm ra châu Mỹ.

b) Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí

Phát kiến địa lí đã để lại những hệ quả lớn lao cho loài người.

Mở ra con đường mới, tìm ra vùng đất mới, thị trường mới, thúc đẩy hàng hải quốc tế phát triển,...

Đem về cho châu Âu khối lượng lớn vàng bạc, nguyên liệu; thúc đẩy nền sản xuất và thương nghiệp ở đây phát triển.

Làm nảy sinh nạn buôn bán nô lệ da đen và quá trình xâm chiếm, cướp bóc thuộc địa,...

Hình 3. Hình ảnh mô phỏng con tàu buôn bán nô lệ thời trung đại

? Hãy trình bày hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.

2 Sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản và những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu

a) Sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản

Em có biết?

Giới quý tộc, điển hình nhất ở Anh, đã trấn áp, cướp đoạt ruộng đất của nông nô, rào lại thành đồng cỏ nuôi cừu để lấy lông cung cấp cho ngành sản xuất len dạ. Hàng vạn gia đình nông nô mất đất phải đi lang thang. Tô-mát Mo-rơ (nhà xã hội học người Anh) gọi đây là hiện tượng "cừu ăn thịt người".

Sau các cuộc phát kiến địa lí, giới quý tộc và thương nhân châu Âu đẩy mạnh cướp bóc của cải, tài nguyên từ các nước thuộc địa châu Á, châu Phi, châu Mỹ đem về châu Âu. Ở trong nước, họ dùng bạo lực và nhiều thủ đoạn để tước đoạt ruộng đất của nông nô, tư liệu sản xuất của thợ thủ công,...

Hàng triệu người da đen ở châu Phi bị bắt để bán cho các chủ đồn điền, hầm mỏ ở châu Âu, châu Mỹ làm nhân công. Tại châu Âu, do phong trào "rào đất cướp ruộng", hàng vạn nông nô không có ruộng cày cấy, trở thành những người đi lang thang, cuối cùng buộc phải vào làm thuê trong các công xưởng của tư sản.

Nhờ thế, tư sản ở Tây Âu đã tích luỹ được một nguồn vốn ban đầu và tập hợp được đội ngũ đông đảo những người làm thuê. Họ ra sức mở rộng kinh doanh, lập các công trường thủ công, những đồn điền quy mô lớn và cả các công ti thương mại. Hình thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa xuất hiện.

Quan hệ giữa chủ công trường thủ công, chủ đồn điền,... với những người làm thuê (công nhân) là quan hệ chủ – thợ. Toàn bộ nhà xưởng, ruộng đất, công cụ và nguyên liệu,... đều là của chủ, còn công nhân thì phải bán sức lao động của mình và nhận về đồng lương ít ỏi. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã hình thành trong lòng xã hội phong kiến Tây Âu.

? 1. Hãy cho biết quá trình tích luỹ vốn và tập trung nhân công của giai cấp tư sản trong giai đoạn đầu như thế nào.

2. Nêu những biểu hiện của sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu.

b) Sự biến đổi của xã hội Tây Âu

Cùng với quá trình nảy sinh chủ nghĩa tư bản là những biến đổi mạnh mẽ trong xã hội với sự hình thành của các giai cấp mới – tư sản và vô sản.

Giai cấp tư sản

- Vốn là những người thợ cả đứng đầu phường hội, những thương nhân hoặc thị dân giàu có,... trở thành chủ công trường thủ công, chủ đồn điền hoặc nhà buôn lớn,...
- Nắm giữ nhiều của cải, có thế lực kinh tế, nhưng chưa có địa vị chính trị trong xã hội.

Giai cấp vô sản

- Gồm những người lao động làm thuê cho chủ tư bản.
- Trong thời gian đầu, họ đi theo giai cấp tư sản để làm cách mạng chống chế độ phong kiến lỗi thời.

Hình 4. Những biến đổi của xã hội Tây Âu cuối thời trung đại

? Hãy cho biết biến đổi chính trong xã hội Tây Âu giai đoạn này.

Luyện tập – Vận dụng

1. Trong các hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí, theo em hệ quả nào là quan trọng nhất? Vì sao?

2. Theo em, biến đổi lớn nhất của xã hội Tây Âu thời kì này là gì?

3. Một hậu quả của phát kiến địa lí là dẫn đến làn sóng xâm lược thuộc địa và cướp bóc thực dân. Em hãy tìm hiểu thêm và cho biết Việt Nam đã từng bị xâm lược và trở thành thuộc địa của nước nào.

Bài 3

PHONG TRÀO VĂN HOÁ PHỤC HUNG VÀ CẢI CÁCH TÔN GIÁO

Học xong bài này, em sẽ:

- Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.
- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng.
- Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.
- Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào Cải cách tôn giáo.
- Mô tả khái quát được nội dung cơ bản và tác động của các cuộc Cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.

Cùng với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản là sự xuất hiện một nền văn hoá mới, đối lập gay gắt với hệ tư tưởng, văn hoá phong kiến. Đó được coi "là một cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại nhất mà loài người chưa từng thấy, một thời đại đã đẻ ra những con người khổng lồ, khổng lồ về tư tưởng,... về tài năng mọi mặt và sự hiểu biết sâu rộng của họ". Theo em, "cuộc cách mạng" đó là sự kiện nào? Vì sao sự kiện đó lại được đánh giá cao như vậy?

Hình 1. Bích hoạ của Mi-ken-lăng-giơ trên vòm nhà thờ Xích-xtin (Va-ti-căng) – một kiệt tác đương thời

1 Những biến đổi về kinh tế – xã hội Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI

Từ cuối thế kỉ XIII, tình hình kinh tế – xã hội Tây Âu có nhiều biến đổi. Các công trường thủ công, công ti thương mại, các đồn điền ra đời và ngày càng được mở rộng quy mô. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện.

Giai cấp tư sản ra đời, có thế lực về kinh tế song lại chưa có địa vị xã hội tương xứng. Họ không chấp nhận những giáo lí lỗi thời, muốn xây dựng một nền văn hoá mới đề cao giá trị con người và quyền tự do cá nhân, coi trọng khoa học – kĩ thuật,... để mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

? Hãy chỉ ra những biến đổi quan trọng nhất về kinh tế – xã hội ở Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.

2 Phong trào Văn hoá Phục hưng

Phong trào Văn hoá Phục hưng diễn ra đầu tiên ở I-ta-li-a (thế kỉ XIV), sau đó lan nhanh sang các nước Tây Âu và trở thành một trào lưu rộng lớn.

a) *Những thành tựu tiêu biểu*

Thời kì này chứng kiến sự phát triển đến đỉnh cao của văn học, sự nở rộ của các tài năng nghệ thuật với các gương mặt tiêu biểu như: M. Xéc-van-tét, W. Sếch-xpia, Lê-ô-na đơ Vanh-xi,...

Hình 2. Tượng Đan-tê (ở I-ta-li-a) – người mở đầu phong trào Văn hoá Phục hưng

M. Xéc-van-tét là một nhà văn lớn của Tây Ban Nha với tác phẩm nổi tiếng là *Đôn Ki-hô-tê*.

Nhà viết kịch vĩ đại thời Phục hưng là W. Sếch-xpia (người Anh) với nhiều vở kịch nổi tiếng như: *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*, *Hăm-lét*, *Ô-ten-lô*,...

Lê-ô-na đơ Vanh-xi (người I-ta-li-a) là một hoạ sĩ thiên tài, để lại nhiều kiệt tác cho nhân loại như: *Bữa tiệc cuối cùng*, *Nàng La Giô-công-đơ*.

Kết nối với văn học

Thông qua hình ảnh chàng hiệp sĩ lỗi thời Đôn Ki-hô-tê, Xéc-van-tét đã khắc hoạ bức tranh chân thực về xã hội Tây Ban Nha thế kỉ XVI, đồng thời châm biếm toàn bộ xã hội phong kiến, thể hiện khát vọng mãnh liệt về sự công bằng và bác ái. *Đôn Ki-hô-tê* được dịch ra hầu hết các thứ tiếng và xếp vào hàng kiệt tác.

Kết nối với nghệ thuật

Để hoàn thành bức tranh trên vòm nhà thờ Xích-xtin, Mi-ken-lăng-giơ đã phải trèo lên một giàn giáo rất cao, ngửa cổ, còng lưng, thậm chí nằm ngửa để vẽ liên tục trong 4 năm 3 tháng,... Bức tranh có diện tích 540m^2 với 343 nhân vật.

Mi-ken-lăng-giơ là một danh hoạ, một nhà điêu khắc, kiến trúc sư nổi tiếng người I-ta-li-a với những tác phẩm tiêu biểu: *Sáng tạo thế giới*, *Cuộc phán xét cuối cùng*, *Tượng Đa-vit*,...

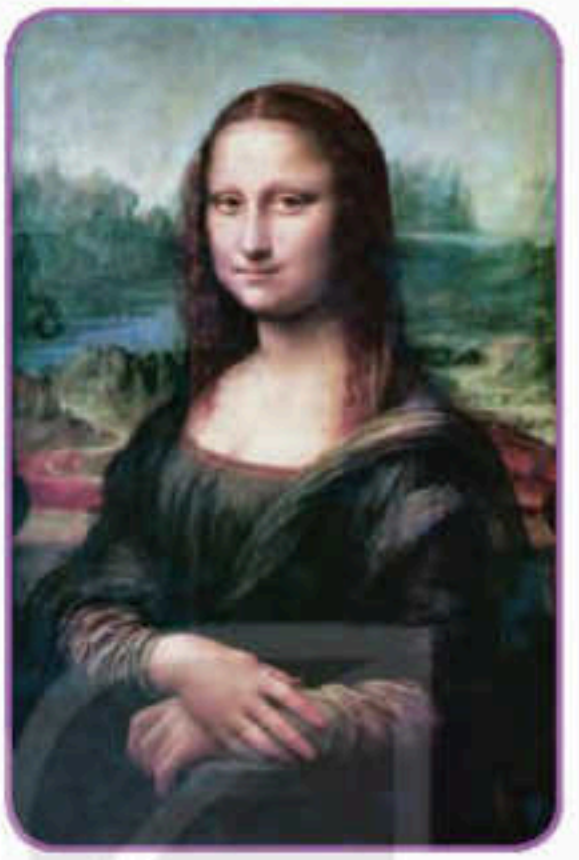

Hình 3. Nàng La Giô-công-đơ – một kiệt tác của Lê-ô-na đơ Vanh-xi

Thời Phục hưng đã xuất hiện nhiều nhà khoa học dũng cảm chống lại những quan điểm sai lầm, bảo thủ. Tiêu biểu là N. Cô-péc-nich (người Ba Lan), G. Bru-nô và G. Ga-li-lê (người I-ta-li-a),...

Cô-péc-nich là nhà thiên văn học đầu tiên chứng minh rằng Trái Đất quay quanh trục của nó và quay xung quanh Mặt Trời. Tuy nhiên, học thuyết của Cô-péc-nich bị Giáo hội cấm lưu truyền. Ga-li-lê vì công bố học thuyết Trái Đất quay mà bị bỏ tù khi đã 70 tuổi. Ông nổi tiếng với câu nói khi bị kết án: "Dù sao thì Trái Đất vẫn quay".

? 1. Hãy trình bày một số thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng.

2. Em ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?

b) Ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu

Bằng những tác phẩm của mình, các nhà Văn hoá Phục hưng đã lên án gay gắt Giáo hội Thiên Chúa giáo và đả phá trật tự phong kiến.

Văn hoá Phục hưng đề cao giá trị con người và tự do cá nhân, đề cao tinh thần dân tộc, đồng thời có nhiều đóng góp quan trọng đối với kho tàng văn hoá nhân loại.

1. *"Dòng dõi thì chẳng qua là lưu truyền, còn việc làm tốt đẹp thì do tự mình mà có. Đạo đức tự nó có giá trị gấp bao lần dòng dõi"* (Lời của Đôn Ki-hô-tê trong tác phẩm *Đôn Ki-hô-tê* của Xéc-van-tét).

(Theo Nguyễn Gia Phu..., *Lịch sử thế giới trung đại*, NXB Giáo dục, 2006, tr.115)

2. *Trong đời sống của mỗi người, cái nghĩa vụ vĩ đại là đối với Tổ quốc (Ma-ki-a-vê-li).*

(Theo Nguyễn Gia Phu..., *Lịch sử thế giới trung đại*, Sđd, tr.116)

Phong trào Văn hoá Phục hưng là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lĩnh vực văn hoá, tư tưởng của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến lỗi thời, mở đường cho văn hoá Tây Âu phát triển trong những thế kỉ sau.

? 1. Tư liệu 1, 2 phản ánh quan điểm của các nhà Văn hoá Phục hưng về vấn đề gì?

2. Phong trào Văn hoá Phục hưng có ý nghĩa và tác động đến xã hội Tây Âu như thế nào?

2 Phong trào Cải cách tôn giáo

a) *Nguyên nhân bùng nổ*

Thời trung đại, Thiên Chúa giáo là chỗ dựa vững chắc nhất của chế độ phong kiến, chi phối toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội châu Âu.

Đến đầu thế kỉ XVI, Giáo hội Thiên Chúa giáo ngày càng có xu hướng cản trở sự phát triển của giai cấp tư sản, nhiều giáo hoàng và giám mục quá quan tâm đến quyền lực và đặt ra những lễ nghi tốn kém.

Do đó, phong trào Cải cách tôn giáo đã bùng nổ khắp các nước Tây Âu, khởi đầu là Đức, Thuỵ Sĩ, sau đó lan sang Bỉ, Hà Lan, Anh, Pháp. Tiêu biểu nhất là tư tưởng cải cách của Mác-tin Lu-thơ (Đức) và Giăng Can-vanh (Thuỵ Sĩ).

Hình 4. Mác-tin Lu-thơ (1483 – 1546)

Em có biết?

Mác-tin Lu-thơ là một tu sĩ đồng thời là Giáo sư ở Trường Đại học Vít-ten-béc (Đức). Lu-thơ căm ghét việc giáo sĩ được phép bán "thẻ miễn tội". Năm 1517, ông đã ghim lên cánh cửa nhà thờ bản luận văn chỉ trích Giáo hội. Sau đó, ông bị buộc tội dị giáo (đi ngược lại với đức tin của Giáo hội) và bị trừng phạt.

? Hãy giải thích vì sao xuất hiện phong trào Cải cách tôn giáo.

b) *Nội dung cơ bản*

NỘI DUNG CẢI CÁCH TÔN GIÁO

- Phê phán những hành vi không chuẩn mực của Giáo hoàng.
- Chỉ trích mạnh mẽ những giáo lí giả dối của Giáo hội.
- Đòi bãi bỏ những hủ tục, lễ nghi phiền toái.
- Ủng hộ việc làm giàu của giai cấp tư sản.

Hình 5. Một số nội dung cơ bản của phong trào Cải cách tôn giáo

? Hãy trình bày những nội dung chính của phong trào Cải cách tôn giáo.

c) Tác động

Cải cách tôn giáo được đông đảo nhân dân ủng hộ, đã lan rộng khắp Tây Âu trong thế kỉ XVI. Do tác động của Cải cách tôn giáo, Thiên Chúa giáo phân hoá thành hai giáo phái: Cựu giáo (Thiên Chúa giáo) và Tân giáo (Anh giáo, Tin Lành,... là những tôn giáo cải cách).

Phong trào Cải cách tôn giáo còn làm bùng lên một cuộc đấu tranh rộng lớn ở Đức, thường gọi là cuộc Chiến tranh nông dân Đức.

Cùng với Văn hoá Phục hưng, Cải cách tôn giáo là một trong những cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lĩnh vực văn hoá – tư tưởng của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến đã suy tàn, mở đường cho nền văn hoá châu Âu phát triển cao hơn.

? Trình bày tác động của phong trào Cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.

Luyện tập – Vận dụng

1. Hãy lập và hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây.

Các nhà Văn hoá phục hưng	Lĩnh vực	Tác phẩm/ Công trình tiêu biểu
M. Xéc-van-tét		
W. Sếch-xpia		
Lê-ô-na đơ Vanh-xi		
N. Cô-péc-nich		
G. Ga-li-lê		

2. Vẽ sơ đồ tư duy (hoặc lập bảng hệ thống) thể hiện những nét chính của phong trào Cải cách tôn giáo (nguyên nhân, nội dung, tác động).

3. Sưu tầm tư liệu từ internet và sách, báo để giới thiệu (theo cách của em) về một công trình/tác phẩm/nhà văn hoá thời Phục hưng mà em ấn tượng nhất.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHƯƠNG 2

TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ THỜI TRUNG ĐẠI

Từ thời cổ đại, Trung Quốc và Ấn Độ là những nền văn minh lớn ở phương Đông. Nhiều thành tựu của các nền văn minh này vẫn được bảo tồn, kế thừa, phát triển trong thời trung đại. Đây cũng là thời kì mà chế độ phong kiến đạt đến sự cực thịnh với các triều đại: Đường, Minh, Thanh (ở Trung Quốc); Gúp-ta, Đê-li, Mô-gôn (ở Ấn Độ).

▲ Đồ gốm thời Minh (Trung Quốc)

Trong chương này, em sẽ tìm hiểu về:

- Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.
- Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.

▼ Lăng Ta-giơ Ma-han (Ấn Độ) được xây dựng từ thế kỉ XVII

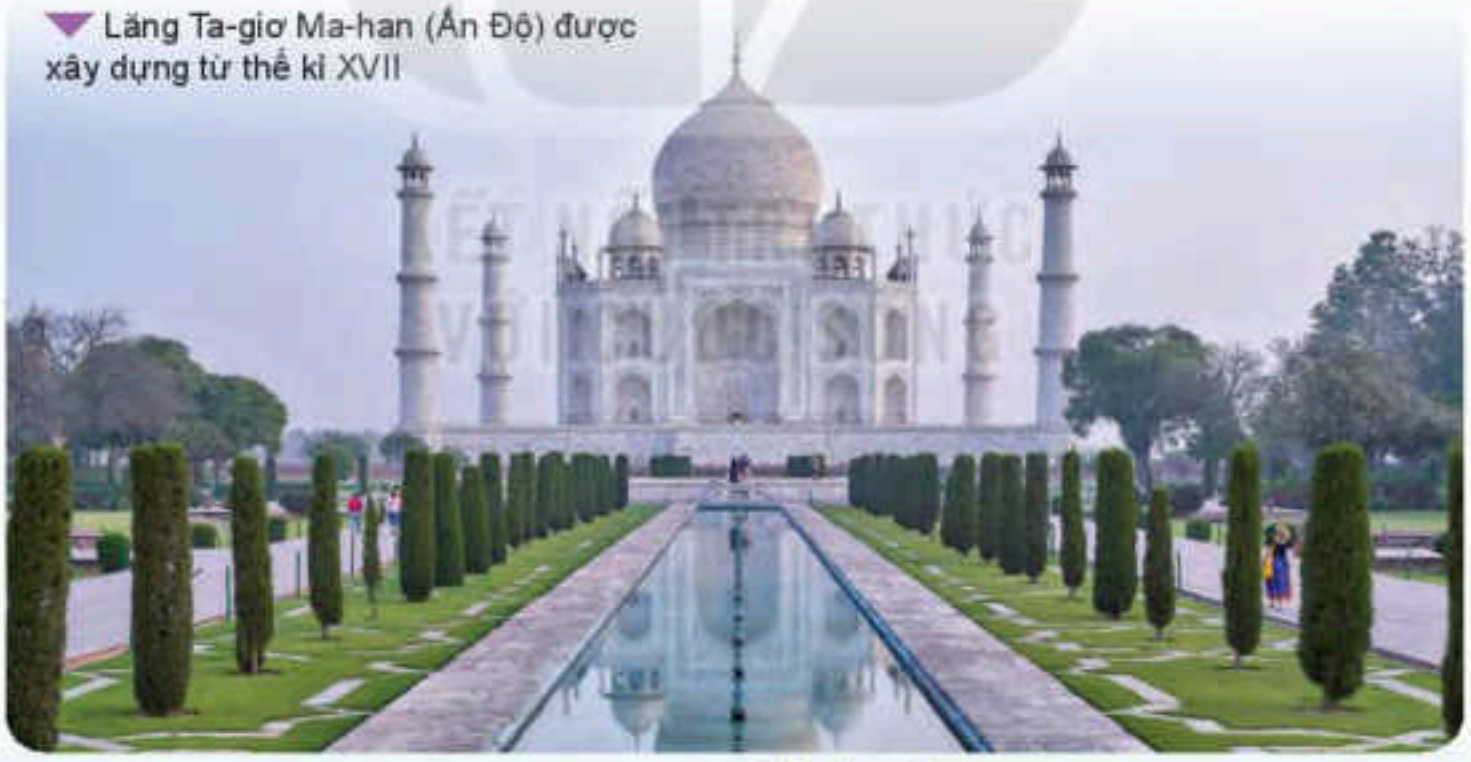

Bài 4

TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Học xong bài này, em sẽ:

- Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).
- Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.
- Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh.
- Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, Sử học, kiến trúc,...).

Hình dưới đây là di tích Tử Cấm Thành – một cung điện lớn và là một trong những biểu tượng của Trung Quốc thời phong kiến. Từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX, chế độ phong kiến Trung Quốc tiếp tục phát triển như thế nào trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội?

Hình 1. Di tích Tử Cấm Thành ở Thủ đô Bắc Kinh (Trung Quốc)

1 Tiến trình phát triển của lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX

Sau khi nhà Tuỳ sụp đổ, lịch sử Trung Quốc tiếp tục trải qua các triều đại: Đường (618 – 907), thời kì Ngũ đại (907 – 960), Tống (960 – 1279), Nguyên (1271 – 1368), Minh (1368 – 1644) và nhà Thanh (1644 – 1911) – triều đại phong kiến cuối cùng của Trung Quốc.

? Từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX, lịch sử Trung Quốc trải qua các triều đại phong kiến nào? Hãy thể hiện tiến trình lịch sử đó trên trục thời gian theo ý tưởng của em.

2 Trung Quốc dưới thời Đường

• *Về chính trị:*

Thời Đường, đặc biệt là giai đoạn trị vì của Đường Thái Tông, bộ máy nhà nước được hoàn chỉnh. Các hoàng đế cử người thân tín cai quản các địa phương, đặt các khoa thi để tuyển chọn người đỗ đạt ra làm quan,...

Các hoàng đế thời Đường tiếp tục chính sách xâm lược, mở rộng lãnh thổ như: lấn chiếm vùng Nội Mông, chinh phục Tây Vực, xâm lược Triều Tiên, củng cố chế độ cai trị ở An Nam đô hộ phủ (lãnh thổ Việt Nam thời bấy giờ),...

• *Về kinh tế:*

Nhà nước thực hiện chính sách giảm thuế, lấy ruộng công và ruộng bỏ hoang chia cho nông dân, gọi là chế độ quân điền. Nhiều kĩ thuật canh tác mới như chọn giống, xác định thời vụ,... được áp dụng. Nhờ vậy, nông nghiệp có bước phát triển.

> *Dưới thời Đường Thái Tông, cổng ngoài mấy tháng không đóng, ngựa bò đầy đồng, khách đi đường mấy nghìn dặm không cần mang theo lương thực".*
>
> (Theo Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Huy Quý, *Lịch sử Trung Quốc*, NXB Giáo dục, 2003, tr.177)

Nhiều xưởng thủ công luyện sắt, đóng thuyền,... với hàng chục người làm việc xuất hiện. Nhiều thành thị ngày càng phồn thịnh như Trường An, Lạc Dương,... Nhà Đường có quan hệ buôn bán với hầu hết các nước châu Á.

Từ những tuyến đường giao thông truyền thống nối các châu lục được hình thành từ các thế kỉ trước, đến thời Đường trở thành "con đường tơ lụa" nổi tiếng trong lịch sử.

? Hãy trình bày những biểu hiện chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.

Em có biết?

Đường Thái Tông là vị vua có những nhận thức tiến bộ. Ví dụ: "Thuyền ví như vua, nước ví như dân, nước có thể chở thuyền, cũng có thể lật thuyền".

Kết nối với ngày nay

"Con đường tơ lụa" là những tuyến đường giao thương kết nối phương Đông và phương Tây trong nhiều thế kỉ. Tơ lụa Trung Quốc là mặt hàng giao thương chính và đầu tiên trên con đường này. Con đường này còn là một hành trình văn hoá, tôn giáo, kết nối Á – Âu, để lại nhiều di sản quý cho đến ngày nay.

3 Sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh

Thời Minh – Thanh, *nông nghiệp* có những bước tiến về kĩ thuật gieo trồng, diện tích trồng trọt vượt xa thời kì trước, sản lượng lương thực tăng nhiều,...

Về thủ công nghiệp, đã hình thành những xưởng thủ công tương đối lớn, thuê nhiều nhân công và sản phẩm rất đa dạng.

Nghề làm đồ sứ đạt đến độ tinh xảo, với những sản phẩm nổi tiếng (đồ sứ Giang Tây,...). Nhiều xưởng dệt lớn, chuyên môn hoá cao xuất hiện ở Tô Châu, Tùng Giang,... Các xưởng đóng tàu đã đóng được những loại thuyền lớn.

Em có biết?

Thời Minh, trấn Cảnh Đức được mệnh danh là kinh đô đồ sứ của Trung Quốc. Trong đó, nổi tiếng nhất là đồ sứ trắng với khoảng hơn 3 000 loại sản phẩm khác nhau, được miêu tả là "trắng như ngọc, sáng như gương, mỏng như giấy và vang như chuông".

Hình 2. Đồ gốm men xanh thời Minh

Về thương nghiệp, nhiều thành thị trở nên phồn thịnh như Bắc Kinh, Nam Kinh,... Nhiều thương cảng lớn như Quảng Châu, Phúc Kiến,... đã trở thành những trung tâm buôn bán sầm uất – nơi giao thương với các nước Đông Nam Á, Ấn Độ, Ba Tư,...

Như thế, đến thời Minh – Thanh, mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện nhưng còn nhỏ bé, chưa đủ sức chi phối mạnh mẽ đối với nền kinh tế – xã hội Trung Quốc.

Hình 3. Bức tranh nổi tiếng *Thanh minh thượng hà đồ* miêu tả sự phát triển sầm uất của các thành thị ở Trung Quốc

? 1. Nêu những biểu hiện nổi bật về sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh.
2. Theo em, thành tựu nào là nổi bật nhất? Vì sao?

4 Những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX

a) Tư tưởng – tôn giáo

Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến Trung Quốc.

Phật giáo tiếp tục phát triển, thịnh hành nhất dưới thời Đường. Nhiều vị vua tôn sùng Phật giáo, cho xây chùa, đúc tượng, in kinh,...

Hình 4. Một trang trong Kinh Kim Cương

Em có biết?

Kinh Kim Cương là một văn bản của Phật giáo ghi chép lại những lời giảng, giáo lí tôn giáo của Đức Phật. Một bản sao của nó được tìm thấy trong hang Mạc Cao ở Trung Quốc. Đây là cuốn sách in hoàn chỉnh lâu đời nhất thế giới (năm 868).

b) Sử học, văn học

Từ thời Đường, cơ quan ghi chép sử được thành lập. Nhiều bộ sử lớn được biên soạn như *Minh sử*, *Thanh thực lục*, *Tứ khố toàn thư*,...

Thời Đường xuất hiện nhiều nhà thơ nổi tiếng như: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị.

Từ thời Nguyên đến thời Thanh, xuất hiện nhiều tiểu thuyết đồ sộ, có ảnh hưởng sâu sắc đến văn học các nước khác như: *Thuỷ hử* (Thi Nại Am), *Tam quốc diễn nghĩa* (La Quán Trung), *Tây du kí* (Ngô Thừa Ân), *Hồng lâu mộng* (Tào Tuyết Cần),...

Kết nối với văn hoá

Bốn tiểu thuyết kể bên được xếp vào *Tứ đại danh tác* của văn học Trung Quốc, là nguồn cảm hứng vô tận cho nền điện ảnh Trung Quốc ngày nay.

c) Kiến trúc, điêu khắc

Các triều đại phong kiến đã xây dựng nhiều cung điện cổ kính, nổi tiếng với phong cách đặc sắc như: Cố Cung, Viên Minh Viên, Tử Cấm Thành.

Những bức hoạ đạt tới đỉnh cao, những bức tượng Phật tinh xảo, sinh động,... đã chứng tỏ sự tài hoa và sáng tạo của nghệ nhân Trung Quốc.

Hình 5. Tượng Phật tạc trên đá ở hang Mạc Cao (Đôn Hoàng)

Em có biết?

Tử Cấm Thành – một công trình biểu tượng của Trung Quốc nhưng lại gắn với tên tuổi của một người Việt là Nguyễn An (quê ở Hà Nội). Vốn là người có tài năng, ông đã từng tham gia xây dựng nhiều công trình kiến trúc trong cung của nhà Trần. Năm 1407, ông bị nhà Minh bắt đưa về Trung Quốc. Bấy giờ, vua Minh thấy thành Bắc Kinh quá nhỏ hẹp nên giao cho quan Thái giám Nguyễn An làm tổng đốc công (được ví như tổng công trình sư) xây dựng lại thành.

? 1. Hãy giới thiệu những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX.

2. Em hãy nêu nhận xét về những thành tựu văn hoá của Trung Quốc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập – Vận dụng

1. Tại sao nói thời Đường là thời kì thịnh vượng của chế độ phong kiến Trung Quốc?
2. Kinh tế dưới thời Minh – Thanh có điểm gì mới so với thời Đường?
3. Trong những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX, em ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?

4. Liên hệ với lịch sử Việt Nam, em hãy tìm hiểu thêm và chia sẻ: Từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX, triều đại phong kiến Trung Quốc nào đã xâm lược nước ta?

Bài 5

ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.
- Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gúp-ta, Đê-li và Mô-gôn.
- Giới thiệu và nhận xét được về một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.

Nền văn hoá của Ấn Độ được ví như một dòng sông dài bắt nguồn từ dãy núi Hi-ma-lay-a, vượt qua những dải rừng, vùng đất hoang vu, làng xóm và thành phố, tiếp nhận thêm nhiều chi lưu,... Do vậy, trong dòng chảy văn hoá Ấn Độ có sự thống nhất trong đa dạng, có cả sự tiếp nối lẫn sự thay đổi. Từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX, lịch sử Ấn Độ trải qua nhiều vương triều, đã hoà nhập nhiều yếu tố văn hoá từ các nguồn gốc khác nhau, nhưng không đứt đoạn và vẫn giữ được bản sắc Ấn Độ. Em biết gì về đất nước Ấn Độ thời phong kiến? Hãy chia sẻ một vài thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ thời kì này mà em biết.

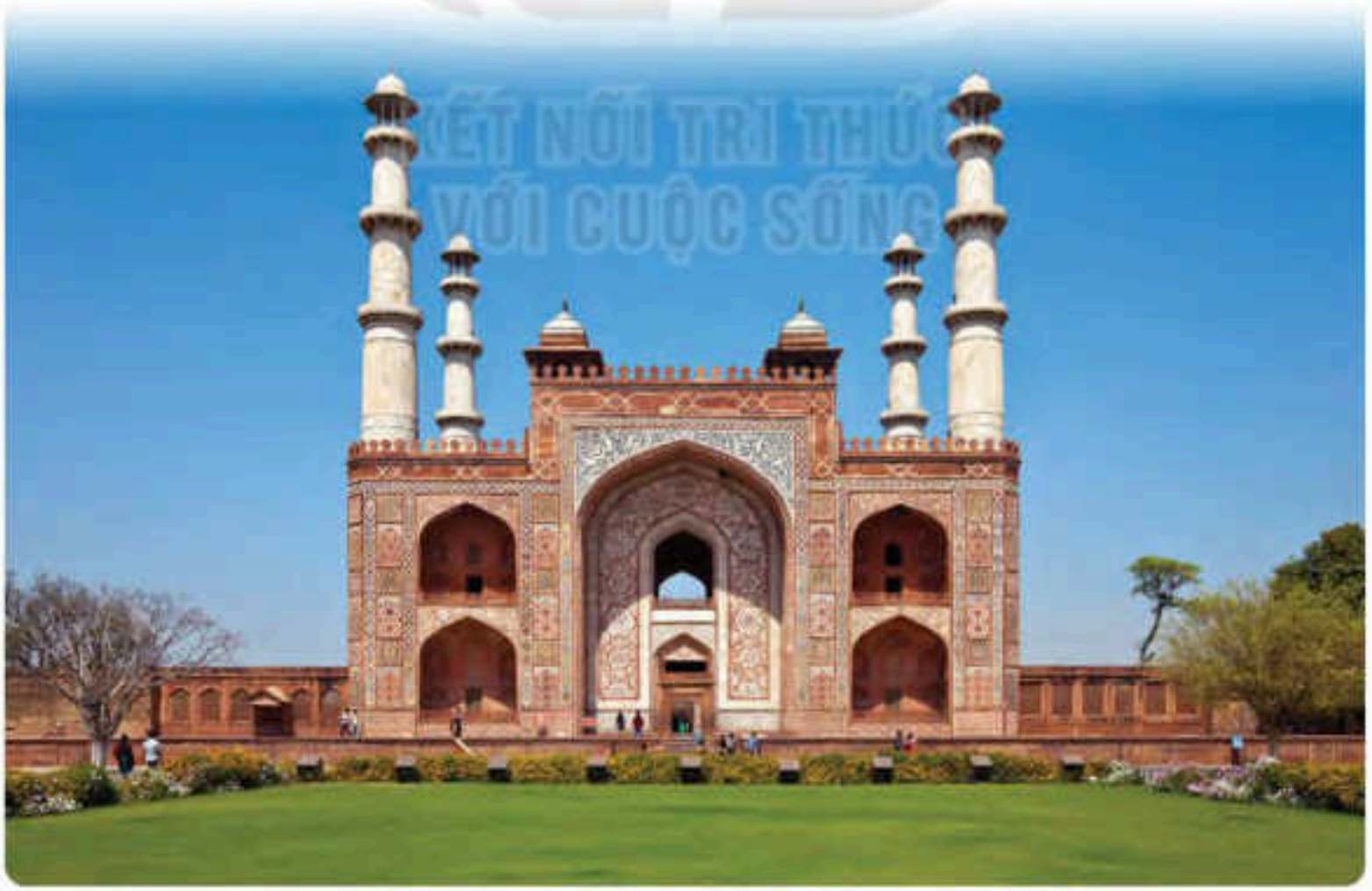

Hình 1. Lăng Hoàng đế A-cơ-ba được xây dựng năm 1569

1 Ấn Độ dưới thời các triều đại phong kiến

Ấn Độ là một bán đảo lớn ở Nam Á. Phía bắc bị ngăn cách với bên ngoài bởi dãy Hi-ma-lay-a hùng vĩ, ba mặt còn lại giáp biển khiến Ấn Độ được ví như một "tiểu lục địa". Địa hình chủ yếu là đồng bằng Ấn – Hằng ở miền Bắc, cao nguyên Đê-can rộng lớn ở miền Tây Nam,... Khí hậu Ấn Độ rất đa dạng. Đó là những điều kiện tự nhiên nổi bật tác động tới sự phát triển kinh tế của Ấn Độ thời phong kiến.

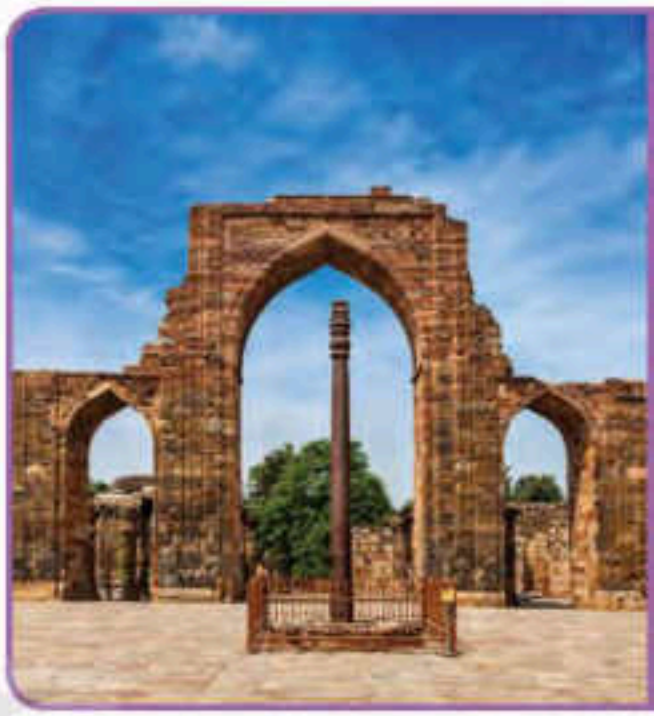

Hình 2. Cột sắt không gỉ được đúc vào thế kỉ V

a) Vương triều Gúp-ta

Đầu thế kỉ IV, San-đra Gúp-ta I lên ngôi, thống nhất được đất nước, lập ra Vương triều Gúp-ta. Lãnh thổ Ấn Độ được mở rộng hầu khắp lưu vực sông Hằng, và đến đầu thế kỉ V, đã thống nhất được phần lớn bán đảo Ấn Độ.

Thời kì này, kinh tế Ấn Độ có những tiến bộ vượt bậc. Trong nông nghiệp, công cụ bằng sắt được sử dụng rộng rãi, nhiều công trình thuỷ lợi lớn được xây dựng. Buôn bán trong nước được đẩy mạnh. Ấn Độ đã có quan hệ thương mại với nhiều nước Ả Rập và Đông Nam Á.

Đời sống người dân được ổn định, sung túc hơn tất cả các thời trước đó, vì vậy thời kì này được gọi là thời hoàng kim.

1. Cuốn sách "Phật quốc kí" của nhà sư Pháp Hiển (Trung Quốc) đã ghi chép về Ấn Độ thế kỉ V, ca ngợi sự khoan hoà của pháp luật, đời sống sung túc và tự do của dân chúng, ca tụng vẻ nguy nga, tráng lệ của thành phố và các lâu đài, sự quan tâm của nhà vua đối với dân chúng qua việc lập các nhà an dưỡng, bệnh xá,...

(Theo Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Ấn Độ*, NXB Giáo dục, 1995, tr.47)

? Hãy trình bày khái quát sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ thời Vương triều Gúp-ta.

b) Vương triều Hồi giáo Đê-li

Từ cuối thế kỉ XII, người Hồi giáo gốc Thổ Nhĩ Kỳ đã xâm nhập, chiếm miền Bắc Ấn Độ và lập nên Vương triều Hồi giáo Đê-li (1206).

Nhà vua có quyền lực cao nhất. Ấn Độ được chia thành nhiều khu vực hành chính do các tướng lĩnh Hồi giáo cai quản, còn các tín đồ Hin-đu giáo chỉ được giữ các chức vụ không quan trọng. Nhà vua Hồi giáo tiến hành xâm chiếm các tiểu quốc ở Nam Ấn với hi vọng thành lập đế quốc Hồi giáo.

Trong nông nghiệp, nghề nông trồng lúa vẫn giữ vai trò quan trọng và được nhà nước khuyến khích phát triển.

2. Ba-ran – một người dân Ấn Độ thời kì đó đã nhận xét: "Các vùng trở nên phồn thịnh. Ruộng đồng nối với ruộng đồng, vườn tược nối với vườn tược, làng ấp nối liền với làng ấp".

(Theo *Lịch sử thế giới trung đại*, Sđd, tr.354)

Thủ công nghiệp và thương nghiệp tiếp tục phát triển. Nhiều thành thị mới xuất hiện, một số hải cảng được xây dựng để đẩy mạnh buôn bán với Trung Quốc và các nước Đông Nam Á, phương Tây và Ả Rập.

Mặc dù các ông vua đã cố gắng thực thi nhiều chính sách mềm mỏng để giữ yên và phát triển đất nước, nhưng sự phân biệt sắc tộc và tôn giáo không thể làm tan đi nỗi bất bình trong nhân dân. Mâu thuẫn dân tộc gay gắt làm bùng nổ các cuộc đấu tranh của nhân dân chống lại triều đình.

? Hãy trình bày những nét chính về sự ra đời, tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ thời Vương triều Đê-li.

c) Vương triều Mô-gôn

Đầu thế kỉ XVI, người Hồi giáo tự nhận là dòng dõi Mông Cổ ở Ấn Độ đã lật đổ Vương triều Đê-li, lập ra Vương triều Mô-gôn.

Các vị vua đã ra sức củng cố vương triều theo hướng không phân biệt nguồn gốc và xây dựng đất nước. Ấn Độ đạt được bước phát triển mới dưới sự trị vì của vua A-cơ-ba. Ông đã thi hành nhiều chính sách tích cực làm cho xã hội ổn định, đất nước thịnh vượng, kinh tế và văn hoá đạt nhiều thành tựu mới.

Hình 3. A-cơ-ba (1556 – 1605) – vị vua kiệt xuất của Ấn Độ

Chính trị

- Cải cách bộ máy hành chính từ Trung ương đến địa phương, chia đất nước thành 15 tỉnh.
- Thực hiện chế độ chuyên chế, vua trực tiếp bổ nhiệm quan lại các cấp.
- Tiến hành sửa đổi luật pháp.

Kinh tế

- Nhà nước thi hành các chính sách như: đo đạc lại ruộng đất, định mức thuế hợp lí, thống nhất lại hệ thống đo lường,...
- Trong nông nghiệp, ngoài cây lương thực, nhiều loại cây mới được đưa vào trồng trọt (chàm, mía, hồ tiêu,...). Các nghề thủ công truyền thống (nghề dệt vải bông,...) và một số nghề khác khá phát triển. Tại các thành phố hải cảng, thương mại là hoạt động kinh tế chính,...

Xã hội

- Xây dựng khối hoà hợp dân tộc trên cơ sở hạn chế sự phân biệt sắc tộc, tôn giáo; có biện pháp ngăn chặn sự bóc lột nặng nề của quý tộc đối với người dân.
- Khuyến khích và ủng hộ các hoạt động sáng tạo văn hoá, nghệ thuật.

Từ sau thời kì trị vì của A-cơ-ba, tình trạng chia rẽ và khủng hoảng ở Ấn Độ xuất hiện trở lại. Vương triều Mô-gôn tồn tại đến giữa thế kỉ XIX, khi thực dân Anh xâm lược Ấn Độ.

? Trình bày khái quát sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ thời Vương triều Mô-gôn.

2 Thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX

a) Tôn giáo

Dưới thời Vương triều Gúp-ta, đạo Bà La Môn phát triển thành đạo Hin-đu – tôn giáo thịnh hành ở Ấn Độ cho đến ngày nay. Đạo Phật có sự phân hoá thành hai giáo phái và tiếp tục được phát triển mạnh trong thời Gúp-ta. Đạo Hồi cũng được du nhập và phát triển thành một tôn giáo lớn từ thời Vương triều Đê-li.

Kết nối với văn học

Đại văn hào Đức Giô-han Gốt đã ca ngợi về tác phẩm *So-kun-to-la*:

Nếu muốn có một tiếng ôm ấp được cả hoa mùa xuân và quả mùa thu

Một tiếng làm đắm say, nuôi dưỡng và thoả mãn được tâm hồn

Nếu muốn có một tiếng bao gồm được cả trời đất

Thì tôi gọi So-kun-to-la

Tiếng đó nói lên tất cả!

b) Chữ viết – văn học

Chữ Phạn đạt đến mức hoàn chỉnh, trở thành ngôn ngữ – văn tự để sáng tác các tác phẩm văn học, thơ ca, đồng thời là nguồn gốc của chữ viết Hin-đi ngày nay.

Văn học Ấn Độ hết sức phong phú, đa dạng (thơ ca lịch sử, kịch thơ, truyện thần thoại,...) với nội dung thể hiện chủ nghĩa nhân đạo, đề cao tư tưởng tự do, ca ngợi tình yêu lứa đôi và trong chừng mực nhất định đã chống lại quan niệm về sự phân biệt đẳng cấp. Nổi tiếng nhất là Ka-li-đa-sa – tác giả của nhiều tác phẩm văn học và sân khấu, trong đó có vở kịch *So-kun-to-la*.

c) Kiến trúc, điêu khắc

Kiến trúc Ấn Độ chịu ảnh hưởng sâu sắc của ba tôn giáo lớn: Phật giáo, Hin-đu giáo và Hồi giáo.

▲ Hình 4. Đền Kha-giu-ra-hô – ngôi đền Hin-đu giáo ở Ấn Độ

Hình 5. Tượng Phật được tạc trên vách đá trong chùa hang A-gian-ta

Em có biết?

Chùa hang A-gian-ta có 31 hang động, chủ yếu được xây dựng từ thế kỉ IV đến thế kỉ VIII. Từ một dải núi đá khổng lồ, người Ấn Độ đã tạo nên những công trình kiến trúc kì vĩ nhưng tỉ mỉ, tinh tế trong từng chi tiết. Năm 1983, quần thể này đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới.

Thời kì này, các thành tựu văn hoá Ấn Độ tiếp tục ảnh hưởng, được truyền bá ra bên ngoài, nhất là khu vực Đông Nam Á.

? Em hãy giới thiệu và nêu nhận xét về một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ thời phong kiến.

Luyện tập – Vận dụng

1. Em hãy lập và hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây.

	Vương triều Gúp-ta	Vương triều Đê-li	Vương triều Mô-gôn
Thời gian thành lập			
Tình hình chính trị			
Tình hình kinh tế			
Tình hình xã hội			

2. Hãy tìm hiểu thêm và kể tên một số thành tựu văn hoá của các quốc gia Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ thời phong kiến.

3. Tìm kiếm thông tin và hình ảnh từ sách, báo và internet, hãy viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một công trình kiến trúc của Ấn Độ thời phong kiến mà em ấn tượng nhất.

CHƯƠNG 3

ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

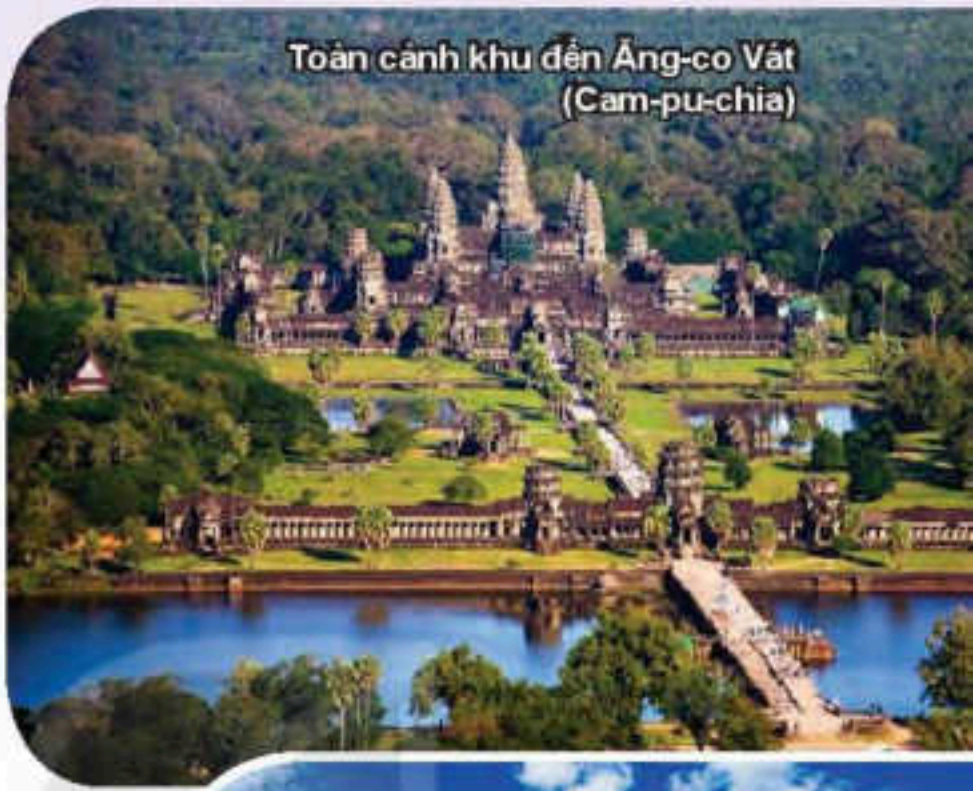
Toàn cảnh khu đền Ăng-co Vát (Cam-pu-chia)

Với nền tảng kinh tế nông nghiệp lúa nước, các quốc gia Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng về văn hoá. Mặt khác, những ảnh hưởng từ văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc thông qua quá trình giao lưu ngay từ thời cổ đại càng làm gia tăng sự kết dính trong khu vực. Những thành tựu đạt được trong khoảng từ thế kỉ VII đến thế kỉ X vừa là cơ sở, vừa là động lực để các vương quốc phong kiến tiếp tục hoàn thiện và phát triển thịnh đạt trong giai đoạn tiếp theo.

Chùa Vàng (Thái Lan)

Trong chương này, em sẽ được tìm hiểu:

- Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.
- Vương quốc Lào.
- Vương quốc Cam-pu-chia.

Bài 6

CÁC VƯƠNG QUỐC PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.
- Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

Em đã tìm hiểu về các quốc gia sơ kì và phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ X với một nền văn hoá bản địa sâu đậm, đa sắc màu. Trên nền tảng đó, từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, các vương quốc phong kiến trong khu vực tiếp tục có bước phát triển về kinh tế, chính trị và văn hoá. Diện mạo của các vương quốc này như thế nào? Những thành tựu văn hoá tiêu biểu đạt được là gì?

1 Sự hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI

Trên cơ sở các vương quốc phong kiến đã được hình thành ở giai đoạn trước, từ khoảng nửa sau thế kỉ X đến thế kỉ XIII, các vương quốc này tiếp tục phát triển.

Trên lưu vực sông I-ra-oa-đi, Vương quốc Pa-gan đã mạnh lên và thống nhất lãnh thổ, mở đầu cho quá trình hình thành, phát triển của Vương quốc Mi-an-ma. Ở lưu vực sông Chao Phray-a là sự hiện diện của Vương quốc Ha-ri-pun-giay-a. Trên bán đảo Đông Dương, ngoài Đại Việt và Chăm-pa, Vương quốc Cam-pu-chia của người Khơ-me trở nên cường thịnh. Sri Vi-giay-a trở thành một quốc gia hùng mạnh trên đảo Xu-ma-tra.

Hình 1. Toàn cảnh đô thị cổ Pa-gan (thuộc Mi-an-ma ngày nay)

Vào thế kỉ XIII, quân Mông – Nguyên mở rộng xâm lược xuống Đông Nam Á. Nhu cầu liên kết giữa các quốc gia nhỏ và các tộc người trong kháng chiến chống ngoại xâm đã dẫn đến sự ra đời một số vương quốc phong kiến mới và sự thống nhất, hình thành một số vương quốc phong kiến lớn hơn.

Người Thái lập ra các vương quốc Su-khô-thay và A-út-thay-a. Sau đó A-út-thay-a chinh phục Su-khô-thay, thành lập quốc gia thống nhất (Thái Lan ngày nay). Vương quốc Lan Xang được thành lập (Lào ngày nay). Nhiều nước nhỏ trên hai đảo Xu-ma-tra và Gia-va (In-đô-nê-xi-a) đã được thống nhất dưới thời Vương triều Mô-giô-pa-hit. Vương quốc Ma-lắc-ca được thành lập và ngày càng hưng thịnh.

Hình 2. Lược đồ các vương quốc phong kiến Đông Nam Á
(từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI)

Ở các vương quốc, bộ máy nhà nước dần được củng cố với sự tăng cường quyền lực của nhà vua và hoàn chỉnh hệ thống quan lại các cấp. Luật pháp cũng ngày càng được hoàn thiện với sự xuất hiện nhiều bộ luật như *Si-va-sa-xa-na* (In-đô-nê-xi-a), *Hình thư* (Đại Việt),...

Nhờ sự phát triển của nền nông nghiệp lúa nước cùng với hoạt động giao lưu buôn bán bằng đường biển, kinh tế ở các vương quốc trong những thế kỉ này phát triển khá thịnh đạt.

Vào thế kỉ XV, Ma-lắc-ca có lẽ là nơi duy nhất trên thế giới mà người ta mua rất dễ dàng hàng hoá Trung Quốc (đồ sứ, tơ lụa, gương), Ấn Độ (ngọc trai, vải bông mịn), Gia-va và Xu-ma-tra (thóc lúa, gia vị, vàng, trâu bò,...), Tây Á và châu Âu (hàng len), Đông Nam Á lục địa (gỗ trầm, gỗ đàn hương, đá quý, hồ tiêu, hương liệu),...

(Theo Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, 2008, tr.145)

Kết nối với ngày nay

Eo biển Ma-lắc-ca nằm giữa In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po, nối Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Ngày nay, đây là eo biển nhộn nhịp, chiếm khoảng 30% giao dịch thương mại thế giới hằng năm. Nhiều nền kinh tế lớn như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc,... phụ thuộc rất lớn vào hoạt động thương mại thông qua eo biển này.

? 1. Khai thác hình 2 và thông tin trong mục, trình bày sơ lược sự hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

2. Từ tư liệu trên, em có nhận xét gì về hoạt động kinh tế của Vương quốc Ma-lắc-ca?

2 Những thành tựu văn hoá tiêu biểu

a) Tín ngưỡng – tôn giáo

Từ thế kỉ XIII, dòng Phật giáo tiểu thừa được truyền bá và phổ biến ở Đông Nam Á như ở Lan Xang, Cam-pu-chia, các vương quốc của người Thái, người Miến Điện thuộc Thái Lan, Mi-an-ma ngày nay,... Nhiều ngôi chùa mới được xây dựng, không chỉ là nơi thờ phụng mà còn trở thành những trung tâm văn hoá thời bấy giờ.

Hình 3. Công viên lịch sử Su-khô-thay – trung tâm Phật giáo lớn nhất Thái Lan thế kỉ XIV

Hồi giáo cũng theo chân các thương nhân Ả Rập, Ấn Độ du nhập vào Đông Nam Á vào thế kỉ XII – XIII. Đến những thế kỉ sau đó, hàng loạt tiểu quốc Hồi giáo ra đời và Hồi giáo trở thành quốc giáo.

b) Chữ viết – văn học

Đầu thế kỉ XIII, chữ Thái được hình thành dựa trên hệ thống chữ Phạn của người Ấn; khoảng thế kỉ XIV, chữ Lào ra đời. Trên cơ sở cải tiến chữ Hán (Trung Quốc), người Việt đã tạo ra chữ Nôm,...

Bên cạnh văn học dân gian, dòng văn học viết xuất hiện và phát triển nhanh với nhiều tác phẩm nổi tiếng.

Ở In-đô-nê-xi-a có những tác phẩm nổi tiếng phản ánh sự hưng thịnh của vương quốc như cuốn *Sách của các ông vua*, trường ca *Ne-ga-rắc Re-ta-ga-ma*.

Ở Ma-lai-xi-a, sự hưng thịnh của Vương quốc Ma-lắc-ca được phản ánh qua tác phẩm khuyết danh *Truyện sử Mã Lai*.

Kết nối với văn hoá

Chùa Vàng là ngôi chùa nổi tiếng nhất ở Mi-an-ma hiện nay. Trong chùa, người ta dùng tới 5 448 viên kim cương, 9 300 lá vàng để trang trí. Có đến 1 065 chuông vàng và 421 chuông bạc được treo ở mọi nơi trong chùa.

c) Kiến trúc, điêu khắc

Nhiều công trình kiến trúc như đền, chùa, tháp,... được xây dựng đã trở thành các di tích lịch sử, văn hoá nổi tiếng thế giới như khu đền Ăng-co (Cam-pu-chia), chùa Vàng (Mi-an-ma), chùa Vàng (Thái Lan),...

Nghệ thuật điêu khắc và tạc tượng thần, Phật, phù điêu,... thể hiện sự ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc và sự sáng tạo của các nghệ nhân Đông Nam Á.

Hình 4. Chùa Vàng (Mi-an-ma)

? 1. Hãy nêu thành tựu văn hoá tiêu biểu của các quốc gia ở Đông Nam Á và rút ra nhận xét.

2. Nhiều quốc gia Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết riêng có ý nghĩa như thế nào?

Luyện tập – Vận dụng

1. Hãy thể hiện trên trục thời gian các sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

2. Tìm hiểu thêm từ sách, báo và internet về một thành tựu văn hoá tiêu biểu của các nước Đông Nam Á thời kì này mà em ấn tượng nhất và viết bài (hoặc làm bài thiết kế đồ hoạ – inforgraphic) giới thiệu về thành tựu đó.

Bài 7

VƯƠNG QUỐC LÀO

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.
- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.
- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.

Hình bên là một công trình văn hoá tiêu biểu cho khả năng sáng tạo của người Lào, được chọn làm hình ảnh trung tâm trên Quốc huy của nước Lào ngày nay. Theo em, công trình này được xây dựng vào thời kì nào? Hãy chia sẻ một số hiểu biết của em về đất nước Lào thời kì đó.

Hình 1. Thạt Luổng

1 Quá trình hình thành, phát triển của Vương quốc

Đất nước Lào gắn liền với dòng sông Mê Công. Nơi đây từ xa xưa đã có người sinh sống, gọi là người Lào Thơng. Đến thế kỉ XIII, một nhóm người nói tiếng Thái di cư đến đất Lào, gọi là người Lào Lùm. Họ sinh sống hoà hợp với người Lào Thơng, hợp chung là người Lào. Tổ chức xã hội sơ khai của người Lào là các mường cổ.

Năm 1353, một tộc trưởng người Lào là Pha Ngừm đã tập hợp và thống nhất các mường Lào, lên ngôi vua, đặt tên nước là Lan Xang (nghĩa là Triệu Voi). Từ đó, Vương quốc Lào từng bước phát triển và đạt tới sự thịnh vượng trong các thế kỉ XV – XVII.

Kết nối với văn hoá

Theo truyền thuyết, Pha Ngừm được nuôi dạy và lớn lên trong triều đình Cam-pu-chia. Pha Ngừm được vua Cam-pu-chia gả con gái cho, sau đó ông đem quân về chinh phục các mường Lào và lên ngôi vua.

? Hãy trình bày quá trình hình thành, phát triển của Vương quốc Lào.

❷ Vương quốc Lào thời Lan Xang

Được thành lập từ giữa thế kỉ XIV, Vương quốc Lan Xang bước vào giai đoạn phát triển thịnh vượng trong các thế kỉ XV – XVII, biểu hiện như sau:

Tổ chức nhà nước	• Vương quốc được chia thành 7 mường (tỉnh). • Đứng đầu nhà nước là vua, dưới vua có một phó vương và 7 quan đại thần kiêm tổng đốc tỉnh. • Quân đội bao gồm quân thường trực của nhà vua và quân địa phương.
Kinh tế, xã hội	• Sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và chăn nuôi gia súc khá phát triển. • Việc khai thác các sản vật quý được chú trọng. • Trao đổi, buôn bán vượt ra ngoài biên giới. • Cuộc sống của cư dân thanh bình, sung túc.
Ngoại giao	Giữ quan hệ hoà hiếu với các quốc gia láng giềng (như Cam-pu-chia và Đại Việt) nhưng luôn kiên quyết chống quân xâm lược (Miến Điện) để bảo vệ độc lập.

Em có biết?

Vào nửa sau thế kỉ XVI, quân Miến Điện đã ba lần xâm lược Lan Xang. Triều đình và nhân dân Lan Xang đã dũng cảm chiến đấu để bảo vệ lãnh thổ và nền độc lập của mình.

- *Nguyễn Trãi đã viết: "Nước này [Lan Xang] có tê, voi, sáp trắng, vải bông, chiêng đồng".*
- *Lê Quý Đôn cho biết: Lúc bấy giờ, người Việt mang các sản vật của mình như muối, mắm, cá khô, đồ sắt, nồi đồng, thoi bạc,... sang Lào bán đổi lấy thóc gạo, gà, trâu, sáp,...*

(Theo Lương Ninh, *Đất nước Lào: Lịch sử và văn hoá*, NXB Chính trị quốc gia, 1996, tr.92, 93)

? 1. Khai thác tư liệu trên cho em biết điều gì về kinh tế của Vương quốc Lan Xang.
2. Hãy nêu và đánh giá về sự phát triển của Vương quốc Lan Xang.

3 Một số nét tiêu biểu về văn hoá

Dưới thời phong kiến, người Lào đã xây dựng được một nền văn hoá riêng của mình.

Người Lào đã sáng tạo hệ thống chữ viết riêng, được xây dựng trên cơ sở vận dụng các nét chữ cong của Cam-pu-chia và Mi-an-ma.

Họ thích ca múa nhạc nên đã sáng tạo ra những điệu múa vui tươi, cởi mở như điệu múa hoa Chăm-pa,...

Nhiều công trình kiến trúc Phật giáo được xây dựng, tiêu biểu nhất là Thạt Luổng.

Hình 2. Điệu múa truyền thống của Lào

Kết nối với văn hoá

Thạt Luổng là một công trình kiến trúc đồ sộ, gồm một tháp lớn hình nậm rượu, đặt trên đế hình hoa sen, dưới là một cái bệ khổng lồ hình bán cầu nhưng lại tạo thành bốn múi có đáy vuông. Xung quanh bệ tháp là một dãy tháp thu nhỏ. Hình ảnh quả bầu trên đỉnh Thạt Luổng thể hiện nét rất riêng của kiến trúc Lào. Di tích này đã được công nhận Di sản văn hoá thế giới năm 1992.

? Hãy nêu một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.

Luyện tập – Vận dụng

1. Lập trục thời gian và điền các thông tin về sự hình thành, phát triển của Vương quốc Lào.

2. Tìm hiểu thêm từ sách, báo và internet về những thành tựu văn hoá tiêu biểu của đất nước Lào. Em ấn tượng nhất về thành tựu nào? Vì sao?

Bài 8

VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia.
- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co.
- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Cam-pu-chia.

Từ thế kỉ VI, vương quốc của người Khơ-me hình thành với tên gọi là Chân Lạp (sau đó gọi là Cam-pu-chia). Cư dân nơi đây đã xây dựng được nền văn hoá đặc sắc trên cơ sở tiếp thu văn hoá Ấn Độ. Trong thời kì tiếp theo, Vương quốc Cam-pu-chia phát triển như thế nào? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em vương quốc này.

1 Quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc

Năm 802, vua Giay-a-vác-man II thống nhất lãnh thổ, đổi tên nước là Cam-pu-chia, mở ra thời kì Ăng-co – thời kì phát triển rực rỡ nhất của Vương quốc Cam-pu-chia kéo dài từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV.

Đến thế kỉ XV, do sự tranh giành quyền lực giữa các phe phái và sự tấn công của người Thái đã khiến cho Vương quốc Cam-pu-chia suy yếu. Người Khơ-me phải chuyển kinh đô từ Ăng-co về phía nam Biển Hồ (Phnôm Pênh ngày nay).

? Hãy vẽ trục thời gian thể hiện những nét chính về quá trình hình thành, phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia.

2 Sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co

Thời Ăng-co, đất nước thống nhất, ổn định. Các nhà vua của vương triều ra sức củng cố quyền lực, đồng thời quan tâm đến đời sống nhân dân.

Vua Giay-a-vác-man VII thực hiện nhiều hoạt động công ích như: mở rộng đường giao thông, lập nhà nghỉ chân cho lữ khách, lập các cơ sở khám, chữa bệnh trên khắp lãnh thổ.

Kinh tế có bước phát triển, nhất là nông nghiệp. Người ta đào nhiều hồ, kênh mương để trữ và điều phối nước tưới như: hồ Ba-ray Tây, Ba-ray Đông. Cư dân đánh bắt cá ở Biển Hồ, khai thác lâm thổ sản,... Nhiều thợ thủ công Cam-pu-chia biết làm đồ trang sức, chạm khắc trên các bức phù điêu bằng đá của đền, tháp rất khéo léo.

Em có biết?

Ăng-co là tên kinh đô, được xây dựng ở vùng Tây Bắc Biển Hồ (nay thuộc tỉnh Xiêm Riệp). Sau này, người ta lấy Ăng-co đặt tên cho thời kì dài nhất và phát triển rực rỡ nhất của Vương quốc Cam-pu-chia phong kiến.

Các vị vua thời kì Ăng-co không ngừng mở rộng quyền lực ra bên ngoài thông qua những cuộc tấn công quân sự, biến vương quốc này trở thành một cường quốc trong khu vực.

Lãnh thổ của vương quốc đã mở rộng sang vùng hạ lưu sông Chao Phray-a (Thái Lan ngày nay) và vùng trung lưu sông Mê Công (Lào ngày nay). Đặc biệt, năm 1190, quân Cam-pu-chia tiến đánh và biến Chăm-pa thành một tỉnh của vương quốc này.

? Hãy nêu và đánh giá về sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời kì Ăng-co.

3 Một số nét tiêu biểu về văn hoá

Người Khơ-me có nhiều tín ngưỡng dân gian như: tín ngưỡng phồn thực, tục cầu mưa,... Thời kì này, bên cạnh Hin-đu giáo thì Phật giáo cũng được đề cao với nhiều công trình kiến trúc lớn mang dấu ấn Phật giáo được xây dựng.

Trên cơ sở hệ thống chữ viết được sáng tạo ra vào thế kỉ VII, chữ viết của người Khơ-me ngày càng được hoàn chỉnh hơn. Dòng văn học dân gian và văn học viết với các truyện thần thoại, truyện cười, truyện thơ,... rất phong phú.

Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời kì này rất phát triển, tiêu biểu là quần thể đền tháp đồ sộ và độc đáo Ăng-co Vát, Ăng-co Thom,...

Hình. Đền Bay-on nằm trong quần thể đền Ăng-co Thom

Em có biết?

Quần thể đền Ăng-co là di tích nổi tiếng của Cam-pu-chia. Kiến trúc khu đền mô phỏng ngọn núi Mê-ru vĩ đại của Ấn Độ, với ngọn tháp trung tâm cao nhất tới 65m và 5 ngọn tháp xung quanh tương ứng với 5 đỉnh núi. Toàn bộ kiến trúc được xây bằng đá sa thạch và đá tổ ong. Tất cả những khối đá lớn đó được xếp chồng lên nhau mà không cần chất kết dính hay bê tông cốt thép.

? Trình bày những nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Cam-pu-chia.

Luyện tập – Vận dụng

1. Lập bảng hệ thống (hoặc sơ đồ tư duy) thể hiện sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời kì Ăng-co.

2. Hãy đóng vai một hướng dẫn viên du lịch và giới thiệu về một di sản văn hoá tiêu biểu của Cam-pu-chia mà em ấn tượng nhất.

CHƯƠNG 4

ĐẤT NƯỚC DƯỚI THỜI CÁC VƯƠNG TRIỀU NGÔ – ĐINH – TIỀN LÊ (939 – 1009)

Các vương triều Ngô – Đinh – Tiền Lê đã hoàn thành sự nghiệp khôi phục nền độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng chính quyền quân chủ và đặt nền móng cho thời kì phục hưng mạnh mẽ của dân tộc.

Trong chương này, em sẽ tìm hiểu về:

- Đất nước buổi đầu độc lập (939 – 967).
- Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 – 1009).

Khu di tích Cổ Loa (Hà Nội)

Khu di tích Hoa Lư (Ninh Bình)

Bài 9

ĐẤT NƯỚC BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP (939 – 967)

▶ ***Học xong bài này, em sẽ:***

- Nêu được những nét chính về tổ chức chính quyền, đời sống xã hội và văn hoá dưới thời Ngô.
- Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh.

Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt hoàn toàn ách đô hộ của phong kiến phương Bắc hơn một nghìn năm, mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc. Ngô Quyền đã làm gì để xây dựng chính quyền độc lập mà sau này nhà sử học Lê Văn Hưu (thời Trần) đã nhận xét: "Chính thống của nước Việt ta, ngõ hầu đã được nối lại"?

1 Ngô Quyền dựng nền độc lập

Năm 939, sau chiến thắng Bạch Đằng, Ngô Quyền bỏ chức tiết độ sứ, xưng vương và đóng đô ở Cổ Loa (Hà Nội).

Chính quyền mới được thiết lập do vua là người đứng đầu, có quyền quyết định mọi việc, dưới có các quan văn, võ phụ trách từng công việc. Ở địa phương, vua giao các tướng lĩnh trấn giữ các châu quan trọng.

Đất nước được yên bình, văn hoá dân tộc được chú ý khôi phục.

Em có biết?

Ngô Quyền cử Ngô Xương Ngập cai quản vùng Đông Bắc, Đinh Công Trứ cai quản châu Hoan (Nghệ An – Hà Tĩnh), Kiều Công Hãn cai quản châu Phong (Phú Thọ),...

Từ đây, nền độc lập dân tộc được khẳng định, tạo ra nền tảng căn bản cho công cuộc phát triển đất nước sau này.

1. *"Tiền Ngô [Vương] nổi lên không chỉ có công chiến thắng mà thôi, việc đặt trăm quan, chế định triều nghi phẩm phục, có thể thấy được quy mô của bậc đế vương."*

(Theo Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, NXB Khoa học xã hội, 1993, tr.205)

? 1. Em hãy trình bày những nét chính về tổ chức chính quyền, đời sống xã hội và văn hoá thời Ngô.

2. Quyết định bỏ chức tiết độ sứ, thiết lập chính quyền độc lập của Ngô Quyền có ý nghĩa như thế nào?

2 Công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh

Năm 944, Ngô Quyền mất, chính quyền nhà Ngô suy yếu nhanh chóng. Nhân cơ hội đó, các thế lực hào trưởng địa phương nổi lên, mỗi người chiếm cứ một vùng. Đến năm 965, chính quyền nhà Ngô tan rã, đất nước lâm vào tình trạng cát cứ của 12 sứ quân.

Hình 1. Lược đồ cát cứ của 12 sứ quân

Trong hoàn cảnh đó, tại đất Hoa Lư (Ninh Bình) xuất hiện nhân vật Đinh Bộ Lĩnh.

Với tài năng của mình, lại được nhân dân ủng hộ, Đinh Bộ Lĩnh đánh đâu thắng đó, được tôn là Vạn Thắng Vương. Trong 2 năm (966 – 967), bằng các biện pháp vừa mềm dẻo vừa cứng rắn, ông đã lần lượt dẹp yên các sứ quân, chấm dứt tình trạng cát cứ, thống nhất đất nước và sau đó lập ra nhà Đinh.

Em có biết?

Đinh Bộ Lĩnh là người động Hoa Lư (Gia Viễn, Ninh Bình), con trai Đinh Công Trứ (Thứ sử Hoan Châu). Hồi nhỏ, ông thường cùng trẻ con trong vùng chăn trâu, chơi trò tập trận, khiêng kiệu, lấy bông lau làm cờ.

2. Nhà sử học Lê Văn Hưu nhận xét: "Tiên Hoàng nhờ có tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, đương lúc nước Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ, một phen cất quân mà mười hai sứ quân phục hết".

(Theo Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sđd, tr.211)

Hình 2. Đền thờ Đinh Tiên Hoàng thuộc Quần thể di tích danh thắng Tràng An – được UNESCO công nhận Di sản văn hoá thế giới năm 2014

1. Em hãy nêu tình hình nước ta sau khi Ngô Quyền mất.
2. Hãy trình bày công cuộc thống nhất đất nước và thành lập nhà Đinh của Đinh Bộ Lĩnh.

Luyện tập – Vận dụng

1. Em hãy đánh giá công lao của Ngô Quyền trong buổi đầu độc lập.
2. Những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc?
3. Có ý kiến cho rằng: Ngô Quyền quyết định về đóng đô ở Cổ Loa là để tiếp nối truyền thống cha ông. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Bài 10

ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐINH VÀ TIỀN LÊ (968 – 1009)

▶ ***Học xong bài này, em sẽ:***

- Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Đinh – Tiền Lê.
- Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981.
- Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Đinh – Tiền Lê.

Ngô Quyền với chiến thắng Bạch Đằng lịch sử đã khôi phục hoàn toàn nền độc lập dân tộc sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc, vậy hai triều Đinh và Tiền Lê đã củng cố và bảo vệ nền độc lập đó như thế nào?

1 Công cuộc xây dựng chính quyền và bảo vệ đất nước thời Đinh – Tiền Lê

a) Chính quyền thời Đinh

Sau khi thống nhất đất nước, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đặt niên hiệu là Thái Bình, đóng đô ở Hoa Lư (Ninh Bình).

Chính quyền thời Đinh được kiện toàn thêm một bước. Ở Trung ương đứng đầu là hoàng đế có quyền lực cao nhất, giúp việc có Ban Văn, Ban Võ và cao tăng. Chính quyền địa phương gồm các cấp: đạo (châu), giáp, xã.

Nhà vua phong vương cho các hoàng tử, cử tướng lĩnh thân cận nắm giữ chức vụ chủ chốt, cho đúc tiền để lưu hành trong nước. Những người phạm tội nặng bị xử phạt rất nghiêm khắc. Nhà Đinh tổ chức quân đội gồm 10 đạo, sai sứ sang giao hảo với nhà Tống.

Những việc làm của Đinh Tiên Hoàng là sự khẳng định ở mức độ cao hơn vị thế độc lập của Đại Cồ Việt.

Kết nối với địa lí

Hoa Lư là một vùng đất hẹp, xung quanh có nhiều núi. Nhà Đinh cho xây dựng các bức tường để nối các dãy núi, hình thành hai khu vực: thành Nội và thành Ngoại. Trong thành có cung điện, có chùa Nhất Trụ, tháp Báo Thiên. Bên ngoài thành là nơi nhân dân sinh sống.

? Dựa vào thông tin trong mục, em hãy vẽ sơ đồ tổ chức chính quyền thời Đinh và rút ra nhận xét.

b) Cuộc kháng chiến chống Tống (năm 981)

Cuối năm 979, Đinh Tiên Hoàng và con trai trưởng là Đinh Liễn bị ám sát. Con thứ là Đinh Toàn mới 6 tuổi nối ngôi. Lê Hoàn được cử làm phụ chính. Nhân cơ hội đó, nhà Tống âm mưu xâm lược Đại Cồ Việt. Triều thần đồng lòng suy tôn Lê Hoàn lên làm vua để lãnh đạo kháng chiến.

Em có biết?

Lê Hoàn (941 – 1005) quê ở Ái Châu (Thanh Hoá). Bố mẹ mất sớm, ông được một viên quan họ Lê nhận làm con nuôi. Lớn lên, ông giúp Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp 12 sứ quân. Là người tài giỏi, mưu lược, ông được triều Đinh phong làm Thập đạo tướng quân.

Đầu năm 981, quân Tống do Hầu Nhân Bảo làm tổng chỉ huy, theo hai đường thuỷ, bộ tiến đánh Đại Cồ Việt.

Lê Hoàn trực tiếp tổ chức, lãnh đạo kháng chiến. Nhiều trận chiến ác liệt đã diễn ra ở Đại La, Lục Đầu Giang, Bạch Đằng, Tây Kết,... khiến quân giặc bị tổn thất nặng nề. Tướng Hầu Nhân Bảo tử trận. Quân Tống đại bại, buộc phải rút về nước.

Hình 1. Lược đồ cuộc kháng chiến chống Tống năm 981

Cuộc kháng chiến chống Tống thắng lợi vẻ vang đã bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, chứng tỏ bước phát triển mới của quốc gia Đại Cồ Việt.

? Hãy trình bày những nét chính về cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 trên lược đồ.

c) *Chính quyền thời Tiền Lê*

Lê Hoàn lập nên nhà Tiền Lê, đổi niên hiệu là Thiên Phúc, tiếp tục công cuộc xây dựng quốc gia độc lập.

Chính quyền Trung ương do vua đứng đầu, nắm mọi quyền hành. Giúp vua bàn việc nước có thái sư (quan đứng đầu triều) và đại sư (nhà sư có danh tiếng). Dưới vua là các quan văn, quan võ. Các con vua được phong vương và trấn giữ các vùng hiểm yếu.

Ở địa phương, cả nước được chia thành 10 *đạo*. Đến năm 1002, vua cho đổi đạo thành *lộ, phủ, châu* rồi đến *giáp*. Đơn vị cấp cơ sở là *xã*. Các quan lại địa phương chưa được sắp xếp đầy đủ.

Quân đội được xây dựng gồm hai bộ phận: cấm quân (bảo vệ vua và kinh thành) và quân đóng tại các địa phương.

Triều đình chú trọng xây dựng pháp luật như định ra luật lệnh (năm 1002) và tăng cường quan hệ ngoại giao với nhà Tống.

? Nêu những nét chính về tổ chức chính quyền thời Tiền Lê.

2 Đời sống xã hội và văn hoá thời Đinh – Tiền Lê

a) Tình hình xã hội

Xã hội phân chia thành hai bộ phận là thống trị và bị trị. Bộ phận thống trị gồm vua, quan; bị trị chủ yếu là người dân lao động (nông dân, thợ thủ công, thương nhân, nô tì). Nông dân có số lượng đông đảo nhất, cày cấy ruộng đất công làng xã. Nô tì có địa vị thấp kém nhất, số lượng không nhiều.

b) Đời sống văn hoá

Thời Đinh – Tiền Lê, giáo dục chưa phát triển. Nho giáo chưa có ảnh hưởng sâu rộng. Phật giáo được truyền bá rộng rãi, chùa được xây dựng ở nhiều nơi, các nhà sư thường là người có học, giỏi chữ Hán, được triều đình đề cao và nhân dân quý trọng.

Hình 2. Cột kinh Phật thời Đinh nằm trong khuôn viên Di tích cấp quốc gia chùa Nhất Trụ (Hoa Lư, Ninh Bình ngày nay)

Xu hướng khôi phục và phát triển văn hoá dân tộc bước đầu đạt được một số thành tựu. Nhiều loại hình văn hoá dân gian tiếp tục được giữ gìn trong đời sống như ca hát, nhảy múa, đua thuyền, đấu võ, đấu vật,...

? 1. Trình bày những nét chính về tình hình xã hội thời Đinh – Tiền Lê.

2. Đời sống văn hoá thời Đinh – Tiền Lê có điểm gì nổi bật?

Luyện tập – Vận dụng

1. Em hãy so sánh tổ chức chính quyền thời Đinh và Tiền Lê với thời Ngô.
2. Em có nhận xét gì về vai trò của Lê Hoàn trong cuộc kháng chiến chống Tống năm 981?
3. Giả sử em là Đinh Tiên Hoàng, em có chọn đặt kinh đô ở Hoa Lư không? Vì sao?

CHƯƠNG 5

ĐẠI VIỆT THỜI LÝ – TRẦN – HỒ (1009 – 1407)

Từ đầu thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XV, trải qua các triều đại Lý – Trần – Hồ, công cuộc xây dựng, phát triển đất nước được nâng lên một tầm cao mới. Các vương triều này cũng đã tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược từ phương Bắc, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Trong chương này, em sẽ tìm hiểu về:

- Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 – 1225).
- Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 – 1077).
- Đại Việt thời Trần (1226 – 1400).
- Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
- Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 – 1407).

Chùa Một Cột (Hà Nội)

Bài 11

NHÀ LÝ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC (1009 – 1225)

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được những nét chính về sự thành lập nhà Lý.
- Đánh giá ý nghĩa của sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.
- Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Lý.
- Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục.

Năm 1009, nhà Lý được thành lập. Không lâu sau khi lên ngôi, Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La. Sự kiện này có ý nghĩa như thế nào đối với lịch sử dân tộc? Nhà Lý đã làm những gì để xây dựng và phát triển đất nước?

1 Nhà Lý thành lập và định đô ở Thăng Long

Em có biết?

Lý Công Uẩn quê ở châu Cổ Pháp (Từ Sơn – Bắc Ninh). Thuở nhỏ, ông theo học sư Vạn Hạnh. Khi Vạn Hạnh vào Kinh đô Hoa Lư đã đưa ông đi theo. Sau này, Lý Công Uẩn làm quan trong triều Tiền Lê, đến chức Điện tiền Chỉ huy sứ, chỉ huy cấm quân. Là người có tài đức nên ông được triều thần rất quý trọng.

Năm 1005, Lê Hoàn mất. Lê Long Đĩnh nối ngôi, đã thi hành nhiều chính sách tàn bạo. Năm 1009, sau khi Lê Long Đĩnh mất, giới sư sãi và đại thần đã tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua. Nhà Lý được thành lập.

Hình 1. Tượng đài vua Lý Thái Tổ (Hà Nội)

Năm 1010, vua Lý Công Uẩn đặt niên hiệu là Thuận Thiên, quyết định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La (Hà Nội ngày nay) và đổi tên là Thăng Long.

Trong Chiếu dời đô có đoạn:

1. *"... thành Đại La... ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật hết sức tươi tốt, phồn thịnh.*

   Xem khắp nước Việt, đó là thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời".

(Theo Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sđd, tr.241)

Em có biết?

Sử chép, khi thuyền nhà vua tạm đỗ dưới thành Đại La, có rồng vàng hiện lên, nhân đó đổi tên thành là Thăng Long (có nghĩa là *Rồng bay lên*).

Ở khu vực trung tâm, nhà Lý đã xây dựng nhiều cung điện làm nơi làm việc của vua và triều đình, nơi ở của hoàng gia. Bên ngoài là khu vực buôn bán, làm ăn của dân chúng. Năm 1054, nhà Lý đổi tên nước là Đại Việt.

▲ Hình 2. Sơ đồ phục dựng Cấm thành trong Hoàng thành Thăng Long

Em có biết?

Kinh thành Thăng Long được xây dựng gồm ba vòng thành. Cấm thành và Hoàng thành được bảo vệ nghiêm ngặt, là nơi ở của vua và hoàng tộc, làm việc của triều đình. Vòng thành thứ ba là La thành.

? 1. Nhà Lý được thành lập như thế nào?

2. Khai thác tư liệu 1, tìm những từ, cụm từ miêu tả về thành Đại La. Những thông tin đó chứng tỏ điều gì về vùng đất này? Từ đó, hãy cho biết ý nghĩa của sự kiện dời đô của Lý Công Uẩn.

2 Tình hình chính trị

a) Tổ chức chính quyền

Nhà Lý xây dựng hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương. Đứng đầu là vua, dưới có các quan đại thần (quan văn, quan võ) giúp việc. Vua ở ngôi theo chế độ cha truyền con nối. Những người thân tín được cất nhắc lên nắm các chức vụ cao trong triều đình.

Nhà Lý chia cả nước thành 24 *lộ, phủ*, ở miền núi gọi là *châu*. Dưới lộ (phủ, châu) là *hương, huyện*. Đơn vị cấp cơ sở là *xã*.

Em có biết?

"Ngụ binh ư nông" là chính sách "gửi lính ở nhà nông", cho quân sĩ luân phiên về cày ruộng và thanh niên đăng kí tên vào sổ nhưng vẫn ở nhà sản xuất, khi cần triều đình sẽ huy động tham gia quân đội.

b) Xây dựng luật pháp và quân đội

Bộ *Hình thư* được ban hành năm 1042, là bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta.

Quân đội nhà Lý được huấn luyện chu đáo, chia thành hai bộ phận: cấm quân (được tuyển chọn chặt chẽ có nhiệm vụ bảo vệ nhà vua và kinh thành) và quân địa phương (được tuyển chọn từ các làng xã có nhiệm vụ bảo vệ các lộ, phủ và được huy động khi đất nước có chiến tranh). Nhà Lý thi hành chính sách "ngụ binh ư nông".

c) Chính sách đối nội, đối ngoại

Để củng cố khối đoàn kết toàn dân tộc, nhà Lý thực hiện chính sách mềm dẻo, khôn khéo; song cũng kiên quyết trấn áp những thế lực có mưu đồ tách khỏi Đại Việt.

> 2. *Vua Lý Công Uẩn đã gả con gái cho tù trưởng động giáp ở Lạng Châu là Giáp Thừa Quý... Thái Tông gả công chúa Kim Thành cho châu mục Phong Châu, Thái Tông lại lấy con gái của Đào Đại Di ở châu Chân Đăng làm phi...*
>
> (Theo Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, Tập I, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.556)

Nhà Lý giữ mối quan hệ hoà hiếu với nhà Tống, dẹp tan cuộc tấn công của Chăm-pa, đưa quan hệ Đại Việt – Chăm-pa trở lại bình thường.

? 1. Tư liệu 2 cho em biết điều gì về chính sách của nhà Lý đối với các tù trưởng miền núi?

2. Hãy cho biết những nét chính về tình hình chính trị thời Lý.

3 Tình hình kinh tế, xã hội

a) Tình hình kinh tế

Nông nghiệp: Nhà Lý thực hiện nhiều biện pháp thúc đẩy sản xuất nông nghiệp như: thi hành chính sách "ngụ binh ư nông", cày ruộng tịch điền, bảo vệ trâu bò, khai khẩn đất hoang, đào kênh mương, đắp đê phòng lụt,... Nhờ vậy nhiều năm mùa màng bội thu.

Mùa xuân năm 1038, vua Lý Thái Tông ra Bố Hải Khẩu (Thái Bình) cày tịch điền. Vua đích thân tế Thần Nông rồi tự cày những đường đầu tiên. Có người can rằng: "Đó là công việc của nông phu, bệ hạ việc gì làm thế". Vua nói: "Trẫm không tự mình cày cấy thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì cho thiên hạ noi theo".

Thủ công nghiệp: Thủ công nghiệp thời kì này khá phát triển, bao gồm hai bộ phận: thủ công nghiệp nhà nước (đúc tiền, chế tạo binh khí, dệt lụa, làm phẩm phục của triều đình,...) và thủ công nghiệp nhân dân (làm đồ trang sức, làm giấy, đúc đồng, ươm tơ, dệt lụa, làm đồ gốm, xây dựng đền đài, cung điện,...).

Chuông Quy Điền, tháp Báo Thiên là những di vật, công trình nổi tiếng do thợ thủ công thời Lý tạo nên.

Hình 3. Ấm gốm hoa nâu thời Lý

3. Năm 1040, vua đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc. Sau đó vua xuống chiếu phát hết gấm vóc của nước Tống ở trong kho để may áo ban cho các quan... để tỏ ra vua không dùng gấm vóc nước Tống nữa.

(Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sđd, tr.261)

Thương nghiệp: Ở các địa phương, hình thành các chợ và một số trung tâm trao đổi hàng hoá.

Quan hệ buôn bán giữa Đại Việt với Trung Quốc khá phát triển, nhiều chợ ở vùng biên giới được hình thành. Cảng biển Vân Đồn (Quảng Ninh ngày nay) trở thành nơi buôn bán với nước ngoài rất sầm uất.

Hình 4. "Thuận Thiên đại bảo" – đồng tiền đầu tiên của nhà Lý

b) Tình hình xã hội

Xã hội có xu hướng phân hoá hơn.

Tầng lớp quý tộc (vua, quan) có nhiều đặc quyền. Một số ít dân thường có nhiều ruộng đất trở thành địa chủ. Nông dân chiếm đa số trong dân cư, nhận ruộng đất công làng xã để cày cấy và nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ với nhà nước; một số phải lĩnh canh ruộng đất và nộp tô cho địa chủ. Thợ thủ công và thương nhân khá đông đảo. Nô tì có địa vị thấp kém nhất, phục vụ trong triều đình và gia đình quan lại.

? 1. Em có nhận xét gì về các chính sách của nhà Lý trong phát triển kinh tế? Theo em, những chính sách đó có tác dụng gì?

2. Trình bày nét chính về tình hình kinh tế, xã hội Đại Việt thời Lý.

4 Tình hình văn hoá, giáo dục

a) Tôn giáo

Phật giáo được các vua Lý tôn sùng và truyền bá rộng rãi trong nhân dân. Nho giáo bắt đầu được mở rộng và ngày càng có vai trò trong xã hội. Đạo giáo cũng khá thịnh hành, được kết hợp với các tín ngưỡng dân gian.

Kết nối với văn hoá

Trong một giấc chiêm bao, vua Lý Thái Tông mơ thấy được Phật Bà Quan Âm ngồi trên toà sen dắt vua lên toà. Vua kể chuyện đó với quần thần và được khuyên dựng chùa. Năm 1049, nhà vua cho xây chùa Diên Hựu (Một Cột). Chùa được đặt trên một cột đá cao tượng trưng cho một bông sen nở trên mặt nước.

b) Văn học, nghệ thuật

Thời Lý, văn học chữ Hán bước đầu phát triển, xuất hiện một số tác phẩm văn học có giá trị như *Chiếu dời đô, Nam quốc sơn hà*,...

Hát chèo, múa rối nước đều phát triển. Các trò chơi dân gian như đá cầu, đấu vật, đua thuyền,... rất được ưa chuộng.

Thời kì này, một số công trình kiến trúc có quy mô tương đối lớn và độc đáo được xây dựng như Cấm thành, chùa Một Cột,... Trình độ điêu khắc tinh vi, thanh thoát, được thể hiện trên các tượng Phật, ở hình trang trí rồng, phượng và các bệ đá hình hoa sen,...

Hình 5. Tượng Phật A Di Đà (chùa Phật Tích, Bắc Ninh)

Hình 6. Ngói úp trang trí đôi chim phượng bằng đất nung thời Lý (được tìm thấy ở Hoàng thành Thăng Long)

c) Giáo dục

Nhà Lý đã chú ý đến việc học tập, thi cử để tuyển chọn những người tài bổ sung vào bộ máy chính quyền. Năm 1070, nhà Lý cho dựng Văn Miếu; năm 1075, cho mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn quan lại. Năm 1076, Quốc Tử Giám được thành lập, là nơi học tập của con em quý tộc; sau đó, mở rộng đến con quan lại và những người giỏi trong nước.

Em có biết?

Người đỗ đầu kì thi năm 1075 là Lê Văn Thịnh (quê ở Gia Bình, Bắc Ninh) được vào cung dạy Thái tử và làm quan đến chức Thái sư.

Hình 7. Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội ngày nay)

1. Giới thiệu những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý.
2. Việc xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám và mở khoa thi đầu tiên có ý nghĩa như thế nào?

Luyện tập – Vận dụng

1. Lập bảng hệ thống (hoặc sơ đồ tư duy) thể hiện những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá thời Lý.
2. So sánh và cho biết tổ chức nhà nước thời Lý có điểm gì khác so với thời Đinh – Tiền Lê. Qua đó chứng tỏ điều gì về tổ chức nhà nước thời Lý?
3. Hãy sưu tầm từ sách, báo và internet về một thành tựu văn hoá, giáo dục tiêu biểu thời Lý. Viết một đoạn văn ngắn (7 – 10 câu) giới thiệu về thành tựu đó.

Bài 12

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC TỐNG (1075 – 1077)

▶ ***Học xong bài này, em sẽ:***

- Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống quân Tống (trong kế hoạch đánh giặc, tổ chức cuộc chiến đấu, cách kết thúc cuộc chiến).
- Đánh giá được vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077).

Em đã được tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Tống của quân dân Đại Cồ Việt (năm 981). Trong trận chiến đó, mặc dù đã bị thất bại thảm hại và phải rút quân về nước nhưng nhà Tống vẫn chưa bao giờ từ bỏ ý đồ xâm lược nước ta. Vua Tống nuôi tham vọng gì khi tiếp tục đề ra kế hoạch đánh chiếm nước Đại Việt? Dưới sự lãnh đạo của triều đình nhà Lý, quân dân Đại Việt đã tổ chức kháng chiến, bảo vệ đất nước như thế nào?

1 Cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ nhất (năm 1075)

Em có biết?

Lý Thường Kiệt (1019 – 1105) tên thật là Ngô Tuấn, quê ở phường Thái Hoà (kinh thành Thăng Long). Ông là người sớm có chí hướng, ham đọc binh thư, luyện tập võ nghệ, được Lý Thánh Tông phong làm Phụ quốc Thái uý, đổi thành họ vua, gọi là Lý Thường Kiệt.

Giữa thế kỉ XI, vua Tống lại âm mưu đưa quân xâm lược Đại Việt. Trước tình hình đó, triều đình nhà Lý đã cử Lý Thường Kiệt làm tổng chỉ huy lãnh đạo cuộc kháng chiến; chủ động tiến hành các biện pháp đối phó như làm thất bại ý đồ tiến công phối hợp của nhà Tống với Chăm-pa,...

Hình 1. Khu di tích Lý Thường Kiệt (Bắc Ninh) ▶

Sau khi ổn định được biên giới phía Nam, Lý Thường Kiệt đã nhận định: "Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc". Tháng 10 – 1075, ông đích thân chỉ huy hơn 10 vạn quân thuỷ, bộ, chia làm hai đạo tiến vào đất Tống, chủ động thực hiện chủ trương "tiến công trước để tự vệ".

Hình 2. Lược đồ cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ nhất (1075)

Sau 42 ngày chiến đấu, quân Lý đã hạ được thành Ung Châu – căn cứ mạnh nhất của quân Tống, tiêu huỷ hết kho lương dự trữ rồi nhanh chóng rút quân về chuẩn bị phòng tuyến chặn giặc.

1. *Bằng cuộc tiến công táo bạo đó, Lý Thường Kiệt đã đẩy kẻ thù vào thế bị động và tạo ra nhiều điều kiện có lợi để đánh bại khi chúng kéo sang xâm lược nước ta.*

(Theo Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập II, NXB Giáo dục, 1998, tr.152)

? Em hãy chỉ ra nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ nhất (năm 1075).

2 Cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ hai (năm 1077)

a) Chuẩn bị kháng chiến

Lý Thường Kiệt tích cực chuẩn bị kháng chiến

- Hạ lệnh cho các tù trưởng dân tộc ít người ở gần biên giới bố trí quân đánh chặn để kiềm chế, tiêu hao sinh lực địch khi chúng vừa tiến sang.
- Bố trí lực lượng thuỷ binh ở vùng Đông Bắc để chặn thuỷ binh địch, phá vỡ kế hoạch phối hợp thuỷ – bộ của chúng.
- Xây dựng phòng tuyến kiên cố bên bờ nam sông Như Nguyệt và bố trí bộ binh đóng giữ.

Kết nối với địa lí

Sông Như Nguyệt là một đoạn của sông Cầu (từ ngã ba sông Cà Lồ và sông Cầu trở xuống đến Phả Lại – lúc đó là Vạn Xuân). Dòng sông chặn ngang con đường bộ mà quân Tống có thể vượt qua để tiến vào Thăng Long.

2. *Lý Thường Kiệt cho đắp đê cao như bức tường thành ở mặt nam sông Cầu, bên trên đóng tre làm dậu dày mấy tầng. Bức tường thành kiên cố chạy dài gần 10 km, từ chân dãy núi Tam Đảo trở xuống, bao bọc che đỡ cho cả hai vùng đồng bằng rộng lớn. Thành hào kiên cố như thế chắc chắn giúp quân Lý dễ dàng phòng thủ hơn...*

(Theo Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, tr.284)

? Vì sao Lý Thường Kiệt quyết định xây dựng phòng tuyến chống quân Tống ở sông Như Nguyệt? Việc xây dựng phòng tuyến như vậy đã thể hiện điều gì?

b) Cuộc chiến đấu trên phòng tuyến sông Như Nguyệt

Năm 1077, quân Tống chia làm hai đạo tiến vào xâm lược Đại Việt. Quân bộ do Quách Quỳ chỉ huy vượt qua biên giới vùng Đông Bắc nước ta. Trên đường tiến vào Thăng Long, chúng đã bị chặn đứng trước phòng tuyến sông Như Nguyệt. Quân thuỷ do Hoả Mâu chỉ huy tiến vào vùng ven biển Đông Bắc, nhưng bị chặn đánh liên tiếp nên không thể tiến sâu vào nội địa để hỗ trợ cho quân bộ. Quách Quỳ nhiều lần cho quân tìm cách vượt sông Như Nguyệt nhưng đều bị đẩy lùi về phía bờ bắc.

Cuối Xuân năm 1077, Lý Thường Kiệt quyết định mở cuộc tấn công lớn. Đang đêm, quân ta lặng lẽ vượt sông Như Nguyệt, đánh thẳng vào doanh trại quân Tống. Quân giặc thua to, "mười phần chết đến năm, sáu" và lâm vào tình thế hết sức khó khăn, tuyệt vọng. Giữa lúc ấy, Lý Thường Kiệt đã chủ động đề nghị "giảng hoà" thực chất là cho quân Tống một lối thoát. Quách Quỳ chấp nhận ngay và vội vã rút quân về nước.

Kết nối với văn học

Trong lúc quân giặc ngày càng chán nản, mệt mỏi, tương truyền, đêm đêm, Lý Thường Kiệt cho người vào ngồi đền bên bờ sông, ngâm vang bài thơ *Nam quốc sơn hà* để làm nhụt ý chí xâm lược của quân Tống và khích lệ tinh thần chiến đấu của binh sĩ.

Hình 3. Lược đồ trận chiến trên phòng tuyến sông Như Nguyệt năm 1077

3. "Làm như thế không nhọc tướng tá, khỏi tốn máu mủ, mà bảo toàn được tông miếu".

(Theo Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 2, Sđd, tr.294)

Trận quyết chiến chiến lược trên phòng tuyến Như Nguyệt đã đánh tan cuộc xâm lược của nhà Tống, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc; thể hiện tinh thần đoàn kết, quyết tâm chống ngoại xâm của nhân dân Đại Việt và sự lãnh đạo sáng suốt, tài ba của Lý Thường Kiệt.

? 1. Khai thác tư liệu 3, nêu nhận xét của em về cách kết thúc cuộc kháng chiến của Lý Thường Kiệt.

2. Trình bày ý nghĩa của chiến thắng trên sông Như Nguyệt.

Luyện tập – Vận dụng

1. Hãy chỉ ra những nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lý (1075 – 1077).
2. Vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến được thể hiện như thế nào?

3. Cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lý đã để lại những bài học gì cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Bài 13

ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN (1226 – 1400)

▶ ***Học xong bài này, em sẽ:***

- Mô tả được sự thành lập nhà Trần.
- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Trần.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá của Đại Việt dưới thời Trần.

Nhà Trần tiếp nối nhà Lý, đưa nền văn minh Đại Việt phát triển lên một tầm cao mới. Lê Quý Đôn – nhà bác học ở thế kỉ XVIII đã đánh giá: "Nhà Trần... làm cho quang vinh cả sử sách, không thẹn với trời đất". Theo em, vì sao Lê Quý Đôn có những đánh giá cao về nhà Trần như vậy? Hãy chia sẻ những điều em biết về thời đại nhà Trần trong lịch sử.

I Sự thành lập nhà Trần

Từ cuối thế kỉ XII, nhà Lý ngày càng suy yếu, phải dựa vào họ Trần để đánh dẹp các thế lực chống đối. Nhờ đó, họ Trần đã từng bước thâu tóm quyền hành. Tháng 1 – 1226, Lý Chiêu Hoàng (vị vua cuối cùng của nhà Lý) buộc phải nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, nhà Trần được thành lập.

Em có biết?

Dòng họ Trần vốn xuất thân làm nghề đánh cá tại vùng hạ lưu sông Hồng (Thái Bình và Nam Định ngày nay), sau trở nên giàu có và là một thế lực mạnh. Những người có công lao lớn trong việc thành lập triều Trần là Trần Lý, Trần Thừa, Trần Tự Khánh, Trần Thủ Độ,...

Hình 1. Đền Trần (Nam Định)

? Hãy cho biết nhà Trần được thành lập như thế nào.

2 Tình hình chính trị

Nhà Trần tiếp tục củng cố chế độ trung ương tập quyền, thi hành chính sách cai trị khoan hoà, gần gũi với dân chúng. Cả nước được chia thành 12 lộ, phủ. Đơn vị hành chính ở địa phương phổ biến là xã, do xã quan đứng đầu.

Bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương được tổ chức quy củ và hoàn thiện hơn so với thời Lý. Quan lại được hưởng nhiều bổng lộc. Nhiều tôn thất họ Trần nắm giữ các vị trí trọng yếu trong triều, ở các địa phương và được phép lập thái ấp.

Quân đội tiếp tục được hoàn thiện, bao gồm: quân triều đình, quân các lộ, phủ, quân vương hầu và dân binh các làng xã. Nhà Trần tiếp tục thi hành chính sách "ngụ binh ư nông".

Em có biết?

Các vua Trần thường chỉ ở ngôi một thời gian rồi nhường ngai vàng cho con, xưng là Thái Thượng hoàng, cùng quản lí đất nước. Nhà Trần còn thi hành chế độ hôn nhân nội tộc nhằm tạo dựng một tập đoàn dòng họ vững mạnh.

▲ Hình 2. Thạp gốm có trang trí cảnh chiến binh thời Trần tập luyện võ nghệ

Năm 1341, nhà Trần ban hành bộ *Quốc triều hình luật*. Các cơ quan pháp luật được tăng cường và hoàn thiện hơn.

Nhà Trần tăng cường quản lí các địa phương, nhất là các khu vực miền núi và biên viễn.

Nhà Trần thi hành chính sách ngoại giao hoà hiếu với các vương triều phương Bắc. Chăm-pa, Chân Lạp, Ai Lao,... đều đến tiến cống, thiết lập quan hệ bang giao và buôn bán với Đại Việt.

Em có biết?

Nhà Trần đặt thêm một số cơ quan như: Quốc sử viện (đảm nhiệm việc chép sử), Thái y viện (chữa bệnh trong cung vua),... và một số chức quan như Hà đê sứ, Khuyến nông sứ, Đồn điền sứ,...

? Hãy trình bày những nét chính về tình hình chính trị của Đại Việt thời Trần.

3 Tình hình kinh tế, xã hội

a) Tình hình kinh tế

Nhà Trần thi hành nhiều chính sách tích cực nhằm phục hồi và phát triển nông nghiệp như: khai hoang, đắp đê phòng lụt, xây dựng các công trình thuỷ lợi, miễn giảm tô thuế,... Triều đình cũng cho phép các tôn thất lập điền trang.

Các xưởng thủ công của nhà nước chuyên việc đúc tiền, chế tạo vũ khí, đóng thuyền chiến,... Ngoài ra, triều đình còn trưng dụng những người thợ giỏi để xây dựng các công trình lớn.

Tại các làng xã và kinh đô hình thành thêm nhiều làng nghề, phường nghề. Sản phẩm thủ công làm ra rất đa dạng, được trao đổi, buôn bán ở các chợ và kinh thành Thăng Long.

Hình 3. Thống đồng thời Trần – vật dụng để tế lễ trong cung đình, được công nhận là Bảo vật Quốc gia (Bảo tàng Quảng Ninh)

Hình 4. Hộp vàng hoa sen thời Trần (Bảo tàng Quảng Ninh)

Kết nối với ngày nay

Vân Đồn là một thương cảng sầm uất thời Trần. Ngày nay, Vân Đồn trở thành khu kinh tế ven biển quan trọng, thúc đẩy và gắn kết quan hệ thương mại giữa Việt Nam với quốc tế.

Hoạt động buôn bán diễn ra ở khắp nơi. Kinh đô Thăng Long hình thành nhiều phường nghề và buôn bán. Các cửa khẩu dọc biên giới và các cửa biển như Vân Đồn (Quảng Ninh), Hội Thống (Nghệ An),... trở thành những nơi buôn bán tấp nập, thu hút nhiều thuyền buôn và thương nhân các nước đến trao đổi hàng hoá.

Hình 5. Cảng Vân Đồn ngày nay

? 1. Em hãy nêu những dẫn chứng chứng tỏ nhà Trần chú trọng và khuyến khích phát triển nông nghiệp.

2. Mô tả những nét chính về tình hình thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Trần.

b) Tình hình xã hội

Xã hội tiếp tục có sự phân hoá.

Tầng lớp quý tộc (vua, quan lại) có nhiều đặc quyền, nắm giữ các chức vụ chủ chốt của bộ máy chính quyền, là chủ các thái ấp, điền trang. Nhân dân lao động (chủ yếu là nông dân) cày cấy ruộng đất công làng xã, nhưng do chế độ tư hữu mở rộng nên ngày càng có nhiều người phải lĩnh canh ruộng đất của địa chủ. Kinh tế công thương khá phát triển nên số lượng thợ thủ công và thương nhân tăng nhanh. Tầng lớp nông nô, nô tì có số lượng khá đông đảo, chuyên cày cấy trong các điền trang hoặc phục dịch trong các gia đình quý tộc.

? Xã hội thời Trần bao gồm những tầng lớp nào? Nêu đặc điểm của mỗi tầng lớp.

4 Tình hình văn hoá

a) Tư tưởng – tôn giáo

Thời Trần, cả Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo đều được coi trọng.

Nho giáo ngày càng được nâng cao vị thế. Nhiều nhà nho được cử giữ các chức vụ quan trọng trong triều như Chu Văn An, Trương Hán Siêu, Phạm Sư Mạnh,...

Phật giáo được cả vua, quý tộc và nhân dân tôn sùng. Đặc biệt, thời kì này, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ra đời do Trần Nhân Tông sáng lập.

Em có biết?

Thượng hoàng Trần Nhân Tông là vị tổ thứ nhất của Thiền phái Trúc Lâm. Sau khi ông qua đời, hai vị thiền sư là Pháp Loa và Huyền Quang tiếp tục sự nghiệp (gọi là Trúc Lâm Tam Tổ).

Hình 6. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông ở Yên Tử (Quảng Ninh)

Em có biết?

Thái học sinh là kì đại khoa dưới thời Trần, được tổ chức đầu tiên vào năm 1232, định lệ cứ 7 năm một lần, chọn ba người đỗ cao nhất, gọi là Tam khôi (gồm Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa).

? Trình bày những nét chính về tư tưởng – tôn giáo thời Trần.

b) Giáo dục

Quốc Tử Giám được mở rộng, là nơi dạy học cho các hoàng tử và con em quý tộc, quan lại cấp cao. Các trường học (trường công, trường tư) xuất hiện ở nhiều địa phương, trong đó nổi tiếng là trường Huỳnh Cung (Hoàng Mai, Hà Nội) của Chu Văn An. Các kì thi Nho học thời Trần được tổ chức thường xuyên và quy củ hơn.

? Hãy trình bày những nét chính về tình hình giáo dục thời Trần.

c) Khoa học – kĩ thuật

Về sử học, Lê Văn Hưu biên soạn bộ *Đại Việt sử ký* – bộ sử đầu tiên của nước ta. Ngoài ra còn một số bộ sử khác như: *Việt sử lược* (khuyết danh), *Việt sử cương mục* và *Việt Nam thế chí* của Hồ Tông Thốc,...

Về quân sự, có các tác phẩm *Binh thư yếu lược* và *Vạn Kiếp tông bí truyền thư* của Trần Quốc Tuấn.

Trong y học, Tuệ Tĩnh là thầy thuốc nổi tiếng, nghiên cứu và viết sách về cây thuốc nam.

? Nêu một số thành tựu chính về khoa học – kĩ thuật thời Trần. Em ấn tượng về thành tựu nào nhất? Vì sao?

d) Văn học, nghệ thuật

Văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm rất phát triển.

Chữ Hán được sử dụng để sáng tác thơ, phú, hịch, truyện kí,... phản ánh âm hưởng hào hùng của cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, lòng yêu nước và tự hào dân tộc, ngợi ca cảnh thái bình thịnh trị. Văn học chữ Nôm phản ánh cuộc sống bình dân với những tác giả nổi tiếng như Nguyễn Thuyên (Hàn Thuyên), Trần Nhân Tông, Chu Văn An,...

Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thể hiện rõ nét trong các công trình xây dựng như kinh đô Thăng Long (Hà Nội), thành Tây Đô (Thanh Hoá), các lăng mộ vua Trần ở Đông Triều (Quảng Ninh), tháp Phổ Minh (Nam Định),...

Nghệ thuật diễn xướng phát triển nhiều loại hình như: chèo, tuồng, hát xẩm, múa rối,...

Hình 7. Tháp Phổ Minh (Nam Định)

? 1. Nêu những nét nổi bật về văn học thời Trần. Sự phát triển của dòng văn học chữ Nôm thời Trần có ý nghĩa như thế nào?

2. Hãy nêu những thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc thời Trần.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập – Vận dụng

1. Lập và hoàn thành bảng thống kê về một số thành tựu chính trên các lĩnh vực theo mẫu dưới đây.

Lĩnh vực	Thành tựu	Ý nghĩa

2. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết sự thành lập triều Trần thay cho triều Lý vào đầu thế kỉ XIII có phù hợp với yêu cầu lịch sử không? Vì sao?

3. Tìm hiểu thêm từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu (khoảng 7 – 10 câu) về một thành tựu văn hoá Đại Việt thời Trần còn được bảo tồn và phát huy giá trị đến ngày nay.

Bài 14

BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG – NGUYÊN

Học xong bài này, em sẽ:

- Lập được sơ đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
- Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân và dân Đại Việt.
- Đánh giá được vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,...

Vào thế kỉ XIII, đế chế Mông Cổ liên tiếp tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược và thống trị nhiều nước ở khắp lục địa Á – Âu. Quốc gia Đại Việt cũng không nằm ngoài con đường chinh phạt của đế chế này. Quân dân Đại Việt đã chuẩn bị và tổ chức đánh giặc như thế nào? Vì sao Đại Việt lại ba lần giành thắng lợi trước một đế chế lớn như thế?

1 Cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258

Từ cuối năm 1257, quân Mông Cổ chuẩn bị xâm lược Đại Việt. Nhà Trần đã chủ động đề ra kế hoạch đối phó: tăng cường phòng thủ ở biên giới, chuẩn bị lực lượng, vũ khí,...

Em có biết?

Chiến thuật quen thuộc của quân Mông Cổ là cho quân áp sát biên giới để uy hiếp rồi cử sứ giả đến dụ hàng. Trước khi tiến vào Đại Việt, quân Mông Cổ đã ba lần cử sứ giả đến Thăng Long. Tuy nhiên, cả ba lần cử sứ giả đi thì đều không thấy trở về.

Hình 1. Lược đồ cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258

Tháng 1 – 1258, 3 vạn quân Mông Cổ do tướng Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy, từ Vân Nam tiến vào Đại Việt.

Nhà Trần đã thi hành kế sách "vườn không nhà trống", quân Mông Cổ chiếm được Thăng Long nhưng chỉ là một toà thành trống rỗng.

Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi sau chưa đầy một tháng.

Vua Trần Thái Tông trực tiếp chỉ huy trận Bình Lệ Nguyên (Vĩnh Phúc). Trước thế giặc mạnh, quân ta tạm rút lui để bảo toàn lực lượng.

1. *Sau trận Bình Lệ Nguyên, vua Trần Thái Tông tỏ ý lo lắng và hỏi ý kiến Thái sư Trần Thủ Độ, ông đã trả lời: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo."*

(Theo *Lịch sử Việt Nam*, Tập I, Sđd, tr.746)

Trước tình cảnh khó khăn của quân giặc, nhà Trần mở cuộc tấn công quyết định vào Đông Bộ Đầu (Hà Nội ngày nay). Quân Mông Cổ thua trận, rút chạy khỏi Thăng Long, đến phủ Quy Hoá (khoảng khu vực các tỉnh Yên Bái, Lào Cai ngày nay) lại bị dân binh địa phương chặn đánh.

? 1. Dựa vào thông tin trong mục và lược đồ hình 1, hãy trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258.

2. Câu nói của Trần Thủ Độ trong tư liệu 1 thể hiện điều gì về tinh thần đánh giặc của quân dân nhà Trần?

2 Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285

Sau khi chiếm được phần lớn lãnh thổ Trung Quốc, vua Mông Cổ là Hốt Tất Liệt lập ra nhà Nguyên (1271). Năm 1279, nhà Nguyên ráo riết chuẩn bị xâm lược Chăm-pa và Đại Việt.

Trước tình hình đó, vua Trần đã triệu tập Hội nghị Bình Than (Bắc Ninh), mở Hội nghị Diên Hồng (Thăng Long) bàn kế sách và khẳng định quyết tâm chống giặc, cử Trần Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế – tổng chỉ huy các lực lượng kháng chiến.

Trần Quốc Tuấn đã soạn *Hịch tướng sĩ* để khích lệ tinh thần chiến đấu của quân dân Đại Việt.

2. *Khắp nơi quân ta tự động thích vào cánh tay của mình hai chữ "Sát Thát"... Tại điện Diên Hồng, khi được hỏi về kế đánh giặc, tất cả các bô lão đều đồng thanh hô lớn: "Đánh!".*

(Theo *Lịch sử Việt Nam*, Tập I, Sđd, tr.764)

Nhà Trần tổ chức cuộc tập trận lớn và duyệt binh ở Đông Bộ Đầu, chia quân đóng giữ những nơi trọng yếu. Cả nước sẵn sàng chiến đấu.

Em có biết?

Ở Hội nghị Bình Than, vua thấy Trần Quốc Toản còn nhỏ tuổi, không cho dự bàn. Quốc Toản trong lòng hổ thẹn, phẫn kích, tay cầm quả cam mà bóp nát lúc nào không biết. Sau đó, Trần Quốc Toản huy động hơn nghìn gia nô và người nhà, sắm vũ khí, đóng chiến thuyền, viết lên cờ sáu chữ *Phá cường địch, báo hoàng ân* (Phá giặc mạnh, báo ơn vua).

Tháng 1 – 1285, hơn 50 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy tràn vào xâm lược Đại Việt. Trần Quốc Tuấn cho lui quân về đóng ở Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương).

Hình 2. Lược đồ kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285

Nhà Trần tiếp tục thực hiện kế sách "vườn không nhà trống", rút từ Thăng Long về Thiên Trường (Nam Định).

Quân dân nhà Trần kiên cường chiến đấu, bảo vệ được bộ chỉ huy kháng chiến, phá vỡ kế hoạch hội quân của Toa Đô (từ Chăm-pa đánh ra) và Thoát Hoan tại vùng Thiên Trường, từng bước làm tiêu hao lực lượng địch.

3. Thượng hoàng Trần Thánh Tông đến gặp Trần Quốc Tuấn và có ý dò hỏi: "Thế giặc như thế, ta phải hàng thôi". Trần Quốc Tuấn trả lời: "Xin bệ hạ chém đầu thần rồi hãy hàng".

(Theo *Lịch sử Việt Nam*, Tập I, Sđd, tr.767)

Quân Nguyên rút về Thăng Long chờ tiếp viện trong tình cảnh thiếu lương thực và bị động đối phó trước các cuộc tập kích của quân dân nhà Trần.

Em có biết?

Năm 1285, danh tướng Trần Bình Trọng chỉ huy quân đánh chặn địch để vua Trần và triều đình rút về Thiên Trường. Nhưng do tương quan lực lượng quá chênh lệch, ông bị bắt. Quân giặc dùng mọi thủ đoạn để mua chuộc nhưng ông khẳng khái đáp trả: "Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc".

Tháng 5 – 1285, quân Trần tổ chức phản công, đánh bại quân giặc ở nhiều nơi như Tây Kết (Hà Nội), Hàm Tử (Hưng Yên), Chương Dương (Hà Nội) rồi tiến vào giải phóng Thăng Long. Quân giặc phải rút chạy về nước. Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.

1. Khai thác tư liệu 2, 3, em hãy rút ra điểm chung về tinh thần chiến đấu của vua tôi nhà Trần.
2. Trình bày tóm tắt những nét chính về diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285 trên lược đồ.

3 Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288

Sau hai lần thất bại thảm hại, vua Nguyên tức tối cử Thoát Hoan tiếp tục chỉ huy 50 vạn quân theo hai đường thuỷ, bộ tấn công Đại Việt lần thứ ba.

Đoán được dã tâm và ý đồ xâm lược của kẻ thù, nhà Trần lại tích cực chuẩn bị kháng chiến.

4. *Vua Trần Nhân Tông hỏi: "Giặc tới, liệu tình hình thế nào?". Trần Quốc Tuấn trả lời: "Năm nay đánh giặc nhàn".*

(Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr.59)

Hình 3. Lược đồ kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288

Cuối năm 1287, quân Nguyên ồ ạt tiến vào nước ta. Quân dân nhà Trần chặn đường tiến quân của giặc đến Thăng Long.

Trần Khánh Dư chỉ huy quân phục kích đoàn thuyền lương của quân Nguyên, giành thắng lợi tại Vân Đồn – Cửa Lục (Quảng Ninh). Đầu năm 1288, quân Nguyên chiếm Thăng Long, nhưng vẫn trúng kế "vườn không nhà trống" của nhà Trần.

Ngày càng lâm vào tình cảnh khó khăn, Thoát Hoan quyết định kéo quân sang Vạn Kiếp rồi cũng theo hai đường thuỷ, bộ để về nước.

Nhà Trần quyết định tổ chức phản công, bố trí trận địa mai phục tại vùng cửa sông Bạch Đằng dưới sự chỉ huy trực tiếp của Trần Quốc Tuấn.

Đầu tháng 4 – 1288, đoàn thuyền do Ô Mã Nhi chỉ huy tiến gần đến khu vực sông Bạch Đằng. Quân Trần bất ngờ tấn công, buộc chúng phải rút theo đường dẫn đến bãi cọc. Quân địch lọt vào trận địa mai phục đúng lúc nước triều rút nhanh. Chiến thuyền của quân Trần đổ ra đánh quyết liệt. Thuyền địch tháo chạy, lớp trước lớp sau dồn vào bãi cọc, bị vỡ, đắm hoặc bị mắc kẹt không tiến tiếp được. Lúc này, các thuyền của quân Trần chứa đầy chất dễ cháy được đốt và thả trôi theo dòng nước, thực hiện kế hoả công,... Quân Nguyên bị tiêu diệt không biết bao nhiêu mà kể. Những tên sống sót tháo chạy lên bờ lại bị quân mai phục đánh cho tơi tả. Ô Mã Nhi bị bắt sống.

Trận Bạch Đằng đại thắng. Cánh quân bộ trên đường rút lui cũng bị quân dân nhà Trần đánh cho tan tác. Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288 kết thúc thắng lợi.

? Trình bày tóm tắt diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288 trên sơ đồ trục thời gian/lược đồ.

4 Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên

a) Nguyên nhân thắng lợi

Thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên là kết quả của lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí độc lập tự chủ và quyết tâm đánh giặc của quân dân Đại Việt.

5. Trần Quốc Tuấn đã tổng kết nguyên nhân thắng lợi: "vua tôi đồng lòng, anh em hoà thuận, cả nước góp sức".

(Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr.210)

Nhà Trần đã đề ra kế sách đánh giặc đúng đắn và sáng tạo: chủ động chuẩn bị kháng chiến, tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu,...

Các cuộc kháng chiến của quân dân nhà Trần được đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ huy tài ba của vua Trần Thái Tông, Thượng hoàng Trần Thánh Tông, vua Trần Nhân Tông và các danh tướng như Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải,...

Hình 4. Tượng Quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo (Khu di tích Bạch Đằng Giang, Hải Phòng)

b) Ý nghĩa lịch sử

Thắng lợi của quân dân Đại Việt thời Trần đã đập tan tham vọng và ý chí xâm lược của quân Mông – Nguyên, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Đánh bại đế chế hùng mạnh nhất thế giới thời bấy giờ, quân dân nhà Trần đã viết tiếp trang sử chống ngoại xâm hào hùng của dân tộc, đóng góp vào truyền thống và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Thắng lợi đó để lại những bài học lịch sử quý giá: chăm lo sức dân, củng cố khối đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh của toàn dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hình 5. Hào khí Đông A (tranh sơn mài của Nguyễn Trường Linh)

Hơn thế, chiến thắng này của quân dân Đại Việt đã ngăn chặn cuộc xâm lược của quân Nguyên đối với Nhật Bản và các nước ở Đông Nam Á, góp phần làm suy yếu đế chế Mông – Nguyên.

? 1. Phân tích nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

2. Nêu ý nghĩa lịch sử của ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông – Nguyên.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập – Vận dụng

1. Hãy lập và hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây về ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

Cuộc kháng chiến	Kế hoạch kháng chiến của nhà Trần	Những chiến thắng tiêu biểu	Kết quả

2. Từ kiến thức đã học ở bài 13 và bài 14, em hãy đánh giá ngắn gọn về vai trò của các nhân vật lịch sử: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông đối với nhà Trần và kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

3. Chiến thắng của ba lần chống quân xâm lược Mông – Nguyên đã để lại cho chúng ta bài học gì đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Bài 15

NƯỚC ĐẠI NGU THỜI HỒ (1400 – 1407)

▶ ***Học xong bài này, em sẽ:***

- Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ.
- Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu và tác động của những cải cách của Hồ Quý Ly đối với xã hội thời nhà Hồ.
- Mô tả được những nét chính của cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ và giải thích được nguyên nhân thất bại.

Nhà Trần với "Hào khí Đông A" đã ba lần đánh tan quân xâm lược Mông – Nguyên, xây dựng quốc gia Đại Việt hùng mạnh. Nhưng đến cuối thời Trần, xã hội xảy ra nhiều biến động, giặc ngoại xâm lại lăm le xâm phạm bờ cõi, đất nước đứng trước nhiều thử thách cam go. Nhà Hồ được thành lập thay thế nhà Trần. Nhà Hồ đã làm gì để củng cố chính quyền trung ương cũng như tăng cường tiềm lực đất nước và kháng chiến chống ngoại xâm?

1 Sự thành lập nhà Hồ

Nửa sau thế kỉ XIV, nhà Trần ngày càng suy yếu, tầng lớp quý tộc có xu hướng ăn chơi hưởng lạc, khiến nhân dân bất bình.

Khởi nghĩa của nông dân và nô tì nổ ra ở nhiều nơi, tiêu biểu nhất là khởi nghĩa của nhà sư Phạm Sư Ôn ở Hà Nội.

Những cuộc tấn công của Chăm-pa ra Thăng Long càng làm cho triều Trần thêm rệu rã.

Trong bối cảnh đó, Hồ Quý Ly dần thâu tóm quyền lực. Năm 1397, ông ép vua Trần dời đô vào Thanh Hoá.

Em có biết?

Dưới triều vua Trần Dụ Tông, Chu Văn An – vị quan thanh liêm, cương trực từng dâng sớ chém bảy gian thần nhưng không được chấp nhận. Ông liền từ quan về ở ẩn và dạy học ở Chí Linh (Hải Dương).

Hình. Cửa Nam thành Tây Đô (Thanh Hoá)

Năm 1400, Hồ Quý Ly buộc vua Trần nhường ngôi, lập ra triều Hồ, đặt tên nước là Đại Ngu (niềm vui lớn).

Triều Hồ chỉ tồn tại trong 7 năm với hai đời vua là Hồ Quý Ly (1400) và Hồ Hán Thương (1400 – 1407).

? Hãy cho biết nhà Hồ được thành lập như thế nào.

2 Một số nội dung và tác động của những cải cách của Hồ Quý Ly

a) Nội dung

• *Về chính trị, quân sự*

Hồ Quý Ly tiến hành các biện pháp để củng cố chế độ quân chủ tập quyền: cải tổ quy chế quan lại, lập lại kỉ cương,...

Nhà Hồ tăng cường lực lượng quân đội chính quy, xây dựng nhiều thành luỹ như Tây Đô, Đa Bang (Ba Vì, Hà Nội),... chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến,...

• *Về kinh tế, xã hội*

Nhằm hạn chế quyền lực của quý tộc Trần, Hồ Quý Ly thực hiện các chính sách hạn điền, hạn nô. Theo đó, mỗi người chỉ được sở hữu một số lượng ruộng đất và gia nô nhất định.

Ông còn cho phát hành tiền giấy *Thông bảo hội sao*, cải cách chế độ thuế khoá, thống nhất đơn vị đo lường trong cả nước,...

• *Về văn hoá, giáo dục*

Nhà Hồ thực hiện cải cách chế độ học tập và thi cử để tuyển chọn nhân tài. Kì thi Thái học sinh đầu tiên (năm 1400) của nhà Hồ tuyển được nhiều người giỏi.

Văn hoá dân tộc được đề cao với việc khuyến khích sử dụng chữ Nôm để dịch sách chữ Hán, dạy học và sáng tác văn chương,...

Em có biết?

• Thành Tây Đô chỉ xây dựng trong ba tháng đã xong, là toà thành đá lớn nhất ở Việt Nam và Đông Nam Á, được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới năm 2011.

• Súng thần cơ do Hồ Nguyên Trừng sáng chế. Loại lớn phải kéo bằng xe ngựa do nhiều người bắn, còn loại nhỏ một người có thể cầm bắn.

Em có biết?

Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên là những nhân tài đỗ Tiến sĩ trong kì thi Thái học sinh đầu tiên của nhà Hồ, về sau đều là những vị quan có nhiều đóng góp cho đất nước.

b) Tác động

Cải cách toàn diện của Hồ Quý Ly có nhiều điểm tiến bộ, góp phần củng cố quyền lực của chính quyền trung ương, giảm bớt thế lực tầng lớp quý tộc, tăng cường tiềm lực kinh tế đất nước và phát triển văn hoá dân tộc.

Tuy nhiên, những cải cách đó vẫn còn chưa triệt để (như chính sách hạn nô) và kết quả trong thực tế còn hạn chế.

? Trình bày những nét chính về cải cách của Hồ Quý Ly trên các lĩnh vực và tác động của những cải cách đó đối với xã hội.

3 Kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ

Lấy cớ Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, cuối năm 1406 nhà Minh huy động lực lượng lớn do Trương Phụ và Mộc Thạnh chỉ huy tiến sang xâm lược Đại Ngu.

Cuối tháng 1 – 1407, quân Minh chiếm được thành Đa Bang và Đông Đô, nhà Hồ phải rút quân về cố thủ ở Tây Đô. Đến tháng 6 – 1407, cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại.

1. *Khi họp bàn về kế sách chống giặc Minh, Hồ Nguyên Trừng nói: "Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo mà thôi".*

(Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr.211)

2. Nguyễn Trãi đã từng nhận xét:

Cọc gỗ lớp lớp trồng trước sóng biển;
Xích sắt ngầm dưới sông cũng vậy thôi.
Thuyền bị lật mới tin rằng dân là như nước.

(Viện Sử học, *Nguyễn Trãi toàn tập, Quan hải tùng thư (dịch nghĩa)*, NXB Khoa học xã hội, 2020, tr.222)

Nhà Hồ quá chú trọng vào việc xây dựng các phòng tuyến quân sự và lực lượng quân đội chính quy nên tự "giam mình" trong thế trận phòng ngự bị động.

? 1. Mô tả những nét chính của cuộc kháng chiến chống quân Minh.

2. Khai thác tư liệu 1, 2 và thông tin trong mục, hãy giải thích vì sao cuộc kháng chiến chống Minh của nhà Hồ thất bại nhanh chóng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập – Vận dụng

1. Lập bảng hệ thống (hoặc sơ đồ tư duy) về nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly. Từ đó, hãy chỉ ra những mặt tích cực và hạn chế của những cải cách đó.
2. Theo em, đường lối kháng chiến của nhà Hồ chống quân Minh có gì khác so với đường lối kháng chiến của nhà Trần trong ba lần chống quân Mông – Nguyên?

3. Từ sự thất bại của cuộc kháng chiến chống Minh của nhà Hồ đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc?

CHƯƠNG 6

KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1418 – 1527)

Bậc thềm chạm rồng thời Lê sơ ở điện Kinh Thiên (Hoàng thành Thăng Long, Hà Nội)

Lê Lợi với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng đã khôi phục nền độc lập dân tộc sau hơn hai mươi năm bị nhà Minh đô hộ. Từ đó, Vương triều Lê sơ ra đời, đưa chế độ quân chủ Đại Việt phát triển đến đỉnh cao, trở thành một cường quốc trong khu vực Đông Nam Á, nhất là dưới thời vua Lê Thánh Tông (1460 – 1497).

Trong chương này, em sẽ được tìm hiểu:

- Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427).
- Đại Việt thời Lê sơ (1428 – 1527).

Bài 16

KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 – 1427)

▶ ***Học xong bài này, em sẽ:***

- Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Đánh giá được vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn như Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...

Ta đây:
Núi Lam Sơn dấy nghĩa,
Chốn hoang dã nương mình,
Ngẫm thù lớn há đội trời chung,
Căm giặc nước thề không cùng sống.

Những câu thơ trong tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi và bức hình bên giúp em liên hệ đến nhân vật lịch sử nào? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về nhân vật cũng như sự kiện liên quan đến nhân vật đó.

Hình 1 ▶

1 Một số sự kiện tiêu biểu của khởi nghĩa Lam Sơn

a) Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa

Năm 1407, nhà Minh đặt Đại Ngu thành quận Giao Chỉ, chia thành các phủ, huyện để cai trị. Chúng thực hiện chính sách dùng người Việt trị người Việt, bóc lột và đàn áp nhân dân tàn bạo, đặt ra nhiều thứ thuế nặng nề, bắt dân ta phải đổi theo phong tục người Minh,...

Nhân dân ta đã nổi dậy chống quân Minh ở nhiều nơi, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi (1407 – 1409), Trần Quý Khoáng (1409 – 1414),... song đều thất bại.

Lê Lợi – một hào trưởng có uy tín ở vùng đất Lam Sơn (Thanh Hoá) đã tích cực xây dựng lực lượng, dựng cờ khởi nghĩa chống quân Minh.

Kết nối với địa lí

Lam Sơn là vùng đồi núi phía tây Thanh Hoá, nằm bên tả ngạn sông Chu, có địa thế hiểm trở; đồng thời nằm trên con đường huyết mạch nối miền núi và miền biển, Nghệ An với Đông Quan (thuộc Hà Nội ngày nay).

1. *Bài Văn bia Vĩnh Lăng do Nguyễn Trãi soạn có đoạn: "... Tuy thời gặp loạn lớn mà chí càng bền, ẩn náu trong núi rừng, chăm nghề cày cấy. Vì giận quân giặc tàn bạo, lấn hiếp nên càng chuyên tâm về sách thao lược, dốc hết của nhà, hậu đãi tân khách...".*

(Theo *Lịch sử Việt Nam*, Tập II, Sđd, tr.61)

Hình 2. Bia Vĩnh Lăng ở khu di tích Lam Kinh (Thanh Hoá)

Nghe tin Lê Lợi chuẩn bị khởi nghĩa, nhiều người yêu nước từ các nơi về hội tụ, trong đó có Nguyễn Trãi.

Năm 1416, Lê Lợi cùng 18 hào kiệt đã tổ chức Hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hoá), quyết tâm đánh đuổi giặc Minh. Đầu năm 1418, Lê Lợi tự xưng là Bình Định Vương, truyền hịch kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước.

Hình 3. Lê Lợi và Nguyễn Trãi ở căn cứ Lam Sơn (tranh sơn dầu của hoạ sĩ Hoàng Mai Hoa)

? 1. Nêu những hiểu biết của em về chủ tướng Lê Lợi.
2. Khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ như thế nào?

b) Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa (1418 – 1423)

Trong những ngày đầu khởi nghĩa, căn cứ nhiều lần bị bao vây. Nghĩa quân gặp rất nhiều khó khăn, phải ba lần rút lên vùng núi Chí Linh (huyện Lang Chánh, Thanh Hoá), có lúc chỉ còn hơn 100 người.

Để khắc phục khó khăn, Lê Lợi và Nguyễn Trãi chủ trương tạm hoà với quân Minh, tranh thủ thời gian tìm phương hướng mới, củng cố lực lượng,... Việc ngoại giao với quân Minh do Nguyễn Trãi đảm trách.

Nguyễn Trãi (1380 – 1442) hiệu Ức Trai, quê ở Thường Tín (Hà Nội), đỗ Thái học sinh và làm quan dưới triều Hồ. Ông học rộng, tài cao, yêu nước, thương dân sâu sắc. Sau khi cuộc kháng chiến chống Minh của nhà Hồ thất bại, ông vào Thanh Hoá tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, trở thành quân sư của Lê Lợi.

? 1. Trình bày những khó khăn của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm tháng đầu của cuộc khởi nghĩa.
2. Em có nhận xét gì về đề nghị tạm hoà với quân Minh của nghĩa quân Lam Sơn?

Em có biết?

Năm 1418, quân Minh liên tiếp vây đánh liên tiếp căn cứ Chí Linh. Lê Lai đã đóng giả Lê Lợi để nhử địch, cứu chủ tướng khỏi sự truy sát và đã hi sinh. Năm 1421, trong một đợt vây quét của giặc Minh, nghĩa quân lâm vào cảnh thiếu lương thực trầm trọng, đói và rét,... Lê Lợi phải cho giết cả voi, ngựa để nuôi quân.

c) Giai đoạn mở rộng hoạt động và giành những thắng lợi đầu tiên (1424 – 1425)

Để gỡ thế bị bao vây, Nguyễn Chích hiến kế tiến vào đánh chiếm Nghệ An làm căn cứ, từ đó mở rộng giải phóng Tây Đô (Thanh Hoá) và Đông Quan.

Em có biết?

Nguyễn Chích (1382 – 1448) quê ở Đông Sơn (Thanh Hoá). Kế sách của ông trong cuộc kháng chiến chống quân Minh thể hiện phương châm "tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu" – nét đặc sắc của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

2. *"Nghệ An là nơi hiểm yếu, đất rộng, người đông... Nay trước tiên hãy đánh lấy Trà Long, bình định cho được Nghệ An. Rồi dựa vào nhân lực, tài lực đất ấy mà quay ra Đông Đô [Đông Quan] thì có thể tính xong việc dẹp yên thiên hạ...".*

(Viện Sử học, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr.362)

Cuối năm 1424, nghĩa quân giải phóng Nghệ An, sau đó giải phóng một vùng rộng lớn từ Thanh Hoá đến đèo Hải Vân. Những thắng lợi này đã làm thay đổi căn bản cục diện cuộc chiến và so sánh lực lượng giữa hai bên theo hướng có lợi cho nghĩa quân.

? Khai thác tư liệu 2, hãy cho biết vì sao Nguyễn Chích đề xuất kế hoạch đánh chiếm Nghệ An. Kế hoạch đó đem lại những kết quả như thế nào?

d) Khởi nghĩa toàn thắng (1426 – 1427)

- *Tiến quân ra Bắc*

Tháng 9 – 1426, Lê Lợi và bộ chỉ huy quyết định tiến quân ra Bắc. Nghĩa quân đi đến đâu cũng được nhân dân ủng hộ, thắng nhiều trận lớn. Quân Minh phải rút vào thành Đông Quan cố thủ.

- *Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động*

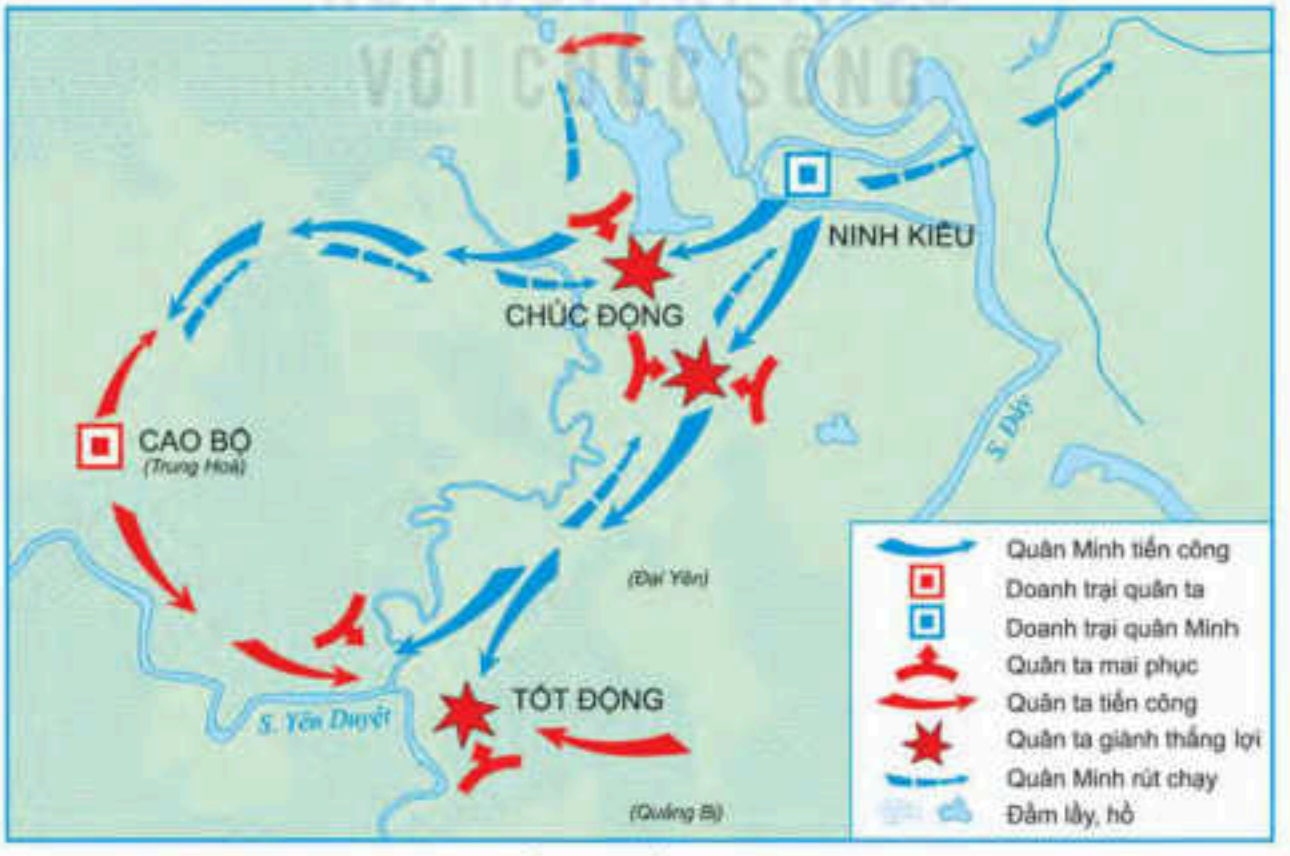

Hình 4. Lược đồ trận Tốt Động – Chúc Động

Tháng 10 – 1426, Vương Thông dẫn viện binh đến thành Đông Quan và mở cuộc tấn công vào quân chủ lực của nghĩa quân ở quanh thành.

Ngày 7 – 11 – 1426, quân ta mai phục và chặn đánh địch ở Tốt Động – Chúc Động (Chương Mỹ, Hà Nội ngày nay). Quân Minh thất bại nặng nề, nghĩa quân giải phóng nhiều đất đai và siết chặt vây hãm thành Đông Quan.

• *Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang*

Tháng 10 – 1427, Liễu Thăng và Mộc Thạnh chỉ huy 15 vạn viện binh theo hai đường Quảng Tây, Vân Nam tiến vào nước ta. Nghĩa quân tổ chức phục kích tại ải Chi Lăng (Lạng Sơn), Liễu Thăng bị giết tại trận.

Sau đó, nghĩa quân liên tiếp giành thắng lợi tại Cần Trạm, Phố Cát và Xương Giang (Bắc Giang).

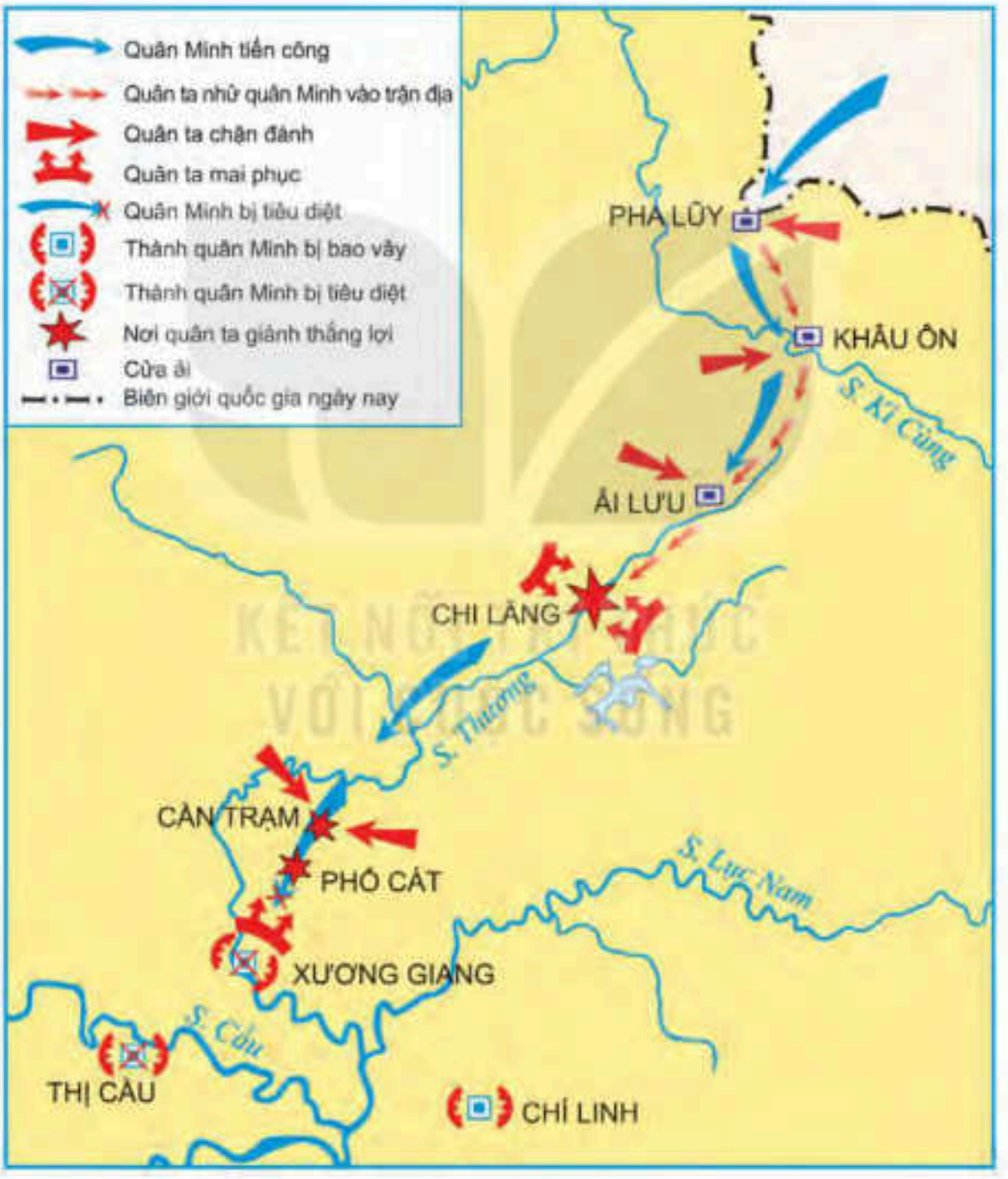

Hình 5. Lược đồ trận Chi Lăng – Xương Giang

Lê Lợi sai người mang ấn tín và thư báo tin Liễu Thăng tử trận cho Mộc Thạnh (đang đóng ở vùng biên giới tỉnh Lào Cai ngày nay). Quân giặc vô cùng khiếp sợ, vội vàng rút về nước.

Kết nối với văn học

Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi được viết bằng chữ Hán, khẳng định nền độc lập, chủ quyền lãnh thổ và văn hoá Đại Việt; vạch trần tội ác quân Minh; mô tả quá trình chiến đấu gian khổ và những chiến thắng oanh liệt, tinh thần nhân đạo của nghĩa quân Lam Sơn. Đây được coi là bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Đại Việt đầu thế kỉ XV.

• *Hội thề Đông Quan*

Nghĩa quân vừa tăng cường xiết chặt vòng vây các thành còn lại (Đông Quan, Tây Đô,...) vừa khéo léo dụ hàng Vương Thông và các tướng lĩnh quân Minh.

Ngày 10 – 12 – 1427, bên bờ sông Hồng, Lê Lợi và Vương Thông dẫn đầu hai phái đoàn tham gia Hội thề Đông Quan, chấm dứt chiến tranh. Đầu tháng 1 – 1428, quân Minh rút hết về nước, đất nước hoàn toàn giải phóng.

Lê Lợi giao Nguyễn Trãi soạn *Bình Ngô đại cáo*, chính thức tuyên bố chấm dứt chiến tranh, mở nền hoà bình và dựng xây đất nước.

? 1. Trình bày những sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giai đoạn 1426 – 1427.

2. Việc dụ hàng quân Minh và tổ chức Hội thề Đông Quan thể hiện điều gì trong kế sách đánh giặc của Lê Lợi và Nguyễn Trãi?

2 Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi là do nhân dân ta luôn nêu cao tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí và quyết tâm giành lại độc lập cho dân tộc. Toàn dân đã đồng lòng đoàn kết chiến đấu, đóng góp của cải, lương thực, vũ khí, chịu nhiều gian khổ hi sinh để giành thắng lợi cuối cùng.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa còn do đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của bộ chỉ huy nghĩa quân, đứng đầu là những lãnh tụ kiệt xuất như Lê Lợi và Nguyễn Trãi, cùng những vị tướng tài như Nguyễn Chích, Nguyễn Xí, Nguyễn Biều,...

Khởi nghĩa Lam Sơn là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc có tính chất nhân dân rộng rãi, chấm dứt hơn hai mươi năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục nền độc lập, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

? 1. Giải thích nguyên nhân thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

2. Hãy trình bày ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Luyện tập – Vận dụng

1. Hãy lập bảng hệ thống những sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (thời gian, sự kiện tiêu biểu, kết quả, ý nghĩa).

2. Hãy đánh giá vai trò của các vị anh hùng dân tộc như: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,... đối với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

3. Từ khởi nghĩa Lam Sơn, chúng ta rút ra được bài học kinh nghiệm gì đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Bài 17

ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 – 1527)

▶ ***Học xong bài này, em sẽ:***

- Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ.
- Nhận biết được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ.
- Giới thiệu được sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ.

Khi khai quật chiếc tàu đắm ở biển Cù Lao Chàm (Quảng Nam), các nhà khảo cổ học đã phát hiện một chiếc bình gốm có niên đại thời Lê sơ (hình bên). Hãy chia sẻ hiểu biết của em về Vương triều Lê sơ cũng như những đóng góp của vương triều này đối với văn minh Đại Việt.

Hình 1. Bình gốm hoa lam vẽ thiên nga – Bảo vật quốc gia (trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia)

1 Sự thành lập Vương triều Lê sơ

Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, thành lập nhà Lê sơ, đặt niên hiệu Thuận Thiên, khôi phục quốc hiệu Đại Việt và đóng đô ở Thăng Long. Bộ máy nhà nước mới được xây dựng và từng bước hoàn chỉnh dưới thời vua Lê Thánh Tông. Hoàng đế trực tiếp nắm mọi quyền hành, kể cả chức tổng chỉ huy quân đội.

Hình 2. Sơ đồ tổ chức nhà nước thời Lê sơ

Em có biết?

Bộ *Quốc triều hình luật* gồm 722 điều được nhà sử học Phan Huy Chú (thời Nguyễn) đánh giá: "Thật là cái mẫu mực để trị nước...".

Triều Lê sơ chú trọng xây dựng quân đội mạnh, tiếp tục thi hành chính sách "ngụ binh ư nông"; hoàn thiện pháp luật với việc ban hành bộ *Quốc triều hình luật* (Luật Hồng Đức) có nhiều điểm tiến bộ.

Hình 3. Lược đồ Đại Việt thời Lê Thánh Tông với 13 đạo thừa tuyên

Nhà Lê sơ thực hiện chính sách kiên quyết nhằm giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia cũng như mở rộng biên giới về phía nam. Năm 1471, biên giới Đại Việt đã mở rộng đến khu vực tỉnh Phú Yên ngày nay.

1. Năm 1473, vua Lê Thánh Tông căn dặn đại thần khi đàm phán với triều Minh: "Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? Ngươi phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần... Nếu ngươi dám đem một thước, một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di".

(Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr.462)

? 1. Hãy cho biết Vương triều Lê sơ được thành lập như thế nào.

2. Tư liệu 1 thể hiện quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của nhà Lê sơ như thế nào?

2 Tình hình kinh tế, xã hội

a) *Tình hình kinh tế*

- *Nông nghiệp*

Nhà Lê sơ đặc biệt coi trọng và khuyến khích phát triển nông nghiệp.

Đặt ra các quan chuyên trách như: Khuyến nông sứ, Hà đê sứ, Đồn điền sứ,...	Cấm để ruộng hoang, đẩy mạnh khẩn hoang và lập đồn điền.
Đặt phép quân điền, định kì chia đều ruộng công làng xã.	Khơi kênh, đào sông, đắp đê ngăn mặn, bảo vệ các công trình thuỷ lợi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Hình 4. Bình gốm sản xuất ở Chu Đậu năm 1450 (được trưng bày tại Bảo tàng Top-ka-pi – Thổ Nhĩ Kỳ)

Sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi và phát triển. Đời sống nhân dân dần ổn định, như lời ca tụng trong dân gian:

Đời vua Thái Tổ, Thái Tông
Thóc lúa đầy đồng, trâu chẳng buồn ăn.

- *Thủ công nghiệp*

Nhiều nghề thủ công truyền thống như dệt lụa, làm gốm,... phát triển nhanh chóng, hình thành những làng nghề chuyên nghiệp. Đặc biệt, nghề sản xuất gốm sứ xuất khẩu theo đơn đặt hàng của các thương nhân nước ngoài phát triển mạnh ở các làng nghề tại Chu Đậu (Hải Dương), Bát Tràng (Hà Nội),...

Em có biết?

Cuộc khai quật tàu đắm ở Cù Lao Chàm (1997 – 1999) đã trục vớt khoảng 240 000 đồ gốm sứ được sản xuất chủ yếu ở Chu Đậu có niên đại thế kỉ XV. Những đồ gốm này đang trên đường đi đến các thị trường quốc tế, nhưng do đắm tàu mà bị chìm dưới đáy biển sâu.

• *Thương nghiệp*

Triều đình khuyến khích lập chợ, thúc đẩy buôn bán giữa các địa phương, giữa các làng nghề thủ công với các đô thị.

Việc buôn bán với nước ngoài được duy trì. Thuyền buôn nhiều nước đã đến buôn bán tại các thương cảng như: Vân Đồn, Hội Thống, Tam Kỳ,... Các sản phẩm như: tơ lụa, gốm sứ, lâm thổ sản,... rất được ưa chuộng.

? Trình bày những nét chính về tình hình kinh tế thời Lê sơ.

b) Tình hình xã hội

Xã hội phân hoá thành các tầng lớp có địa vị ngày càng khác biệt.

Tầng lớp quý tộc (vua, quan lại) có nhiều đặc quyền, đặc lợi. Nông dân là bộ phận đông đảo nhất, cày cấy ruộng đất công, nộp thuế và làm các nghĩa vụ với nhà nước hoặc lĩnh canh ruộng đất của địa chủ, quan lại để cày cấy và nộp tô cho họ. Thợ thủ công và thương nhân ngày càng đông đảo nhưng không được coi trọng. Nô tì có xu hướng giảm.

Sự phân biệt giữa quý tộc và bình dân trở nên sâu sắc và được quy định bởi pháp luật.

? Nêu những nét chính về tình hình xã hội thời Lê sơ.

3 Phát triển văn hoá – giáo dục

Kết nối với văn học

Hội Tao đàn (Nhị thập bát tú) là hội thơ ca gồm 28 thành viên do vua Lê Thánh Tông sáng lập và làm chủ soái, hai phó soái là Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận.

Thời Lê sơ, Nho giáo được đề cao, chiếm vị trí độc tôn; Phật giáo và Đạo giáo bị hạn chế.

Văn học chữ Hán tiếp tục phát triển và giữ ưu thế, có nhiều tác phẩm nổi tiếng như: *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi), *Quỳnh Uyển cửu ca* (Hội Tao đàn),...

Văn học chữ Nôm chiếm vị trí quan trọng với các tác phẩm như: *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi), *Hồng Đức quốc âm thi tập* (Lê Thánh Tông),...

Nhà Lê sơ coi trọng việc chép sử, biên soạn các bộ sách về địa lí, bản đồ. Tiêu biểu có các tác phẩm: *Lam Sơn thực lục* (Nguyễn Trãi), *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sỹ Liên), *Dư địa chí* (Nguyễn Trãi), *Hồng Đức bản đồ*,...

Toán học có *Đại thành toán pháp*, *Lập thành toán pháp*; Y học có *Bản thảo thực vật toát yếu*,...

Nhiều công trình kiến trúc tiêu biểu được xây dựng ở kinh đô Thăng Long, Lam Kinh (Thanh Hoá). Nghệ thuật điêu khắc trên đá, gỗ, gốm sứ,... tinh xảo với nhiều tác phẩm còn được lưu truyền đến nay. Nhã nhạc cung đình và nghệ thuật tuồng, chèo,... ngày càng phát triển.

Hình 5. Khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh (Thanh Hoá) (nhìn từ trên cao)

Hình 6. Bia Tiến sĩ đầu tiên của Việt Nam (di vật tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám)

Vua Lê Thái Tổ cho dựng lại Quốc Tử Giám ở kinh thành Thăng Long. Nhà Lê tổ chức đều đặn các khoa thi Tiến sĩ để tuyển chọn quan lại và cho lập bia đá ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám để tôn vinh những người đỗ đạt.

2. *Năm 1484, khi soạn bia Tiến sĩ đầu tiên, Thân Nhân Trung viết: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia".*

(*Văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất* (1442, dịch nghĩa) tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội)

? 1. Hãy trình bày những thành tựu văn hoá – giáo dục tiêu biểu thời Lê sơ.

2. Khai thác tư liệu 2 và thông tin trong mục, hãy cho biết vì sao nhà Lê sơ chú trọng phát triển giáo dục, khoa cử.

4 Một số danh nhân văn hoá tiêu biểu

a) Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi là vị anh hùng dân tộc đồng thời là danh nhân văn hoá thế giới. Với tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân, ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị lớn về Văn học, Sử học, Địa lí học như *Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo, Chí Linh sơn phú, Quốc âm thi tập, Dư địa chí,...*

Sự nghiệp, nhân cách và tâm hồn Nguyễn Trãi mãi mãi là vì sao sáng như Lê Thánh Tông truy tặng *Ức Trai tâm thượng quang Khuê tảo* (Lòng Ức Trai sáng tựa sao Khuê). Tư tưởng "chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân" của ông vẫn là bài học quý báu cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đến muôn đời.

Kết nối với văn hoá

Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi đã trở thành cảm hứng cho nhiều tác phẩm nghệ thuật như: kịch *Bí mật vườn Lệ Chi*, kịch *Nguyễn Trãi ở Đông Quan,...*

b) Lê Thánh Tông

Lê Thánh Tông là một vị hoàng đế anh minh, tài năng xuất chúng cả về chính trị, kinh tế,... Ông cũng là nhà văn hoá lớn của dân tộc.

Dưới thời trị vì của ông, giáo dục và đào tạo nhân tài nở rộ, có tới 500 người đỗ tiến sĩ.

Hội Tao đàn do Lê Thánh Tông sáng lập đã đánh dấu bước phát triển cao của nền văn chương đương thời. Ông để lại di sản thơ văn phong phú, đồ sộ với trên 300 bài thơ chữ Hán và tập *Hồng Đức quốc âm thi tập* bằng chữ Nôm.

c) Ngô Sỹ Liên

Ngô Sỹ Liên đỗ Tiến sĩ năm 1442, ông là nhà sử học nổi tiếng với bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

d) Lương Thế Vinh

Lương Thế Vinh đỗ Trạng nguyên năm 1463. Ông là nhà toán học nổi tiếng với các sách *Đại thành toán pháp*, *Thiền môn giáo khoa*. Nhờ học rộng, tài cao, tính tình khoáng đạt và bình dị, đương thời ông được cả vua và nhân dân quý mến.

? Hãy kể tên một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ và những đóng góp của họ đối với sự phát triển của văn hoá dân tộc.

Luyện tập – Vận dụng

1. Tình hình kinh tế thời Lê sơ có điểm gì giống và khác thời Trần? Hãy lập và hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây:

So sánh		Thời Lê sơ	Thời Trần
Giống nhau			
Khác nhau	Nông nghiệp		
	Thủ công nghiệp		
	Thương nghiệp		

2. Đọc đoạn tư liệu sau và cho biết luật pháp thời Lê sơ có những điểm gì tiến bộ.

3. Điều 388, trong gia đình, con gái được quyền thừa kế tài sản như con trai. Điều 374 và 375, khi gia đình phải phân chia tài sản thì tài sản do hai vợ chồng làm ra được chia đôi. Điều 308, người chồng ruồng bỏ và không đi lại với người vợ trong năm tháng thì người vợ có quyền bỏ chồng.

(Luật Hồng Đức, Theo Phan Huy Lê (CB), *Lịch sử Việt Nam*, Tập II, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.141)

3. Chủ trương của các vua thời Lê sơ về vấn đề chủ quyền lãnh thổ có giá trị như thế nào trong công cuộc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia ngày nay?

CHƯƠNG 7

VÙNG ĐẤT PHÍA NAM VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

Cụm tháp Dương Long ở Bình Định ngày nay

Từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, ở khu vực miền Trung là giai đoạn phát triển rực rỡ của Vương quốc Chăm-pa, dưới sự trị vì của triều đại Vi-giay-a. Sau đó, vương quốc này dần suy yếu. Trong khi đó, ở khu vực Nam Bộ, sau sự sụp đổ của Vương quốc Phù Nam, vùng đất này thuộc quyền quản lí của Chân Lạp. Thời kì này, Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ tiếp tục phát triển theo tiến trình lịch sử riêng, để rồi từng bước hội nhập vào dòng chảy lịch sử – văn hoá Việt Nam thống nhất.

Trong chương này, em sẽ được tìm hiểu: Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Bài 18

VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA VÀ VÙNG ĐẤT NAM BỘ TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị của Vương quốc Chăm-pa, vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.
- Trình bày được những nét chính về kinh tế, văn hoá của Vương quốc Chăm-pa, vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Trong giai đoạn từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, vùng đất phía Nam của Đại Việt bao gồm những phần lãnh thổ nào thuộc Việt Nam hiện nay? Vùng đất đó đã phát triển ra sao trước khi sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học này nhé!

1 Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

a) Diễn biến cơ bản về chính trị

Em có biết?

Năm 1305, vua Chăm-pa là Chế Mân sai người mang lễ vật xin cưới Công chúa Huyền Trân – con gái của vua Trần Nhân Tông. Năm 1306, Huyền Trân lên thuyền vào Chăm-pa. Truyền thuyết của người Chăm kể lại: Đích thân vua Chế Mân mặc bộ quần áo màu trắng, đi giày đen thêu chim thần Ga-ru-đa ra đón, hôn lễ của họ được cử hành suốt ba ngày ba đêm và Huyền Trân được phong làm Vương hậu.

Năm 988, một quý tộc người Chăm đã lập ra Vương triều Vi-giay-a, mở ra một thời kì phát triển mới của Vương quốc Chăm-pa. Kinh đô được chuyển về Vi-giay-a (còn gọi là Đồ Bàn hay Chà Bàn, thuộc An Nhơn, Bình Định ngày nay).

Hình 1. Cổng thành Đồ Bàn (An Nhơn, Bình Định ngày nay)

Hình 2. Lược đồ Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

Bảng khái quát tình hình chính trị của Vương quốc Chăm-pa

Giai đoạn	Tình hình nổi bật
Từ năm 988 – 1220	• Tình hình Chăm-pa gặp nhiều khó khăn ở trong nước, phải tiến hành các cuộc chiến tranh với Chân Lạp cũng như giải quyết xung đột với Đại Việt ở phía bắc. • Năm 1069, vua Chăm-pa cắt ba châu là Bố Chính, Địa Lý (Quảng Bình) và Ma Linh (phía bắc tỉnh Quảng Trị) cho Đại Việt. • "Cuộc chiến tranh Một trăm năm" (khoảng 1113 – 1220), khiến Chăm-pa hai lần bị Chân Lạp chiếm đóng.
Từ năm 1220 – 1353	Là thời kì thịnh đạt nhất của Vương triều Vi-giay-a cũng như trong lịch sử Vương quốc Chăm-pa. Chăm-pa thoát khỏi ách đô hộ của Chân Lạp, củng cố chính quyền, mở rộng và thống nhất lãnh thổ,...
Từ cuối thế kỉ XIV – năm 1471	Vương triều Vi-giay-a lâm vào khủng hoảng, suy yếu rồi sụp đổ.
Từ năm 1471 – đầu thế kỉ XVI	Lãnh thổ Chăm-pa bị thu hẹp nhiều phần và chia thành nhiều tiểu quốc khác nhau.

? Giới thiệu những diễn biến chính về chính trị của Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Em có biết?

Từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, Chăm-pa là điểm dừng chân của thương nhân và các nhà hàng hải, thám hiểm nổi tiếng thế giới như Mác-cô Pô-lô,... Trong các tập du kí để lại, Chăm-pa được mô tả là một vương quốc xinh đẹp và giàu có.

Hình 3. Bình tì bà men nâu của Chăm-pa

Em có biết?

Người Chăm đã sáng tạo ra cách làm gạch và gắn kết chúng khi xây đền tháp mà không dùng vữa. Trải qua hàng nghìn năm, những đền tháp đó vẫn tồn tại vững chắc. Câu hỏi người Chăm đã sử dụng chất liệu gì để kết dính các viên gạch vẫn còn là một bí ẩn.

b) Tình hình kinh tế, văn hoá

- *Tình hình kinh tế*

Sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ yếu trong hoạt động kinh tế của người Chăm. Họ tiếp tục phát triển các kĩ thuật đào kênh, đắp đập thuỷ lợi,...

Người Chăm khai thác và trao đổi, buôn bán nhiều loại lâm thổ sản quý như: trầm hương, long não, sừng tê giác, ngà voi, hồ tiêu,... Đánh bắt hải sản được phát triển từ trước, đến thời kì này vẫn là một nghề quan trọng của cư dân Chăm-pa.

Thời kì này, thương mại đường biển ở Vương quốc Chăm-pa vẫn được phát triển mạnh mẽ với nhiều hải cảng được mở rộng như Đại Chiêm (Quảng Nam) hoặc xây dựng mới như: Tân Châu (Thị Nại ở Bình Định),...

Các nghề thủ công tiếp tục phát triển, nhất là sản xuất gốm, dệt vải, chế tác đồ trang sức, đóng thuyền,... Thời kì này xuất hiện nhiều lò gốm nổi tiếng như: Gò Sành, Trường Cửu, Gò Cây Me (Bình Định),...

- *Tình hình văn hoá*

Tôn giáo – tín ngưỡng: Thời kì này, Hin-đu giáo là tôn giáo có vị trí quan trọng nhất ở Chăm-pa, trong đó chủ yếu là thờ thần Si-va; Phật giáo tiếp tục có những bước phát triển. Bên cạnh đó, tín ngưỡng phồn thực được phổ biến rộng rãi trong đời sống văn hoá của cư dân.

Chữ viết: Chữ Chăm không ngừng được cải tiến và hoàn thiện.

Kiến trúc và điêu khắc: Nổi tiếng nhất thời kì này là các đền tháp được xây bằng gạch nung và trang trí phù điêu,... như cụm đền tháp Dương Long (Bình Định), Pô-na-ga (Khánh Hoà), Pô-klong Ga-rai (Ninh Thuận),...

Hình 4. Tháp Pô-klong Ga-rai được xây dựng vào khoảng cuối thế kỉ XIII – đầu thế kỉ XIV

Hình 5. Phù điêu nữ thần Sa-ra-va-ti – thể hiện kiến trúc tinh xảo và đời sống tinh thần phong phú của người Chăm

Trong biểu diễn *ca múa nhạc*, người Chăm sử dụng các bộ nhạc cụ như trống, kèn Sa-ra-na,... Những điệu múa nổi tiếng của các vũ nữ Chăm-pa gồm có múa lụa, múa quạt, đặc biệt là vũ điệu Áp-sa-ra.

? 1. Nêu những hoạt động kinh tế chủ yếu của Vương quốc Chăm-pa. Hoạt động nào khiến em ấn tượng nhất? Vì sao?

2. Trình bày những nét chính về văn hoá ở Chăm-pa từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

2 Lược sử vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

a) Diễn biến cơ bản về chính trị

Sau khi Vương quốc Phù Nam sụp đổ (khoảng đầu thế kỉ VII), vùng đất Nam Bộ trên danh nghĩa bị đặt dưới quyền cai trị của nước Chân Lạp (Cam-pu-chia). Tuy nhiên, trong thực tế, triều đình Ăng-co gặp nhiều khó khăn và hầu như không thể quản lí được vùng đất này. Việc cai trị vùng đất Nam Bộ phải giao cho những người thuộc dòng dõi vua Phù Nam. Từ khoảng cuối thế kỉ XIV, Chân Lạp phải lo đối phó với các cuộc tấn công của quân Xiêm, do đó càng không có khả năng kiểm soát trực tiếp vùng đất Nam Bộ.

Em có biết?

Một số sử sách phân biệt rõ hai vùng đất thuộc Vương quốc Chân Lạp từ sau thế kỉ VII là "Lục Chân Lạp" và "Thuỷ Chân Lạp". Trong đó, Lục Chân Lạp là vùng đất gốc của người Khơ-me (nay thuộc Cam-pu-chia), có địa hình cao và đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của triều đình Chân Lạp. Còn Thuỷ Chân Lạp chủ yếu thuộc khu vực Nam Bộ Việt Nam ngày nay.

Cũng từ sau thế kỉ X, khu vực Nam Bộ chịu ảnh hưởng nặng nề bởi điều kiện tự nhiên. Một phần đất đai bị ngấm mặn, gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp. Suốt giai đoạn thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIV, cư dân ở đây rất thưa vắng.

Phải đến vài thế kỉ sau đó mới có những nhóm lưu dân người Việt đến khẩn hoang và lập ra những làng người Việt đầu tiên ở vùng Mô Xoài (Bà Rịa – Vũng Tàu), Đồng Nai,...

? Hãy cho biết những nét chính về tình hình chính trị vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

b) Tình hình kinh tế và văn hoá

Thời kì này, cư dân ở vùng đất Nam Bộ tập trung tại những vùng đất cao về phía tây, tụ cư thành những xóm làng. Kinh tế chủ yếu dựa vào canh tác lúa nước kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm, đánh bắt thuỷ hải sản. Bên cạnh đó, họ làm các nghề thủ công và buôn bán nhỏ. Thương nghiệp không còn phát triển như thời kì Vương quốc Phù Nam.

Ảnh hưởng của văn minh Ăng-co ở vùng đất Nam Bộ không đậm nét. Người dân vẫn giữ nhiều truyền thống văn hoá từ thời Phù Nam, đồng thời dần tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc. Hin-đu giáo, Phật giáo, các tín ngưỡng dân gian,... tiếp tục được duy trì trong đời sống văn hoá của cư dân. Đời sống vật chất và tinh thần phản ánh một nền văn hoá bình dân của những con người sống ở vùng khí hậu nóng ẩm và môi trường sông nước.

? Hãy nêu những nét chính về tình hình kinh tế, văn hoá của vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Luyện tập – Vận dụng

1. Liên hệ với kiến thức đã học ở lớp 6, hãy so sánh:

a) Tình hình kinh tế Chăm-pa giai đoạn từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI với giai đoạn từ thế kỉ II đến đầu thế kỉ X.

b) Những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá giữa Vương quốc Phù Nam (trước thế kỉ VII) và vùng đất Nam Bộ trong giai đoạn từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

2. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy lí giải về những nguyên nhân khiến trong một thời kì dài, triều đình Chân Lạp không thể quản lí và kiểm soát được vùng đất Nam Bộ.

3. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet để viết một đoạn văn giới thiệu về một di tích đền tháp Chăm-pa được xây dựng trong giai đoạn từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. Theo em cần phải làm gì để bảo vệ và phát huy giá trị của di tích đó.

Phần
ĐỊA LÍ

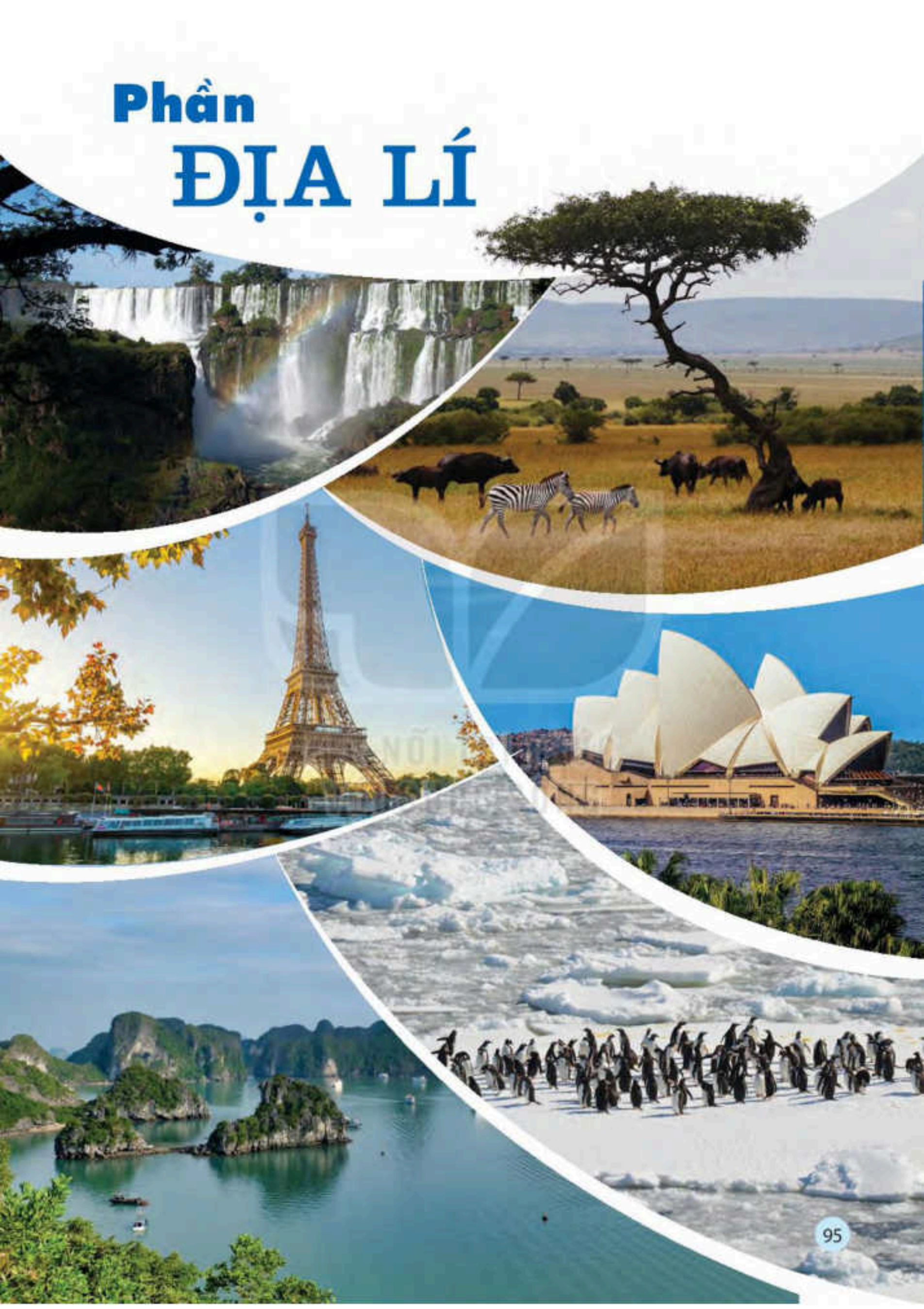

CHƯƠNG 1 CHÂU ÂU

Bài 1 VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.
- Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu; đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn (Rai-nơ, Đa-nuýp, Von-ga); các đới thiên nhiên ở châu Âu.

Châu Âu là nơi được biết đến có thiên nhiên phong phú, đa dạng. Bài học này sẽ giúp các em có hiểu biết về đặc điểm tự nhiên của châu Âu.

Em hãy kể một số thông tin mà em biết về châu Âu.

1 Vị trí địa lí, hình dạng, kích thước

Châu Âu là bộ phận phía tây của lục địa Á – Âu, ngăn cách với châu Á bởi dãy U-ran. Phần lớn lãnh thổ châu Âu nằm giữa các vĩ tuyến 36°B và 71°B, chủ yếu thuộc đới ôn hoà của bán cầu Bắc.

Diện tích châu Âu trên 10 triệu km^2; so với các châu lục khác, chỉ lớn hơn châu Đại Dương. Đường bờ biển bị cắt xẻ mạnh, tạo thành nhiều bán đảo, biển, vũng vịnh ăn sâu vào đất liền.

? Đọc thông tin trong mục 1 và quan sát hình 1, hãy:

– Trình bày đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.

– Kể tên các biển và đại dương bao quanh châu Âu.

2 Đặc điểm tự nhiên

a) Địa hình

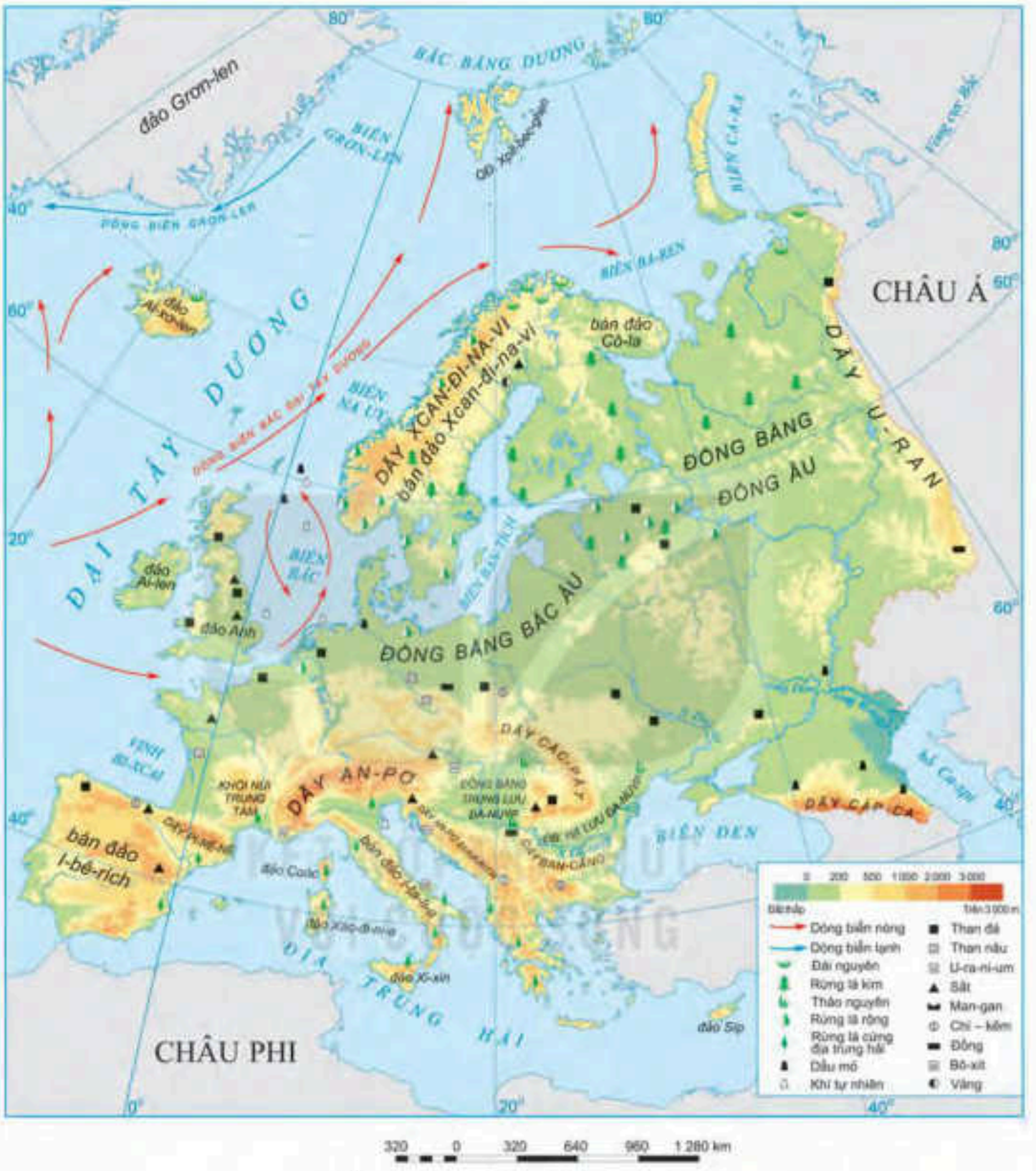

Hình 1. Bản đồ tự nhiên châu Âu

Châu Âu có hai khu vực địa hình: đồng bằng và miền núi.

– Khu vực đồng bằng chiếm 2/3 diện tích châu lục, gồm: đồng bằng Bắc Âu, đồng bằng Đông Âu, các đồng bằng trung lưu và hạ lưu Đa-nuýp,... Các đồng bằng được hình thành do nhiều nguồn gốc khác nhau nên có đặc điểm địa hình khác nhau.

Em có biết?

Đồng bằng Đông Âu gồm các vùng đất cao, đồi thoải xen với các vùng đất thấp hoặc thung lũng rộng.

Đồng bằng trung lưu Đa-nuýp tương đối thấp và bằng phẳng (trừ phía tây).

– Khu vực miền núi, bao gồm:

+ Địa hình núi già phân bố ở phía bắc và trung tâm châu lục, gồm các dãy: Xcan-đi-na-vi, U-ran,... Phần lớn là các núi có độ cao trung bình hoặc thấp.

+ Địa hình núi trẻ phân bố chủ yếu ở phía nam, gồm các dãy An-pơ, Các-pát, Ban-căng,... Phần lớn là các núi có độ cao trung bình dưới 2 000 m. Dãy An-pơ cao và đồ sộ nhất châu Âu, có nhiều đỉnh trên 4 000 m.

Hình 2. Một phần dãy An-pơ ở Thuỵ Sỹ

? Đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 1, hãy:

– Phân tích đặc điểm các khu vực địa hình chính ở châu Âu.

– Xác định vị trí một số dãy núi và đồng bằng lớn ở châu Âu.

b) Khí hậu

Khí hậu châu Âu có sự phân hoá từ bắc xuống nam và từ tây sang đông, tạo nên các đới và kiểu khí hậu khác nhau.

– Đới khí hậu cực và cận cực quanh năm giá lạnh, lượng mưa trung bình năm dưới 500 mm.

– Đới khí hậu ôn đới có sự phân hoá thành các kiểu khí hậu khác nhau:

+ Khí hậu ôn đới hải dương: ôn hoà, mùa đông tương đối ấm, mùa hạ mát; có mưa quanh năm, lượng mưa trung bình năm từ 800 – 1 000 mm trở lên.

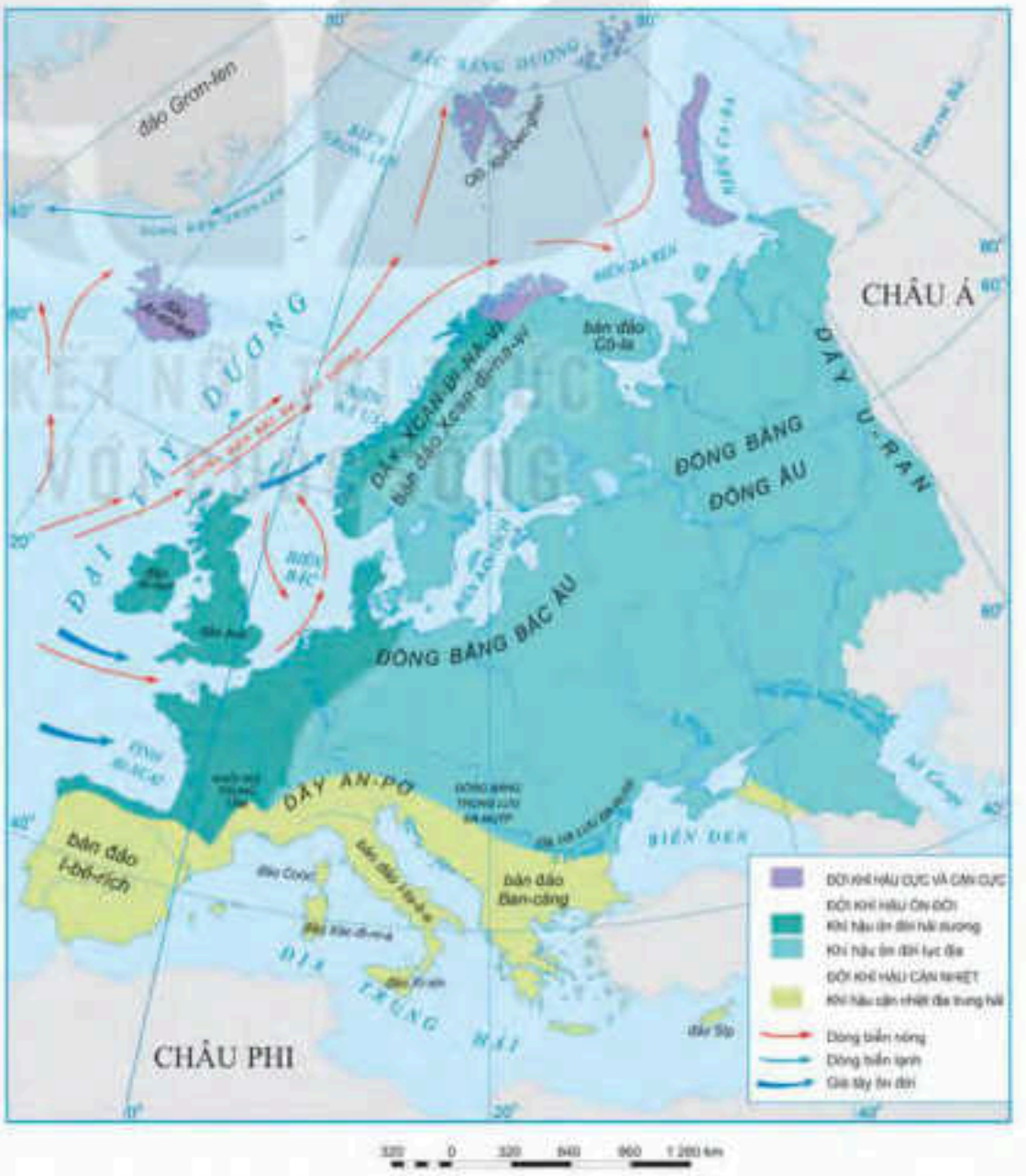

Hình 3. Bản đồ các đới và kiểu khí hậu ở châu Âu

+ Khí hậu ôn đới lục địa: mùa đông lạnh và khô, mùa hạ nóng và ẩm. Lượng mưa nhỏ, trung bình năm chỉ trên dưới 500 mm, mưa chủ yếu vào mùa hạ.

– Đới khí hậu cận nhiệt ở châu Âu chỉ có một kiểu là cận nhiệt địa trung hải: mùa hạ nóng và khô, thời tiết ổn định; mùa đông ấm và mưa nhiều hơn. Lượng mưa trung bình năm khoảng 500 – 700 mm.

Ngoài ra, khí hậu ở các vùng núi có sự phân hoá theo độ cao.

? Dựa vào thông tin trong mục b và hình 3, hãy trình bày đặc điểm phân hoá khí hậu ở châu Âu.

c) Sông ngòi

Sông ngòi châu Âu có lượng nước dồi dào, chế độ nước rất phức tạp do được cung cấp nước từ nhiều nguồn: mưa, tuyết tan, băng hà núi cao,... Hệ thống kênh đào ở châu Âu rất phát triển, nhờ đó giao thông đường sông thuận lợi.

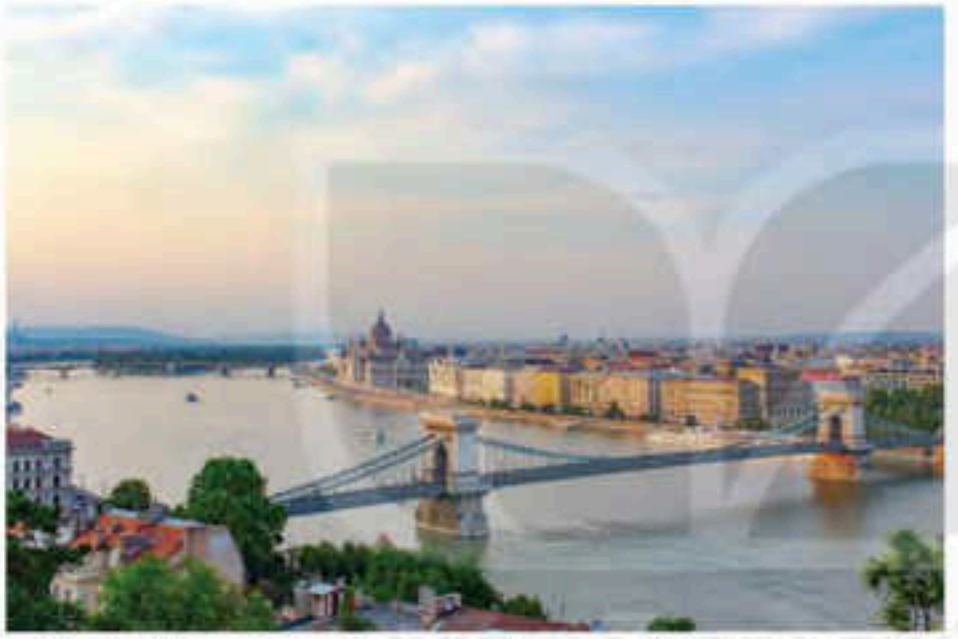

Hình 4. Đoạn sông Đa-nuýp chảy qua Thủ đô Bu-đa-pét, Hung-ga-ri

Em có biết?

Sông Von-ga (3 690 km) là con sông dài nhất và nhiều nước nhất châu Âu, bắt nguồn từ vùng đồi Van-đai và đổ vào hồ Ca-xpi. Sông Đa-nuýp (2 850 km) là con sông dài thứ hai, bắt nguồn từ sườn đông dãy núi Rừng Đen thuộc lãnh thổ Đức và đổ vào Biển Đen. Sông Rai-nơ dài 1 320 km, bắt nguồn từ hồ trên dãy An-pơ thuộc Thuỵ Sỹ và đổ vào Biển Bắc.

? Hãy xác định vị trí các sông: Von-ga, Đa-nuýp, Rai-nơ trên bản đồ hình 1.

d) Đới thiên nhiên

– Đới lạnh ở châu Âu có khí hậu cực và cận cực; chỉ chiếm một phần nhỏ diện tích lãnh thổ, bao gồm các đảo, quần đảo ở Bắc Băng Dương và một dải hẹp ở phía bắc châu lục. Mặt đất bị tuyết bao phủ gần như quanh năm. Giới sinh vật nghèo nàn: thực vật chủ yếu là rêu, địa y và cây bụi; động vật có một số loài chịu được lạnh.

– Đới ôn hoà ở châu Âu có khí hậu ôn đới và khí hậu cận nhiệt.

Phần lớn lãnh thổ châu Âu nằm trong đới ôn hoà. Thiên nhiên thay đổi theo sự thay đổi của nhiệt độ và lượng mưa.

Phía bắc có khí hậu lạnh và ẩm ướt. Thực vật chủ yếu là rừng lá kim, nhóm đất điển hình là đất pốt dôn.

Phía tây khí hậu có mùa đông ấm, mùa hạ mát, mưa nhiều nên thảm thực vật chủ yếu là rừng lá rộng. Vào sâu trong lục địa, lượng mưa giảm dần, mùa đông lạnh, mùa hạ nóng, rừng hỗn hợp phát triển. Nhóm đất điển hình là đất rừng nâu xám.

Phía đông nam, khí hậu mang tính chất lục địa, mưa ít. Thảm thực vật chủ yếu là thảo nguyên ôn đới. Nhóm đất điển hình là đất đen thảo nguyên ôn đới.

Phía nam có khí hậu cận nhiệt địa trung hải. Rừng và cây bụi lá cứng phát triển.

Động vật ở đới ôn hoà đa dạng cả về số loài và số lượng cá thể trong mỗi loài. Ở đây có các loài thú lớn như gấu nâu, chồn, linh miêu, chó sói, sơn dương,...; cùng nhiều loài bò sát và chim.

Hình 5. Đài nguyên ở Bắc Âu

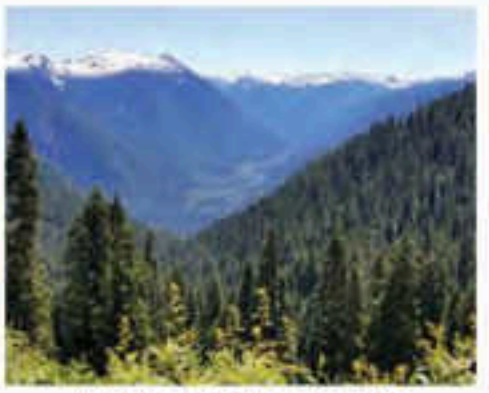

Hình 6. Rừng lá kim ở Trung Âu

Hình 7. Thảo nguyên ôn đới ở Đông Âu

? Đọc thông tin và quan sát các hình ảnh trong mục d, hãy trình bày đặc điểm các đới thiên nhiên ở châu Âu.

Luyện tập – Vận dụng

Xác định mỗi biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây thuộc kiểu khí hậu nào ở châu Âu. Giải thích vì sao.

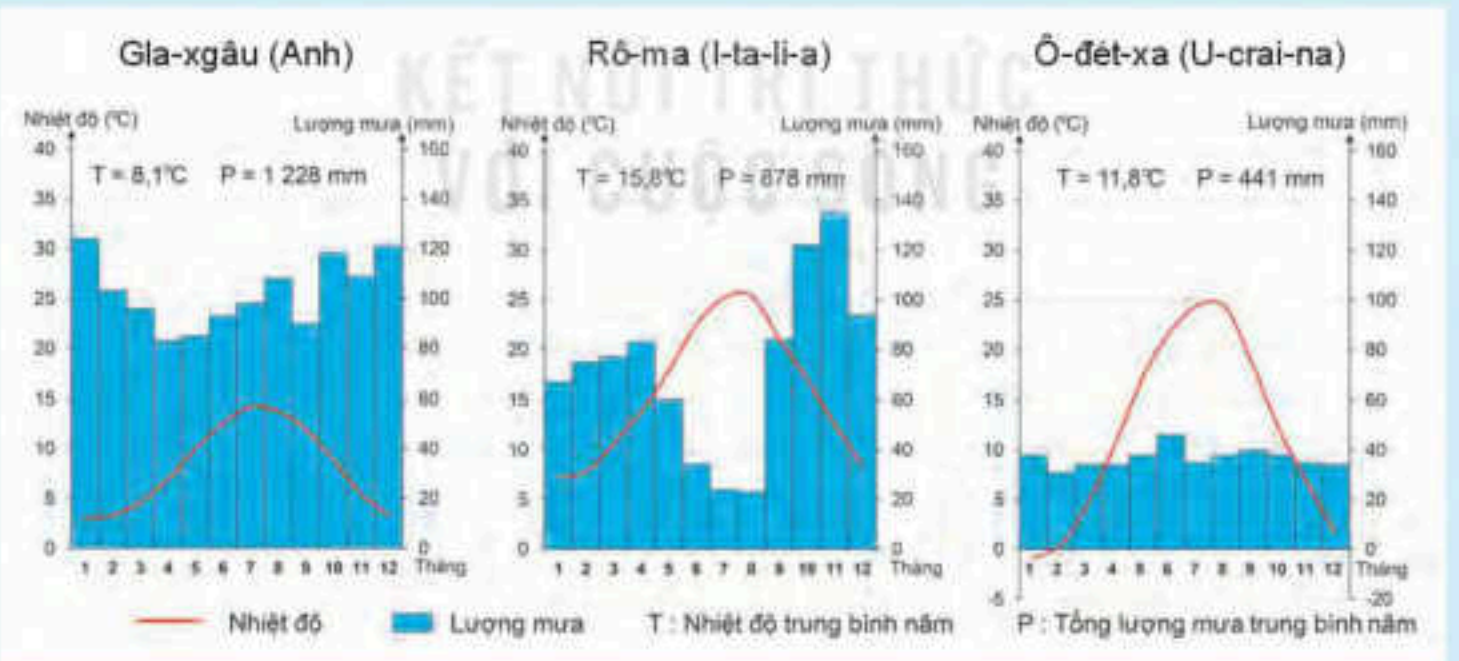

Sưu tầm những hình ảnh đẹp về thiên nhiên châu Âu (núi, sông, hồ, rừng,...) và viết bài (khoảng 15 dòng) giới thiệu về những cảnh đẹp đó.

Bài 2 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.

Dân cư và xã hội châu Âu có những nét khác biệt so với các châu lục khác. Điều này tác động tới nhiều mặt đời sống của người dân châu Âu.

Hãy nêu một số hiểu biết của em về dân cư, xã hội ở châu Âu.

1 Cơ cấu dân cư

Số dân của châu Âu năm 2020 khoảng 747 triệu người (bao gồm cả số dân Liên bang Nga), đứng thứ tư trên thế giới (sau châu Á, châu Phi và châu Mỹ).

Châu Âu có cơ cấu dân số già. So với trung bình thế giới, tỉ lệ người dưới 15 tuổi thấp và có xu hướng giảm, trong khi tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên cao và có xu hướng tăng.

Bảng 1. CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI Ở CHÂU ÂU NĂM 1990 VÀ NĂM 2020 (%)

Nhóm tuổi / Năm	0 – 14 tuổi	15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
1990	20,5	66,9	12,6
2020	16,1	64,8	19,1

Hậu quả của cơ cấu dân số già là sự thiếu hụt lao động. Để giải quyết vấn đề đó, các nước châu Âu đã tiến hành nhiều biện pháp, như: thu hút lao động từ bên ngoài, khuyến khích sinh đẻ, kéo dài độ tuổi lao động,...

Một số quốc gia ở châu Âu vẫn còn tình trạng mất cân bằng giới tính.

Bảng 2. CƠ CẤU DÂN SỐ THEO GIỚI TÍNH CỦA CHÂU ÂU GIAI ĐOẠN 1990 – 2020 (%)

Năm / Giới tính	1990	2000	2010	2020
Nam	48,1	48,2	48,2	48,3
Nữ	51,9	51,8	51,8	51,7

Dân cư châu Âu có trình độ học vấn cao, điều này tác động rõ rệt đến năng suất lao động. Năm 2020, số năm đi học bình quân của người trên 25 tuổi ở châu Âu là 11,8 năm, thuộc hàng cao nhất thế giới.

? Đọc thông tin và khai thác bảng số liệu 1, 2 trong mục 1, hãy nêu đặc điểm cơ cấu dân cư ở châu Âu.

2 Đô thị hoá

Hình 1. Bản đồ tỉ lệ dân đô thị và một số đô thị ở châu Âu, năm 2020

Từ thế kỉ XIX, quá trình công nghiệp hoá khiến số dân đô thị của châu Âu tăng nhanh, cùng với đó là sự xuất hiện các đô thị lớn.

Ở các vùng công nghiệp lâu đời, nhiều đô thị mở rộng và nối liền với nhau tạo thành các dải đô thị, cụm đô thị xuyên biên giới như dải đô thị kéo dài từ Li-vơ-pun (Anh) đến Côn (Đức).

Việc phát triển sản xuất công nghiệp ở vùng nông thôn cùng với việc mở rộng ngoại ô của các đô thị đã thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hoá nông thôn, tạo nên các đô thị vệ tinh.

Châu Âu là châu lục có mức độ đô thị hoá cao, năm 2020 khoảng 75% số dân châu Âu sống ở khu vực đô thị.

? *1.* Đọc thông tin trong mục 2, cho biết các đặc điểm của đô thị hoá ở châu Âu.
2. Dựa vào hình 1, hãy kể tên các đô thị từ 5 triệu người trở lên ở châu Âu.

3 Di cư

Người Ơ-rô-pê-ô-it sinh sống trên lãnh thổ châu Âu từ rất sớm. Nhập cư là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến châu Âu trở thành một châu lục đông dân từ thời cổ đại.

Từ cuối thế kỉ XX đến đầu thế kỉ XXI, số lượng người từ các châu lục, khu vực khác (châu Phi, Trung Đông,...) nhập cư vào châu Âu ngày càng nhiều. Theo Liên hợp quốc, riêng năm 2019, châu Âu đã tiếp nhận khoảng 82 triệu người di cư quốc tế.

Đồng thời, do nhu cầu về nguồn lao động của các quốc gia cũng như nhu cầu tìm kiếm cơ hội việc làm của người dân nên việc di cư trong nội bộ châu Âu ngày càng gia tăng và có ảnh hưởng đến dân số của các quốc gia.

? Đọc thông tin trong mục 3, cho biết đặc điểm di cư ở châu Âu.

Luyện tập – Vận dụng

Dựa vào bảng 1 trang 101, vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở châu Âu năm 1990 và năm 2020. Nêu nhận xét.

Tìm hiểu về ảnh hưởng của cơ cấu dân số già đến sự phát triển kinh tế – xã hội ở châu Âu.

Bài 3 KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN Ở CHÂU ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

- Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.

Trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, các quốc gia châu Âu phải đối mặt với nhiều vấn đề về môi trường.

Dựa vào hiểu biết của bản thân, hãy nêu một số vấn đề về môi trường được các nước châu Âu quan tâm.

1 Vấn đề bảo vệ môi trường

a) Bảo vệ môi trường không khí

Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiêu thụ năng lượng, vận tải đường bộ là những nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí ở châu Âu.

Để cải thiện chất lượng không khí, các quốc gia châu Âu đã thực hiện một số giải pháp:

Hình 1. Dòng người đi xe đạp trên đường phố Cô-pen-ha-ghen (Đan Mạch)

– Kiểm soát lượng khí thải trong khí quyển.

– Đánh thuế các-bon, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các nhiên liệu có hàm lượng các-bon cao như dầu mỏ và khí tự nhiên, góp phần giảm phát thải khí CO_2 vào khí quyển.

– Đầu tư phát triển công nghệ xanh, sử dụng năng lượng tái tạo để dần thay thế năng lượng hoá thạch.

– Đối với thành phố: giảm lượng xe lưu thông trong thành phố, ưu tiên giao thông công cộng, xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên cho người đi xe đạp và đi bộ.

b) Bảo vệ môi trường nước

Trước đây, môi trường nước ở châu Âu bị ô nhiễm do các chất thải từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt. Hiện nay, nhờ các biện pháp bảo vệ nên môi trường nước đã được cải thiện rõ rệt:

– Tăng cường kiểm soát đầu ra của nguồn rác thải, hoá chất độc hại từ sản xuất nông nghiệp.

– Đảm bảo việc xử lí rác thải, nước thải từ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

– Kiểm soát và xử lí các nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động kinh tế biển (vận tải, du lịch, đánh bắt hải sản,...).

– Nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường nước,...

? Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục 1, hãy trình bày vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.

2 Vấn đề bảo vệ đa dạng sinh học

Các quốc gia châu Âu rất chú trọng bảo vệ sự đa dạng sinh học. Các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước ở châu Âu được bảo tồn tương đối tốt.

Để giữ gìn đa dạng sinh học, các nước châu Âu đã ban hành nhiều chính sách bảo vệ và phát triển rừng bền vững, giảm thiểu các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước và môi trường đất.

Hình 2. Một khu rừng ở Phần Lan

Em có biết?

Các hệ sinh thái và đa dạng sinh học có tầm quan trọng đặc biệt đối với sức khoẻ con người và ổn định kinh tế – xã hội. Tháng 10 năm 2020, các Bộ trưởng môi trường của Liên minh châu Âu đã thông qua chiến lược đa dạng sinh học, nhằm bảo vệ các hệ sinh thái. Theo đó, ít nhất 30% khu vực tiếp giáp biển sẽ được đưa vào diện bảo vệ đặc biệt.

? Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục 2, hãy trình bày vấn đề bảo vệ đa dạng sinh học ở châu Âu.

Hình 3. Nắng nóng, nhiệt độ tăng cao khiến cháy rừng lan rộng ở Tây Ban Nha năm 2021

Em có biết?

Mục tiêu chung của các nước châu Âu là giảm 55% lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính vào năm 2030. Các quốc gia châu Âu giám sát và bảo vệ nghiêm ngặt các khu rừng nguyên sinh, những khu rừng này có vai trò như là chắn tự nhiên chống lại biến đổi khí hậu.

3 Vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu

Trong những năm gần đây, châu Âu bị ảnh hưởng liên tiếp bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan, như các đợt nắng nóng bất thường xảy ra ở các nước Bắc Âu, nắng nóng cũng đã gây ra những trận cháy rừng tàn khốc ở một số quốc gia Nam Âu; mưa lũ gây hậu quả nghiêm trọng tại một số quốc gia ở Tây và Trung Âu.

Để ứng phó với biến đổi khí hậu, các nước châu Âu đã có nhiều hành động cụ thể như:

– Trồng rừng và bảo vệ rừng: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu vì rừng hấp thụ khí CO_2 gây hiệu ứng nhà kính. Rừng còn làm giảm nguy cơ lũ lụt và giảm thiểu hạn hán.

– Hạn chế sử dụng nhiên liệu hoá thạch ở mức tối đa và phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường như năng lượng mặt trời, gió, sóng biển, thuỷ triều,...

? Đọc thông tin và quan sát hình 3 trong mục 3, hãy trình bày vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu ở châu Âu.

Luyện tập – Vận dụng

Hoàn thành bảng theo mẫu sau vào vở:

VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở CHÂU ÂU

Loại môi trường	Biện pháp bảo vệ
– Môi trường không khí – Môi trường nước	

Tìm hiểu về việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ở một quốc gia châu Âu.

Bài 4 LIÊN MINH CHÂU ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

Liên minh châu Âu là tổ chức kinh tế lớn trên thế giới, có tầm ảnh hưởng đối với toàn cầu.

Hãy kể tên một số quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu.

1 Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)

Hình 1. Bản đồ các thành viên của Liên minh châu Âu, năm 2020

Hình 2. Trụ sở EU ở Brúc-xen (Bỉ)

Em có biết?

EU là nơi sản xuất khoảng 1/2 số máy bay trên thế giới; với thương hiệu nổi tiếng là E-bớt.

Tiền thân của Liên minh châu Âu là Cộng đồng Kinh tế châu Âu (năm 1957). Liên minh châu Âu (gọi tắt là EU) được thành lập chính thức vào ngày 1 tháng 11 năm 1993. Năm 2020, Liên minh châu Âu có 27 quốc gia thành viên với số dân khoảng 447 triệu người. Trụ sở của EU được đặt ở Brúc-xen (Bỉ). EU đã thiết lập một thị trường chung và có hệ thống tiền tệ chung (đồng Ơ-rô).

? Đọc thông tin trong mục 1 và quan sát hình 1, hãy kể tên các nước thành viên của EU.

2 Liên minh châu Âu – một trung tâm kinh tế lớn trên thế giới

Ngay từ khi mới thành lập, EU đã đặt ra mục tiêu trọng tâm là thiết lập một thị trường kinh tế duy nhất, bao gồm lãnh thổ của tất cả các quốc gia thành viên. EU có 3/7 nước công nghiệp hàng đầu thế giới (nhóm G7).

Là trung tâm trao đổi hàng hoá và dịch vụ lớn nhất thế giới, EU chiếm hơn 31% trị giá xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ của thế giới (năm 2020).

EU là đối tác thương mại hàng đầu của 80 quốc gia, trong đó có Việt Nam.

EU là trung tâm tài chính lớn trên thế giới. Các ngân hàng nổi tiếng, uy tín ở EU có tác động lớn đến hệ thống tài chính và tiền tệ của thế giới.

GDP VÀ GDP/NGƯỜI CỦA CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ LỚN TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2020

Chỉ số	EU	Hoa Kỳ	Nhật Bản	Trung Quốc
GDP *(tỉ USD)*	15 276	20 937	4 975	14 723
GDP/người *(USD/năm)*	34 115	63 544	39 539	10 500

? Dựa vào thông tin và bảng số liệu trong mục 2, nêu dẫn chứng để thấy EU là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

Luyện tập – Vận dụng

Cho biết GDP của thế giới năm 2020 là 84 705,4 tỉ USD, hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện tỉ lệ GDP của EU trong tổng GDP của thế giới.

Thu thập thông tin về mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam và EU.

CHƯƠNG 2 CHÂU Á

Bài 5 VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU Á

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.
- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.

Châu Á là một bộ phận của lục địa Á – Âu. Châu Á có diện tích rộng lớn, tiếp giáp nhiều châu lục và đại dương, có sự đa dạng về đặc điểm tự nhiên.

Hãy chia sẻ một số thông tin em biết về châu Á.

Em có biết?

Ca-li-man-tan là đảo lớn nhất châu Á và lớn thứ ba thế giới, thuộc lãnh thổ các nước In-đô-nê-xi-a, Bru-nây và Ma-lai-xi-a, có diện tích hơn 740 nghìn km².

1 Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước

Châu Á là châu lục rộng lớn nhất thế giới, diện tích (kể cả các đảo) khoảng 44,4 triệu km², tiếp giáp với hai châu lục và ba đại dương.

Châu Á có dạng hình khối rõ rệt. Theo chiều bắc – nam, châu Á kéo dài từ trên vòng cực Bắc xuống phía nam Xích đạo, khoảng 8 500 km; theo chiều đông – tây, nơi rộng nhất trải từ ven Địa Trung Hải tới ven Thái Bình Dương, khoảng 9 200 km.

? Dựa vào thông tin trong mục 1 và hình 1, hãy:

- Xác định vị trí châu Á trên bản đồ.
- Trình bày đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.

2 Đặc điểm tự nhiên

a) Địa hình

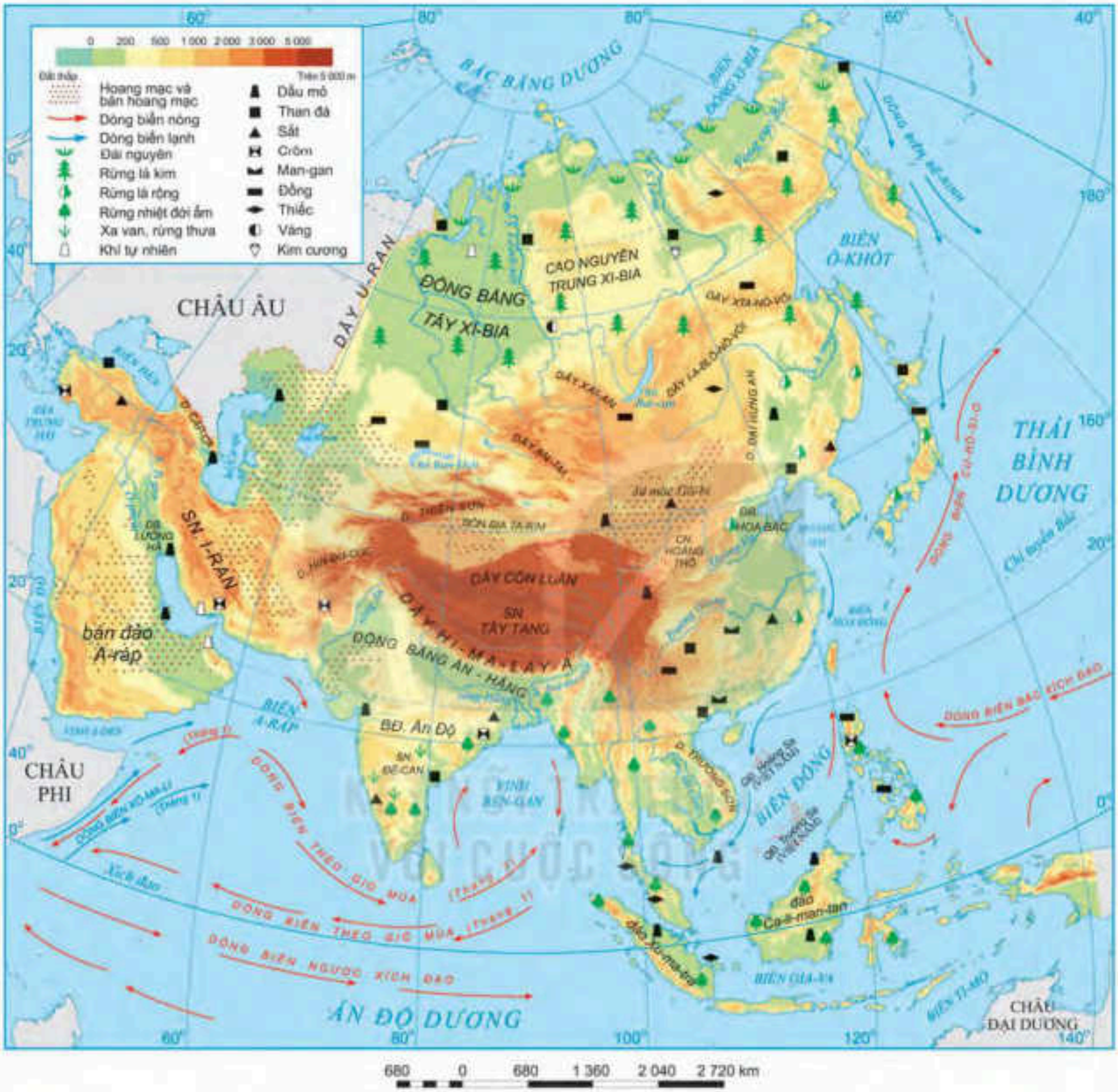

Hình 1. Bản đồ tự nhiên châu Á

– Địa hình châu Á rất đa dạng, gồm: núi và sơn nguyên cao, đồ sộ; cao nguyên và đồng bằng rộng lớn,... Bề mặt địa hình bị chia cắt mạnh.

– Địa hình chia thành các khu vực:

+ Ở trung tâm là vùng núi cao, đồ sộ và hiểm trở nhất thế giới. Một số dãy núi điển hình: Thiên Sơn, Côn Luân, Hi-ma-lay-a.

+ Phía bắc là các đồng bằng và cao nguyên thấp, bằng phẳng.

+ Phía đông thấp dần về phía biển, gồm các núi, cao nguyên và đồng bằng ven biển.
+ Phía nam và tây nam gồm các dãy núi trẻ, các sơn nguyên và đồng bằng nằm xen kẽ.

Địa hình núi cao và hiểm trở chiếm tỉ lệ lớn trong tổng diện tích, gây khó khăn cho giao thông, sản xuất và đời sống. Do địa hình chia cắt mạnh, nên trong quá trình khai thác, sử dụng cần lưu ý vấn đề chống xói mòn, sạt lở đất. Các khu vực cao nguyên, đồng bằng rộng lớn thuận lợi cho sản xuất và định cư.

? Đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 1, hãy:
- Xác định trên bản đồ các khu vực địa hình của châu Á.
- Nêu đặc điểm địa hình của châu Á và ý nghĩa của địa hình đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

b) Khoáng sản

Châu Á có nguồn khoáng sản rất phong phú với trữ lượng lớn. Các khoáng sản quan trọng nhất là: dầu mỏ, than đá, sắt, crôm và một số kim loại màu như đồng, thiếc,... Khoáng sản của châu Á phân bố rộng khắp trên lãnh thổ.

Tài nguyên khoáng sản phong phú là cơ sở để phát triển các ngành khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản; cung cấp nguyên liệu cần thiết cho các ngành công nghiệp như sản xuất ô tô, luyện kim,... Trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản cần lưu ý sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế tàn phá môi trường.

? 1. Xác định trên hình 1, vị trí phân bố của một số loại khoáng sản chính ở châu Á.
2. Đọc thông tin mục b, cho biết tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa như thế nào đối với các nước châu Á.

c) Khí hậu

Khí hậu châu Á phân hoá đa dạng thành nhiều đới. Mỗi đới lại gồm nhiều kiểu khí hậu, có sự khác biệt lớn về chế độ nhiệt, gió và mưa.

Khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa chiếm diện tích lớn nhất.

- Khí hậu gió mùa có ở Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á. Vào mùa đông, gió từ lục địa thổi ra, khô, lạnh và ít mưa; vào mùa hạ, gió từ đại dương thổi vào nên nóng, ẩm và mưa nhiều. Khu vực châu Á gió mùa cũng là nơi thường xuyên chịu ảnh hưởng của các cơn bão lớn.

Em có biết?

Véc-khôi-an (Xi-bia, Nga) được coi là thị trấn lạnh nhất bán cầu Bắc. Nhiệt độ thấp nhất ghi nhận được là -67,8°C. Trong khi nhiệt độ cao nhất ghi nhận được là 38°C. Chênh lệch giữa nhiệt độ cao nhất và thấp nhất là 105,8°C, lớn nhất thế giới.

- Khí hậu lục địa phân bố chủ yếu trong các vùng nội địa và ở khu vực Tây Á. Những nơi này có mùa đông khô và lạnh, mùa hạ khô và nóng. Lượng mưa rất thấp, trung bình chỉ khoảng 200 – 500 mm/năm.

Khí hậu châu Á phân hoá tạo nên sự đa dạng của các sản phẩm nông nghiệp và hình thức du lịch ở các khu vực khác nhau. Châu Á là nơi chịu nhiều tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu. Vì vậy, cần có các biện pháp để phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

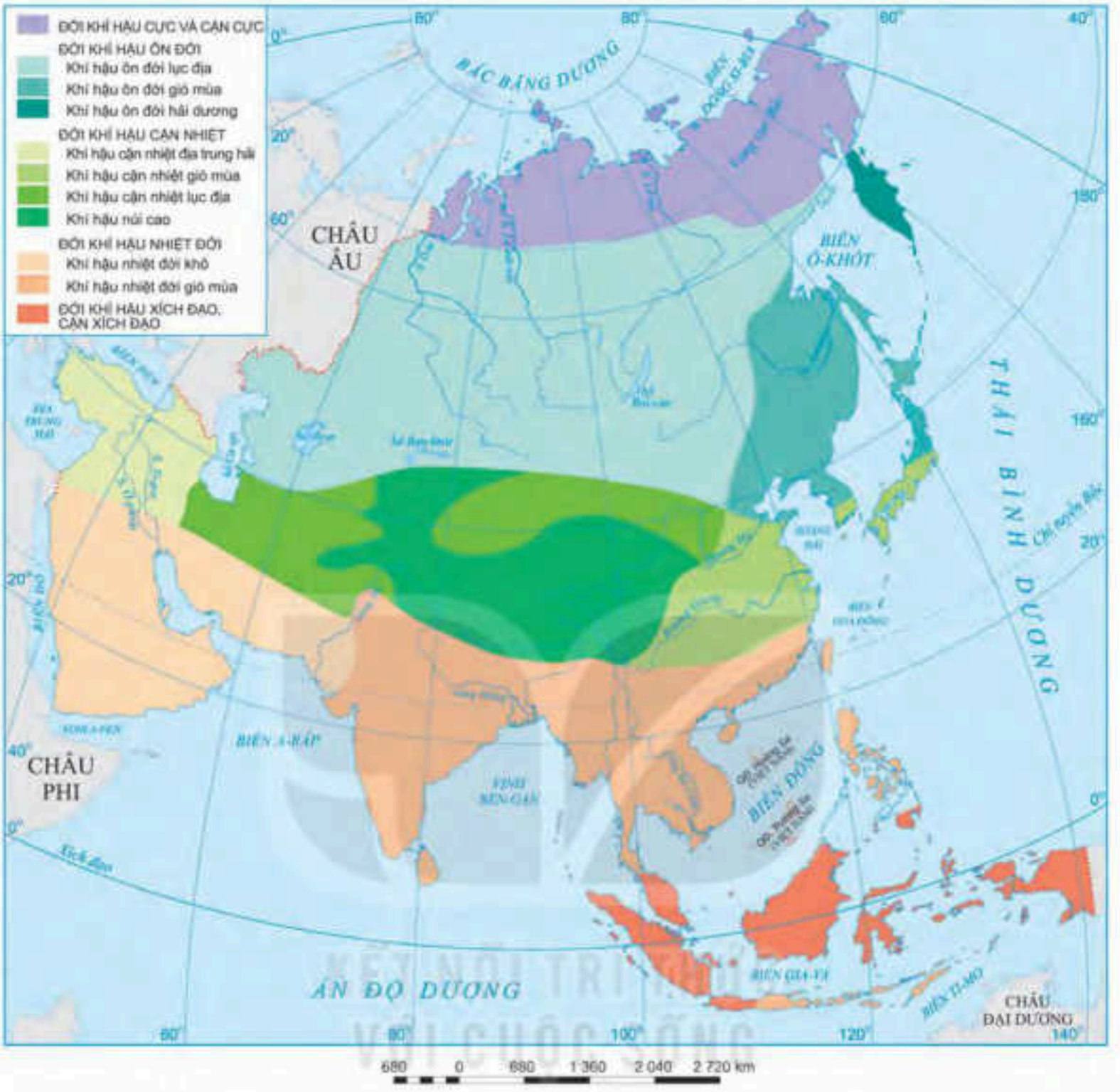

Hình 2. Bản đồ các đới và kiểu khí hậu ở châu Á

? Dựa vào thông tin ở mục c và hình 2, hãy:

– Nêu đặc điểm khí hậu châu Á.

– Xác định phạm vi của các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.

– Nêu ý nghĩa của khí hậu đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

Em có biết?

Dọc các sông lớn của châu Á như Hoàng Hà, Trường Giang, Hằng, Mê Công có rất đông dân cư sinh sống, do có nguồn nước dồi dào thuận tiện cho canh tác nông nghiệp. Tuy nhiên, hằng năm các sông này gây ra lũ lụt, làm thiệt hại nhiều về người và tài sản.

d) Sông, hồ

Mạng lưới sông ở châu Á khá phát triển với nhiều hệ thống sông lớn, tuy nhiên sông ngòi ở châu Á phân bố không đều và có chế độ nước phức tạp.

– Khu vực Bắc Á có mạng lưới sông dày. Các sông bị đóng băng vào mùa đông và có lũ vào mùa xuân.

– Ở các khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á cũng có mạng lưới sông dày, nhiều sông lớn. Mùa lũ trùng với mùa mưa, mùa cạn trùng với mùa khô.

– Tây Á và Trung Á là những khu vực có khí hậu lục địa khô hạn nên mạng lưới sông ngòi kém phát triển.

Châu Á có nhiều hồ lớn như hồ Ca-xpi, Bai-can, A-ran,... được hình thành từ các đứt gãy hoặc miệng núi lửa đã tắt.

Hình 3. Sông Mê Công

Hình 4. Hồ Bai-can

? Dựa vào thông tin trong mục d và các hình 3, 4, hãy:

– Trình bày đặc điểm sông, hồ của châu Á.

– Kể tên một số sông lớn ở châu Á và nêu ý nghĩa của chúng đối với đời sống, sản xuất và bảo vệ tự nhiên.

e) Đới thiên nhiên

Ở châu Á có ba đới thiên nhiên:

– Đới lạnh có khí hậu cực và cận cực, lạnh giá khắc nghiệt, phân bố ở một dải hẹp phía bắc. Vì vậy, thực vật nghèo thành phần loài, chủ yếu là rêu và địa y, không có cây thân gỗ. Động vật là các loài chịu được lạnh hoặc loài di cư.

– Đới ôn hoà chiếm diện tích rộng lớn, có sự phân hoá từ bắc xuống nam, từ đông sang tây:

+ Vùng Xi-bia rộng lớn ở phía bắc có khí hậu ôn đới lục địa, lạnh, khô về mùa đông; rừng lá kim phát triển mạnh trên nền đất pốt dôn. Hệ động vật tương đối phong phú.

+ Phía đông, đông nam Trung Quốc và quần đảo Nhật Bản có khí hậu cận nhiệt gió mùa, lượng mưa tương đối lớn, thảm rừng lá rộng cận nhiệt là phổ biến. Trong rừng có nhiều loài cây lấy gỗ và dược liệu quý, có chất lượng tốt.

+ Các khu vực nằm sâu trong lục địa có khí hậu khô hạn, khắc nghiệt; hình thành các cảnh quan thảo nguyên, hoang mạc, bán hoang mạc.

– Đới nóng chủ yếu có khí hậu nhiệt đới gió mùa và khí hậu xích đạo. Thảm thực vật điển hình là rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa phân bố ở Đông Nam Á, Nam Á. Rừng nhiệt đới ở châu Á có thành phần loài đa dạng, nhiều loại cho gỗ tốt, nhiều loài động vật quý hiếm.

Ngày nay, trừ rừng lá kim còn phần lớn diện tích rừng, thảo nguyên ở châu Á đã bị con người khai phá, chuyển thành đất nông nghiệp, các khu dân cư và khu công nghiệp. Rừng tự nhiên còn lại rất ít, nhiều loài động, thực vật bị suy giảm nghiêm trọng về số lượng. Vì vậy, việc bảo vệ, phục hồi rừng là nhiệm vụ rất quan trọng của các quốc gia ở châu Á.

Em có biết?

Rừng mưa nhiệt đới ở châu Á phát triển trong các khu vực có lượng mưa, độ ẩm lớn, phân bố đều trong các tháng. Rừng mưa nhiệt đới châu Á phân bố ở đồng bằng hạ lưu sông Hằng, Mi-an-ma, Việt Nam, quần đảo Mã Lai,... Dưới rừng hình thành đất feralit đỏ vàng.

Hình 5. Rừng mưa nhiệt đới ở Thái Lan

? Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục e, hãy:

– Trình bày đặc điểm các đới thiên nhiên ở châu Á.

– Nêu vấn đề cần lưu ý trong sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.

Luyện tập – Vận dụng

Trình bày một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á và ý nghĩa của đặc điểm đó với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

Tìm hiểu và trình bày về khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta. Khí hậu gió mùa ảnh hưởng như thế nào đến đời sống và sản xuất ở địa phương em?

Bài 6 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn ở châu Á.

Châu Á là nơi có con người cư trú từ rất sớm, cũng là nơi có những nền văn minh cổ đại phát triển rực rỡ trong lịch sử. Với quá trình phát triển lâu đời, dân cư, xã hội châu Á ngày nay có những đặc điểm như thế nào?

Nêu một số hiểu biết của em về dân cư, xã hội châu Á.

1 Dân cư, tôn giáo

a) Dân cư

Châu Á có số dân đông nhất trong các châu lục của thế giới. Hơn một nửa số dân thế giới sống ở châu Á.

Bảng 1. SỐ DÂN, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA CHÂU Á VÀ THẾ GIỚI NĂM 2020

Châu lục	Số dân *(triệu người)*	Mật độ dân số *(người/km²)*
Châu Á	4 641,1(*)	150(**)
Thế giới	7 794,8	60

(*) Không tính số dân của Liên bang Nga.

(**) Mật độ dân số châu Á không bao gồm phần dân số và diện tích của Liên bang Nga.

Số dân châu Á tăng nhanh trong nửa cuối thế kỉ XX. Tuy nhiên, trong những thập kỉ gần đây, nhiều nước ở châu Á như Trung Quốc, Thái Lan, Mi-an-ma, Việt Nam,... đã thực hiện chính sách hạn chế gia tăng nhanh dân số. Nhờ đó, mức tăng dân số của châu Á đã giảm đáng kể, thậm chí thấp hơn mức gia tăng trung bình của thế giới (giai đoạn 2015 – 2020, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của thế giới là 1,09%, châu Á là 0,95%).

Châu Á là khu vực có cơ cấu dân số trẻ, nhưng đang chuyển biến theo hướng già hoá. Số người trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ lớn (67,7% năm 2020), cung cấp nguồn lao động dồi dào cho các hoạt động kinh tế, nhưng lại tạo áp lực về giải quyết các vấn đề việc làm, giáo dục và chăm sóc y tế,...

Cư dân châu Á thuộc nhiều chủng tộc: Môn-gô-lô-it, Ơ-rô-pê-ô-it, Ô-xtra-lô-it.

? Dựa vào thông tin và bảng 1 trong mục a, hãy trình bày đặc điểm dân cư châu Á.

b) Tôn giáo

Châu Á là nơi ra đời của bốn tôn giáo lớn trên thế giới. Ấn Độ giáo ra đời vào khoảng hơn một nghìn năm trước Công nguyên và Phật giáo ra đời vào thế kỉ VI trước Công nguyên tại Ấn Độ. Ki-tô giáo được hình thành từ đầu Công nguyên tại Pa-le-xtin. Hồi giáo ra đời vào thế kỉ VII tại A-rập Xê-út.

Từ châu Á, các tôn giáo này lan truyền khắp thế giới, thu hút số lượng lớn tín đồ.

? Dựa vào thông tin trong mục b, trình bày đặc điểm tôn giáo ở châu Á.

2 Sự phân bố dân cư. Các đô thị lớn

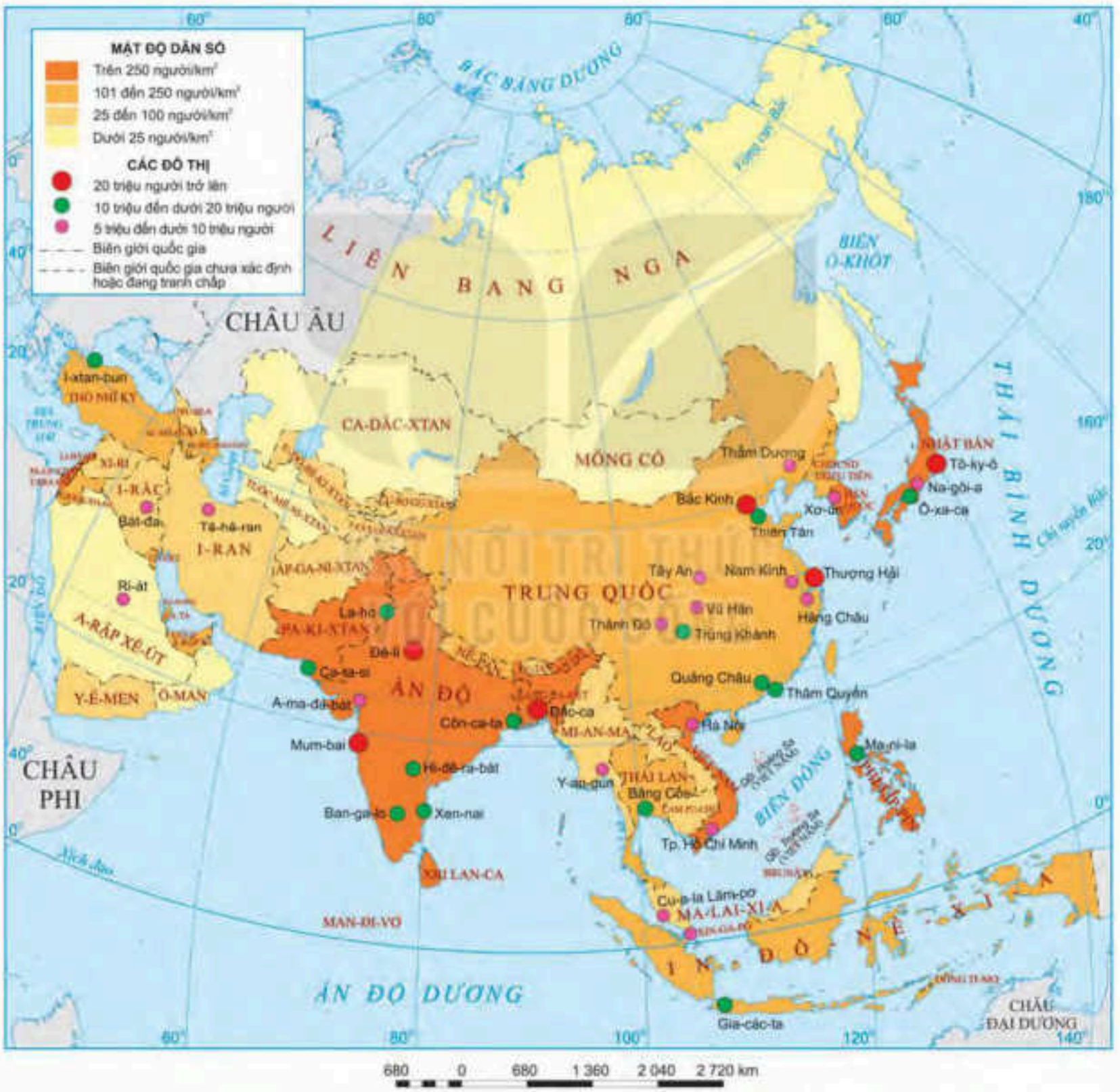

Hình 1. Bản đồ mật độ dân số và một số đô thị lớn ở châu Á, năm 2020

Châu Á có mật độ dân số cao, 150 người/km² (năm 2020). Tuy nhiên, dân cư châu Á phân bố không đồng đều. Có những vùng dân cư tập trung rất đông như Nam Á, Đông Nam Á, phía đông của Đông Á; ngược lại có những vùng dân cư hết sức thưa thớt như Bắc Á, Trung Á, Tây Á,...

Quá trình phát triển kinh tế đã kéo theo sự phát triển đô thị nhanh chóng ở các nước châu Á. Tỉ lệ dân đô thị của châu Á năm 2020 đạt 51,1%.

Năm 2020, toàn thế giới có 34 đô thị có từ 10 triệu dân trở lên thì riêng châu Á đã có tới 21 đô thị. Các đô thị đông dân nhất thế giới cũng thuộc châu lục này.

Bảng 2. SỐ DÂN CỦA MỘT SỐ ĐÔ THỊ LỚN Ở CHÂU Á NĂM 2020

TT	Thành phố (Quốc gia)	Số dân *(nghìn người)*	TT	Thành phố (Quốc gia)	Số dân *(nghìn người)*
1	Tô-ky-ô (Nhật Bản)	37 393	12	Ma-ni-la (Phi-líp-pin)	13 923
2	Đê-li (Ấn Độ)	30 291	13	Thiên Tân (Trung Quốc)	13 589
3	Thượng Hải (Trung Quốc)	27 058	14	Quảng Châu (Trung Quốc)	13 302
4	Đắc-ca (Băng-la-đét)	21 006	15	La-ho (Pa-ki-xtan)	12 642
5	Bắc Kinh (Trung Quốc)	20 463	16	Thâm Quyến (Trung Quốc)	12 357
6	Mum-bai (Ấn Độ)	20 411	17	Ban-ga-lo (Ấn Độ)	12 327
7	Ô-xa-ca (Nhật Bản)	19 165	18	Xen-nai (Ấn Độ)	10 971
8	Ca-ra-si (Pa-ki-xtan)	16 094	19	Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a)	10 770
9	Trùng Khánh (Trung Quốc)	15 872	20	Băng Cốc (Thái Lan)	10 539
10	I-xtan-bun (Thổ Nhĩ Kỳ)	15 190	21	Hi-đê-ra-bát (Ấn Độ)	10 004
11	Côn-ca-ta (Ấn Độ)	14 850			

? ***1.*** Dựa vào thông tin và hình 1 trong mục 2, cho biết các khu vực đông dân và các khu vực thưa dân ở châu Á.

2. Dựa vào hình 1 và bảng 2, hãy:

– Xác định vị trí của các đô thị từ 20 triệu người trở lên ở châu Á.

– Cho biết tên các nước ở châu Á có nhiều đô thị trên 10 triệu người.

Luyện tập – Vận dụng

Dựa vào bảng 1 trang 115, hãy tính tỉ lệ số dân của châu Á trong tổng số dân thế giới. Nêu nhận xét.

Tìm hiểu và cho biết số dân và mật độ dân số của: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội.

Bài 7 BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ CHÂU Á, CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.

Thiên nhiên châu Á phân hoá vô cùng đa dạng. Mỗi khu vực của châu Á lại có cảnh sắc thiên nhiên khác nhau, điều đó tạo nên những nét riêng biệt của từng khu vực.

Châu Á có những khu vực nào? Nêu hiểu biết của em về một khu vực ở châu Á.

1 Bản đồ chính trị châu Á

Hiện nay, châu Á có 49 quốc gia và vùng lãnh thổ với nhiều thể chế chính trị khác nhau.

Trên bản đồ chính trị, châu Á được phân chia thành sáu khu vực.

CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á

Khu vực	Các quốc gia và vùng lãnh thổ
Bắc Á	Các vùng Tây Xi-bia, Trung Xi-bia, Đông Xi-bia của Nga
Trung Á	Ca-dắc-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan, Cư-rơ-gư-xtan
Tây Á	A-rập Xê-út, I-rắc, Ca-ta, Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất (UAE), Ba-ranh, Cô-oét, Ô-man, Y-ê-men, Xi-ri, Li-băng, Gioóc-đa-ni, Pa-le-xtin, I-xra-en, Thổ Nhĩ Kỳ, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Gru-di-a
Nam Á	Ấn Độ, Pa-ki-xtan, Áp-ga-ni-xtan, Nê-pan, Bu-tan, Băng-la-đét, Xri Lan-ca, Man-đi-vơ, I-ran
Đông Á	Mông Cổ, Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản
Đông Nam Á	Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Bru-nây, Đông Ti-mo

Trình độ phát triển của các nước ở châu Á rất khác nhau, nhưng phần nhiều là các nước đang phát triển. Tình hình phát triển kinh tế – xã hội của châu Á trong những năm qua có nhiều chuyển biến tích cực.

? Xác định các khu vực của châu Á trên bản đồ hình 1.

Hình 1. Bản đồ chính trị châu Á

2 Các khu vực thuộc châu Á

a) Khu vực Bắc Á

Khu vực Bắc Á bao gồm toàn bộ vùng Xi-bia của Nga, với ba bộ phận: đồng bằng Tây Xi-bia, cao nguyên Trung Xi-bia và miền núi Đông Xi-bia. Đây là khu vực có khí hậu lạnh giá khắc nghiệt, mang tính chất lục địa sâu sắc. Tài nguyên khoáng sản tương đối phong phú, một số loại có trữ lượng lớn như dầu mỏ, than đá, kim cương, vàng, đồng, thiếc,...

Mạng lưới sông ở Bắc Á khá dày. Ở đây có nhiều sông lớn như: Ô-bi, I-ê-nit-xây, Lê-na,... Các sông này đều có nguồn thuỷ năng rất lớn.

Rừng bao phủ trên một diện tích rất rộng, chủ yếu là rừng lá kim, được bảo tồn tương đối tốt.

Hình 2. Bản đồ tự nhiên khu vực Bắc Á và Trung Á

? Dựa vào hình 2 và thông tin trong mục a, hãy nêu một số đặc điểm của tự nhiên Bắc Á.

b) *Khu vực Trung Á*

Trung Á là khu vực duy nhất của châu Á không tiếp giáp với đại dương. Diện tích khu vực rộng hơn 4 triệu km². Nhìn chung, địa hình thấp dần từ đông sang tây: phía đông là miền núi cao Pa-mia, Thiên Sơn và An-tai; phía tây là các cao nguyên và đồng bằng kéo dài tới hồ Ca-xpi; ở trung tâm là hồ A-ran.

Trung Á có nhiều khoáng sản: dầu mỏ, than đá, sắt và nhiều kim loại màu khác.

Trung Á có khí hậu ôn đới lục địa. Lượng mưa rất thấp, chỉ vào khoảng 300 – 400 mm/năm. Nơi mưa nhiều nhất không quá 600 mm/năm. Hai con sông lớn nhất của khu vực là Xưa Đa-ri-a và A-mu Đa-ri-a đều đổ vào hồ A-ran.

Cảnh quan tự nhiên chủ yếu là thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc.

? Dựa vào thông tin trong mục b và hình 2, hãy nêu đặc điểm của tự nhiên khu vực Trung Á.

c) Khu vực Tây Á (Tây Nam Á)

Khu vực Tây Á bao gồm bán đảo A-ráp, bán đảo Tiểu Á, đồng bằng Lưỡng Hà, có ranh giới tự nhiên với châu Âu là dãy Cáp-ca. Địa hình có nhiều núi và sơn nguyên.

Tây Á chiếm khoảng hơn một nửa trữ lượng dầu mỏ của thế giới. Dầu mỏ phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng Lưỡng Hà, các đồng bằng của bán đảo A-ráp và vùng vịnh Péc-xích. Những nước có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất là: A-rập Xê-út, I-rắc, Cô-oét, Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất, Ca-ta. Ngoài ra, Tây Á còn có sắt, crôm,...

Hình 3. Bản đồ tự nhiên khu vực Tây Á

Tây Á nằm trong miền khí hậu khô hạn và nóng. Lượng mưa nhìn chung rất thấp, chỉ khoảng 200 – 300 mm/năm, một số vùng nằm gần Địa Trung Hải có lượng mưa nhiều hơn.

Sông ngòi kém phát triển, nguồn nước rất hiếm. Nước cho sản xuất và sinh hoạt một phần lấy từ hai con sông Ti-grơ và Ơ-phrát, phần còn lại lấy từ nước ngầm và lọc từ nước biển.

Do điều kiện khí hậu khô, cảnh quan tự nhiên của Tây Á phần lớn là bán hoang mạc và hoang mạc.

? Dựa vào hình 3 và thông tin trong mục c, hãy nêu đặc điểm tự nhiên của khu vực Tây Á.

d) Khu vực Nam Á

Khu vực Nam Á rộng khoảng 7 triệu km². Địa hình bao gồm hệ thống núi Hi-ma-lay-a đồ sộ chạy theo hướng tây bắc – đông nam ở phía bắc; sơn nguyên I-ran ở phía tây, sơn nguyên Đê-can tương đối thấp và bằng phẳng ở phía nam; đồng bằng Ấn – Hằng được bồi tụ bởi phù sa sông Ấn và sông Hằng ở giữa.

Đại bộ phận Nam Á nằm trong kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mùa đông có gió mùa đông bắc, thời tiết hơi lạnh và khô. Mùa hạ có gió mùa tây nam nóng và ẩm từ Ấn Độ Dương thổi vào gây mưa. Đặc biệt, sườn phía nam của Hi-ma-lay-a mưa rất nhiều, lũ lụt xảy ra hằng năm. Phía tây bắc Ấn Độ và sơn nguyên I-ran có khí hậu khô hạn.

Trên các vùng núi, khí hậu có sự thay đổi theo độ cao. Càng lên cao nhiệt độ càng giảm. Từ độ cao 4 500 m trở lên là băng tuyết vĩnh cửu.

Nam Á có nhiều hệ thống sông lớn như: sông Ấn, sông Hằng, sông Bra-ma-pút. Các con sông này bồi đắp nên vùng đồng bằng màu mỡ, sản xuất nhiều sản phẩm cho sản lượng lớn như bông, chè, lúa gạo, cây ăn quả nhiệt đới,...

Thảm thực vật chủ yếu của Nam Á là rừng nhiệt đới gió mùa và xa van.

Em có biết?

Nơi mưa nhiều nhất trên thế giới nằm ở sườn đón gió của dãy Hi-ma-lay-a thuộc Ấn Độ, mỗi năm tổng lượng mưa lên đến hơn 11 000 mm.

? Đọc thông tin trong mục d và quan sát hình 4, hãy trình bày đặc điểm tự nhiên của khu vực Nam Á.

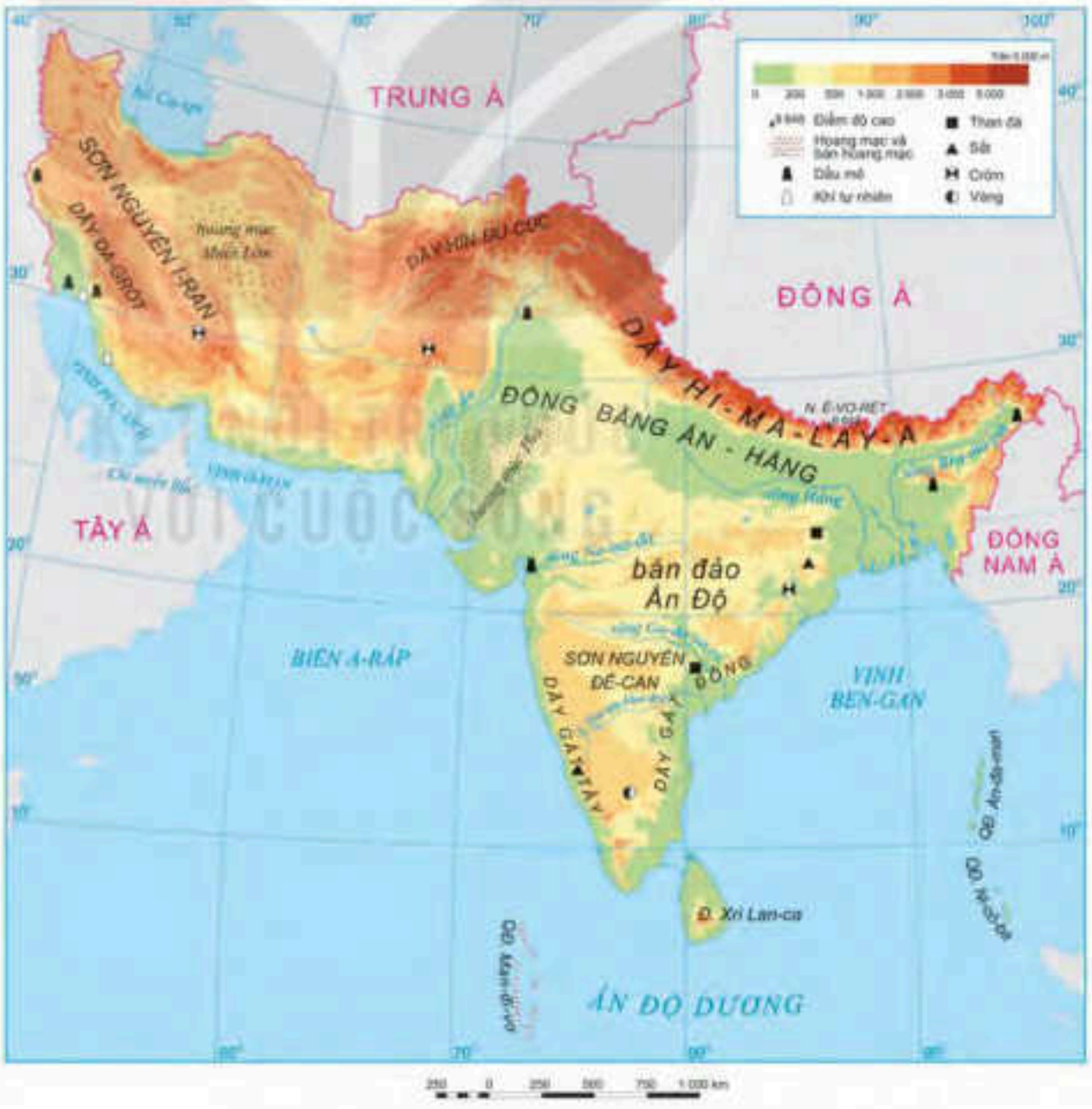

Hình 4. Bản đồ tự nhiên khu vực Nam Á

e) Khu vực Đông Á

Khu vực Đông Á rộng khoảng 11,5 triệu km^2, bao gồm phần đất liền và phần hải đảo.

Phần đất liền chiếm hơn 96% diện tích, địa hình hết sức đa dạng: phía tây có nhiều hệ thống núi và sơn nguyên cao, các bồn địa rộng lớn; phía đông có nhiều núi trung bình, núi thấp và đồng bằng rộng.

Phần hải đảo có địa hình phần lớn là đồi núi. Đây là nơi có nhiều núi lửa, thường xuyên có động đất, sóng thần.

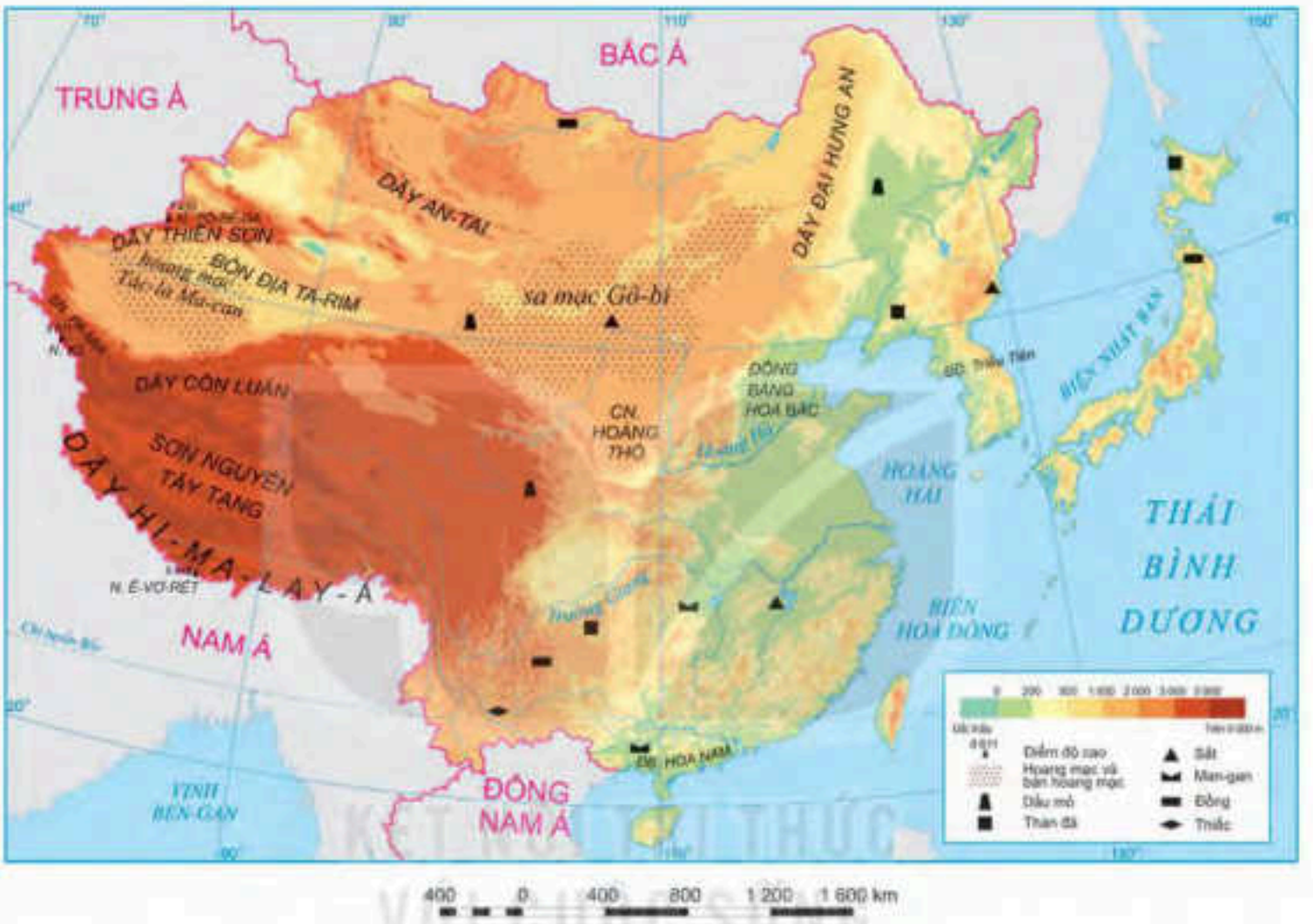

Hình 5. Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Á

Các khoáng sản chính là: than đá, dầu mỏ, sắt, thiếc, đồng, man-gan,...

Phần hải đảo và phía đông phần đất liền có khí hậu gió mùa, trong một năm có hai mùa gió khác nhau. Mùa đông có gió tây bắc, khô và lạnh. Mùa hạ có gió đông nam, nóng và ẩm, thường chịu ảnh hưởng của bão. Những nơi rừng bao phủ có hệ động vật đa dạng, nhiều loài đặc hữu.

Phía tây phần đất liền (gồm lãnh thổ Mông Cổ và tây Trung Quốc), do nằm sâu trong nội địa nên quanh năm khô hạn. Ở đây phát triển cảnh quan thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc.

Hình 6. Cảnh quan thảo nguyên rừng ở Mông Cổ

Đông Á có một số sông lớn như Trường Giang, Hoàng Hà, có giá trị về nhiều mặt. Tuy nhiên, do nằm trong vùng khí hậu gió mùa nên về mùa mưa sông hay gây ra ngập lụt.

? Đọc thông tin trong mục e và quan sát hình 5, hãy trình bày đặc điểm tự nhiên của khu vực Đông Á.

g) Khu vực Đông Nam Á

Khu vực Đông Nam Á rộng khoảng 4,5 triệu km², gồm hai phần: phần đất liền mang tên bán đảo Trung Ấn và phần hải đảo được gọi là quần đảo Mã Lai.

– Địa hình: Phần đất liền có các dải núi cao trung bình hướng bắc – nam và tây bắc – đông nam, xen kẽ là các thung lũng sông cắt xẻ sâu, làm cho địa hình bị chia cắt mạnh. Đồng bằng phù sa tập trung ở ven biển và hạ lưu sông.

Phần hải đảo có nhiều đồi núi, ít đồng bằng. Đây là khu vực có nhiều núi lửa, động đất, sóng thần.

– Khí hậu: Phần đất liền có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Vào mùa hạ có gió tây nam nóng, ẩm gây mưa nhiều. Vào mùa đông có gió đông bắc khô, lạnh.

Hình 7. Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á

Phần hải đảo có khí hậu xích đạo quanh năm nóng ẩm, mưa nhiều. Đông Nam Á là khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của các cơn bão nhiệt đới gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

– Mạng lưới sông ở Đông Nam Á tương đối dày. Các sông chính là: Mê Công, Mê Nam, I-ra-oa-đi, sông Hồng,...

– Rừng ở Đông Nam Á chủ yếu là rừng mưa nhiệt đới với thành phần loài hết sức phong phú. Những nước còn nhiều rừng là: Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Lào.

– Các khoáng sản quan trọng là: dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt, thiếc, đồng,...

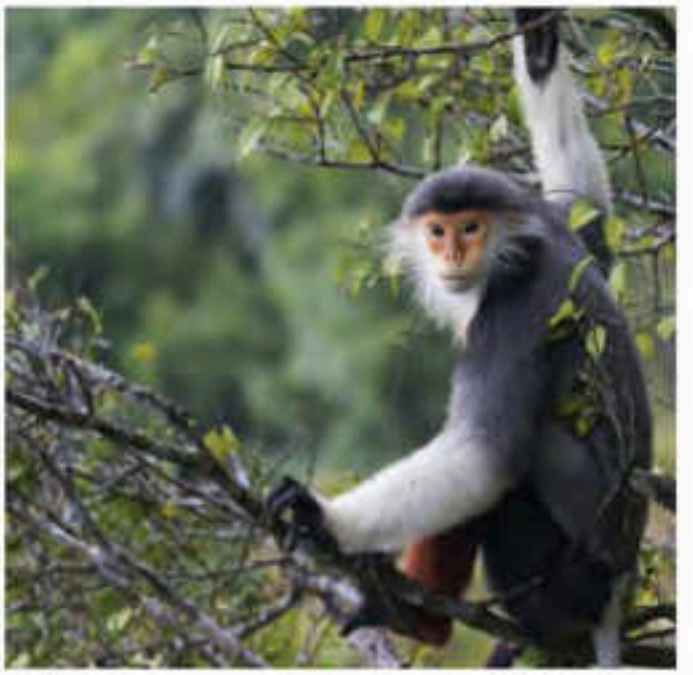

Hình 8. Voọc chà vá chân nâu ở bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng, Việt Nam

Em có biết?

Khu vực quần đảo Mã Lai chịu nhiều ảnh hưởng từ hoạt động của núi lửa, động đất, sóng thần. Riêng ở In-đô-nê-xi-a có khoảng 150 ngọn núi lửa đang hoạt động. Những đợt phun trào lớn gây thiệt hại nhiều về người và tài sản.

? Dựa vào thông tin và các hình ảnh trong mục g, hãy trình bày đặc điểm tự nhiên của khu vực Đông Nam Á.

Luyện tập – Vận dụng

1. Kể tên các nước ở khu vực Đông Nam Á.
2. So sánh một đặc điểm tự nhiên của hai khu vực ở châu Á.

Tìm hiểu thông tin về tự nhiên ở một khu vực của châu Á mà em quan tâm và chia sẻ với các bạn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 8 THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VỀ CÁC NỀN KINH TẾ LỚN VÀ KINH TẾ MỚI NỔI CỦA CHÂU Á

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po).

1 Chuẩn bị

a) Lựa chọn nội dung tìm hiểu

Sưu tầm tư liệu, viết một báo cáo ngắn về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á.

- Trung Quốc.
- Nhật Bản.
- Hàn Quốc.
- Xin-ga-po.

b) Sưu tầm thông tin, dữ liệu về nội dung đã lựa chọn

Có thể tìm kiếm thông tin từ:

- Mạng internet.
- Sách, báo.

c) Chọn lọc, xử lí thông tin

- Chọn lọc tư liệu từ các nguồn đã tìm.
- Xử lí số liệu, tư liệu, hình ảnh.
- Sắp xếp các thông tin, số liệu,... theo đề cương của báo cáo.

2 Viết báo cáo

- Mở đầu: Giới thiệu khái quát về nền kinh tế đã lựa chọn.
- Nội dung chính: Trình bày các thông tin, số liệu, biểu đồ, hình ảnh sưu tầm được, theo gợi ý:
  + Quá trình phát triển.
  + Hiện trạng nền kinh tế (tổng GDP, GDP/người, giá trị xuất khẩu,...).
  + Nguyên nhân.
  + ...
- Kết luận: Nhận xét tổng quan, bài học kinh nghiệm trong phát triển kinh tế,...

3 Trình bày báo cáo

CHƯƠNG 3 CHÂU PHI

Bài 9 VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU PHI

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.
- Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi, một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (ví dụ vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...).

Châu Phi là châu lục có hệ sinh thái tự nhiên độc đáo, nơi bảo tồn các loài thực, động vật hoang dã phong phú bậc nhất thế giới và cũng là một trong những nơi phát sinh loài người. Hãy nêu một số thông tin mà em biết về tự nhiên châu Phi.

Em có biết?

Ma-đa-ga-xca có diện tích gần 590 000 km², là hòn đảo lớn nhất châu Phi và đứng thứ tư thế giới sau các đảo Gron-len, Niu Ghi-nê, Ca-li-man-tan. Các nhà khoa học cho rằng, Ma-đa-ga-xca là một mảnh nền cổ được tách ra khỏi lục địa Phi từ khoảng 250 triệu năm trước.

1 Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước

Châu Phi là châu lục lớn thứ ba trên thế giới, diện tích khoảng 30,3 triệu km², sau châu Á và châu Mỹ. Phần đất liền kéo dài từ khoảng 37°B đến 35°N. Xích đạo chạy qua gần chính giữa, chia lục địa Phi thành hai phần khá cân xứng.

Đường bờ biển châu Phi ít bị chia cắt, có rất ít các vịnh biển, bán đảo và đảo khiến cho châu lục có dạng hình khối rõ rệt.

Hình 1. Bản đồ tự nhiên châu Phi

? Dựa vào thông tin trong mục 1 và hình 1, hãy cho biết:

– Châu Phi tiếp giáp với các biển, đại dương và châu lục nào.

– Hình dạng, kích thước châu Phi.

2 Đặc điểm tự nhiên

a) Địa hình và khoáng sản

Địa hình châu Phi khá đơn giản. Gần như toàn bộ châu lục là một khối cao nguyên khổng lồ với độ cao trung bình khoảng 750 m; trên đó, chủ yếu là các sơn nguyên xen các bồn địa thấp. Phần phía đông được nâng lên mạnh, nền đá bị nứt vỡ và đổ sụp, tạo thành nhiều thung lũng sâu, nhiều hồ dài và hẹp. Châu Phi có rất ít núi cao và đồng bằng thấp.

Em có biết?

Ki-li-man-gia-rô (5 895 m), núi lửa từng hoạt động, là núi cao nhất châu Phi, trên đỉnh núi luôn có băng tuyết bao phủ.

Khoáng sản của châu Phi rất phong phú và đa dạng (trong đó một số loại có trữ lượng lớn), phân bố chủ yếu ở phía bắc và phía nam lục địa. Các khoáng sản quan trọng nhất là đồng, vàng, u-ra-ni-um, kim cương, dầu mỏ và phốt-pho-rit,...

? Dựa vào thông tin trong mục a và hình 1, hãy:

– Trình bày đặc điểm địa hình châu Phi.

– Xác định vị trí phân bố một số khoáng sản chính ở châu Phi.

b) Khí hậu

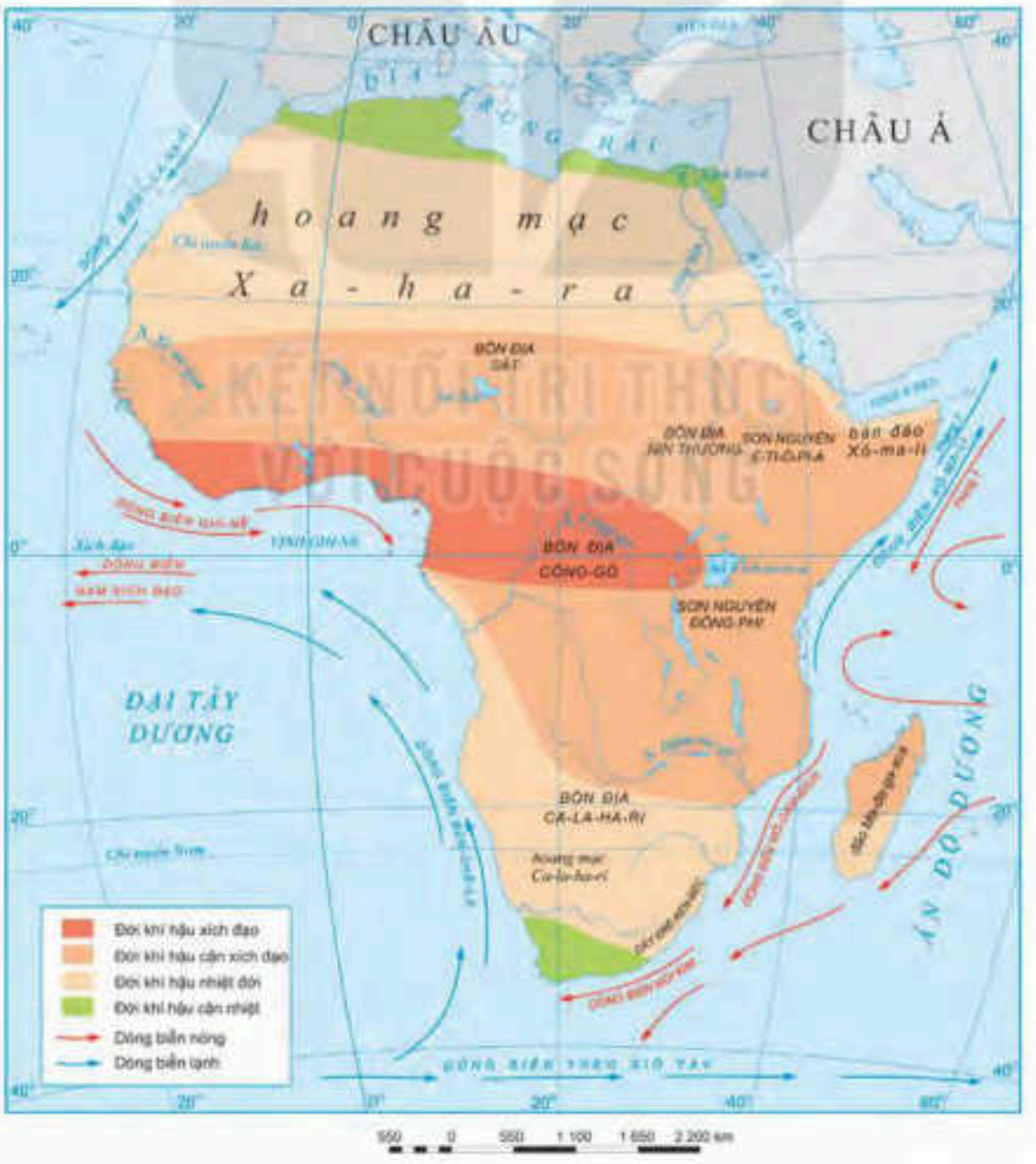

Hình 2. Bản đồ các đới khí hậu ở châu Phi

Châu Phi có khí hậu khô nóng bậc nhất thế giới, nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, lượng mưa tương đối thấp. Các đới khí hậu phân bố gần như đối xứng qua Xích đạo, gồm: khí hậu xích đạo, khí hậu cận xích đạo, khí hậu nhiệt đới, khí hậu cận nhiệt. Đặc điểm các đới khí hậu ở châu Phi:

– Khí hậu xích đạo: nóng ẩm, mưa nhiều quanh năm.

– Khí hậu cận xích đạo: chịu tác động của gió mùa, một mùa nóng ẩm, mưa nhiều; một mùa khô, mát.

– Khí hậu nhiệt đới: ở Bắc Phi mang tính lục địa, rất khô và nóng; ở Nam Phi ẩm và đỡ nóng hơn.

– Khí hậu cận nhiệt: mùa đông ấm, ẩm ướt, mưa nhiều; mùa hạ khô, trời trong sáng.

? Dựa vào thông tin trong mục b và hình 2, hãy cho biết đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi.

c) Sông, hồ

Mạng lưới sông ngòi của châu Phi phân bố không đều, tuỳ thuộc vào lượng mưa. Đặc biệt, các sông có nhiều thác ghềnh nên không thuận lợi cho giao thông, nhưng có nguồn trữ năng thuỷ điện lớn.

Châu Phi có nhiều hồ lớn. Trong đó, nhiều hồ được hình thành bởi các đứt gãy như hồ Tan-ga-ni-ca, hồ Tuốc-ca-na,...

Hình 3. Đoạn sông Nin chảy qua hoang mạc Xa-ha-ra

Em có biết?

Sông Nin (6 695 km) dài nhất thế giới. Đây là dòng sông duy nhất chảy qua hoang mạc Xa-ha-ra. Phần hạ lưu sông Nin bồi đắp phù sa tạo thành đồng bằng châu thổ sông Nin màu mỡ rộng khoảng 24 000 km².

? Dựa vào thông tin trong mục c và hình 1, hãy:

– Nêu đặc điểm sông, hồ ở châu Phi.

– Xác định vị trí các sông và hồ lớn ở châu Phi.

d) Các môi trường tự nhiên

Các môi trường tự nhiên ở châu Phi phân bố đối xứng qua Xích đạo:

– Môi trường xích đạo gồm bồn địa Công-gô và duyên hải phía bắc vịnh Ghi-nê. Khí hậu nóng và ẩm điều hoà, với thảm thực vật rừng rậm xanh quanh năm.

– Hai môi trường nhiệt đới có phạm vi gần như trùng với ranh giới đới khí hậu cận xích đạo, có sự phân hoá ra mùa mưa và mùa khô rõ rệt. Thảm thực vật chủ yếu là rừng thưa và xa van cây bụi. Nhờ nguồn thức ăn phong phú, xa van là nơi tập trung nhiều động vật ăn cỏ (ngựa vằn, sơn dương, hươu cao cổ,...) và động vật ăn thịt (sư tử, báo gấm,...).

– Hai môi trường hoang mạc, có khí hậu khắc nghiệt, ít mưa, biên độ nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn. Hệ thực, động vật nghèo nàn. Động vật chủ yếu là rắn độc, kì đà và một số loài gặm nhấm,...

– Hai môi trường cận nhiệt ở phần cực bắc và cực nam châu Phi. Mùa đông ấm, ẩm và mưa nhiều; mùa hạ nóng, khô. Thảm thực vật là rừng và cây bụi lá cứng.

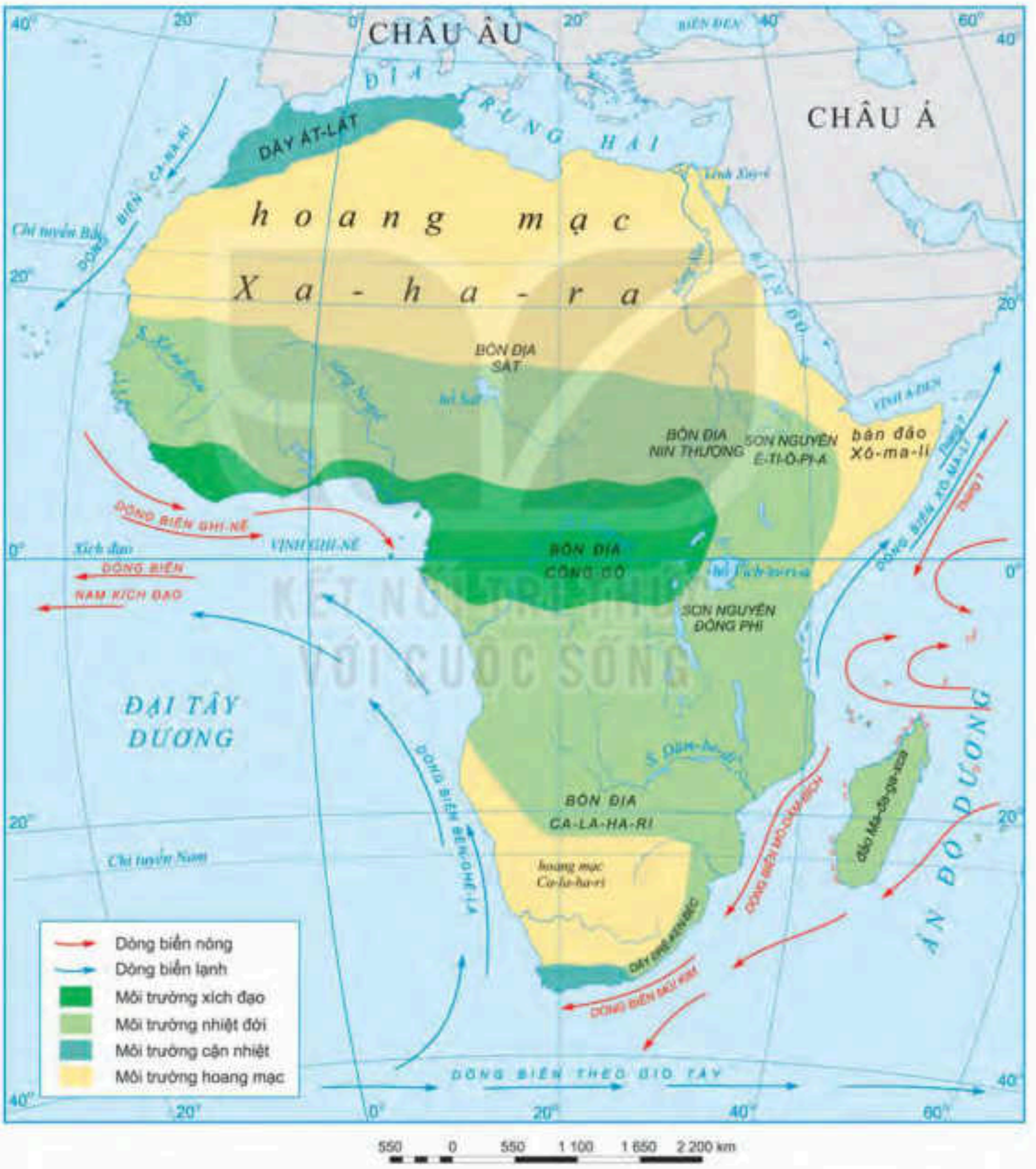

Hình 4. Bản đồ các môi trường tự nhiên ở châu Phi

Em có biết?

Hệ thực vật rừng mưa nhiệt đới châu Phi rất phong phú, có tới trên 3 000 loài cây, trong đó, khoảng 1 000 loài cây thân gỗ, phổ biến: sung, vả, cọ dầu, bông gòn, cô-la, dừa rượu,...

Giới động vật cũng vô cùng đa dạng, nhiều loài chỉ có ở châu Phi; điển hình là hắc tinh tinh thuộc nhóm "khỉ dạng người" lớn nhất hiện nay.

Hình 5. Xa van châu Phi
(vườn quốc gia Sê-ren-ge-ti, Tan-da-ni-a)

? Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục d, hãy trình bày đặc điểm của một trong các môi trường tự nhiên ở châu Phi.

3 Vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên

Một số vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi hiện nay là:

– Suy giảm tài nguyên rừng: tốc độ khai thác quá nhanh lại không có biện pháp khôi phục diện tích đã khai thác, khiến diện tích rừng giảm. Hậu quả là các loài động vật hoang dã mất đi môi trường sống, tình trạng hoang mạc hoá diễn ra ngày càng nhanh, nguồn nước bị suy giảm.

Hình 6. Rừng bị chặt phá để lấy đất canh tác ở phía tây nam U-gan-đa

– Nạn săn bắt và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác đã làm giảm số lượng động vật hoang dã, nhiều loài đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Hiện nay, các tổ chức bảo vệ động vật hoang dã trên thế giới và chính quyền các nước châu Phi đã có nhiều biện pháp như kiểm soát, tuyên truyền, ban hành các quy định và xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên để bảo vệ động vật hoang dã cũng như môi trường sống của chúng.

Châu Phi có thiên nhiên phong phú, đa dạng, với nhiều loài động, thực vật đặc hữu. Tuy nhiên, ở một vài nơi thiên nhiên châu Phi đang bị khai thác bất hợp lí khiến môi trường bị huỷ hoại. Vì vậy, cần có những biện pháp bảo vệ và sử dụng hợp lí thiên nhiên.

? Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục 3, hãy nêu một số vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi.

Luyện tập – Vận dụng

1. Trình bày khái quát đặc điểm tự nhiên châu Phi.
2. Lập bảng so sánh đặc điểm của các môi trường tự nhiên ở châu Phi (về khí hậu, sinh vật).

Sưu tầm thông tin, tranh ảnh để viết bài giới thiệu về một loài thực vật/động vật địa phương độc đáo của châu Phi.

Bài 10 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU PHI

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi (ví dụ: vấn đề nạn đói, vấn đề xung đột quân sự,...).

Châu Phi là châu lục còn tồn tại nhiều vấn đề nổi cộm về dân cư và xã hội.

Bằng hiểu biết của bản thân, em hãy nêu một số thông tin về dân cư, xã hội của châu Phi.

1 Một số vấn đề dân cư, xã hội

a) Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên cao

Năm 2020, số dân châu Phi khoảng 1 340 triệu người, chiếm khoảng 17% số dân thế giới.

Số dân châu Phi tăng rất nhanh từ những năm 50 của thế kỉ XX, khi các nước thuộc địa ở châu Phi giành được độc lập, đời sống được cải thiện và những tiến bộ về y tế làm giảm nhanh tỉ suất tử vong, trong khi tỉ suất sinh lại cao. Giai đoạn 2015 – 2020, tuy tốc độ tăng dân số đã giảm nhưng châu Phi vẫn có tỉ lệ tăng dân số tự nhiên cao nhất thế giới, với 2,54%.

Tăng dân số nhanh là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển, dẫn đến đói nghèo, tài nguyên bị khai thác kiệt quệ, suy thoái và ô nhiễm môi trường,... ở châu Phi.

TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA THẾ GIỚI VÀ CHÂU PHI
GIAI ĐOẠN 1950 – 2020 (%)

Khu vực	1950 – 1955	1970 – 1975	1990 – 1995	2015 – 2020
Thế giới	1,78	1,95	1,51	1,09
Châu Phi	2,13	2,73	2,62	2,54

? Dựa vào thông tin và bảng trong mục a, hãy trình bày vấn đề tăng dân số tự nhiên ở châu Phi.

b) Nạn đói

Mỗi năm, có hàng chục triệu người dân châu Phi bị nạn đói đe doạ; trong đó, vùng nam hoang mạc Xa-ha-ra là nơi chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do tình trạng hạn hán, bất ổn chính trị,... Hằng năm, rất nhiều quốc gia châu Phi phải phụ thuộc vào viện trợ lương thực của thế giới.

? Dựa vào thông tin trong mục b, hãy trình bày vấn đề nạn đói ở châu Phi.

c) *Xung đột quân sự*

Xung đột quân sự (còn gọi là xung đột vũ trang) là một vấn đề nghiêm trọng tại châu Phi. Xung đột xảy ra do mâu thuẫn giữa các bộ tộc, do cạnh tranh về tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên nước,... ở một số khu vực của châu Phi.

Hậu quả của các cuộc xung đột quân sự thường rất nghiêm trọng, dẫn đến thương vong về người, gia tăng nạn đói, bệnh tật, di dân, bất ổn chính trị, ảnh hưởng đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên,... đồng thời, tạo cơ hội để nước ngoài can thiệp.

? Dựa vào thông tin trong mục c, hãy trình bày vấn đề xung đột quân sự ở châu Phi.

2 Di sản lịch sử châu Phi

Em có biết?

Giấy pa-pi-rút là một phát minh của người Ai Cập cổ đại. Pa-pi-rút là tên của một loại lau sậy đặc biệt mọc ở lưu vực sông Nin, có độ dai thích hợp để dùng làm giấy.

Châu Phi là một trong những cái nôi của loài người. Vào khoảng 3 000 năm trước Công nguyên, người Ai Cập đã xây dựng ở đây nền văn minh sông Nin rực rỡ. Nền văn minh này để lại nhiều di sản lịch sử có giá trị như phát minh ra chữ viết tượng hình, phép tính diện tích các hình, giấy pa-pi-rút và nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng còn lưu giữ đến ngày nay, tiêu biểu là các kim tự tháp và tượng nhân sư ở Ai Cập.

Hình 1. Quần thể kim tự tháp Gi-da (Ai Cập)

? Dựa vào thông tin trong mục 2 và hiểu biết của bản thân, hãy kể tên một số di sản lịch sử của châu Phi.

Luyện tập – Vận dụng

Hãy nêu hậu quả của một trong các vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội đối với sự phát triển của các nước châu Phi.

Sưu tầm thông tin về một di sản lịch sử nổi tiếng của châu Phi.

Bài 11 PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN Ở CHÂU PHI

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.

Thiên nhiên châu Phi phân hoá thành các môi trường tự nhiên khác nhau. Mỗi môi trường tự nhiên có đặc điểm riêng về khí hậu, đất, nguồn nước, sinh vật,...

Người dân châu Phi sinh sống ở các môi trường đã khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên như thế nào?

Em có biết?

Rừng mưa nhiệt đới ở Trung Phi cung cấp các loại gỗ chất lượng tốt (gụ, mun, tếch,...), là sản phẩm xuất khẩu có giá trị. Tuy nhiên, ngành công nghiệp khai thác gỗ lại tàn phá các khu rừng trong khi phải mất rất nhiều năm chúng mới có thể tái sinh. Hầu hết, các công ty khai thác và chế biến gỗ thuộc sở hữu và mang lại lợi nhuận cho nước ngoài.

Hình 1. Cọ dầu được trồng nhiều ở Ni-giê-ri-a

1 Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở môi trường xích đạo

Nhiệt độ và độ ẩm cao ở môi trường xích đạo giúp cho cây trồng phát triển quanh năm, tạo điều kiện trồng gối vụ, xen canh nhiều loại cây. Ở đây đã hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp (cọ dầu, ca cao,...) theo quy mô lớn nhằm mục đích xuất khẩu hoặc cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

Tầng mùn trong đất ở môi trường xích đạo không dày, lớp phủ thực vật lại bị tàn phá nhiều nên mùn dễ bị nước mưa rửa trôi (đặc biệt là ở các sườn dốc của đồi, núi). Vì vậy, việc bảo vệ rừng và trồng rừng là hết sức cần thiết.

? Đọc thông tin trong mục và quan sát hình 4 (trang 131), hãy:

- Xác định phạm vi môi trường xích đạo ở châu Phi.
- Trình bày cách thức con người khai thác, bảo vệ thiên nhiên ở môi trường xích đạo.

Em có biết?

Châu Phi là quê hương của cây cà phê. Giống cà phê A-ra-bi-ca của châu Phi nổi tiếng thế giới về hương vị thơm ngon. Châu Phi cũng là thị trường xuất khẩu cà phê A-ra-bi-ca lớn của thế giới.

Hình 2. Trang trại chuối ở Ê-ti-ô-pi-a

2 Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở môi trường nhiệt đới

Tại những khu vực khô hạn như vùng xa van ở Nam Xa-ha-ra, làm nương rẫy vẫn là hình thức canh tác phổ biến, cây trồng chính là lạc, bông, kê,...; chăn nuôi dê, cừu,... theo hình thức chăn thả.

Ở những khu vực có khí hậu nhiệt đới ẩm như Đông Nam Phi, đã hình thành các vùng trồng cây ăn quả (chuối,...) và cây công nghiệp (mía, chè, thuốc lá, bông, cà phê,...) với mục đích xuất khẩu.

Hoạt động khai thác và xuất khẩu khoáng sản (vàng, đồng, chì, dầu mỏ, khí tự nhiên,...) có vai trò hết sức quan trọng. Một số nước cũng phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm cây nông nghiệp và sản phẩm chăn nuôi.

Ở môi trường nhiệt đới, cần chú ý xây dựng các công trình thuỷ lợi để đảm bảo nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân trong mùa khô.

Một số quốc gia châu Phi (Kê-ni-a, Tan-da-ni-a,...) đã thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên vừa để bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, vừa phát triển du lịch sinh thái.

? Đọc thông tin trong mục 2 và quan sát hình 4 (trang 131), hãy:

- Xác định phạm vi môi trường nhiệt đới ở châu Phi.
- Trình bày cách thức con người khai thác, bảo vệ thiên nhiên ở môi trường nhiệt đới.

3 Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở môi trường hoang mạc

Hình 3. Một ốc đảo ở phía bắc Ma-rốc

Tại các ốc đảo, nơi có nguồn nước lộ ra, người dân trồng cây ăn quả (cam, chanh và đặc biệt là cây chà là) và một số cây lương thực (lúa mạch,...) trên những mảnh ruộng nhỏ. Do nguồn nước và thức ăn khan hiếm, đàn gia súc (dê, lạc đà,...) được di chuyển từ nơi này đến nơi khác (chăn nuôi du mục). Để vận chuyển hàng hoá và buôn bán xuyên hoang mạc, người ta dùng sức của lạc đà.

Nhờ tiến bộ của kĩ thuật khoan sâu, nhiều mỏ dầu khí lớn, các mỏ khoáng sản và các túi nước ngầm được phát hiện; do đó, nhiều vùng hoang mạc đã thay đổi. Hoạt động du lịch cũng đem lại nguồn thu lớn cho người dân nơi đây.

Tuy vậy, biến đổi khí hậu và việc khai thác thiên nhiên không hợp lí của con người đã khiến diện tích hoang mạc ở châu Phi ngày càng mở rộng. Các nước trong khu vực đã có nhiều biện pháp như hợp tác để thành lập "vành đai xanh" chống lại tình trạng hoang mạc hoá,...

Hình 4. Một khu vực khai thác dầu mỏ trong hoang mạc Xa-ha-ra (An-giê-ri)

? Đọc thông tin trong mục 3 và quan sát hình 4 (trang 131), hãy:

- Xác định phạm vi môi trường hoang mạc ở châu Phi.
- Trình bày cách thức con người khai thác, bảo vệ thiên nhiên ở môi trường hoang mạc.

4 Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở môi trường cận nhiệt

Tận dụng lợi thế khí hậu ở môi trường cận nhiệt, các nước đã trồng các loài cây ăn quả (nho, cam, chanh, ô liu,...) có giá trị xuất khẩu và một số cây lương thực (lúa mì, ngô). Gia súc chính là cừu.

Hoạt động khai thác khoáng sản rất phát triển, khu vực là một trung tâm lớn của thế giới về khai thác dầu (An-giê-ri), đồng thời phát triển công nghiệp khai thác vàng, kim cương (Cộng hoà Nam Phi).

Hình 5. Bãi biển ở Kếp-tao, Cộng hoà Nam Phi

Môi trường cận nhiệt cũng thuận lợi để phát triển các hoạt động du lịch.

Vấn đề môi trường được các nước trong khu vực quan tâm là chống khô hạn và hoang mạc hoá.

? Đọc thông tin trong mục 4 và quan sát hình 4 (trang 131), hãy:

- Xác định phạm vi môi trường cận nhiệt ở châu Phi.
- Trình bày cách thức con người khai thác thiên nhiên ở môi trường cận nhiệt.

Luyện tập – Vận dụng

Hãy lập bảng so sánh cách thức con người khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo và môi trường nhiệt đới châu Phi.

Tìm hiểu về hoang mạc Xa-ha-ra.

Bài 12 THỰC HÀNH: TÌM HIỂU KHÁI QUÁT CỘNG HOÀ NAM PHI

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử của Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây.

1 Chuẩn bị

a) Lựa chọn nội dung tìm hiểu về một số sự kiện lịch sử của Cộng hoà Nam Phi

Gợi ý một số nội dung:

– Quá trình thành lập Cộng hoà Nam Phi

– Chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai)

– Tổng thống da màu đầu tiên của Nam Phi

b) Sưu tầm thông tin, dữ liệu về Cộng hoà Nam Phi

Có thể tìm kiếm thông tin từ:

– Mạng internet.

– Sách, báo viết về châu Phi và Cộng hoà Nam Phi.

c) Chọn lọc, xử lí thông tin

– Chọn lọc tư liệu từ các nguồn đã tìm.

– Xử lí số liệu, tư liệu, hình ảnh để trình bày kết quả sưu tầm.

– Sắp xếp các thông tin, số liệu,... theo đề cương của báo cáo.

2 Viết báo cáo

– Mở đầu: Giới thiệu về nội dung báo cáo: Sự kiện lịch sử nào? Diễn ra trong khoảng thời gian nào?

– Nội dung chính: Trình bày các thông tin, số liệu, hình ảnh sưu tầm được về sự kiện, các nhân vật liên quan, tiến trình sự kiện,...

– Kết luận: Nêu ý nghĩa của sự kiện.

3 Trình bày báo cáo

CHƯƠNG 4 CHÂU MỸ

Bài 13 VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI CHÂU MỸ. SỰ PHÁT KIẾN RA CHÂU MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.
- Phân tích được các hệ quả địa lí – lịch sử của việc Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ (1492 – 1502).

Châu Mỹ là vùng đất rộng lớn, có vị trí đặc biệt. Vì thế mãi đến cuối thế kỉ XV, với cuộc thám hiểm của Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô (C. Cô-lôm-bô), châu lục này mới được tìm ra. Vị trí địa lí châu Mỹ có gì đặc biệt? Việc tìm ra châu Mỹ có ý nghĩa như thế nào?

1 Vị trí địa lí và phạm vi

Châu Mỹ rộng khoảng 42 triệu km^2, lớn thứ hai trên thế giới, sau châu Á. Châu Mỹ nằm tiếp giáp với các đại dương lớn và gần như tách biệt với các châu lục khác. Đây là châu lục duy nhất nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây và là châu lục trải dài trên nhiều vĩ độ nhất (phần đất liền khoảng từ 72°B đến 54°N).

Châu Mỹ gồm hai lục địa là Bắc Mỹ và Nam Mỹ, được nối với nhau bằng eo đất hẹp Trung Mỹ. Eo đất này hiện đã bị cắt ngang bởi kênh đào Pa-na-ma.

? Dựa vào thông tin trong mục 1 và hình 1, hãy:

– Cho biết châu Mỹ tiếp giáp những đại dương nào.

– Xác định vị trí, phạm vi châu Mỹ.

Hình 1. Bản đồ tự nhiên châu Mỹ

2 Hệ quả địa lí – lịch sử của việc phát kiến ra châu Mỹ

Năm 1492, nhà hàng hải C. Cô-lôm-bô dẫn đầu đoàn thám hiểm rời cảng ở Tây Ban Nha, tiến về phía tây với mục đích tìm đường đi sang châu Á và tình cờ đã phát hiện ra các vùng đất mới.

Chuyến đi của C. Cô-lôm-bô là chuyến đi đầu tiên của người châu Âu vượt Đại Tây Dương, đặt chân đến châu Mỹ và mở ra con đường biển mới đến các châu lục khác.

Cuộc phát kiến của C. Cô-lôm-bô đã tìm ra một châu lục mới (châu Mỹ), mở ra một thời kì khám phá và chinh phục thế giới. Từ sau cuộc phát kiến, người châu Âu bắt đầu xâm chiếm và khai phá châu Mỹ với việc khai thác những nguồn nguyên liệu, khoáng sản quý giá và xây dựng nền văn hoá phương tây trên vùng đất mới này. Cuộc phát kiến cũng đẩy nhanh quá trình di dân từ các châu lục khác đến châu Mỹ.

Em có biết?

C. Cô-lôm-bô là người đầu tiên phát hiện ra châu Mỹ, tuy nhiên ông cho rằng vùng đất này thuộc phía tây Ấn Độ. Sau đó, nhà thám hiểm A-mê-ri-gô Ve-xpu-xi với bốn chuyến hành trình đến châu Mỹ từ năm 1497 đến năm 1503 đã khẳng định đây là một vùng đất mới và gọi vùng đất này là "Tân thế giới".

? Đọc thông tin trong mục 2 và kết hợp hiểu biết của bản thân, hãy phân tích hệ quả địa lí – lịch sử của việc phát kiến ra châu Mỹ.

Luyện tập – Vận dụng

Dựa vào bản đồ tự nhiên châu Mỹ (trang 140), hãy cho biết lãnh thổ châu Mỹ trải dài khoảng bao nhiêu vĩ độ.

Tìm hiểu và viết một bài giới thiệu (10 – 15 dòng) về hành trình thám hiểm tìm ra châu Mỹ của C. Cô-lôm-bô.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 14 ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN BẮC MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu, sông, hồ, các đới thiên nhiên Bắc Mỹ.

Thiên nhiên Bắc Mỹ phân hoá đa dạng, phức tạp từ bắc xuống nam, từ tây sang đông. Em hãy nêu một số hiểu biết về thiên nhiên Bắc Mỹ.

1 Địa hình

Địa hình Bắc Mỹ gồm ba khu vực rõ rệt:

- Miền núi Coóc-đi-e ở phía tây, là một trong những hệ thống núi lớn trên thế giới. Miền núi có độ cao trung bình 3 000 – 4 000 m, kéo dài khoảng 9 000 km theo chiều bắc – nam, gồm nhiều dãy núi chạy song song, xen giữa là các cao nguyên và sơn nguyên.
- Miền đồng bằng ở giữa bao gồm đồng bằng Ca-na-đa, đồng bằng Lớn, đồng bằng Trung Tâm và đồng bằng Duyên Hải, độ cao từ 200 – 500 m, thấp dần từ bắc xuống nam.
- Sơn nguyên trên bán đảo La-bra-đo và dãy núi A-pa-lát ở phía đông, có hướng đông bắc – tây nam. Dãy A-pa-lát gồm 2 phần: phần bắc có độ cao từ 400 – 500 m; phần nam cao từ 1 000 – 1 500 m.

Em có biết?

Bề mặt các cao nguyên của miền núi Coóc-đi-e bị chia cắt mạnh bởi các thung lũng sông tạo nên các hẻm vực (ca-ny-on). Tiêu biểu nhất là Gran Ca-ny-on dài 446 km, rộng từ 6 – 29 km và sâu 1 600 m.

Hình 1. Gran Ca-ny-on, Hoa Kỳ

? Quan sát hình 1 (trang 140) và đọc thông tin trong mục 1, hãy trình bày sự phân hoá địa hình ở Bắc Mỹ.

2 Khí hậu

Do lãnh thổ trải dài từ vùng cực Bắc đến khoảng vĩ tuyến 25°B, khí hậu Bắc Mỹ có sự phân hoá theo chiều bắc – nam, gồm các đới khí hậu cực và cận cực, ôn đới, cận nhiệt và nhiệt đới. Trong đó, đới khí hậu ôn đới có diện tích lớn nhất.

Đồng thời, do ảnh hưởng của địa hình, khí hậu Bắc Mỹ có sự phân hoá theo chiều tây – đông và theo độ cao. Các khu vực ven biển sẽ có khí hậu điều hoà, mưa nhiều; càng vào sâu trong lục địa biên độ nhiệt độ năm càng lớn, mưa ít hơn, khí hậu khô hạn hơn.

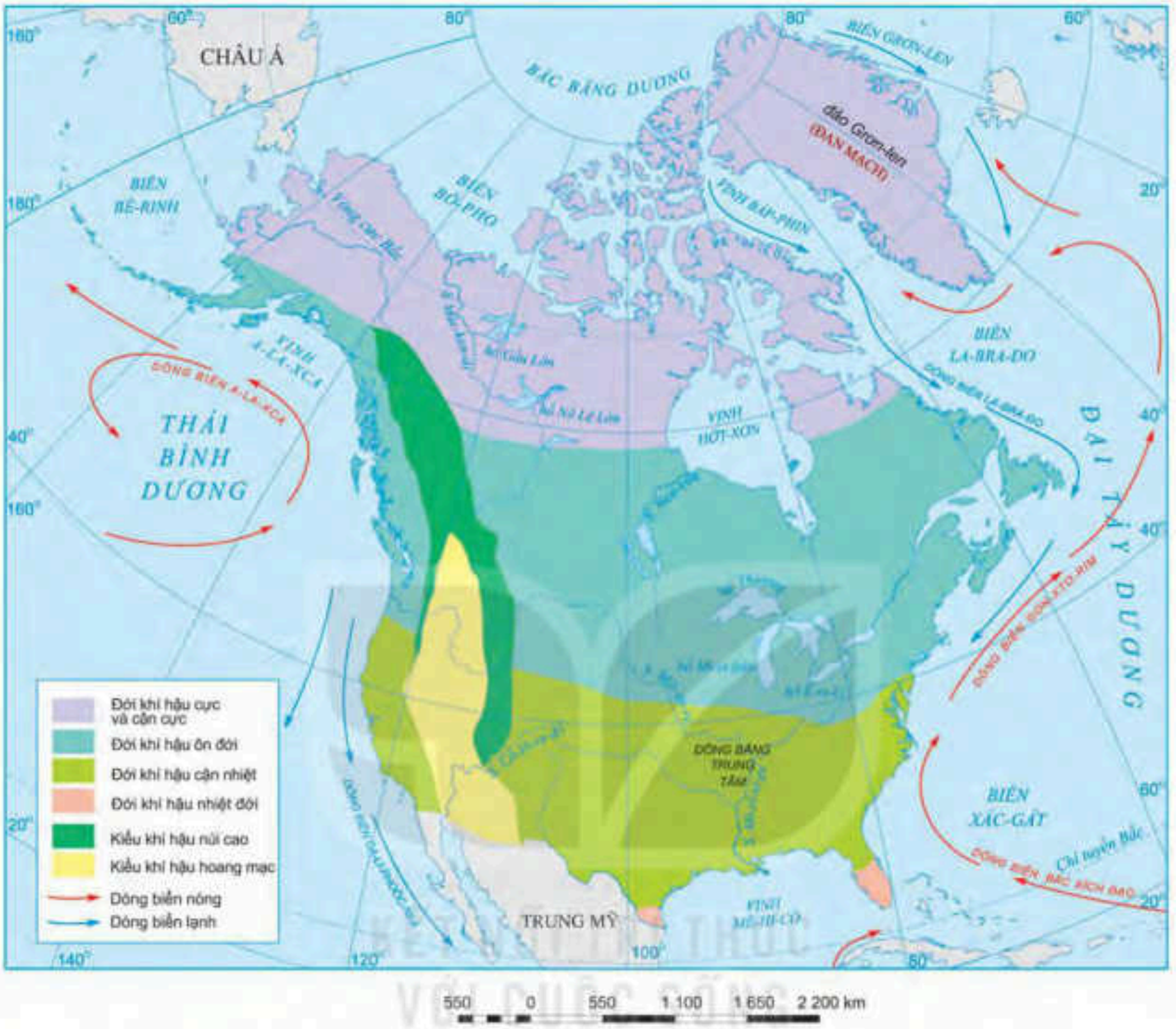

Hình 2. Bản đồ các đới và kiểu khí hậu ở Bắc Mỹ

? Dựa vào thông tin và hình trong mục 2, hãy trình bày sự phân hoá khí hậu của Bắc Mỹ.

3 Sông, hồ

Bắc Mỹ có mạng lưới sông khá dày đặc và phân bố khắp lãnh thổ. Sông nhiều nước. Chế độ nước sông khá đa dạng do được cung cấp nước từ nhiều nguồn: mưa, tuyết và băng tan.

Các sông lớn ở Bắc Mỹ gồm: hệ thống sông Mit-xu-ri – Mi-xi-xi-pi, sông Mác-ken-di, sông Cô-lô-ra-đô.

Em có biết?

Hệ thống sông Mit-xu-ri – Mi-xi-xi-pi lớn nhất ở Bắc Mỹ (6 400 km) và dài thứ ba thế giới, có vai trò quan trọng đối với khu vực phía nam và đông nam Hoa Kỳ.

Hệ thống Ngũ Hồ gồm năm hồ: hồ Thượng, hồ Mi-si-gân, hồ Hu-rôn, hồ Ê-ri-ê và hồ Ôn-ta-ri-ô. Hồ Thượng là hồ nước ngọt có diện tích lớn nhất thế giới (hơn 82 000 km²).

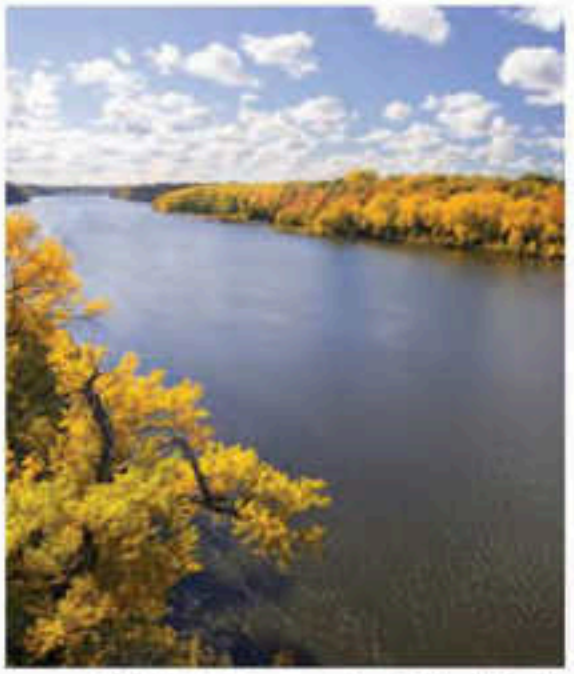

Hình 3. Đoạn sông Mi-xi-xi-pi chảy qua bang Min-ne-so-ta, Hoa Kỳ

Bắc Mỹ đứng đầu thế giới về số lượng các hồ có diện tích lớn (14 hồ có diện tích trên 5 000 km^2). Phần lớn các hồ là hồ nước ngọt. Các hồ lớn như: hệ thống Ngũ Hồ, hồ Uy-ni-pếc, hồ Gấu Lớn, hồ Nô Lệ Lớn,...

? Quan sát bản đồ tự nhiên châu Mỹ (trang 140) và đọc thông tin, quan sát hình ảnh trong mục 3, hãy trình bày đặc điểm của sông, hồ ở Bắc Mỹ.

4 Đới thiên nhiên

Thiên nhiên Bắc Mỹ chủ yếu nằm trong đới lạnh và đới ôn hoà.

Đới lạnh có khí hậu cực và cận cực, lạnh giá nên nhiều nơi có lớp băng tuyết phủ dày trên diện tích rộng. Ở phía nam khí hậu ấm hơn, có mùa hạ ngắn, thực vật chủ yếu là rêu, địa y, cỏ và cây bụi. Giới động vật nghèo nàn, chỉ có một số loài chịu được lạnh như tuần lộc, cáo Bắc cực,... và một số loài chim di cư.

Đới ôn hoà ở Bắc Mỹ chiếm diện tích rộng và có sự phân hoá đa dạng. Phía bắc có khí hậu ôn đới, phát triển rừng lá kim. Phía đông nam, khí hậu cận nhiệt ẩm, ẩm hơn phát triển rừng hỗn hợp và rừng lá rộng với thành phần loài rất phong phú. Khu vực ở sâu trong lục địa mưa ít, hình thành thảo nguyên. Trên các cao nguyên của miền núi Coóc-đi-e, khí hậu khô hạn, hình thành hoang mạc và bán hoang mạc. Động vật trong đới ôn hoà phong phú cả về số loài và số lượng mỗi loài, gồm các loài ăn cỏ, ăn thịt, gặm nhấm và bò sát,...; riêng ở vùng hoang mạc và bán hoang mạc, động vật nghèo nàn.

Hình 4. Rừng lá kim ở Hoa Kỳ

? Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục 4, hãy trình bày sự phân hoá thiên nhiên ở Bắc Mỹ.

Luyện tập – Vận dụng

Xác định vị trí của các thảm thực vật: đài nguyên, rừng lá kim, rừng lá rộng, thảo nguyên trên bản đồ tự nhiên khu vực Bắc Mỹ (trang 140).

Sưu tầm thông tin, hình ảnh về thiên nhiên Bắc Mỹ.

Bài 15 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI, PHƯƠNG THỨC KHAI THÁC TỰ NHIÊN BỀN VỮNG Ở BẮC MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

- Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội ở Bắc Mỹ: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá.
- Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững.
- Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng ở Bắc Mỹ.

Dân cư Bắc Mỹ đa chủng tộc với nhiều nguồn gốc khác nhau. Đây là khu vực phát triển kinh tế nhất thế giới, nhờ vào việc khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Người dân ở Bắc Mỹ đã khai thác tự nhiên như thế nào để đạt hiệu quả cao?

1 Đặc điểm dân cư, xã hội

a) Vấn đề nhập cư và chủng tộc

Con người cư trú trên lãnh thổ Bắc Mỹ từ cách đây khoảng 20 – 30 nghìn năm. Họ là người Anh-điêng và người E-xki-mô thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it, di cư từ châu Á sang.

Sau cuộc phát kiến ra châu Mỹ năm 1492, người châu Âu thuộc chủng tộc Ơ-rô-pê-ô-it (người Anh, I-ta-li-a, Đức,...) di cư sang Bắc Mỹ ngày càng nhiều. Người da đen thuộc chủng tộc Nê-grô-it từ châu Phi bị bắt sang làm nô lệ, lao động trong các đồn điền trồng bông, thuốc lá,...

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xuất hiện các đợt di dân từ nhiều khu vực trên thế giới (trong đó có châu Á) vào Bắc Mỹ.

Lịch sử nhập cư đã tạo nên thành phần chủng tộc đa dạng ở Bắc Mỹ. Trong quá trình chung sống, các chủng tộc hoà huyết khiến thành phần dân cư thêm đa dạng.

? Dựa vào hình 1 và thông tin trong mục a, hãy nêu đặc điểm nhập cư và chủng tộc ở Bắc Mỹ.

Hình 1. Lược đồ các luồng nhập cư vào châu Mỹ

b) Vấn đề đô thị hoá

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp đã thúc đẩy quá trình đô thị hoá ở Bắc Mỹ, làm xuất hiện các siêu đô thị và các dải siêu đô thị. Một số đô thị lớn ở Bắc Mỹ năm 2020 là Niu Oóc (18,8 triệu người), Lốt An-giơ-lét (12,4 triệu người), Si-ca-gô (8,9 triệu người), Môn-trê-an (4,2 triệu người),...

TỈ LỆ DÂN ĐÔ THỊ Ở BẮC MỸ VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2020

Khu vực	Bắc Mỹ	Châu Phi	Châu Á	Châu Âu
Tỉ lệ dân số đô thị *(%)*	82,6	43,5	51,1	74,9

Các đô thị lớn của Bắc Mỹ chủ yếu tập trung ở phía nam hệ thống Ngũ Hồ và ven Đại Tây Dương, nối tiếp nhau tạo thành hai dải siêu đô thị từ Niu Oóc đến Oa-sinh-tơn và từ Môn-trê-an đến Si-ca-gô. Vào sâu trong nội địa, các đô thị nhỏ hơn và thưa thớt hơn.

? Dựa vào thông tin và bảng số liệu trong mục b, hãy trình bày đặc điểm đô thị hoá ở Bắc Mỹ.

2 Các trung tâm kinh tế quan trọng

Kinh tế phát triển mạnh đã hình thành ở Bắc Mỹ nhiều trung tâm kinh tế quan trọng, với cơ cấu ngành đa dạng.

Hình 2. Bản đồ các trung tâm kinh tế quan trọng ở Bắc Mỹ năm 2020

? Quan sát hình 2, hãy:

– Xác định trên bản đồ các trung tâm kinh tế quan trọng ở Bắc Mỹ.

– Kể tên các ngành kinh tế ở một số trung tâm.

3 Phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ

Nguồn tài nguyên thiên nhiên ở Bắc Mỹ rất phong phú và đa dạng. Nhờ phương thức khai thác hợp lí và bền vững, Bắc Mỹ phát triển nền kinh tế đa dạng, đời sống cư dân ở mức cao.

– Phương thức khai thác bền vững tài nguyên đất

Bắc Mỹ có nhiều đồng bằng rộng lớn, bằng phẳng, đất đai màu mỡ, đã được khai thác từ rất lâu để trồng trọt và chăn nuôi. Do thời gian dài sử dụng lượng lớn phân bón và thuốc bảo vệ thực vật hoá học, đất đã bị thoái hoá. Hiện nay, các nước Bắc Mỹ đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng "nông nghiệp xanh", ứng dụng khoa học – công nghệ trong quá trình sản xuất, nhờ đó đem lại năng suất cao, đồng thời bảo vệ tài nguyên đất.

– Phương thức khai thác bền vững tài nguyên nước

Bắc Mỹ là khu vực có nguồn nước ngọt rất phong phú do có nhiều sông và hồ lớn. Trước đây, nhiều sông hồ ở Bắc Mỹ bị ô nhiễm do chất thải từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt. Hiện nay chất lượng nguồn nước được cải thiện nhờ các biện pháp như: quy định xử lí nước thải, ban hành Đạo luật nước sạch,... Bên cạnh đó, tài nguyên nước được khai thác tổng hợp nhằm tăng hiệu quả sử dụng và mang tính bền vững trong khai thác.

– Phương thức khai thác bền vững tài nguyên rừng

Bắc Mỹ sở hữu tài nguyên rừng giàu có, bao gồm: rừng lá kim, rừng hỗn hợp, rừng lá rộng,... Trong thời gian dài, rừng bị khai thác mạnh để lấy gỗ, làm giấy, lấy đất canh tác nên diện tích bị suy giảm nhanh.

Chính phủ Hoa Kỳ và Ca-na-đa đã đưa ra nhiều biện pháp quản lí và khai thác bền vững tài nguyên rừng như: thành lập các vườn quốc gia, khai thác có chọn lọc và để rừng tái sinh tự nhiên, quy định trồng mới sau khi khai thác, phòng chống cháy rừng,...

– Phương thức khai thác bền vững tài nguyên khoáng sản

Bắc Mỹ có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, dồi dào. Tuy nhiên, việc khai thác với quy mô lớn và sử dụng không hợp lí đã gây ô nhiễm môi trường và một số loại khoáng sản dần trở nên cạn kiệt. Các nước Bắc Mỹ đã có nhiều biện pháp để sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên khoáng sản, đồng thời đẩy mạnh sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo và vật liệu thay thế.

? Dựa vào thông tin trong mục 3, hãy phân tích phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ thông qua việc sử dụng tài nguyên rừng, nước, đất, khoáng sản.

Luyện tập – Vận dụng

Lựa chọn và phân tích một trong những vấn đề dân cư, xã hội ở Bắc Mỹ.

Tìm hiểu thông tin và chia sẻ với bạn về hoạt động sản xuất nông nghiệp ở khu vực Bắc Mỹ (cách thức canh tác, sản lượng, các trang trại,...).

Bài 16 ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN TRUNG VÀ NAM MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây, theo chiều bắc – nam và theo chiều cao (trên dãy núi An-đét).

Khu vực Trung và Nam Mỹ gồm Trung Mỹ, các đảo, quần đảo trong vùng biển Ca-ri-bê và toàn bộ lục địa Nam Mỹ. Đây là khu vực có thiên nhiên đa dạng. Hãy nêu một số hiểu biết của em về khu vực Trung và Nam Mỹ.

1 Sự phân hoá tự nhiên theo chiều bắc – nam

Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ phân hoá theo chiều bắc – nam, thể hiện rõ nét ở sự khác biệt về khí hậu và cảnh quan.

– Đới khí hậu xích đạo: nóng ẩm quanh năm, rừng mưa nhiệt đới phát triển trên diện rộng.

– Đới khí hậu cận xích đạo: một năm có hai mùa (mùa mưa và mùa khô) rõ rệt, thảm thực vật điển hình là rừng thưa nhiệt đới.

– Đới khí hậu nhiệt đới: nóng, lượng mưa giảm dần từ đông sang tây. Cảnh quan cũng thay đổi từ rừng nhiệt đới ẩm đến xa van, cây bụi và hoang mạc.

– Đới khí hậu cận nhiệt: mùa hạ nóng, mùa đông ấm. Nơi mưa nhiều có thảm thực vật điển hình là rừng cận nhiệt và thảo nguyên rừng. Nơi mưa ít có cảnh quan bán hoang mạc và hoang mạc.

– Đới khí hậu ôn đới: mát mẻ quanh năm. Cảnh quan điển hình là rừng hỗn hợp và bán hoang mạc.

? Dựa vào thông tin và hình 1, 2 trong mục 1, hãy trình bày sự phân hoá thiên nhiên theo chiều bắc – nam ở Trung và Nam Mỹ.

Em có biết?

Hoang mạc A-ta-ca-ma nằm ở phía tây của dãy An-đét, từ 22°N đến 27°N. Lượng mưa ở đây rất thấp, có nơi nhiều năm liền không mưa. A-ta-ca-ma được coi là hoang mạc khô cằn nhất thế giới.

Hình 1. Hoang mạc A-ta-ca-ma ở Chi-lê

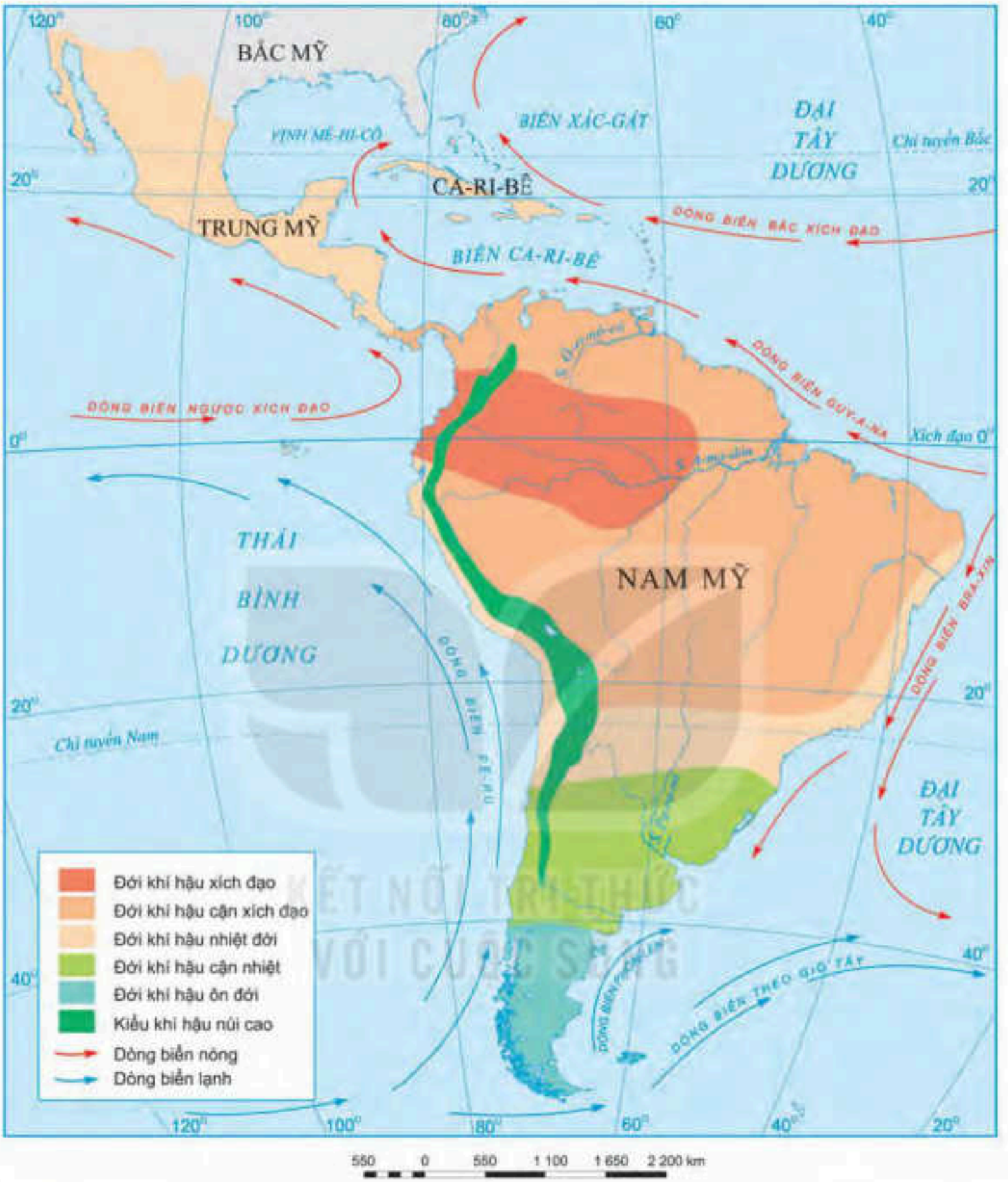

Hình 2. Bản đồ các đới và kiểu khí hậu ở Trung và Nam Mỹ

2 Sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây

- Ở Trung Mỹ, phía đông và các đảo có lượng mưa nhiều hơn phía tây nên thảm rừng mưa nhiệt đới phát triển. Phía tây khô hạn nên chủ yếu là xa van, rừng thưa.
- Ở Nam Mỹ, sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây thể hiện rõ nhất ở địa hình:
  + Phía đông là các sơn nguyên bị bào mòn mạnh, địa hình chủ yếu là đồi núi thấp. Sơn nguyên Guy-a-na có khí hậu nóng ẩm, rừng rậm rạp; sơn nguyên Bra-xin có khí hậu khô hạn hơn nên cảnh quan rừng thưa và xa van là chủ yếu.

+ Ở giữa là các đồng bằng rộng và bằng phẳng, bao gồm các đồng bằng: Ô-ri-nô-cô, A-ma-dôn, La Pla-ta và Pam-pa. Đồng bằng A-ma-dôn nằm trong khu vực có khí hậu xích đạo và cận xích đạo nóng ẩm, mưa nhiều nên thảm thực vật rừng mưa nhiệt đới bao phủ, hệ thực – động vật vô cùng phong phú. Các đồng bằng còn lại có mưa ít nên thảm thực vật chủ yếu là xa van, cây bụi.

+ Phía tây là miền núi An-đét cao trung bình 3 000 – 5 000 m, gồm nhiều dãy núi, xen giữa là các thung lũng và cao nguyên. Thiên nhiên có sự khác biệt rõ rệt giữa sườn đông và sườn tây.

Hình 3. Xa van ở đông nam Bra-xin

? Dựa vào hình 1 (trang 140) và thông tin trong mục 2, hãy trình bày sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây ở Trung và Nam Mỹ.

3 Sự phân hoá tự nhiên theo chiều cao

Thiên nhiên miền núi An-đét thay đổi theo chiều cao khá rõ nét.

Ở dưới thấp, vùng Bắc và Trung An-đét thuộc các đới khí hậu nóng và ẩm ướt, có rừng mưa nhiệt đới; vùng Nam An-đét thuộc khí hậu ôn hoà, phát triển rừng cận nhiệt và ôn đới.

Càng lên cao, thiên nhiên càng thay đổi tương ứng với sự thay đổi của nhiệt độ và độ ẩm.

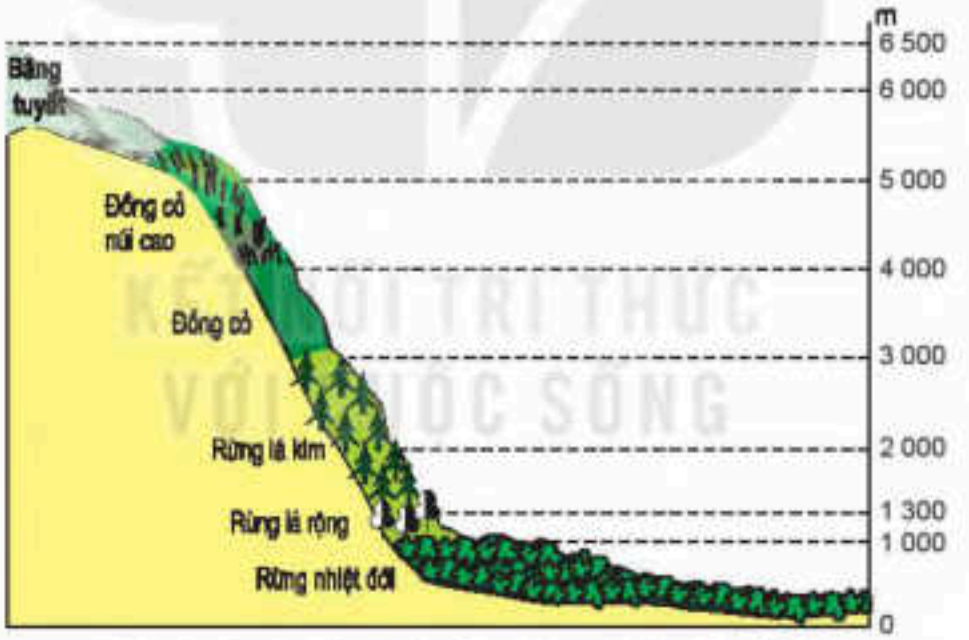

Hình 4. Sườn đông dãy An-đét qua lãnh thổ Pê-ru

? Dựa vào thông tin và quan sát hình 4 trong mục 3, hãy:

– Kể tên các đai thực vật theo chiều cao của sườn đông dãy An-đét qua lãnh thổ Pê-ru.

– Cho biết các đai thực vật được phân bố theo độ cao như thế nào.

Luyện tập – Vận dụng

Trình bày một đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, đới thiên nhiên) ở khu vực Trung và Nam Mỹ.

Sưu tầm thông tin về kênh đào Pa-na-ma.

Bài 17 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI TRUNG VÀ NAM MỸ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ RỪNG A-MA-DÔN

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ La-tinh.
- Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn. Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng A-ma-dôn.

Khu vực Trung và Nam Mỹ có nền văn hoá Mỹ La-tinh vô cùng đặc sắc. Đây cũng là khu vực có nhiều đô thị đông dân trên thế giới.

Nêu hiểu biết của em về dân cư, xã hội của khu vực Trung và Nam Mỹ.

1 Đặc điểm dân cư, xã hội

a) Nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ

Cư dân Trung và Nam Mỹ có nhiều nguồn gốc khác nhau: người Anh-điêng thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it, người Âu thuộc chủng tộc Ơ-rô-pê-ô-it (chủ yếu đến từ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha) và người gốc Phi thuộc chủng tộc Nê-grô-it.

Hiện nay, phần lớn dân cư Trung và Nam Mỹ là người lai do sự hợp huyết giữa người gốc Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha với người gốc Phi và người Anh-điêng. Sự hoà trộn này đã tạo nên nền văn hoá Mỹ La-tinh độc đáo, đồng thời là sự tương đồng về dân cư và xã hội giữa các nước Trung và Nam Mỹ.

? Dựa vào thông tin trong mục a và hình 1 (trang 146), hãy:

- Xác định các luồng nhập cư vào Trung và Nam Mỹ.
- Cho biết thành phần chủng tộc của cư dân Trung và Nam Mỹ.

b) Vấn đề đô thị hoá

Trung và Nam Mỹ là khu vực có tốc độ đô thị hoá nhanh nhất thế giới. Tỉ lệ dân đô thị khoảng 80% số dân (năm 2020). Ở một số nơi của Trung và Nam Mỹ, quá trình đô thị hoá mang tính tự phát đã làm nảy sinh nhiều vấn đề như thất nghiệp, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội, tội phạm,...

? Đọc thông tin và quan sát hình 1 trong mục b, hãy:

- Trình bày vấn đề đô thị hoá ở Trung và Nam Mỹ.
- Kể tên và xác định vị trí của các thành phố có từ 10 triệu người trở lên ở Trung và Nam Mỹ.

Hình 1. Bản đồ tỉ lệ dân đô thị và một số đô thị ở Trung và Nam Mỹ, năm 2020

c) *Văn hoá Mỹ La-tinh*

Trước khi C. Cô-lôm-bô khám phá ra Tân thế giới, cư dân bản địa ở Trung và Nam Mỹ đã là chủ nhân của nhiều nền văn hoá cổ nổi tiếng: văn hoá May-a, văn hoá In-ca, văn hoá A-dơ-tếch.

Sau khi người Âu gốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sang xâm chiếm, sự pha trộn văn hoá của các tộc người đã hình thành ở Trung và Nam Mỹ một nền văn hoá Mỹ La-tinh độc đáo.

Hằng năm, ở đây có rất nhiều lễ hội đặc sắc: Ca-na-van, Ô-ru-rô, La-ti-nô, Pa-rin-tin,... Ngôn ngữ chính là tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha thuộc ngữ hệ La-tinh.

Em có biết?

Có khoảng 60% số dân Trung và Nam Mỹ sử dụng tiếng Tây Ban Nha, 34% số dân sử dụng tiếng Bồ Đào Nha, còn lại là các ngôn ngữ khác.

Các điệu nhảy La-tinh có ý nghĩa đặc biệt đối với văn hoá Mỹ La-tinh. Không chỉ đóng vai trò là một hình thức giải trí, nó đã trở thành bản sắc văn hoá của các quốc gia Mỹ La-tinh.

Hình 2. Thành phố cổ Ma-chu Pi-chu của người In-ca ở Pê-ru

Hình 3. Lễ hội Ca-na-van (Bra-xin)

? Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục c, hãy nêu những nét đặc sắc của văn hoá Mỹ La-tinh.

2 Khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn

a) Đặc điểm rừng A-ma-dôn

Khu vực rừng A-ma-dôn ở lục địa Nam Mỹ có diện tích hơn 5 triệu km^2, là rừng nhiệt đới rộng nhất thế giới, tập trung chủ yếu ở Bra-xin và Cô-lôm-bi-a. Khí hậu nóng ẩm quanh năm nên sinh vật rất phong phú.

Rừng phát triển nhiều tầng. Tầng trên (tầng vượt tán) là các loài cây thân gỗ cao 50 – 60 m. Tầng tán phần lớn là các cây gỗ cao 30 – 45 m. Tầng dưới tán chủ yếu là cây bụi, thảo mộc, cây gỗ nhỏ và các loài dây leo. Tầng thảm tươi là nơi sinh sống của các loài ưa bóng tối.

Trong rừng A-ma-dôn, động vật cũng rất phong phú gồm các loài sống trên cây, leo trèo giỏi, nhiều loài chim, vô số các côn trùng và nhiều loài sống dưới nước.

Rừng A-ma-dôn được xem là "lá phổi xanh" của Trái Đất, là nguồn dự trữ sinh học quý giá, giúp điều hoà khí hậu, cân bằng sinh thái toàn cầu.

? Đọc thông tin trong mục a, hãy nêu khái quát đặc điểm rừng A-ma-dôn.

b) *Vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn*

Trong nhiều năm qua, con người đã khai phá rừng A-ma-dôn để lấy gỗ, lấy đất canh tác, khai thác khoáng sản và làm đường giao thông khiến diện tích rừng A-ma-dôn bị suy giảm. Bên cạnh đó, các vụ cháy rừng cũng làm diện tích rừng mất đi đáng kể.

DIỆN TÍCH RỪNG A-MA-DÔN Ở BRA-XIN GIAI ĐOẠN 1970 – 2019

Năm	1970	1990	2000	2010	2019
Diện tích *(triệu km²)*	4,0	3,79	3,6	3,43	3,39

Bảo vệ rừng A-ma-dôn là nhiệm vụ cấp bách và quan trọng trong bối cảnh diện tích rừng bị suy giảm nhanh chóng. Các quốc gia trong khu vực rừng A-ma-dôn đã có nhiều biện pháp bảo vệ rừng: tăng cường giám sát hoạt động khai thác rừng; trồng phục hồi rừng; tuyên truyền và đẩy mạnh vai trò của người dân bản địa trong việc bảo vệ rừng.

Hình 4. Rừng A-ma-dôn bị tàn phá để lấy đất canh tác

Hình 5. Cháy rừng A-ma-dôn ở Bra-xin năm 2020

? Dựa vào bảng số liệu và thông tin trong mục b, hãy:

- Nhận xét sự thay đổi diện tích rừng A-ma-dôn ở Bra-xin giai đoạn 1970 – 2019.
- Nêu nguyên nhân của việc suy giảm rừng A-ma-dôn.
- Nêu một số biện pháp bảo vệ rừng A-ma-dôn.

Luyện tập – Vận dụng

Trình bày một đặc điểm dân cư, xã hội ở khu vực Trung và Nam Mỹ.

Tìm hiểu một nét văn hoá Mỹ La-tinh và chia sẻ với các bạn.

CHƯƠNG 5 CHÂU ĐẠI DƯƠNG VÀ CHÂU NAM CỰC

Bài 18 CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Ô-xtrây-li-a.
- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản của châu Đại Dương. Phân tích được đặc điểm khí hậu Ô-xtrây-li-a, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Ô-xtrây-li-a.
- Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Ô-xtrây-li-a.
- Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Từ thế kỉ I, nhà khoa học cổ Hy Lạp Ptô-lê-mê đã dự đoán về sự tồn tại của một lục địa nằm ở phía nam Ấn Độ Dương mà ông gọi là Ô-xtrây-li-a. Tuy nhiên, mãi đến thế kỉ XVIII, cùng với sự phát triển của ngành hàng hải, người châu Âu mới đặt chân lên lục địa này.

Hãy nêu những hiểu biết của em về thiên nhiên và xã hội của châu Đại Dương.

1 Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương

Châu Đại Dương gồm hai bộ phận:

– Lục địa Ô-xtrây-li-a nằm ở phía tây nam Thái Bình Dương, thuộc bán cầu Nam. Tuy có diện tích nhỏ (chỉ gần 7,7 triệu km^2) nhưng do bờ biển ít bị chia cắt nên lục địa Ô-xtrây-li-a có dạng hình khối rõ rệt, từ bắc xuống nam dài hơn 3 000 km và từ tây sang đông, nơi rộng nhất khoảng 4 000 km.

– Vùng đảo châu Đại Dương nằm ở trung tâm Thái Bình Dương, bao gồm bốn khu vực (Mê-la-nê-di, Mi-crô-nê-di, Pô-li-nê-di, Niu Di-len) trải trên một không gian rất rộng trên đại dương và có số lượng đảo rất lớn nhưng hầu hết là các đảo nhỏ. Tổng diện tích các đảo chỉ khoảng 1 triệu km².

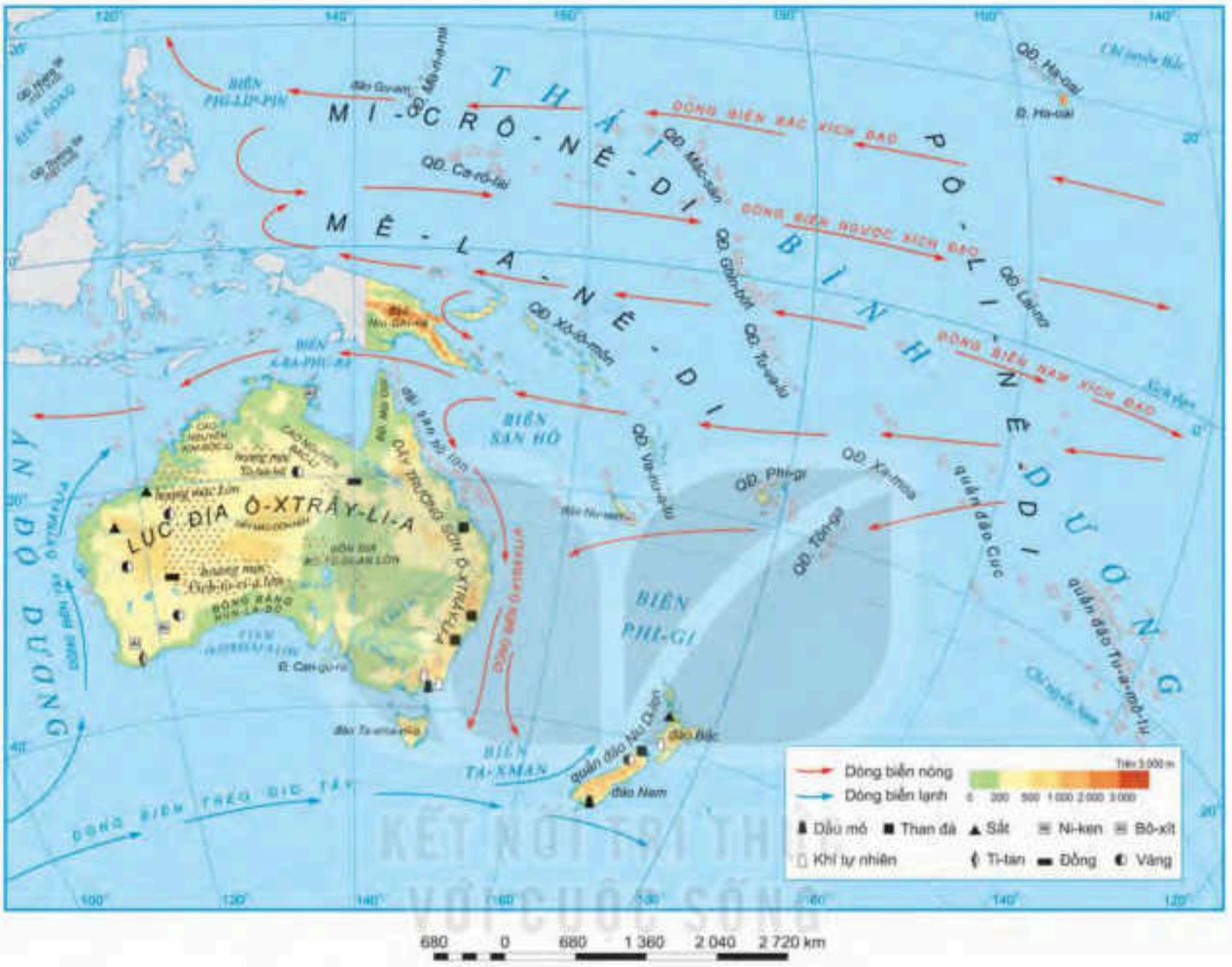

Hình 1. Bản đồ tự nhiên châu Đại Dương

? Dựa vào thông tin trong mục 1 và hình 1, hãy:

– Xác định trên hình 1 vị trí của lục địa Ô-xtrây-li-a và các khu vực của vùng đảo châu Đại Dương.

– Nêu đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của lục địa Ô-xtrây-li-a.

2 Đặc điểm tự nhiên

a) Địa hình và khoáng sản

– Lục địa Ô-xtrây-li-a gồm ba khu vực địa hình và khoáng sản có đặc điểm rất khác nhau:

+ Phía tây là vùng sơn nguyên tây Ô-xtrây-li-a, độ cao trung bình dưới 500 m. Trên bề mặt là các hoang mạc cát, hoang mạc đá, cao nguyên và núi thấp,

như cao nguyên Bác-li, cao nguyên Kim-bơc-li, hoang mạc Vích-to-ri-a lớn,... Đây là nơi tập trung nhiều mỏ kim loại (sắt, đồng, vàng, ni-ken, bô-xít,...).

+ Ở giữa có tên gọi là vùng đồng bằng Trung tâm, lớn nhất là bồn địa Ác-tê-di-an lớn. Độ cao trung bình dưới 200 m, rất khô hạn, bề mặt có nhiều bãi đá, đồng bằng cát, đụn cát. Nhiều nơi hoang vắng, không có người sinh sống.

Hình 2. Vườn quốc gia U-lu-ru, Ô-xtrây-li-a

+ Phía đông là dãy Trường Sơn Ô-xtrây-li-a, cao trung bình 800 – 1 000 m. Sườn đông dốc, sườn tây thoải dần về phía vùng đồng bằng Trung tâm. Là nơi tập trung nhiều khoáng sản nhiên liệu (than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên).

– Các đảo, quần đảo nằm gần lục địa Ô-xtrây-li-a hầu hết là các đảo núi cao. Trên các đảo có nhiều loại khoáng sản: vàng, sắt, than đá, dầu mỏ,... Các đảo và quần đảo nằm xa bờ đều là các đảo nhỏ, thấp, cấu tạo chủ yếu bởi các đá núi lửa hoặc đá vôi san hô, rất nghèo khoáng sản.

? Dựa vào thông tin trong mục a và hình 1, hãy:

– Xác định vị trí và nêu đặc điểm của các khu vực địa hình trên lục địa Ô-xtrây-li-a.

– Kể tên các loại khoáng sản ở các khu vực địa hình.

b) Khí hậu

Hầu hết diện tích lục địa Ô-xtrây-li-a thuộc đới nóng. Tuy nhiên, khí hậu có sự thay đổi từ bắc xuống nam và từ đông sang tây.

– Dải bờ biển hẹp phía bắc lục địa có khí hậu cận xích đạo, nhìn chung nóng, ẩm và mưa nhiều. Lượng mưa từ 1 000 – 1 500 mm/năm.

– Khí hậu nhiệt đới chiếm phần lớn diện tích lục địa, nhưng có sự khác biệt từ đông sang tây.

+ Sườn đông dãy Trường Sơn Ô-xtrây-li-a có khí hậu nhiệt đới ẩm, mưa nhiều. Thời tiết mát mẻ. Lượng mưa từ 1 000 – 1 500 mm/năm.

+ Từ sườn tây của dãy Trường Sơn Ô-xtrây-li-a đến bờ tây lục địa là một vùng rộng lớn, có khí hậu nhiệt đới lục địa khắc nghiệt. Độ ẩm rất thấp, ít mưa (ở trung tâm, lượng mưa dưới 250 mm/năm). Mùa hạ nóng, mùa đông tương đối lạnh.

– Dải đất hẹp phía nam lục địa có khí hậu cận nhiệt đới. Nhìn chung, mùa hạ nóng, mùa đông ấm áp. Lượng mưa dưới 1 000 mm/năm.

– Phía nam của đảo Ta-xma-ni-a có khí hậu ôn đới.

? Dựa vào thông tin và hình 3 trong mục b, hãy phân tích đặc điểm khí hậu của Ô-xtrây-li-a.

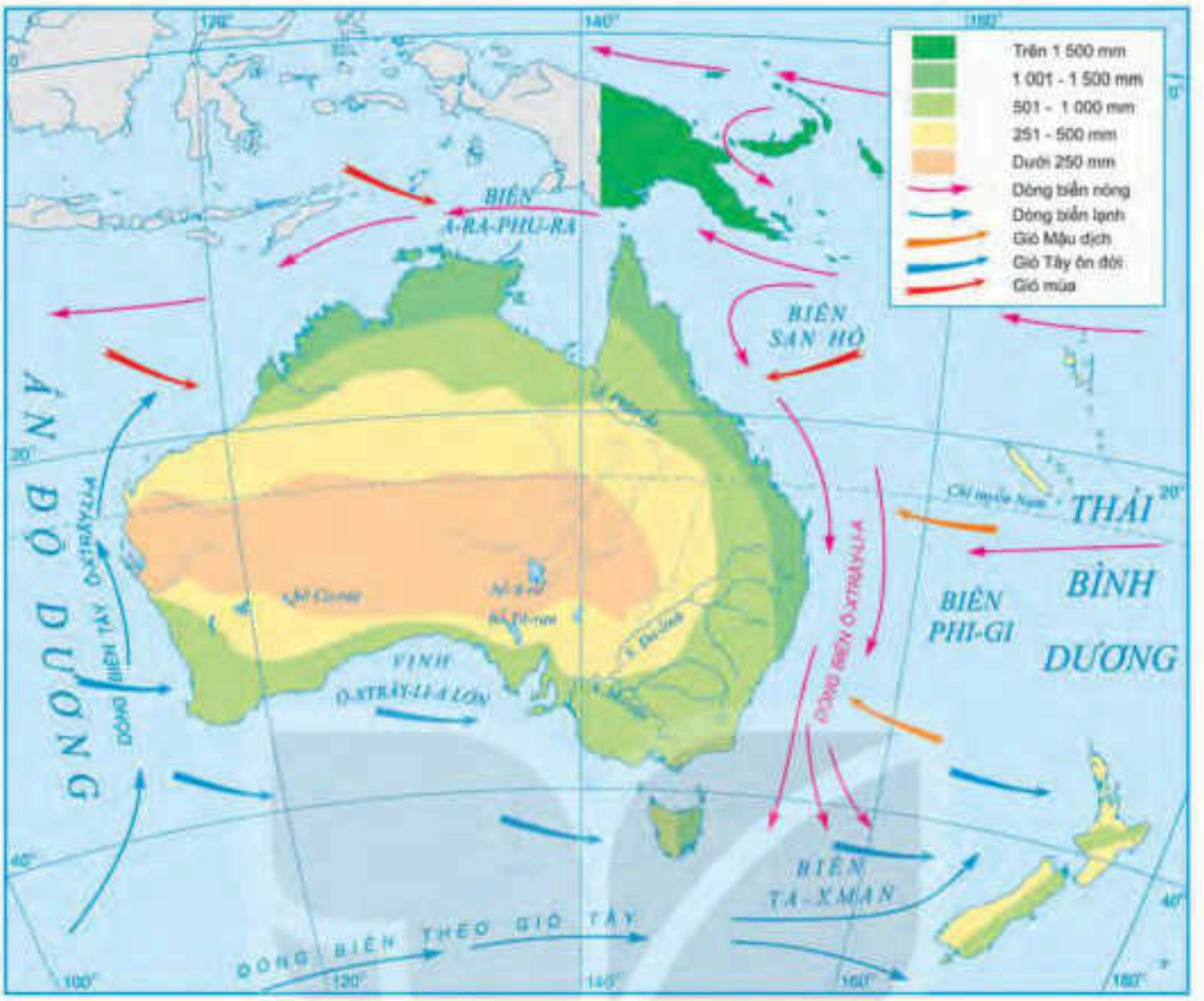

Hình 3. Lược đồ hướng gió và phân bố lượng mưa trung bình năm trên lục địa Ô-xtrây-li-a

c) Sinh vật

Nằm tách biệt với các lục địa khác từ cách đây hàng chục triệu năm, Ô-xtrây-li-a có giới sinh vật tuy nghèo về thành phần loài nhưng lại có nhiều nét đặc sắc và mang tính địa phương cao. Các loài thực vật bản địa nổi bật là keo và bạch đàn. Riêng bạch đàn có tới 600 loài khác nhau.

Giới động vật vô cùng độc đáo, đặc sắc nhất là hơn 100 loài thú có túi. Các loài động vật mang tính biểu tượng quốc gia là gấu túi, đà điểu Ô-xtrây-li-a, thú mỏ vịt, chuột túi.

a) Bạch đàn

b) Can-gu-ru

Hình 4. Một số loài sinh vật bản địa ở Ô-xtrây-li-a

? Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục c, hãy nêu những nét đặc sắc của sinh vật ở Ô-xtrây-li-a.

3 Dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá của Ô-xtrây-li-a

a) Dân cư

Ô-xtrây-li-a là nơi có ít dân sinh sống (số dân năm 2020 là 25,5 triệu người) và mật độ dân số cũng rất thấp (chỉ khoảng 3 người/km^2).

Dân cư phân bố rất không đều. Đại bộ phận dân cư tập trung ở các vùng duyên hải phía đông, đông nam và tây nam. Trái lại, nhiều khu vực rộng lớn ở sơn nguyên phía tây Ô-xtrây-li-a và vùng đồng bằng Trung tâm hầu như không có người ở.

Mức độ đô thị hoá của Ô-xtrây-li-a rất cao. Tỉ lệ dân thành thị là 86% (năm 2020). Các thành phố lớn là Xit-ni, Men-bơn, Bri-xbên, Pớc, A-đê-lai, Can-bê-ra đều nằm ở ven biển phía đông và phía nam Ô-xtrây-li-a.

Ô-xtrây-li-a là đất nước của những người nhập cư. Nơi đây đón nhận người nhập cư (đặc biệt là lao động chất lượng cao) đến từ mọi châu lục.

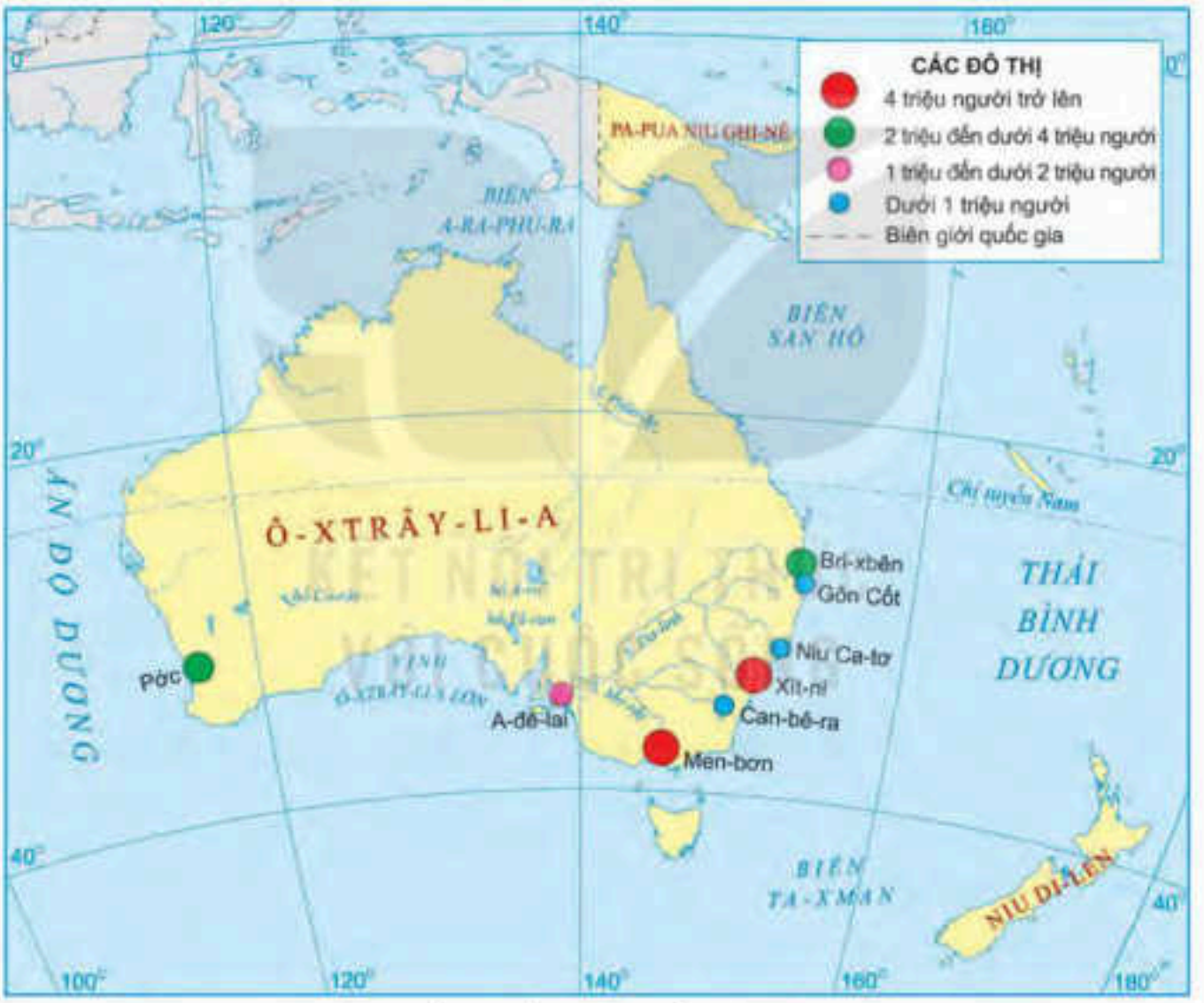

Hình 5. Lược đồ một số đô thị ở Ô-xtrây-li-a, năm 2020

? *1.* Dựa vào thông tin ở mục a, hãy nêu những đặc điểm về dân cư của Ô-xtrây-li-a.
2. Quan sát lược đồ hình 5, nêu đặc điểm phân bố các thành phố lớn ở Ô-xtrây-li-a.

b) Một số vấn đề về lịch sử và văn hoá của Ô-xtrây-li-a

– Người bản địa đã sinh sống trên lục địa Ô-xtrây-li-a từ cách đây khoảng 10 000 năm. Cuối thế kỉ XVIII, thực dân Anh xâm chiếm Ô-xtrây-li-a. Từ năm 1901, Ô-xtrây-li-a trở thành nhà nước liên bang, độc lập trong khối Liên hiệp Anh.

– Ô-xtrây-li-a là quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo, đa văn hoá. Đây là đất nước có nền văn hoá độc đáo, đa dạng nhờ tồn tại cộng đồng dân cư đa sắc tộc (hơn 150 sắc tộc cùng sinh sống). Ở đây có sự dung hoà giữa nhiều nét văn hoá khác nhau trên thế giới với văn hoá bản địa. Bên cạnh tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức, còn có hơn 300 loại ngôn ngữ khác được sử dụng trong giao tiếp (tiêu biểu là tiếng Hoa, tiếng I-ta-li-a, tiếng A-rập, tiếng Hy Lạp, các ngôn ngữ bản địa,...).

? Đọc thông tin trong mục b, hãy trình bày một số nét độc đáo về lịch sử và văn hoá của Ô-xtrây-li-a.

4 Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a

Để phù hợp với điều kiện khí hậu khô hạn, đồng cỏ thưa,... ngành chăn nuôi gia súc (đặc biệt là cừu) được chú trọng phát triển. Chăn nuôi gia súc theo hình thức chăn thả là phổ biến, ngoài ra còn chăn nuôi trong các trang trại hiện đại, sử dụng công nghệ cao. Các loại cây ưa khô, có khả năng chịu hạn được trồng theo hình thức quảng canh. Ở những nơi đất tốt, khí hậu thuận lợi, được sự hỗ trợ của hệ thống thuỷ lợi đã hình thành các nông trại trồng lúa mì, nho, cam,... Các cơ sở chế biến sản phẩm nông nghiệp (sản xuất len, chế biến thịt, sữa, rượu vang,...) nằm gần các cảng biển để phục vụ xuất khẩu. Một số vấn đề trong sản xuất nông nghiệp đang rất được quan tâm là bảo vệ nguồn nước, chống hạn hán, chống nhiễm mặn.

Em có biết?

Việc sử dụng và khai thác tài nguyên thiên nhiên vào mục đích kinh tế ở Ô-xtrây-li-a diễn ra muộn nhất so với các châu lục có dân khác. Phải từ khi người châu Âu đặt chân đến thì các ngành trồng trọt, chăn nuôi, khai thác khoáng sản,... mới được tiến hành.

Hình 6. Chăn thả cừu ở bang Vích-to-ri-a

Việc khai thác khoáng sản được tiến hành từ lâu ở Ô-xtrây-li-a. Hiện nay, Ô-xtrây-li-a vẫn là nước xuất khẩu nhiều khoáng sản (sắt, chì, thiếc, vàng, than đá, khí tự nhiên,...). Tuy nhiên, những năm gần đây tốc độ khai thác khoáng sản đã giảm, đồng thời phát triển các ngành công nghiệp chế tạo để nâng cao giá trị xuất khẩu.

Đất nước Ô-xtrây-li-a cũng rất phát triển du lịch để khai thác tiềm năng thiên nhiên độc đáo của mình. Đây là một trong những quốc gia phát triển du lịch bậc nhất thế giới.

? Đọc thông tin và quan sát hình ảnh trong mục 4, hãy phân tích phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a.

Luyện tập – Vận dụng

1. Dựa vào bản đồ hình 1, hãy xác định vị trí các khu vực địa hình, khoáng sản của Ô-xtrây-li-a.
2. Nguyên nhân nào dẫn đến sự độc đáo về dân cư, xã hội ở Ô-xtrây-li-a?

Tìm hiểu và nêu một số nét về mối quan hệ (kinh tế, xã hội,...) giữa hai nước Việt Nam và Ô-xtrây-li-a.

Bài 19 CHÂU NAM CỰC

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.
- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.
- Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực.
- Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.

Trong các châu lục trên thế giới, cho đến nay chỉ có một châu lục duy nhất chưa có dân cư sinh sống thường xuyên, đó là châu Nam Cực.

Hoàn cảnh nào khiến cho cả một châu lục rộng tới hơn 14 triệu km² mà hầu như vắng bóng con người?

Em có biết?

Ngày 1-12-1959, có 12 quốc gia kí "Hiệp ước châu Nam Cực" quy định việc khảo sát châu Nam Cực chỉ giới hạn trong mục đích vì hoà bình, không công nhận những đòi hỏi phân chia lãnh thổ, tài nguyên ở châu Nam Cực.

1 Lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực

Năm 1820, hai nhà hàng hải người Nga là Bê-linh-hao-den và La-da-rép đã phát hiện ra lục địa Nam Cực. Đến năm 1900, nhà thám hiểm người Na Uy là Boóc-rơ-grê-vim đã đặt chân tới lục địa Nam Cực.

Người đầu tiên tới được điểm cực Nam của Trái Đất là nhà thám hiểm A-mun-sen người Na Uy (cùng các đồng đội) vào ngày 14-12-1911.

Hình 1. Một trạm nghiên cứu ở châu Nam Cực

Từ năm 1957, việc nghiên cứu châu Nam Cực mới được xúc tiến mạnh mẽ và toàn diện. Hằng năm, có khoảng 1 000 – 5 000 người thuộc nhiều quốc gia luân phiên tới sinh sống và làm việc tại các trạm nghiên cứu phân bố rải rác khắp châu lục.

? Đọc thông tin trong mục 1, hãy nêu các mốc lớn trong lịch sử khám phá, nghiên cứu châu Nam Cực.

2 Vị trí địa lí

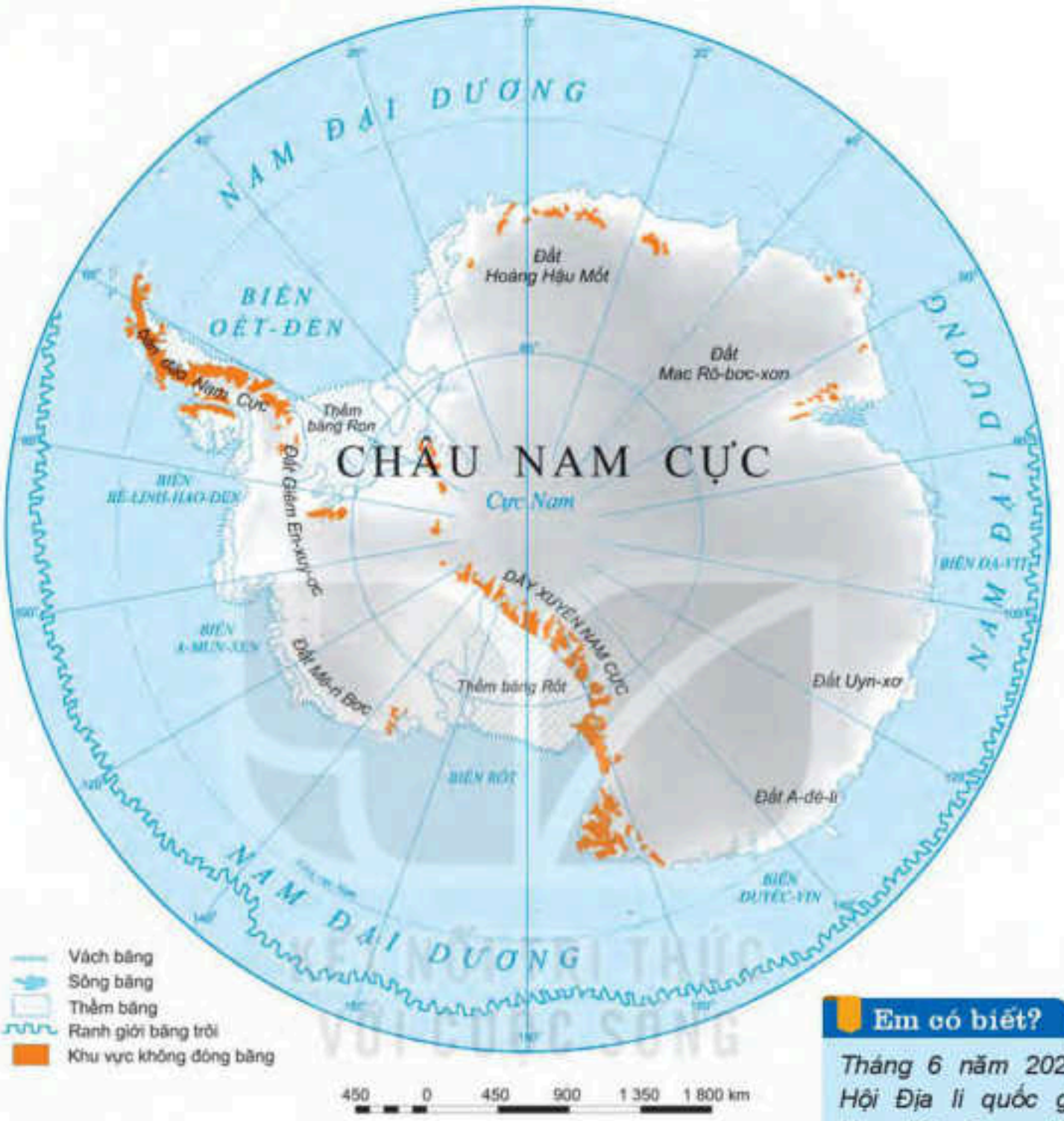

Hình 2. Bản đồ châu Nam Cực

Em có biết?

Tháng 6 năm 2021, Hội Địa lí quốc gia Hoa Kỳ công nhận Nam Đại Dương là đại dương thứ năm trên thế giới.

Châu Nam Cực gồm lục địa Nam Cực và các đảo ven lục địa, tổng diện tích hơn 14 triệu km² (đứng thứ tư trong các châu lục trên thế giới).

Đại bộ phận diện tích của lục địa Nam Cực nằm trong phạm vi phía nam của vòng cực Nam. Châu Nam Cực được bao bọc bởi đại dương và nằm cách xa với các châu lục khác.

? Dựa vào thông tin trong mục 2 và bản đồ hình 2, hãy:

– Xác định trên bản đồ vị trí của châu Nam Cực.

– Cho biết vị trí địa lí ảnh hưởng như thế nào tới khí hậu của châu Nam Cực.

3 Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

a) Đặc điểm tự nhiên

– Về địa hình: Toàn châu Nam Cực được coi là một cao nguyên băng khổng lồ, 98% bề mặt bị phủ bởi lớp băng dày trung bình trên 1 720 m, khiến cho độ cao trung bình lên tới hơn 2 040 m, cao nhất trong các châu lục. Lớp phủ băng làm cho bề mặt châu lục tương đối bằng phẳng.

Hình 3. Băng hà và chim cánh cụt ở châu Nam Cực

– Về khí hậu: Nam Cực là châu lục lạnh và khô nhất thế giới. Nhiệt độ trên lục địa Nam Cực không bao giờ vượt quá 0°C. Nhiệt độ thấp nhất đo được trong năm 1967 là -94,5°C. Lượng mưa, tuyết rơi rất thấp, ở vùng ven biển chỉ dưới 200 mm/năm; vào sâu trong lục địa, lượng mưa, tuyết rơi còn thấp hơn nhiều.

Nam Cực là vùng khí áp cao, gió từ trung tâm lục địa thổi ra với vận tốc thường trên 60 km/giờ; đây là nơi có gió bão nhiều nhất thế giới.

– Về sinh vật: Do điều kiện sống khắc nghiệt nên giới sinh vật ở châu Nam Cực hết sức nghèo nàn. Gần như toàn bộ lục địa Nam Cực là một hoang mạc lạnh, hoàn toàn không có thực vật và động vật sinh sống; chỉ ở ven lục địa mới có một số loài thực vật bậc thấp (rêu, địa y, tảo, nấm) và một vài loài động vật chịu được lạnh (chim cánh cụt, chim biển, hải cẩu,...). Giới động vật ở vùng biển phong phú hơn trên lục địa do khí hậu ấm áp hơn và nguồn thức ăn cũng phong phú hơn. Động vật biển nổi bật là cá voi xanh.

? Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục a, nêu đặc điểm tự nhiên của châu Nam Cực.

b) Tài nguyên thiên nhiên

Châu Nam Cực là nơi dự trữ nước ngọt lớn nhất Trái Đất, chiếm khoảng 60% lượng nước ngọt trên Trái Đất.

Những nghiên cứu sơ bộ cho thấy lục địa Nam Cực giàu các loại khoáng sản như than đá, sắt, đồng. Vùng thềm lục địa có tiềm năng về dầu mỏ, khí tự nhiên.

? Dựa vào thông tin trong mục b, hãy kể tên các tài nguyên thiên nhiên ở châu Nam Cực.

4 Kịch bản về sự thay đổi thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu

Do có tính nhạy cảm cao, thiên nhiên châu Nam Cực dễ thay đổi khi có biến đổi khí hậu. Theo tính toán của các nhà khoa học, đến cuối thế kỉ XXI, nhiệt độ ở châu Nam Cực sẽ tăng 0,5°C, lượng mưa cũng tăng lên, mực nước biển sẽ dâng thêm 0,05 – 0,32 m. Nhiều hệ sinh thái sẽ mất đi nhưng lại xuất hiện các đồng cỏ ở vùng ven biển. Lớp băng phủ ở vùng trung tâm sẽ dày thêm do có nước mưa cung cấp.

Em có biết?

Lớp băng phủ trên lục địa Nam Cực thường xuyên di chuyển từ vùng trung tâm ra biển; băng bị vỡ ra, tạo thành các núi băng trôi trên biển, rất nguy hiểm cho tàu thuyền qua lại.

Hình 4. Băng trôi ở Nam Cực

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

? Đọc thông tin trong mục 4, cho biết kịch bản về sự thay đổi thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.

Luyện tập – Vận dụng

- Trình bày một trong các đặc điểm tự nhiên: địa hình, khí hậu, sinh vật ở châu Nam Cực.
- Tìm hiểu về tác động của việc tan băng ở châu Nam Cực do biến đổi khí hậu toàn cầu đối với thiên nhiên hoặc con người trên Trái Đất.

CHỦ ĐỀ CHUNG

1

CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ

Học xong bài này, em sẽ:

- Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.
- Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: C. Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ph. Ma-gien-lăng vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).
- Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.

Em hãy kể tên sáu châu lục trên Trái Đất. Trong tiến trình lịch sử, để phát triển kinh tế, con người luôn có nhu cầu kết nối và giao lưu rộng mở giữa các châu lục. Trong quá trình đó, từ nửa cuối thế kỉ XV, các nhà thám hiểm phương Tây thông qua các cuộc phát kiến địa lí đã phát hiện ra nhiều vùng đất mới. Hãy chia sẻ những điều em biết về một số cuộc phát kiến địa lí lớn và tác động của nó đối với tiến trình lịch sử.

1 Nguyên nhân và điều kiện của các cuộc đại phát kiến địa lí

Từ giữa thế kỉ XV, do sự phát triển của nền sản xuất ở các nước Tây Âu nên nhu cầu về nguyên liệu, vàng bạc và mở rộng thị trường ngày một gia tăng.

Trong tưởng tượng của người Tây Âu lúc bấy giờ, phương Đông như một thế giới thần tiên giàu có, "khắp mặt đất đều là vàng, còn các loại hương liệu thì ngoài đồng nội đâu đâu cũng có".

(Theo Lưu Minh Hàn (Chủ biên), Phong Đào (dịch), *Lịch sử thế giới, Tập 2: Thời trung cổ*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, tr.513)

Tuy nhiên, thời kì đó, các con đường buôn bán truyền thống từ châu Âu sang phương Đông qua Địa Trung Hải,... bị người Ả Rập và Thổ Nhĩ Kỳ độc chiếm, hàng hoá của thương nhân bị cướp đoạt một cách vô lí. Nhu cầu tìm kiếm một con đường khác để sang phương Đông được đặt ra cấp thiết hơn bao giờ hết.

Lúc đó, từ quan niệm đúng đắn về hình dạng Trái Đất và hiểu biết về các đại dương, người châu Âu đã vẽ được bản đồ, hải đồ có ghi các vùng đất, hòn đảo, bến cảng,...

Các nhà hàng hải cũng bắt đầu nghiên cứu các dòng hải lưu, hướng gió,... Cuối thế kỉ XV, la bàn nam châm được sử dụng một cách phổ biến để đi trên sông, biển khi không có Mặt Trời hay trăng, sao.

Đặc biệt, kĩ thuật đóng tàu lúc đó có những bước tiến mới, đóng được những con tàu dài có bánh lái và hệ thống buồm lớn để vượt đại dương (như tàu Ca-ra-ven).

Hình 1. Tàu Ca-ra-ven (tranh vẽ)

Sự bảo trợ của một số nhà nước phong kiến ở châu Âu cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc phát kiến địa lí.

? 1. Vì sao đến thế kỉ XV việc tìm đường biển sang phương Đông của người Tây Âu được đặt ra cấp thiết?

2. Phân tích những yếu tố tác động đến các cuộc phát kiến địa lí trong lịch sử.

2 Một số cuộc đại phát kiến địa lí

Với vị trí địa lí thuận lợi, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha là những nước tiên phong trong các cuộc thám hiểm, khám phá những vùng đất mới.

Hình 2. Lược đồ một số cuộc phát kiến địa lí lớn

a) C. Cô-lôm-bô và cuộc thám hiểm tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502)

Tháng 8 – 1492, trên ba chiếc tàu, C. Cô-lôm-bô cùng đoàn thuỷ thủ Tây Ban Nha rời cảng đi về hướng tây. Sau hơn hai tháng lênh đênh trên biển, ông và đoàn thuỷ thủ dũng cảm đã đến được một số đảo thuộc vùng biển Ca-ri-bê ngày nay. Ông đinh ninh rằng đã tới "Đông Ấn Độ", nhưng thực ra đó là vùng đất mới – châu Mỹ. C. Cô-lôm-bô được coi là người phát hiện ra châu lục này. Tiếp theo, ông còn tiến hành ba cuộc thám hiểm đến châu Mỹ vào các năm 1493, 1498 và 1502.

Em có biết?

C. Cô-lôm-bô (1451 – 1506) là người I-ta-li-a. Ông đã sang Tây Ban Nha vận động tài trợ và được nhà vua nước này phê chuẩn kế hoạch thám hiểm theo hướng tây để đến Ấn Độ.

Hình 3. C.Cô-lôm-bô (1451 – 1506)

b) Cuộc thám hiểm vòng quanh Trái Đất của Ph. Ma-gien-lăng (1519 – 1522)

Tháng 9 – 1519, đoàn thám hiểm của Ph. Ma-gien-lăng gồm năm chiếc tàu ra khơi từ Tây Ban Nha, cũng nhằm tìm kiếm tuyến đường biển theo hướng tây tới quần đảo Gia vị (thuộc In-đô-nê-xi-a ngày nay). Sau khi khám phá ra eo biển nằm ở cực Nam châu Mỹ (sau này được gọi là eo biển Ma-gien-lăng), đoàn thám hiểm tiến vào một đại dương rộng lớn mà Ph. Ma-gien-lăng gọi là Thái Bình Dương. Trải qua nhiều ngày lênh đênh trên biển, đoàn đã đến được Phi-lip-pin (cuối năm 1520).

Em có biết?

Ph. Ma-gien-lăng là một nhà thám hiểm hàng hải người Bồ Đào Nha nhưng sau đó đã sang Tây Ban Nha nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ cho chuyến đi đến "quần đảo Gia vị".

Em có biết?

Cuối năm 1520, khi tới quần đảo Phi-lip-pin, Ph. Ma-gien-lăng nhận thấy vùng biển ở đây khá bình yên và lặng gió nên đã đặt tên cho vùng biển này là "Thái Bình Dương" có nghĩa là vùng biển yên bình. Tuy nhiên, Thái Bình Dương không phải lúc nào cũng "thái bình". Đây là đại dương mà sóng thần, động đất đã tàn phá nhiều hòn đảo và làng mạc nhất.

Hình 4. Ph. Ma-gien-lăng (1480 – 1521)

Tại đây, Ph. Ma-gien-lăng đã thiệt mạng trong cuộc đụng độ với thổ dân. Các thuỷ thủ trong đoàn tiếp tục hành trình trở về Tây Ban Nha (9 – 1522) dưới sự chỉ huy của S. Ê-ca-nô. Chuyến đi này đã chứng minh một cách thuyết phục nhất Trái Đất có dạng hình cầu.

? 1. Mô tả hành trình các cuộc đại phát kiến địa lí của C. Cô-lôm-bô và Ph. Ma-gien-lăng trên lược đồ.

2. Nêu ý nghĩa của hai cuộc đại phát kiến địa lí.

3 Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí

Về kinh tế, các cuộc đại phát kiến địa lí đã góp phần mở rộng phạm vi buôn bán trên thế giới, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của thương nghiệp và công nghiệp. Nhờ vậy tầng lớp thương nhân và chủ xưởng sản xuất,... ở Tây Âu trở nên giàu có.

Các cuộc phát kiến địa lí đem lại cho loài người hiểu biết về những con đường mới, vùng đất mới,... Từ đó, sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc được tăng cường và mở rộng.

Tuy nhiên, trong sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, người lao động (nhất là nông dân) ngày càng bị bần cùng hoá.

Các cuộc phát kiến địa lí cũng đã dẫn đến nạn buôn bán nô lệ và làm nảy sinh quá trình cướp bóc thuộc địa.

Hình 5. Tàu buôn bán nô lệ da đen (tranh vẽ)

? Hãy phân tích những tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.

Luyện tập – Vận dụng

1. Trong những tác động của các cuộc phát kiến địa lí đối với lịch sử, theo em, tác động nào là quan trọng nhất? Vì sao?

2. Là một người dân châu Á, em có suy nghĩ gì về sự có mặt của người châu Âu ở các nước châu Á sau các cuộc phát kiến địa lí?

3. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet về C. Cô-lôm-bô, Ph. Ma-gien-lăng và đánh giá công lao của họ.

CHỦ ĐỀ CHUNG

2

ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI

Học xong bài này, em sẽ:

- Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể).
- Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại; vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại.

A-ten (Hy Lạp) là một trong những thành phố lớn và lâu đời nhất của châu Âu và thế giới. Thời cổ đại, A-ten được coi là "cái nôi" của văn minh phương Tây, cũng là nơi sản sinh ra nền dân chủ. Vậy, A-ten và những đô thị phương Tây cổ đại đã hình thành như thế nào, có điều gì khác biệt so với các đô thị cổ đại ở phương Đông? Những đô thị cổ đại có mối quan hệ ra sao đối với các nền văn minh ở các khu vực? Giới thương nhân đã có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của đô thị châu Âu thời trung đại?

Hình 1. Toàn cảnh thành phố A-ten hiện nay (Hy Lạp)

1 Đô thị và sự hình thành các nền văn minh cổ đại

a) Đô thị và các nền văn minh cổ đại phương Đông

• *Điều kiện địa lí và lịch sử*

Từ khoảng thiên niên kỉ IV TCN đến thiên niên kỉ III TCN, trên lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á, châu Phi như: sông Nin (ở Ai Cập), sông Ti-gơ-rơ và Ơ-phơ-rát (ở Lưỡng Hà), sông Ấn, sông Hằng (ở Ấn Độ),... đã có cư dân tập trung sinh sống. Họ canh tác nông nghiệp trên những đồng bằng màu mỡ, phì nhiêu, chăn nuôi gia súc, dệt vải, làm đồ gốm,...

Do sản xuất dần phát triển, dân số tăng lên, những khu định cư nhỏ ban đầu đã dần mở rộng thành các khu dân cư đông đúc và có sự phân công lao động. Từ đó, hình thành các đô thị (thành thị) cổ đại như: Ba-bi-lon (ở vùng Lưỡng Hà), Mem-phit (ở Ai Cập), Mô-hen-giô Đa-rô (ở Ấn Độ),...

Khoảng 5 000 – 6 000 năm trước, các ngôi làng của người Xu-me ở phía nam vùng Lưỡng Hà đã phát triển thành thành phố. Trong đó, nổi bật nhất là U-rúc, có đến 40 000 – 50 000 cư dân, sau đó đến những thành phố khác như E-ri-đu, Ba-bi-lon,...

• *Mối quan hệ giữa đô thị cổ và nền văn minh cổ đại phương Đông*

Là trung tâm hành chính, quân sự, đầu mối kinh tế và giao thông của các quốc gia cổ đại, những đô thị cổ gắn liền với sự hưng thịnh và suy tàn của các nền văn minh đầu tiên ở phương Đông.

Nền văn minh sông Ấn (khoảng 2 800 năm đến 1 800 năm TCN) còn được gọi là văn minh Ha-ráp-pa và Mô-hen-giô Đa-rô, theo tên của hai thành thị cổ được xây dựng ở ven bờ sông Ấn. Khi những thành thị này suy tàn cũng đã khép lại thời kì văn minh sông Ấn rực rỡ.

Hình 2. Đô thị cổ Mô-hen-giô Đa-rô (phục dựng)

? 1. Hãy nêu và phân tích những điều kiện địa lí và lịch sử dẫn đến sự hình thành các đô thị ở phương Đông thời cổ đại.

2. Các đô thị cổ ở phương Đông có vai trò như thế nào trong sự hình thành và phát triển các nền văn minh cổ đại?

b) Đô thị và các nền văn minh Hy Lạp, La Mã cổ đại

• *Điều kiện địa lí và lịch sử*

Ở Hy Lạp, La Mã cổ đại, đất đai khô cằn chỉ thích hợp trồng những cây lâu năm. Bù lại, nơi đây có nhiều vũng, vịnh thuận lợi cho việc hình thành những hải cảng. Chính những hải cảng này đã trở thành trung tâm của các đô thị.

Do sống gần biển, lại có nhiều mỏ khoáng sản nên cư dân ở đây sớm phát triển mạnh hoạt động buôn bán hàng hải và sản xuất thủ công nghiệp.

1. *Thành thị A-ten có nhiều mỏ sắt, mỏ bạc, có những cảng rộng và sâu, thuận lợi cho sự phát triển của công thương nghiệp và giao thương hàng hải. Cảng Pi-rê ở A-ten là trung tâm thương mại lớn nhất của thế giới cổ đại. Thuyền bè và lái buôn từ khắp các nơi đến cập bến ở đây rất đông. Hàng hoá trao đổi rất phong phú, trong đó quan trọng nhất là nô lệ.*

(Theo Chiêm Tế, *Lịch sử thế giới cổ đại*, Tập 2, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, tr.34, 68).

• *Mối quan hệ giữa đô thị cổ và nền văn minh Hy Lạp, La Mã*

Các đô thị ở Hy Lạp, La Mã cổ đại đều đóng vai trò là trung tâm kinh tế, chính trị của nhà nước, đồng thời cũng đặt nền tảng cho sự hình thành và phát triển của các nền văn minh.

Văn minh Hy Lạp, La Mã dựa trên sự phát triển của nền kinh tế công thương nghiệp. Cùng với đó, không khí dân chủ tại các đô thị đã tạo điều kiện cho những sáng tạo văn học, nghệ thuật, triết học, khoa học – kĩ thuật,... nảy nở. Nhiều thành tựu văn hoá rực rỡ còn được bảo tồn và phát huy giá trị to lớn đến tận ngày nay.

? 1. Khai thác tư liệu 1 và thông tin trong mục, hãy cho biết điều kiện địa lí và lịch sử có ảnh hưởng như thế nào đến sự hình thành các đô thị ở Hy Lạp và La Mã cổ đại.

2. Đô thị ở Hy Lạp và La Mã cổ đại có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của các nền văn minh cổ đại ở châu Âu?

2 Các đô thị châu Âu thời trung đại và vai trò của giới thương nhân

a) Sự ra đời của các đô thị châu Âu thời trung đại

Từ thế kỉ XI, sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp trong các lãnh địa phong kiến có nhiều biến đổi.

Một số thợ thủ công đã tìm cách trốn khỏi lãnh địa hoặc dùng tiền để chuộc lại tự do. Họ tìm đến những nơi đông dân cư, gần nguồn nguyên liệu, nơi giao nhau của các trục đường chính,... nhóm nhau lại để cùng sản xuất, buôn bán. Từ đó các đô thị hình thành. Bên cạnh đó, còn có những đô thị do lãnh chúa, Giáo hội xây dựng hoặc được phục hồi từ những đô thị cổ đại.

Pa-ri là một thành phố của La Mã từ thế kỉ I, sau đó trở thành thủ đô của Vương quốc Phơ-ăng. Hình thành bên bờ sông Xen, là giao điểm của các con đường buôn bán lớn, Pa-ri trở nên giàu có nhờ thương mại. Với dân số khoảng 50 000 người (thế kỉ XII), Pa-ri trở thành trung tâm quan trọng về kinh tế, chính trị, giáo dục, tôn giáo của châu Âu.

Em có biết?

Luân Đôn được hình thành bên bờ sông Thêm vào thế kỉ I. Từ thế kỉ VII đến thế kỉ XI, những người Ăng-glô Xắc-xông đã đến đây và xây dựng thành phố của họ với số dân từ 10 000 đến 12 000 người. Vào thế kỉ XI, Luân Đôn đã có cảng biển lớn nhất nước Anh.

Hình 3. Thành phố Luân Đôn thời trung đại (tranh vẽ)

b) Vai trò của thương nhân trong các đô thị châu Âu trung đại

Trong các đô thị ở châu Âu thời trung đại, tầng lớp thương nhân dần đông hơn và có vai trò ngày càng to lớn.

Các thương nhân đã nhóm họp nhau lại, thành lập các hội buôn (thương hội) để bảo vệ lợi ích buôn bán. Hằng năm, họ còn tổ chức các hội chợ để trao đổi hàng hoá. Tại đây đã xuất hiện một số quầy đổi tiền – chính là tiền thân của các ngân hàng sau này.

Hoạt động của thương nhân và thương hội đã thúc đẩy kinh tế hàng hoá phát triển, làm tan rã dần nền kinh tế tự nhiên, đóng kín trong các lãnh địa trước đây. Việc buôn bán giữa các nước ngày càng sôi động, đặc biệt xung quanh vùng Địa Trung Hải.

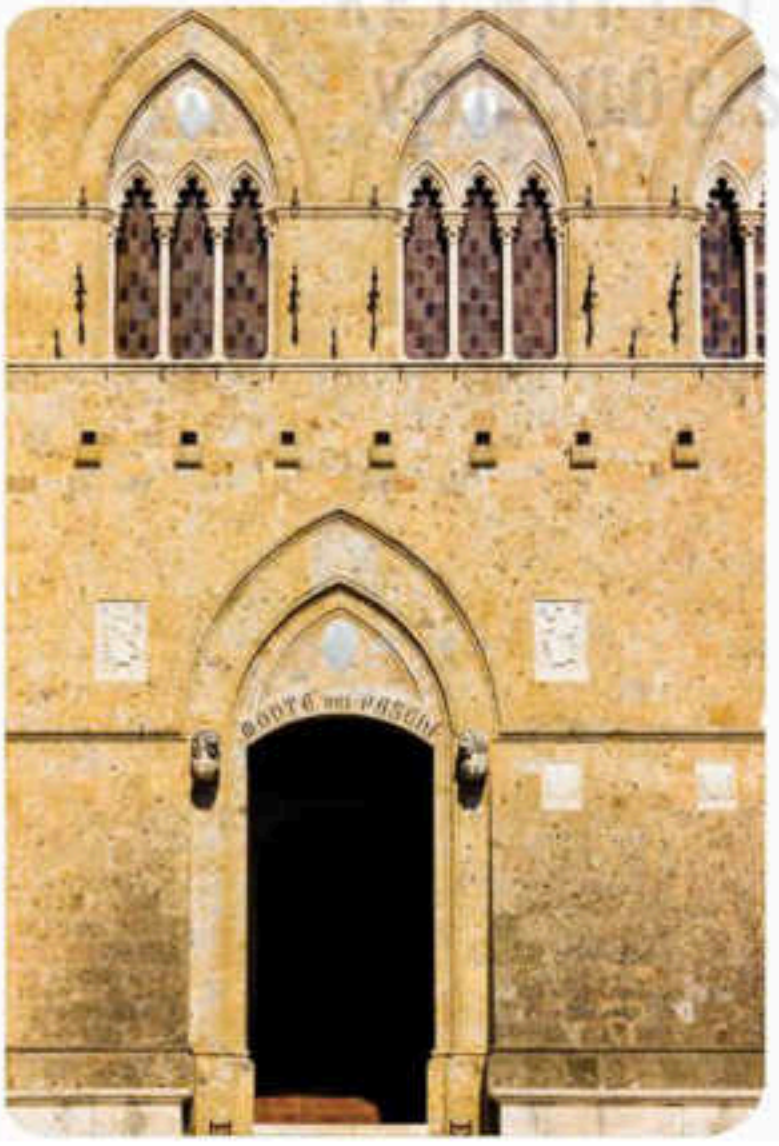

Em có biết?

Từ "ngân hàng" trong tiếng Anh là *bank*, là từ vay mượn từ từ *banca* (tiếng I-ta-li-a cổ) nghĩa là "ghế dài". Các ghế này đã được sử dụng như những quầy giao dịch đổi tiền tại các hội chợ.

Hình 4. Ngân hàng Môn-te Đây Pat-chi đi Si-ê-na (I-ta-li-a) – ngân hàng lâu đời nhất thế giới

Hình 5. Lễ hội Han-se-tic (ở Lit-va ngày nay) có truyền thống từ hội chợ thời trung đại

2. Các thương nhân I-ta-li-a, Pháp, Tây Ban Nha có thể dễ dàng theo đường sông và đường biển đến vùng Săm-pa-nhơ. Đồ gia vị, hàng hoá xa xỉ phương Đông,... rượu vang và gia súc Pháp là những hàng hoá đặc trưng của các hội chợ Săm-pa-nhơ. Thương nhân toàn châu Âu gặp gỡ nhau đều đặn ở đây nên những phiên hội chợ trở thành chu kì thanh toán tín phiếu.

(Theo Pô-li-an-xki, *Lịch sử kinh tế các nước ngoài Liên Xô*, (Trương Hữu Quỳnh dịch), NXB Khoa học xã hội, 1978, tr.412)

Thương nhân là những người có đầu óc thích khám phá, ham hiểu biết, làm giàu,... nên họ phản đối văn hoá phong kiến lỗi thời, lạc hậu và đòi hỏi xây dựng một nền văn hoá mới. Do đó, phong trào Văn hoá Phục hưng đã nảy nở, mở ra thời kì phát triển xán lạn của văn hoá phương Tây thời trung đại.

? 1. Phân tích điều kiện dẫn đến sự ra đời các đô thị trung đại ở Tây Âu.

2. Khai thác tư liệu 2 và thông tin trong mục, cho biết tầng lớp thương nhân có vai trò như thế nào đối với các đô thị trung đại ở châu Âu.

Luyện tập – Vận dụng

1. Những điều kiện địa lí và lịch sử dẫn đến sự hình thành các đô thị phương Đông và phương Tây cổ đại có những điểm gì khác nhau?

2. Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, hãy nêu ví dụ về sự phát triển hay suy tàn của một nền văn minh thời cổ đại gắn liền với sự thịnh vượng hay suy tàn của đô thị.

3. Theo em, sự phát triển của đô thị châu Âu thời trung đại gắn liền với vai trò của tầng lớp thương nhân có ý nghĩa đối với sự phát triển của các quốc gia ngày nay không? Vì sao?

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ PHẦN LỊCH SỬ

C

Cát cứ (46, 47, 85): chia cắt lãnh thổ để chiếm giữ và lập chính quyền riêng, không phục tùng chính quyền trung ương.

Cừu ăn thịt người (16): là hiện tượng các quý tộc phong kiến cướp đoạt ruộng đất của nông nô, sau đó cải tạo thành các đồng cỏ để chăn nuôi cừu lấy lông – loại hàng hoá vốn đang rất có giá trị trên thị trường châu Âu thời hậu kì trung đại.

Chế độ quân chủ (75, 77): là một thể chế chính quyền mà trong đó người đứng đầu nhà nước là một vị vua.

D

Dân binh (64, 69, 70): lực lượng vũ trang không chính quy thời xưa ở địa phương, không thoát li sản xuất, do một cá nhân hay một số người tập hợp lại. Lực lượng này tham gia những cuộc khởi nghĩa ở địa phương hoặc các cuộc chiến tranh chống xâm lược.

Đ

Đại Cồ Việt (43, 44, 48, 49, 58): tên nước ta thời Đinh – Tiền Lê và đầu thời Lý.

Địa chủ phong kiến (57, 65, 86): người chiếm hữu nhiều ruộng đất, không trực tiếp cày cấy, cho người khác (không có hay thiếu ruộng đất) cày thuê và bóc lột tô người thuê ruộng.

Điền trang (64, 65): ruộng đất tư của quý tộc, vương hầu thời Trần do khai hoang mà có.

Đồn điền (16, 17, 18, 85):

– Đất hoang được khai khẩn thời phong kiến, do nhà nước tổ chức khai hoang và trực tiếp quản lí ruộng đất khai hoang. Người đi khai hoang thường là quân lính, tù binh hay dân nghèo.

– Khu vực đất đai rộng lớn bị bọn địa chủ hay tư bản chiếm, kinh doanh sản xuất dựa trên sự bóc lột triệt để sức lao động của người làm thuê.

Đồn điền sứ (64): chức quan phụ trách công việc khai hoang thời phong kiến.

G

Giáo hội (2, 20, 21): hệ thống tổ chức riêng của các tăng lữ và tín đồ đạo Thiên Chúa, đứng đầu là Giáo hoàng ở Rô-ma.

Giáo lí (19, 21, 27): hệ thống lí luận, học thuyết, các quan niệm, quy định,... của một tôn giáo.

Giám mục (21): là chức sắc được tấn phong trong một số giáo hội thuộc cộng đồng Ki-tô giáo, nắm giữ các vị trí quan trọng trong Giáo hội.

H

Hà đê sứ (5, 85): chức quan của nhà nước phong kiến thời Trần phụ trách công việc đê điều (đắp đê, bảo vệ, tu bổ đê,...).

Hạn điền (chính sách) (75): hạn chế số ruộng đất theo quy định của nhà nước phong kiến.

Hào kiệt (79): người có tài cao, chí lớn, hơn hẳn người thường, có tiếng tăm và uy tín trong nhân dân.

Hịch (67, 69, 89): bài văn kêu gọi mọi người đứng lên làm việc nghĩa cao cả, to lớn (*Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn*).

Hoàng đế (9, 25, 29, 48, 83): vua một nước lớn, thường được nhiều nước xung quanh thần phục.

K

Khuyến nông sứ (65, 85): chức quan của nhà nước phong kiến phụ trách công việc khuyến khích phát triển nghề nông.

L

Lãnh chúa (9, 10, 11): chúa phong kiến ở châu Âu, chiếm cứ một vùng nào đó và biến thành lãnh địa riêng của mình. Lãnh chúa có toàn quyền trong lãnh địa như một ông "vua con".

Lãnh địa (9, 10, 11): vùng đất (ở Tây Âu) của lãnh chúa, được ví như một quốc gia nhỏ, hoàn chỉnh về mặt kinh tế (tự cấp tự túc), độc lập về mặt chính trị.

M

Mường (39, 40, 63):

– Đơn vị hành chính cấp cơ sở của người Lào.

– Đơn vị hành chính ở một số vùng dân tộc thiểu số miền Bắc Việt Nam, tương đương với làng, xã hay huyện (xưa là phạm vi cai quản của một chúa đất).

N

Nô lệ (9, 10, 16): tầng lớp bị trị dưới chế độ chiếm hữu nô lệ, gồm những người bị tước mất hết tư liệu sản xuất và mọi quyền tự do, bị lao động cưỡng bức, bị chủ đem trao tặng, mua bán,...

Nô tì (50, 57, 65, 74, 86): người đầy tớ phục dịch trong nhà hay trong điền trang thái ấp, bị bóc lột nặng nề trong các gia đình quý tộc, quan lại thời phong kiến. Ở Việt Nam, chế độ nô tì phát triển vào thời Lý – Trần.

Nông nô (1, 9, 10, 16, 65): nông dân trong lãnh địa phong kiến châu Âu, mà cuộc sống bị gắn chặt vào ruộng đất của lãnh chúa và phải nộp tô, thuế nặng nề cho lãnh chúa. Họ có thể bị lãnh chúa đem bán, tặng hoặc chuyển nhượng cùng với ruộng đất mà họ canh tác.

P

Phong kiến phân quyền (12): chế độ phong kiến mà trong đó nhà vua chỉ có danh chứ không có thực quyền cai trị toàn quốc; quyền lực bị phân tán cho các lãnh chúa ở các địa phương.

Phong kiến tập quyền (12): chế độ phong kiến trong đó tập trung mọi quyền hành vào tay nhà vua.

Phường hội (7): hình thức tổ chức sản xuất của thợ thủ công trong các thành thị châu Âu thời phong kiến, bao gồm những thợ có cùng nghề nghiệp để giữ độc quyền sản xuất, bảo vệ quyền lợi, chống lại sự áp bức, sách nhiễu của lãnh chúa. Phường hội đặt ra những quy chế riêng. Trong phường hội có thợ cả, thợ bạn, thợ học nghề; quan hệ mang tính chất gia trưởng.

S

Sát Thát (69): hai chữ Hán mà binh sĩ thời Trần thích vào cánh tay mình để thể hiện quyết tâm giết giặc Mông Cổ (Thát hay Thát Đát là phiên âm chữ Tác-ta, vốn là bộ lạc người Tuyếc ở Mông Cổ. Quân Mông Cổ phần nhiều là người Tác-ta).

Sở hữu (quyền) (64, 75): quyền sử dụng, bán, cho người khác một vật nào đó *(Quyền sở hữu ruộng đất)*.

Suy tàn (22): suy yếu và tàn lụi dần, đi đến sụp đổ.

Sứ quân (6, 47): tên gọi do người đời sau dùng để chỉ các nhân vật, tướng lĩnh hay quý tộc có thế lực nổi dậy cát cứ một địa phương trong thời kì loạn lạc cuối thời Ngô ở Việt Nam.

T

Tôn thất (63): người thuộc dòng dõi hoàng tộc.

Thái ấp (63, 65): số ruộng đất của quý tộc, vương hầu, quan lại được nhà vua cấp hẳn làm bổng lộc, thuộc quyền sở hữu của người được cấp.

Thái sư (50, 57, 69): viên quan đứng đầu các quan lại trong triều đình (Thái sư Trần Thủ Độ thời Trần).

Thái Thượng hoàng (63): nhà vua sau khi đã nhường ngôi cho con, nhưng vẫn cùng vua con trông coi chính sự.

Thương hội (177): tổ chức của thương nhân thời trung đại nhằm giữ độc quyền buôn bán những mặt hàng nhất định và khống chế giá cả, chống lại sự sách nhiễu của lãnh chúa phong kiến, bảo vệ quyền lợi của thương nhân,...

Tư liệu sản xuất (16): là nguyên liệu, công cụ lao động,... dùng để sản xuất ra các sản phẩm có giá trị kinh tế.

V

Vương triều (33, 44, 64, 73, 74, 77, 90, 91): triều đại hoặc triều đình phong kiến

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ PHẦN ĐỊA LÍ

B

Bán đảo (96): bộ phận đất liền nhô ra biển hoặc đại dương có ba mặt tiếp giáp với nước, còn một mặt gắn với lục địa.

Bảo vệ môi trường (104): tập hợp các biện pháp giữ gìn, sử dụng hoặc phục hồi một cách hợp lí sinh giới (vi sinh vật, thực vật, động vật) và môi sinh (đất, nước, không khí, lòng đất, khí hậu,...), nghiên cứu thử nghiệm thiết bị sử dụng tài nguyên thiên nhiên, áp dụng công nghệ ít có hoặc không có phế liệu,... nhằm tạo ra một không gian tối ưu cho cuộc sống của con người.

Bồn địa (110): địa hình trũng, thấp, dạng lòng chảo hình thành do kết quả của nhiều quá trình địa chất như sự sụt lún của một bộ phận vỏ Trái Đất, sự bào mòn của băng hà,...

C

Cảnh quan (theo nghĩa rộng) (113): toàn cảnh của một vùng, một khu vực trên bề mặt Trái Đất có những đặc điểm nhất định về thiên nhiên, động vật, thực vật, khí hậu, thuỷ văn, thổ nhưỡng, môi trường,...

Châu lục (96): bộ phận của thế giới bao gồm nhiều quốc gia nằm trên các đại lục và các đảo phụ thuộc.

Chủng tộc (115): một quần thể hay những nhóm người hình thành trong lịch sử trên một lãnh thổ nhất định cùng chung về một số đặc điểm mang tính di truyền (màu da, tóc, mũi,...) liên quan đến nguồn gốc, môi trường sống, phong tục tập quán,...

Cơ cấu dân cư (cơ cấu dân số) (101): Sự phân chia tổng số dân của một nước hay một vùng thành các nhóm, các bộ phận theo một tiêu chí đặc trưng nhất định gọi là cơ cấu dân số.

D

Dân cư (101): tất cả những người dân sinh sống trên một lãnh thổ.

Di dân (hay chuyển cư) (134): di chuyển dân cư trong nội bộ quốc gia (từ nông thôn ra thành thị và ngược lại, hoặc từ vùng này sang vùng khác), từ nước này sang nước khác (di dân quốc tế).

Đ

Đài nguyên (đồng rêu) (100): cảnh quan ở những vùng gần cực hay trên đỉnh của những dãy núi cao. Thực vật chủ yếu là rêu, địa y và cây bụi thấp.

Ấn Độ giáo (đạo Hin-đu) (116): tôn giáo chính, cổ xưa nhất của người Ấn Độ. Đạo Hin-đu không có người sáng lập, không có giáo chủ, không có giáo điều mà chỉ là sự tổng hợp các hệ tín ngưỡng, triết học được hoàn thiện dần dần trong lịch sử của Ấn Độ.

Đô thị hoá (102): quá trình phát triển các thành phố trong một quốc gia hoặc quá trình làm cho các điểm quần cư có tính chất đô thị.

Đô thị hoá tự phát (152): sự phát triển thành phố do tăng quá mức dân cư đô thị và do dân di cư từ các vùng khác đến, đặc biệt là từ nông thôn, dẫn tới nạn thất nghiệp, thiếu nhà ở, dịch bệnh,... Đô thị hoá tự phát thường xảy ra ở nước chậm phát triển, ở những nơi có mức sống quá chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

E

Eo đất (139): dải đất hẹp phân cách hai biển và nối hai vùng đất rộng hoặc hai lục địa với nhau.

G

Gấu túi (159): loài thú đặc trưng chỉ sống ở Ô-xtrây-li-a, có bộ lông mềm, màu xám, dưới bụng có một túi ấp để nuôi con.

Gió mùa (111): gió thay đổi hướng theo mùa, hướng gió thịnh hành thay đổi mạnh từ mùa đông sang mùa hè và gần như ngược chiều nhau. Gió mùa có đặc trưng là thổi theo một hướng khá ổn định trong mỗi mùa.

H

Hoang mạc hoá (132): quá trình và hiện tượng đất bị khô cằn, cây cỏ tự nhiên không mọc lại được, cây trồng không trồng lại được.

K

Ki-tô giáo (116): tôn giáo xuất hiện vào đầu Công nguyên. Từ thế kỉ III trở thành quốc giáo của La Mã và là một trong những tôn giáo có nhiều tín đồ nhất trên thế giới.

L

Lục địa (96): khối đất liền lớn trên bề mặt Trái Đất, xung quanh có biển và đại dương bao bọc.

M

Mật độ dân số (116): số dân trung bình sống trên một đơn vị diện tích lãnh thổ (đơn vị: người/km^2).

N

Nhập cư (103): sự di chuyển nơi cư trú của những người từ nơi khác đến một lãnh thổ nào đó hoặc của những người nước ngoài không có quốc tịch của một nước nào đó đến để định cư vì các lí do khác nhau như kinh tế, chính trị, tôn giáo, chủng tộc. Nhập cư có thể hợp pháp hoặc trái phép.

Núi già (98): được hình thành từ thời cổ đại. Các khối núi này đã bị bào mòn, hạ thấp độ cao và có hình dáng mềm mại.

Núi trẻ (98): được hình thành trong thời gian gần đây. Các núi trẻ ít bị bào mòn, hình dáng núi còn sắc sảo với các đỉnh cao và nhọn.

Ô

Ô liu (137): một loài cây thân gỗ, mọc ở vùng Địa Trung Hải, hạt dùng để ép lấy dầu ăn.

P

Phát kiến địa lí (139): thuật ngữ dùng có tính quy ước để chỉ những phát hiện mới về địa lí của các nhà thám hiểm châu Âu ở thế kỉ XV – XVI trong việc tìm đường mới sang phương Đông để tìm châu báu, hương liệu,...

R

Rừng lá cứng (100): rừng phát triển ở vùng cận nhiệt đới có mùa đông mưa nhiều và mùa hè khô nóng, với thành phần thực vật là loài cây có lá thường xanh, cứng, có lớp sáp che phủ.

Rừng lá kim (rừng tai-ga) (99): rừng của môi trường ôn đới lạnh, gồm các cây có lá hình kim.

Rừng hỗn hợp (Rừng hỗn giao) (99): rừng của môi trường ôn đới, vừa có cây lá rộng, vừa có cây lá kim, xanh quanh năm.

Rừng lá rộng (99): rừng của môi trường ôn đới, gồm các cây có lá rộng bản, rụng lá về mùa đông.

T

Thảo nguyên (100): đồng cỏ vùng ôn đới, có khí hậu hanh khô, ít mưa.

Tây Á (121): theo phân chia của Liên hợp quốc, Tây Á bao gồm các nước A-rập Xê-út, I-rắc, Ca-ta, Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất (UAE), Ba-ranh, Cô-oét, Ô-man, Y-ê-men, Xi-ri, Li-băng, Gioóc-đa-ni, Pa-le-xtin, I-xra-en, Thổ Nhĩ Kỳ, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Gru-di-a. Trước đây, Tây Á còn gọi là Tây Nam Á.

V

Vành đai xanh (137): tên một dự án trồng hàng triệu cây xanh tạo thành bức tường tự nhiên dài hơn 8 000 km chạy từ đông sang tây của lục địa Phi, được khởi động từ năm 2007. Dự án này nhằm mục đích ngăn chặn sự mở rộng của hoang mạc Xa-ha-ra.

BẢNG PHIÊN ÂM PHẦN LỊCH SỬ

Phiên âm	Nguyên ngữ	Trang
A		
A-cơ-ba	Akbar	29, 31, 32, 33
A-gian-ta	Ajanta	23, 33, 34
Ăng-co	Angkor	39, 40, 41, 42, 43, 93, 94
Ăng-co Thom	Angkor Thom	41, 43
Ăng-co Vát	Angkor Wat	34, 35, 41, 43
Ăng-glô Xắc-xông	Anglo-Saxon	9, 173
Áp-sa-ra	Apsara	93
A-ten	Athens	170, 171
A-út-thay-a	Autthaya	36
Ả Rập	Arabian	31, 166
B		
B. Đi-a-xơ	B.Dias	14, 15
Bà La Môn	Brahman	32
Ba-bi-lon	Babylon	171
Ba-ran	Baran	30
Ba-ray	Baray	42
Bô-lô-na	Bologna	13
Boóc-nê-ô	Borneo	36
Bru-nây	Brunei	36
Bru-nô	G.Bruno	20
C		
C. Cô-lôm-bô	Christopher Columbus	8, 14, 15, 167, 168, 169
C. Mác	Karl Marx	12
Ca-li-cút	Calicut	15
Cam-pu-chia	Cambodia	3, 34, 35, 36, 37, 38, 40-43, 93
Ca-pu-át	Kapuat	36
Ca-ra-ven	Caravel	166, 167
Ca-ri-bê	Caribe	168
Chăm-pa	Champa	4, 35, 41, 43, 58, 64, 69, 70, 74, 84, 89, 90-94
Chao Phray-a	Chao Phraya	35, 36, 43
Cô-péc-nich	Copernicus	20, 22
Đ		
Đan-tê	Dante	19

Phiên âm	Nguyên ngữ	Trang
Đa-vít	David	20
Đê-li	Delhi	23, 29, 30-33
Đôn Ki-hô-tê	Don Quixote	19, 20
Đông Ti-mo	Timor-Leste	36
E		
E-ri-đu	Eridu	171
Ê-ca-nô	Elcano	169
G		
Ga-li-lê	Galile	20, 22
Ga-ru-đa	Garuda	90
Giăng Can-vanh	Jean Calvin	21
Gia-va	Giava	36, 37
Giay-a-vác-man	Jayavarman	42
Giéc-man	German	9, 10
Giê-ru-sa-lem	Jerusalem	11
Giê-su	Jesus	11
Giu-li-ét	Juliet	19
Gúp-ta	Gupta	23, 29, 30, 32, 33
Giô-han Gớt	Johann Wolfgang von Goethe	32
H		
Hác-sa	Hacsa	23
Han-se-tic	Hansetic	174
Hăm-buốc	Hamburg	9
Hăm-lét	Hamlet	19
Ha-ráp-pa	Harappa	171
Ha-ri-pun-giay-a	Haripunjaya	35
Hi-ma-lay-a	Himalayas	29, 30
Hin-đi	Hindi	32
Hin-đu	Hindus	32, 43, 94
I		
In-đô-nê-xi-a	Indonesia	36-38, 168
I-ra-oa-đi	Irrawaddy	35, 36
I-ta-li-a	Italia	10, 13, 19, 20, 27, 173, 174
K		
Ka-li-đa-sa	Kalidasa	32
Kê-đa	Keda	36
Kha-giu-ra-hô	Khajuraho	32

Phiên âm	Nguyên ngữ	Trang
Khơ-me	Khmer	35, 42, 43, 93
Ki-tô	Kito	11
L		
Lê-ô-na đơ Vanh-xi	Leonardo da Vinci	19, 22
Li-a	Lia	19
Lit-va	Litva	174
Li-xbon	Lisbon	14, 15
M		
M. Xéc-van-tét	Miguel de Cervantes	19, 22
Mác-cô Pô-lô	Marco Polo	92
Mác-tan	Mactan	167
Ma-gien-lăng	Magellan	14, 15, 167-169
Ma-ki-a-vê-li	Machiavelli	20
Ma-lắc-ca	Malacca	36, 37, 38
Ma-lu-ku	Maluku	167
Ma-lai-xi-a	Malaysia	36, 37, 38
Mác-tin Lu-thơ	Martin Luther	21
Mem-phit	Memphis	171
Mê-ru	Meru	43
Mi-an-ma	Myanmar	35-38, 41
Mi-ken-lăng-giơ	Michelangelo	18, 20
Môn-tê Đây Pat-chi đi Si-ê-na	Monte dei Paschi di Siena	173
Mô-gôn	Mogul	23, 29, 31, 32, 33
Mô-giô-pa-hit	Majapahit	36
Mô-hen-giô Đa-rô	Mohenjo-daro	171
N		
Ne-ga-rắc Re-ta-ga-ma	Negarak Retagama	38
Ơ		
Ơ-phơ-rát	Euphrates	171
Ô		
Ô-ten-lô	Othello	19
P		
Pa-gan	Bagan	35
Pa-le-xtin	Palestin	11
Pa-lốt	Palos	14
Pa-ri	Paris	172
Pha Ngứm	Phraya Fa Ngum	39
Phi-lip-pin	Philippines	36, 168

Phiên âm	Nguyên ngữ	Trang
Phơ-răng	Franks	9, 10, 172
Phi-ren-xê	Florence	12
Pi-rê	Pyrenees	172
Pô-klong Ga-rai	Po Klong Garai	93
Pô-na-ga	Ponaga	92
Pô-li-an-xki	Polianxki	174
R		
Rô-ma	Roma	8
Rô-mê-ô	Romeo	19
S		
Sác-lơ-ma-nhơ	Charlemagne	9, 10
Săm-pa-nhơ	Champenois	174
San-đra Gúp-ta	Sandra Gupta	30
Sa-ra-na	Sarana	93
Sa-ra-va-ti	Saravati	93
Sếch-xpia	Shakepeare	19, 22
Su-khô-thay	Sukhothay	36, 37
Sơ-kun-tơ-la	Sakuntala	32
Sri Vi-giay-a	Srivijaya	35
Si-va-sa-xa-na	Sivasaxana	36
Si-va	Siva	92
T		
Ta-giơ Ma-han	Taj Mahan	23
Tam-bra-lin-ga	Tambralinga	36
Ti-gơ-rơ	Tigris	171
Tôn-đô	Tondo	36
Tôn-gu	Tongu	36
Top-ka-pi	Topkapi	85
U		
U-rùc	Uruk	171
V		
Va-ti-căng	Vatican	18
Va-xcô đơ Gama	Vasco da Gama	14, 15
Vi-giay-a	Vijaya	35, 89-91
Vit-ten-béc	Wittenberg	21
X		
Xích-xtin	Sistine	18, 20
Xin-ga-po	Singapore	37
Xu-ma-tra	Sumatra	36
Xu-me	Sumer	171
Xen	Seine	172

BẢNG PHIÊN ÂM PHẦN ĐỊA LÍ

Phiên âm	Nguyên ngữ	Trang
A		
A-côn-ca-goa	Aconcagua	140
A-déc-bai-gian	Azerbaijan	118
A-dơ-tếch	Aztec	153
A-đê-lai	Adelaide	160
A-ma-dôn	Amazon	151, 152
A-mê-ri-gô	Amerigo	141
A-mu Đa-ri-a	Amu Darya	120
A-mun-sen	Amundsen	162
A-pa-lát	Appalachian	142
Áp-ga-ni-xtan	Afghanistan	118
A-ran	Aral	113, 120
A-ráp	Arabian	121
A-rập Xê-út	Saudi Arabia	116, 118
A-ra-bi-ca	Arabica	136
A-ta-ca-ma	Atacama	149
Ác-mê-ni-a	Armenia	118
Ác-tê-di-an	Artesian	158
An-đét	Andes	149, 151
An-giê-ri	Algeria	137
Anh-điêng	Indian	145, 152
An-pơ	Alps	98, 99
An-tai	Altai	120
B		
Ba-ranh	Bahrain	118
Bác-li	Barkly	158
Bai-can	Baykal	113
Ban-căng	Balkan	98
Ban-ga-lo	Bangalore	117
Băng-la-đét	Bangladesh	117, 118
Bê-linh-hao-den	Bellingshausen	162
Boóc-rơ-grê-vin	Borchgrevink	162
Bô-li-vi-a	Bolivia	149
Bra-ma-pút	Brahmaputra	122
Bra-xin	Brazil	150, 151

Phiên âm	Nguyên ngữ	Trang
Bri-xbên	Brisbane	160
Bru-nây	Brunei	109, 118
Brúc-xen	Bruxelles	108
Bu-đa-pét	Budapest	99
Bu-tan	Bhutan	118
C		
Ca-dắc-xtan	Kazakhstan	118
Ca-li-man-tan	Kalimantan	109, 127
Ca-na-đa	Canađa	142
Ca-na-van	Carnival	154
Ca-ny-on	Canyon	142
Ca-ra-si	Karachi	117
Ca-ta	Qatar	118, 121
Ca-xpi	Caspian	99, 113
Các-pát	Carpathian	98
Cam-pu-chia	Campuchia	118
Can-bê-ra	Canberra	160
Can-gu-ru	Kangaroo	159
Cáp-ca	Kavkaz	121
Coóc-đi-e	Cordie	142
Cô-la	Cola	132
Cô-lôm-bi-a	Colombia	153, 154
Cô-pen-ha-ghen	Copenhagen	104
Côn	Koln	103
Côn-ca-ta	Kolkata	117
Công-gô	Congo	130
Cô-oét	Kuwait	118, 121
Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô	Christopher Columbus	139
Cư-rơ-gư-xtan	Kyrgyzstan	118
Đ		
Đa-nuýp	Danube	96, 97
Đắc-ca	Dhaka	117
Đê-can	Deccan	122
Đê-li	Delhi	117

Phiên âm	Nguyên ngữ	Trang
Đông Ti-mo	Timor-Leste	118
E		
E-xki-mô	Eskimo	145
Ê		
Ê-ri-ê	Erie	143
Ê-ti-ô-pi-a	Ethiopian	136
G		
Ghi-nê	Guinea	130
Gia-các-ta	Jakarta	117
Gi-da	Giza	134
Gioóc-đa-ni	Jordan	118
Gla-xgâu	Glasgow	100
Gran Ca-ny-on	Grand Canyon	142
Gru-di-a	Georgia (Gruzia)	118
Guy-a-na	Guiana	150
H		
Hi-đê-ra-bát	Hyderabad	117
Hi-ma-lay-a	Himalaya	110, 122
Hung-ga-ri	Hungary	99
Hu-rôn	Huron	143
I		
I-ê-nit-xây	Yenisey	119
In-ca	Inca	153, 154
In-đô-nê-xi-a	Indonesia	109, 117
I-rắc	Iraq	118, 121
I-ran	Iran	118, 122
I-ra-oa-đi	Ayeyarwaddy	125
I-ta-li-a	Italy	145
I-xra-en	Israel	118
I-xtan-bun	Istanbul	117
K		
Kê-ni-a	Kenya	136
Kếp-tao	Cape Town	137
Ki-li-man-gia-rô	Kilimanjaro	129
Ki-tô	Khristos	116

Phiên âm	Nguyên ngữ	Trang
Kim-bơc-li	Kimberley	158
L		
La Pla-ta	La Plata	151
La-da-rép	Lazarev	162
La-ho	Lahore	117
La-tinh	Latin	152, 153
La-ti-nô	Latino	154
Lê-na	Lena	119
Li-băng	Lebanon	118
Li-vơ-pun	Liverpool	103
Lốt An-giơ-lét	Los Angeles	146
M		
Ma-chu Pi-chu	Machu Picchu	154
Ma-đa-ga-xca	Madagascar	127
Ma-lai-xi-a	Malaysia	109, 118
Ma-rốc	Marocco	136
Man-đi-vơ	Maldives	118
Ma-ni-la	Manila	117
Mác-ken-đi	Mackenzie	143
May-a	Maya	153
Men-bơn	Melbourne	160
Mê-la-nê-di	Melanesia	157
Mi-an-ma	Myanmar	114, 118
Mi-crô-nê-di	Micronesia	157
Mi-si-gân	Michigan	143, 147
Mi-xi-xi-pi	Mississippi	143
Mit-xu-ri	Missouri	143
Môn-gô-lô-it	Mongoloid	115
Môn-trê-an	Montreal	146
Mum-bai	Mumbai	117
N		
Nê-grô-it	Negroid	145
Nê-pan	Nepal	118
Ni-giê-ri-a	Nigeria	135
Nin	Nile	130
Niu Di-len	New Zealand	157
Niu Ghi-nê	New Guinea	127

Phiên âm	Nguyên ngữ	Trang
Niu Oóc	New York	146
O		
Oa-sinh-tơn	Washington	147
Ô		
Ô-bi	Ob'	119
Ô-đét-xa	Odessa	100
Ô-man	Oman	118
Ô-ri-nô-cô	Orinoco	151
Ô-ru-rô	Oruro	154
Ô-xa-ca	Osaka	117
Ô-xtra-lô-it	Australoid	115
Ô-xtrây-li-a	Australia	156, 157
Ôn-ta-ri-ô	Ontario	143
Ơ		
Ơ-phrát	Euphrates	121
Ơ-rô	Euro	108
Ơ-rô-pê-ô-it	Europeoid	103, 115
P		
Pa-ki-xtan	Pakistan	117, 118
Pa-le-xtin	Palestine	116, 118
Pa-mia	Pamir	120
Pa-na-ma	Panama	139
Pa-pi-rút	Papyrus	134
Pa-rin-tin	Parintins	154
Pam-pa	Pampas	151
Péc-xích	Persian	121
Pê-ru	Peru	154
Phi-lip-pin	Philippines	117, 118
Pớc	Perth	160
Pô-li-nê-di	Polynesia	157
Ptô-lê-mê	Ptolemaeus	156
R		
Rai-nơ	Rhine	96, 99
Rô-ma	Rome	100
Rúp en Kha-li	Rub al Khali	121

Phiên âm	Nguyên ngữ	Trang
S		
Sê-ren-ge-ti	Seregeti	132
Si-ca-gô	Chicago	146
T		
Tan-da-ni-a	Tanzania	132, 136
Tan-ga-ni-ca	Tanganyika	130
Tát-gi-ki-xtan	Tajikistan	118
Ti-grơ	Tigris	121
Tô-ky-ô	Tokyo	117
Tuốc-ca-na	Turkana	130
Tuốc-mê-ni-xtan	Turkmenistan	118
U		
U-dơ-bê-ki-xtan	Uzbekistan	118
U-gan-đa	Uganda	132
U-lu-ru	Uluru	158
U-ran	Ural	96, 98
Uy-ni-péc	Winnipeg	144
V		
Van-đai	Valdai	99
Véc-khôi-an	Verkhoyansk	111
Vích-to-ri-a	Victoria	158, 161
Vôn-ga	Volga	96, 99
X		
Xa-ha-ra	Sahara	130, 133
Xcan-đi-na-vi	Scandinavia	98
Xen-nai	Chennai	117
Xi-bia	Siberian	111, 113
Xin-ga-po	Singapore	118, 126
Xi-ri	Syria	118
Xít-ni	Sydney	160
Xri Lan-ca	Sri Lanka	118
Xưa Đa-ri-a	Syr Darya	120
Y		
Y-ê-men	Yemen	118

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG – TRƯƠNG THỊ THU HIỀN
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: TRẦN LINH CHI – THÁI THANH VÂN
Thiết kế bản đồ: PHẠM VĂN HẢI
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM – TẠ THỊ HƯỜNG
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7
Mã số: G1HH7U001H22
In ... bản, (QĐ ...) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in: ...
Địa chỉ: ...
Số ĐKXB: 146-2022/CXBIPH/18-48/GD.
Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm 2022
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2022
Mã số ISBN: 978-604-0-30717-0